

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Nguyễn Khải (I)**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Nguyễn Mạnh Khải. Sinh ngày 3.12.1930 ở Bùi Chu, Ninh Bình.

#### **Tác phẩm**

Thượng đế thì cười, Đi tìm cái tôi đã mất, Mùa lạ, Chuyện nghề, Xung đột.



### **Mục Lục**

Vài hàng về tác giả – 2

**Tự bạch- 3**

Về tiểu thuyết “Thượng Đế Thì Cười” của...- Vương Trí Nhàn – 4

**Đi tìm cái tôi đã mất - 8**

Dại khôn Nguyễn Khải – Nguyễn Đăng Mạnh – 27

**Sự già chừa thắm và ông đại tá về hưu - 31**

Mùa xuân thăm nhà văn Nguyễn Khải - Trần Mạnh Hào - 49

#### **Phụ đính:**

**Đi tìm cái tôi đã mất của Nguyễn Khải - Nhớ Nguyễn Khải**

**Nguyễn Khải suy ngẫm về cuộc đời và văn chương**

**Một cách nghĩ khác về Nguyễn Khải**

**Trở lại cái thời lãng mạn về tiểu thuyết...**

**Nguyễn Khải nhà văn - Nguyễn Khải và nổi hào hứng viết...**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả



*Cha và Con...và họ hàng*  
*Hết bay mùa thóc đến Mùa Lạc*  
*Xung Đột* mỗi ngày thêm gay gắt  
Muốn làm *Cách Mạng* nhưng lại dốt!

*Cha và Con*, *Mùa Lạc*, *Xung Đột* và *Cách Mạng* là tên những tác phẩm của Nguyễn Khải. Nguyễn Khải là cháu bên ngoại của nhà văn Hồ Dzếnh.

Trong thời kỳ chiến tranh Nam-Bắc, Nguyễn Khải viết nhiều. Nhưng sau chiến tranh, ông trở về công tác ở Hội Nhà Văn, ông dần biến đổi cả về văn phong lẫn nhân cách.

Trong bài viết “*Vài kỷ niệm về làng văn*” của Bùi Minh Quốc, Ông được xem như:

*Một người ích kỷ, lương lẽ chỉ vì cá nhân mình.*

\*\*\*

Có thể về già, lương tâm cắn rứt, Nguyễn Khải viết bài sám hối:

*“...Hễ có dịp được viết bài hay phát biểu trước đám đông về những lỗi lầm văn nghiệp của bạn bè, tôi thường dùng câu chữ ác độc để chứng minh sự sắc xảo khôn ngoan của mình. Nói danh bằng cách dẫm đạp lên tử thi của người khác quả là ghê tởm, nhưng đáng tiếc...!”*

Lý Hồng Nhân (trích trong *Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn* với Xuân Sách)

\*\*\*

Phụ chú:

Do bám sát với hiện thực thời sự, ở một thời kỳ lịch sử dài, dẫu là người sáng suốt, tinh táo, thời gian với những thay đổi thường xuyên và lớn lao của thời cuộc, đã bộc lộ khá nhiều ngộ nhận và ngây thơ của tác giả trong nhiều tác phẩm đã viết. Mấy năm gần đây, nhà văn đã có dịp tìm về những địa chỉ xưa, đối diện với các nguyên mẫu cũ, có cuộc gặp không vui vẻ gì, nhưng khi dừng cảm nhận ra những hạn chế của mình, ông vẫn có niềm an ủi là trong những hoàn cảnh bất khả kháng, nhà văn vẫn giữ được cái nhìn nhân hậu, thấu đáo với những gì chưa hoàn thiện của nhân vật.

Nguyễn Khải: Vào bộ đội năm 16 tuổi. Trong Kháng chiến chống Pháp: Làm y tá. Thư ký tòa soạn báo Chiến sĩ Khu Ba. 1955: Về trại viết truyện anh hùng của Tổng cục Chính trị. Tham gia Ban biên tập tờ Sinh hoạt văn nghệ, sau đổi thành Tạp chí *Văn nghệ quân đội* từ 1957. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam-1957. Phần lớn thời gian ở trong Ban sáng tác. Năm 1988 chuyển ngành ra Hội Nhà văn Việt Nam lúc đang mang quân hàm Đại tá. Ủy viên BCH Hội Nhà văn Việt Nam các khóa 2-3-4.

## Tự bạch

Cũng như nhiều người viết khác, tôi vào nghề văn bằng một truyện ngắn được đăng trên tạp chí Lúa Mới của Chi hội Văn nghệ khu Ba, khoảng cuối năm 1950. Năm sau lại viết một truyện vừa, năm 1955 lại viết một truyện vừa nữa. Cả truyện ngắn lẫn truyện vừa viết trong khoảng thời gian này đều thất bại, không le lói một chút tài năng viết lách nào, như một người không có duyên với văn chương. Không ngờ cuối năm 1956 lại viết được truyện ngắn năm vạ, năm sau viết được tiểu thuyết xung đột, được bạn bè trong nghề bắt đầu chú ý. Nên tôi coi truyện ngắn năm vạ là truyện chính thức trình làng, truyện vào nghề của mình. Từ bấy đến nay, trong bốn mươi ba năm, tôi viết được khoảng bảy chục truyện ngắn, nay tuyển lại được non nửa, in làm một tập để bạn đọc tiện theo dõi hành trình sáng tạo của một tác giả.

Trong ba mươi năm làm biên tập tạp chí Văn nghệ Quân đội, tôi được dành hầu hết thời gian cho việc đi và viết, là người viết chuyên nghiệp, không phải làm bất cứ việc nào khác của cơ quan. Nếu phải làm cũng là do bị ép buộc, làm đâu hỏng đấy nên không được anh em tín nhiệm, rút lại vẫn chỉ có một việc làm thông thạo là đi và viết cho tới tận bây giờ. Có những năm tôi vừa viết truyện ngắn cho tạp chí vừa viết tiểu thuyết, lại có những năm chỉ viết tiểu thuyết không viết truyện ngắn và có cả chục năm chỉ viết có truyện ngắn không hề đụng bút đến truyện dài. Đó là tùy sự cảm hứng của từng thời kỳ, tôi không bao giờ tự ép nếu không thấy thích, không thấy cần.

Nhưng tiểu thuyết và truyện vừa, truyện ngắn của tôi không bao giờ bắt đầu từ sự tưởng tượng hoàn toàn, từ sự mộng mơ hoàn toàn. Tôi chỉ có thể đặt bút viết nếu tôi được chạm vào người, vào việc và những cảnh ngộ có thật trong cuộc sống. Tất nhiên không phải nhìn vào đâu, gặp bất cứ ai, nghe bất cứ chuyện gì đều có thể viết thành truyện được cả. Mà chỉ những người, những việc, những cảnh ngộ có dính líu ít nhiều tới tiểu sử của tôi, những kỷ niệm xa gần của tôi hoặc một nguyện vọng, một mơ tưởng đã khao khát từ năm còn trai trẻ. Mỗi lần đi tôi đều ghi chép rất tỉ mỉ như một nhà báo vì tôi có trí nhớ kém. Nhưng đó chỉ là sự bắt đầu, sự gợi ý, cái nháng lửa đầu tiên, còn khi ngòi bút đã lia trên trang giấy thì mọi nhân vật đều là những hóa thân của tôi cả. Tôi chỉ mượn có cái vỏ, cái xác của người này người kia còn cái hồn phải là của chính mình. ở cô Đào (Mùa Lạc), cái Tám (Đứa con nuôi), Hòa (Bố con) đều có một phần tôi trong đó. Trong truyện ngắn Hai ông già ở đồng tháp mười, phần nào ao ước của tôi là ông già trưởng trạm máy kéo, phần đã có những năm tháng trải qua là ông già thư ký gặp nhiều bất hạnh. Cặp vợ chồng ở chân động từ thức thì tôi chính là anh thương binh mù dẫu rằng chưa bao giờ tôi phải sống trong cảnh ngộ đó. Nhưng cái tính khăng khai của một người có quá

nhiều lòng tự trọng nên phải nhận phần thua thiệt thì chính tôi đã có lúc được ném trái. Trong LãnG tử, hình ảnh một anh chàng lãng du, thích sống một cuộc đời phiêu lưu, tự do, nhàn tản cũng là tôi nốt, nhưng là cái tôi của ao ước, của mơ mộng bởi cuộc sống hàng ngày của mình quá buồn, quá nhạt. Còn trong ông cháu, có lúc tôi là ông già, có lúc tôi là đứa trẻ, mỗi dòng đều có tâm sự của chính mình.

Nếu một truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết chỉ có chuyện của mình thì mạng sống của nó không thể dài hơn một bài báo. Nó chỉ có thể cho người đọc một số thông tin nào đó, là cái báo chí có thể cung cấp đầy đủ hơn, người đọc biết xong là quên liền chứ không thể tạo được một ám ảnh lâu dài. Mọi truyện ngắn và tiểu thuyết của tôi, nói cho cùng đều là tôi cả hoặc có thể là tôi, nên có những truyện được viết cách đây đã trên dưới bốn chục năm, nay đọc lại vẫn đem lại cho tôi những cảm nghĩ của bây giờ, những xúc động của bây giờ.

Những truyện ngắn in trong tập này xếp theo thứ tự thời gian sáng tác. Những sáng tác lúc trẻ thì tươi hơn nhưng những sáng tác lúc về nhà lại chứa đựng nhiều chiêm nghiệm, nó là một đời người thấm vào từng con chữ.

Người viết có thể viết hay lúc trẻ mà cũng có thể viết hay cả lúc già, miễn là thời nào ra thời ấy, khi trẻ thì văn chớ nên quá già, lúc già đừng nên viết câu văn quá trẻ, phải luôn luôn là chính mình, lúc thơ ngây lúc từng trải, lúc vui lúc buồn, bao giờ cũng tự nhiên, thành thực.

Một tác giả khi tuyển lại những tác phẩm của một đời viết thường nghĩ một cách chủ quan, một cách thơ ngây là những truyện đã chọn đều hay cả, đều xứng đáng giới thiệu với bạn đọc cả. Cho dù người ấy đã rất tinh táo cũng khó mà nhận ra những cái dở của văn mình. Thì các cụ đã nói: "văn mình..." Cái thói xấu ấy cũng rất "người", rất mong bạn đọc rộng lượng.

## Về tiểu thuyết “Thượng đế thì cười” của Nguyễn Khải Vương Trí Nhàn



*Ở tuổi bảy mươi, một người cha trong một gia đình xưa nay vốn êm ấm, tự nhiên có bà vợ ngày ngày dạy dút chì chiết ông, nghi ngờ rằng ông không thương yêu gì bà, không hiểu hết công lao hàn gắn của vợ con, lại có lúc còn lơ mơ nhìn theo những bóng dáng qua lại ngoài đường.*

Cái đau ở chỗ ông già nói ở đây vốn là một người đứng đắn, mẫu mực trong việc chăm sóc cửa nhà. Ông cảm thấy mình “không xứng” với cái bi kịch mà mình đã rơi tõm vào đó. Con người suy nghĩ nơi ông - nhân vật vốn là một nhà văn - nhân cơ hội này nhớ lại những bước đường vẻ vang của một cuộc đời liên tục phấn đấu và đã có nhiều thành đạt. Từ thuở còn trẻ, ông đã từng lập bao kỳ tích trong nghề, và do đó được cả thiên hạ bái phục. Ngoài tài năng bẩm sinh, ông còn có một cách sống khôn ngoan. Nói chung ông biết bỏ cái nhỏ lo cái lớn. Ông không màng danh lợi. Giữa lúc mọi người đua chen, ông chỉ lo viết. Tuy trong bụng thừa hiểu mình tài lớn thế nào, song luôn luôn ông tỏ ra khiêm tốn bằng cách nhắc đi nhắc lại rằng mình viết được là do hoàn cảnh quá thuận lợi. Ông sẵn sàng lắng nghe và chấp nhận sự phê phán,

để rồi tiếp tục viết như đã viết. Ông lại biết lấy lòng cả những người kém tài hơn mình. Tóm lại có hàng trăm câu chuyện đủ sức chứng minh ông thường xuyên đi guốc vào bụng thiên hạ và có cách sống hợp thời. Như thế mà sự rắc rối lại đổ lên đầu ông là nghĩa thế nào, thật cuộc đời này phi lý quá, ông chỉ còn có cách phì cười, bái phục đấng tạo hóa đã chọn đúng ông để hành hạ!

#### Những dấu ấn thời đại

Dù được gọi là tiểu thuyết hay là gì gì nữa, thực chất của TĐTC vẫn là cuốn sách trong đó một con người mang quá khứ của mình ra để kể với bạn đọc. Câu chuyện ở đây liên quan tới sự hình thành và bám trụ của một người cầm bút: nguyên có đưa con người này đến nghề văn; những tín hiệu nghề nghiệp mà hắn - đại từ mà Nguyễn Khải đã dùng - tuân theo; những mối quan hệ (quan hệ với cấp trên, với dư luận, với đồng nghiệp) hắn phải đối mặt. Và tất cả hiện ra với cái vẻ riêng chỉ thời bấy giờ mới có. Ngược với những kẻ vừa làm vừa xấu hổ, nhân vật ở TĐTC công khai nói rằng sáng tác văn chương là một phần của công tác tuyên huấn, đến với nghề văn là để phục vụ, người thành công là người mang cả tâm huyết vào công việc. Theo tác giả, sự tự đồng nhất với những ý niệm lớn lao là "khuyh hướng cách mạng bẩm sinh của các nghệ sĩ". Bao giờ họ cũng là những chiến binh tình nguyện của cuộc đấu tranh cho quyền tự do dân chủ của con người. Ở chỗ này phải nhận ngòi bút tác giả có một sự minh bạch, rành rẽ hiếm thấy. Với Nguyễn Khải, chúng ta có một kiểu định nghĩa về người viết văn thời nay, và đọc TĐTC mới hiểu làm nhà văn là khó đến mức nào, mỗi người tồn tại được đến ngày hôm nay thật đã đáng để khâm phục.

#### Cần thiết cho ai?

Khi nhớ lại những cuốn tiểu thuyết viết về lớp người cầm bút trong văn học Việt Nam trước 1945, người ta có thể kể ra mấy cuốn tiểu thuyết như *Trên đường sự nghiệp* của Nguyễn Công Hoan, *Mực mài nước mắt* của Lan Khai, *Bức đồng* của Đỗ Đức Thu... Từ sau 1945, tác phẩm viết về chính người viết hơi hiếm, thay vào đó lại có những hồi ký: *Bốn mươi năm nói láo* (Vũ Bằng), *Đời viết văn của tôi* (Nguyễn Công Hoan), *Cát bụi chân ai* (Tô Hoài)... Trong hoàn cảnh ấy, TĐTC của Nguyễn Khải là một đóng góp mới, có liên quan tới lớp nhà văn chỉ bắt đầu viết từ sau 1945. Như trên vừa nói, giá trị dễ nhận ra nhất của cuốn sách là ở cái phần tài liệu. Nó có khả năng giúp cho thầy trò trong các nhà trường hiểu rõ nhiều tác phẩm của Nguyễn Khải lâu nay vẫn được mang ra giảng dạy. Có điều, văn đàn không phải là một thứ bực giảng ở trường phổ thông, và so với một ít lời tâm sự thông thường thì những nhu cầu mà người ta muốn biết về một nhà văn trong một tác phẩm gọi là tổng kết đời mình - nếu trước mắt ta là một nhà văn thực thụ, nhà văn theo nghĩa cao đẹp nhất của hai chữ này - cao hơn, phức tạp hơn nhiều. Trong cái việc đưa bạn đọc cùng suy nghĩ lại về những bước đi của quá khứ, mỗi người viết tự truyện có dịp bộc lộ toàn bộ cái bản lĩnh trong suốt cuộc đời người ấy đã thu góp được. Nếu không có được sự thăng hoa, thì ở đây họ cũng phải có những cố gắng vượt bậc. Những tài liệu nghiên cứu về lịch sử thể loại cho chúng ta biết rằng thể tài này đã có từ văn học cổ đại phương Tây, và ngay trong thời trung cổ nó vẫn tiếp tục tồn tại, nhiều thầy tu về cuối đời đã tìm ra cách để ghi chép bước đường phấn đấu của cá nhân họ trên con đường đến với chúa. Bước sang thời hiện đại, hồi ký tự truyện lại càng phát triển. Từ chỗ tìm cách tự đồng nhất với các loại thần thánh và xem đó là con đường duy nhất khiến mình trở thành chính mình, nhân vật của các hồi ký giờ đây phải đứng vững ở vị trí của một con người, tức đối mặt với chính giá trị bản thân sẵn có. Nhu cầu tự nhận thức được đưa lên hàng đầu, mà trong việc này, tư duy phê phán sẽ đóng vai trò một công cụ hiệu nghiệm. Song cái sự tự phê phán cũng mang lại cho nhân vật của các cuốn tự truyện thời nay nhiều sự phiền hà. Họ thường xuyên rơi vào tình trạng bất hòa với mình. Họ biết rằng ở mình có cả những cái rất cao cả lẫn những cái trần tục. Họ hoang mang, họ lúng túng. Thậm chí chính mình là ai họ cũng không biết. Câu hỏi họ tiếp theo câu hỏi kia. Sự không thỏa mãn là một nét đặc trưng làm nên vẻ đẹp của những con người sáng suốt. Một người nổi tiếng là khôn, là giỏi thích nghi, thậm chí là quay quắt như I.

Ehrenburg, nhiều lần trong tập hồi ký *Con người năm tháng cuộc đời*, bảo rằng mình là một người bề ngoài u ám nhưng thực ra lại nông nổi nhẹ dạ. Và trong khi kể lại nhiều sự kiện bản thân từng chứng kiến, ông nói thẳng rằng chính ra ông cũng không biết thực chất con người ấy, sự việc ấy là như thế nào. Một nhân vật lúc trẻ cũng đầy tự hào như L. Aragon về già cay đắng khái quát: “Cuộc đời tôi giống như một trò chơi đáng sợ mà tôi hoàn toàn thua cuộc. Tôi đã bê gãy, đã làm hỏng cuộc đời của mình tới cái mức giờ đây hết bề cứu vãn”. Bản thân Elsa Triolet vợ Aragon cũng thú nhận: “Tôi thích đeo đồ nữ trang, chồng tôi cũng là một thứ đồ nữ trang, - tôi là một con mẹ trần tục, một *madame* tầm thường, vớ vẩn”. Những lời thú nhận như thế không hạ giá nhân vật mà chỉ làm cho người đọc thêm thông cảm với họ và tìm đọc họ. Khi người viết đặt ra mục đích viết tự truyện để khai phá lại, nhận thức lại đường đời của mình thì cũng là lúc một cuộc phiêu lưu thực sự mở ra với cả người đọc.

Đọc TĐTC mà đối chiếu với những yêu cầu này thì thấy tác giả đi theo một hướng khác hẳn: Nhân vật chính thấy có nhu cầu tuyên bố về mình, vinh hiển hóa mình, nhưng lại e làm thế sẽ mang tiếng là kiêu căng, nên ngả sang vòng vo kể lể tâm sự. Chiếm vai trò trung tâm trong câu chuyện là các ca, các trường hợp có liên quan đến sự kiên cường của nhân vật và sự liên tục của hắn trong việc theo đuổi niềm tin. Đằng sau những chiến công cụ thể là ý thức rõ ràng của nhân vật về ưu thế của bản thân, cái ưu thế khiến nhân vật không thấy có gì phải vươn lên mà chỉ cố cúi thấp xuống cho vừa với hoàn cảnh. Câu chuyện không được tác giả bố trí thành lớp lang rõ rệt theo một quá trình phát triển cụ thể, mà các chương chỉ nối đuôi nhau để dần dà đi sâu vào những khía cạnh khác nhau trong quan niệm sống và phép xử thế của nhân vật. Tức là về mặt bố cục, truyện có tính chất trích mảnh. Thời gian kéo dài theo một cái mạch đều đều, không có những điểm dừng, những bước ngoặt rõ rệt. Không rõ tác giả có cố ý nghĩ thế không, song qua cách trình bày như hiện nay, cứ thấy toát ra một điều: ông muốn nói cuộc đời mình không có chuyển biến đáng kể, không có cao trào, lại càng không có những bước nhằm bước hụt nên không có gì phải hối tiếc. Nhìn lại nó, trong lòng ông không thấy dỗi lên những câu hỏi và dù khách quan đến đâu, ông cũng không thể tìm ra điều gì gọi là đáng trách. Sự ân hận không có trong kho từ ngữ của ông. Công thành danh toại, ông thấy không cần phải che giấu mà còn muốn nói to lên rằng bản thân rất hài lòng rất mãn nguyện với quá khứ. Bề nào mà xét cũng thật khó lòng nói nhân vật tự truyện ở đây có cách nghĩ hiện đại, và từ chỗ đứng của đời sống hiện đại mà tâm sự trò chuyện với bạn đọc.

Đánh giá chất lượng tác phẩm như một tiểu thuyết

Đến đây xin tạm rẽ ngang, để đặt ra một câu hỏi: thế nếu xét TĐTC trên phương diện tiểu thuyết thì tình hình sẽ ra sao? *Xung đột* tập I, lần in thứ nhất 1959, có một đoạn tự bạch, xin trích mấy ý: “Tôi về thôn X. một thôn công giáo toàn tòng ở miền hạ huyện Nghĩa Hưng Nam Định vào cuối năm 1956. (...) Lúc đầu tôi chỉ có ý định viết một tập ghi chép. Nhưng trong khi ghi chép các nhân vật và thể hiện lên với nhiều vẻ phức tạp của nó, thì tôi gặp một khó khăn lớn là bản thân tôi cũng *không lường được* (V.T.N nhấn mạnh) rồi đây những vấn đề đó sẽ giải quyết như thế nào, số phận các nhân vật đó sẽ giải quyết ra sao. Mà mọi sự bịa đặt đều chỉ có thể dẫn đến sai lầm, tôi mới tiếp tục viết thêm những tập sau nữa, hy vọng rằng trong quá trình nghiên cứu tôi sẽ tìm hiểu được những vấn đề đã đặt ra một cách toàn diện hơn”. Theo tôi, đoạn văn này đã nói rất trúng cái tinh thần căn bản của tiểu thuyết mà một số nhà lý luận như M. Bakhtin, hoặc nhà văn như M. Kundera nhấn mạnh: người viết tiểu thuyết không thể áp đặt cho nhân vật những sơ đồ có sẵn. Mà phải tôn trọng nó, thấy nó là một cái gì nhõn nhõ trước mặt song không dễ gì nắm bắt được, ngược lại phải lo đối thoại với nó, rồi tìm hiểu khám phá nó. Cuối đoạn tự bạch nói trên, bằng cái giọng đầy e ngại, nhà văn tiếp tục tâm sự: “Tuy vậy nay xem lại cả bốn tập viết rải rác trong hơn một năm thì thấy có nhiều vấn đề còn lơ lửng, con đường đi tới của một số nhân vật chính còn chưa rõ ràng ...”. Theo tôi, cái chỗ mà tác giả lo lắng đó lại chính là chỗ mạnh, là nhân tố làm nên chất tiểu thuyết của *Xung đột*. Còn trong TĐTC, suốt mấy trăm trang sách, cái kẻ được gọi là hắn không hiện ra như một cái gì cần tìm

hiều. Tác giả quá thuộc hần, nói đến đâu ông lâu lâu đến đấy. Rồi sự thương yêu không hề giấu giếm, sự kính phục dường như không tìm ra lời để diễn tả nổi, cả sự bênh vực đâu vào đấy - một thứ bênh chăm chăm như lối các bà mẹ bênh con, - bao nhiêu tình cảm người viết tiểu thuyết tự nhủ phải tránh cho xa khi muốn khắc họa một nhân vật, trớ trêu thay, lại được tác giả khai thác một cách hồn nhiên, mà về hiệu quả nghệ thuật, hại nhiều hơn lợi. Và thế là cái lý do khiến cho người ta khó gọi nhân vật chính của TĐTC là một nhân vật hồi ký hiện đại như trên đã trình bày đồng thời cũng là lý do chính khiến cho hần không trở thành nhân vật của tiểu thuyết theo những cách hiểu sâu sắc nhất về thể tài này.

Khi mình không phải là người khác

Trở lại với TĐTC như một cuốn hồi ký - tự truyện. Có một sự việc thoát nhìn tưởng nhỏ song lại không nên bỏ qua, là câu chuyện bà vợ. Đây là cái có đóng vai trò khởi động cho cả cuốn sách và chừng nào đó ảnh hưởng tới cả giọng điệu chính trong TĐTC. Thế nhưng thử nghĩ lại một chút: Cái việc người ta khi về già, gặp phải những sự trái tính trái nết, sự vụng về trong cách đối xử của người thân, chẳng phải là chuyện hiếm hoi. May lắm, chỉ nên hiểu nó như chút muối mặn làm tăng thêm ám ảnh về cái vô lý của đời thường mà những ai còn cảm giác thực tế trước cuộc sống đều luôn luôn cảm thấy và lĩnh đủ. Chắc chắn nó không ghê gớm đến mức khiến cho con người ta phải “kêu thét lên vì vô lý” như nhân vật trong truyện day đi day lại. Thế thì tại sao nhà văn dùng đến bao nhiêu câu chữ như vậy tô đậm cái bi kịch gia đình? Hay là ông vốn quen đặt ông quá cao, xem mình có quyền đứng ngoài mọi sự ràng buộc thông thường mà mọi chúng sinh trong đời phải chịu, và điều này đã ăn sâu vào tâm trí ông khiến ông không bao giờ nghĩ rằng làm thế lại gây phản cảm? Từ đây nghĩ rộng ra, tôi có cảm tưởng mối quan hệ giữa cá nhân và những người chung quanh - một mối quan hệ mà mọi người hàng ngày phải đối mặt, người viết hồi ký tự truyện càng phải đối mặt -, mối quan hệ ấy ở Nguyễn Khải lâu nay chưa được giải quyết cho ổn thỏa và việc đó ảnh hưởng ngay tới sự nhất trí của tác phẩm ông mới viết. Chúng ta biết rằng trong suốt cuộc đời của mình, nhà văn này vốn thành thạo cả “bút pháp sử thi”, nhìn cái gì cũng thấy thiêng liêng cao cả, và cả “bút pháp tiểu thuyết”, tiếp cận đời sống ở cái vẻ suồng sã của nó, việc ông sử dụng cách nào là tùy yêu cầu cụ thể và quả thật ông đã nhào lộn khéo léo đến mức hai loại tác phẩm dùng hai bút pháp ngược nhau đến vậy cùng sống hòa bình bên nhau để làm nên một sự nghiệp. Đến TĐTC, thì như trên đã nói, mặc dù cũng có một ít đùa bỡn vui vẻ, song về căn bản bút pháp chủ yếu được sử dụng là “bút pháp sử thi”, nó nhiều phần phù hợp với cảm hứng chung của tác giả khi muốn nhìn lại đời mình theo cái cách ở trên chúng tôi đã miêu tả. Thế nhưng có lẽ vì một sự méo mó nghề nghiệp nào đó nên cây bút tiểu thuyết ở nhà văn vẫn ngo ngoạy không yên, và điều đó khiến cho có lúc tác phẩm lạc hẳn sang một cái giọng khác hẳn giọng điệu vốn có. Lại chết một nỗi, mặc dầu đã tự kiểm chế, song nhà văn vẫn không giấu được một thói quen đã thành cố tật: với những việc thiết thân của mình hoặc hợp với tạng mình thì ông nhìn nhận một cách một cách nghiêm chỉnh, và dùng những lời khéo léo nhất để tán dương; còn những gì không được việc cho mình, hoặc đơn giản là việc của thiên hạ thì ông xem như trò đùa, thoáng nhìn đã thấy ngay bao điều đáng mỉa mai giấu cợt. Thành thử người ta có trách rằng ở đây Nguyễn Khải chưa đủ tỉnh táo và chưa đủ cả cái *cận nhân tình*, tức cái bao dung cần thiết, kể cũng không phải chuyện lạ!

Sự dừng lại nửa chừng

Từ nhiều năm nay Nguyễn Khải đã cho in một số tập sách trong đó ông thử trở lại chuyện cũ để tìm cách chiêm nghiệm bản thân. Quan niệm tổng quát về quá khứ đã có lần được ông trình bày trong cuốn *Chuyện nghề* (1999): “Lắm ngày ngồi đọc lại hay nghĩ lại về những tác phẩm của mình đã viết trong mấy chục năm qua, nhiều trang viết vẫn còn làm tôi hãnh diện và có nhiều trang viết đã làm tôi xấu hổ và rất buồn. Những trang viết chủ quan, kiêu ngạo chỉ khẳng định có một niềm tin, một lẽ sống, rồi dạy dỗ, rồi lên án, rồi chế giễu tất cả những gì khác biệt

với mình, đọc lại thật đáng sợ. Thế giới như nhỏ lại, nhạt đi, căng thẳng (...) Tôi rất muốn viết lại một số trang vì tôi đã từng trải hơn, hiểu đời hiểu người hơn...”

Vừa mới trả lời bạn đọc như vậy, đến TĐTC, nhà văn lại từ bỏ ngay cái điều định làm, hoặc nói cách khác là ông không có nhu cầu đó nữa. Trong mạch hồi ức bề bộn của nhân vật, rất nhiều chi tiết đã được kể lại, nhằm gây hiệu quả có thực, song cái sự thực sâu xa nhất về “đương sự” thì bởi lẽ tác giả không muốn nói, nên với người đọc, vẫn còn nguyên vẹn là một bí mật. Nhận xét về cách viết của TĐTC, một nhà văn đàn anh của tôi vui miệng bảo: “Ban đầu ông Khải cũng muốn đùa bỡn với mình, nhưng được một lúc thì quên hẳn, lại cứ lối viết xưa nay mà kéo”. Và như thế, âm hưởng chính toát lên sau các trang sách vẫn là nhiệt tình tự biểu dương tự khẳng định. Giải thích điều này không khó khăn gì, nếu nhìn chung ra cả xã hội. Sau mấy chục năm sống mãi miết, nay là lúc nhu cầu trở lại chuyện xưa thức dậy ở nhiều người. Song cũng phải nhận đây là việc khó, không phải người ta cứ có một quá khứ là đã hiểu được nó một cách chính xác, dù đây là quá khứ của chính mình. Vì cái công việc tưởng là dễ ợt kia đòi hỏi một sự sáng suốt phi thường, làm việc với nó dễ căng dễ mệt, ai người đã già, già không phải về mặt thể chất mà cái chính là về mặt tinh thần, chắc chắn không thể chịu nổi. Con người hiện đại, để đạt tới sự tự nhận thức thực sự, phải tự lột trần, tự bỏ phục trang xã hội của mình - nhiều người ngại ngần. Con người hiện đại không chỉ nhấn mạnh chỗ khác so với chung quanh, mà còn tìm kiếm và thử tìm cách xác định hồn cốt bên trong của mình - nhiều người dừng lại. Đọc sách, trước mắt người đọc chỉ có hình ảnh của những tác giả hồi ký - tự truyện như họ muốn, chứ không phải như họ có thật trong đời. Nguyễn Khải cũng không ra khỏi cái sự thường tình đó. Quá trình *trở lại cái thời lãng mạn* ở ông bắt đầu từ vài năm nay, tới TĐTC thì được hoàn chỉnh. Và cách giải thích tốt nhất ở đây có lẽ là mượn lại câu nói của nhà văn đồng thời là nhà đạo đức học người Pháp F. La Rochefoucault (1613-1680): Chúng ta quá quen trá hình trước mắt kẻ khác nên rất cuộc trá hình ngay với chính mình.

### **Lời kêu gọi *Hãy đi xa hơn nữa***

*Sống ở đời, Đời khổ, Chuyện tình của mỗi người, Một thời gió bụi, Anh hùng bĩ vận...*, tên gọi của một số tác phẩm Nguyễn Khải viết hơn một thập kỷ nay đã làm chứng cho một ao ước chính đáng nơi ông là muốn đi tới những khái quát nhân sinh, nó là điếm tới xa hơn sâu hơn so với các tác phẩm cũ. Trong những tác phẩm thuộc loại viết về sau này (đây chỉ kể những truyện khá nhất), cuộc đời hiện ra không phải như cái gì tác giả đã thuộc như lòng bàn tay, mà còn bao điều chính ông chưa biết và không rõ nên cất nghĩa ra sao. Ông không ngại đi vào những nghịch cảnh, trở trêu. Ông biết thông cảm với nỗi sợ, niềm đau. Ông sẵn sàng dừng lại những chữ như số kiếp, thân phận... Những nỗ lực này của nhà văn có để lại dấu vết trong TĐTC. Thử nhớ lại hình ảnh bà cụ già ngồi ăn bún với muối hoặc người đàn ông đánh một chiếc xe trâu chở cái tiểu sành có bộ xương vợ với đứa con nhỏ đi suốt từ Điện Biên về vùng xuôi. Hôm qua, Nguyễn Khải đã biết những con người ấy, những tình tiết ấy, nhưng không bao giờ nghĩ tới việc mang chúng vào trang sách. Về già, ông nhắc tới chúng với niềm hãnh diện: đó là một phần cuộc đời của ông và chính nhờ thế ông tìm ra cách sống rồi nương theo đó là cách viết. Không phải ngẫu nhiên một bài phỏng vấn Nguyễn Khải gần đây có cái tên gọi khái quát: *Cười cho một kiếp nhân sinh*. Theo tôi hiểu, chính nhà văn cũng có lúc muốn xuất hiện trước bạn đọc trong một tư thế như vậy, với bộ y phục như vậy. Thế nhưng nhìn chung TĐTC (mà hẳn tác giả rất lầy lăm đặc ý) vẫn thành công chính ở việc biểu dương một sự nghiệp hơn là chạm vào một vấn đề bao quát của cuộc đời. Nó mang lại cho tác giả một chút an tâm cần thiết, chứ không chắc đã giúp cho các tầng lớp bạn đọc lẫn các đồng nghiệp soi vào đó để hiểu thêm những ngày đang sống, với đủ ngọt bùi chua chát chúng ta vẫn cảm nhận. TĐTC nói với người ta về một ít con người trong một thời cụ thể, chứ chưa đủ sức vươn tới những khái quát về kiếp nhân sinh nói chung, do đó chưa thuộc vào loại tác phẩm tự nó sẽ còn được đọc lại, như hôm nay chúng ta đọc lại *Số đỏ*, *Chí Phèo*, hoặc gần đây *Cát bụi chân ai*. Đáng lẽ có thể đạt tới khả năng lôi cuốn của những cuốn sách mang tính cách *tôi thú nhận là tôi đã sống* (chữ của P.



Neruda), hoặc *tôi lật con bài của tôi* (chữ của L.Aragon), song TĐTC đã dừng lại trên cái mạch cũ của một đời văn sớm định hình ở tác giả.

Có những giới hạn mà cả những đầu óc thông minh nhất trong thời của mình vẫn không thể vượt qua - cuối cùng chỉ còn có cách nghĩ vậy. Nhưng đặt vào hoàn cảnh hôm nay, TĐTC của Nguyễn Khải lại có cơ trở thành một lời kêu gọi: cách tốt nhất để các đồng nghiệp, nhất là các bạn trẻ, thể hiện lòng yêu mến kính trọng đối với nhà văn là đi tiếp trên con đường ông đã thấy là phải, nhưng không đủ sức dẫn tới.

## Đi tìm cái tôi đã mất

(*Tuỳ bút chính trị* - 2006)

1.

---

Năm 70 tuổi tôi bắt đầu chán viết, người rã ra, đọc sách cũng nằm, đọc được mười lăm phút chữ nghĩa đã loè nhoè, chả rõ mình đang đọc cái gì. Rồi ngủ. Ngủ như chim, một chớp mắt đã tỉnh, tiếp tục đọc nốt cái nửa trang đọc dở vẫn cứ lơ mơ vì chả còn nhớ họ viết cái gì trong cái nửa trang vừa đọc. Cũng năm ấy tôi được trao giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt 2. Mừng thì rất mừng nhưng tôi đã nhận ra ngay đây là tấm bia mộ sang trọng cắm lên một đời văn đã tới hồi phải kết thúc. Thế là lại buồn, ra vào ngẩn ngơ cả tháng. Rồi quyết định ra chơi ngoài Bắc, trở lại quê ngoại là nơi tôi đăng ký tòng quân năm 1946, cũng là nơi tôi tập tọng viết những bài báo kháng chiến đầu tiên in litô vào năm 1949. Nó mở đầu cho nhiều chục năm tiếp theo, vừa là anh bộ đội vừa là nhà báo nhà văn. Cái thị xã quạnh quẽ, toi tớt, tối tăm, toàn một màu xanh và đen những năm nào, giờ đã biến hoá thành một quận của Hà Nội hay Sài Gòn hôm nay. Lại nhớ tới những dãy phố ngắn ngủi, nhà thấp, hè hẹp, rợp bóng nhãn, mặt người hiền lành, dáng đi thông thả, thị xã như cái làng lớn, đi một đoạn đường phải chào hỏi không biết bao nhiêu là người vì toàn người quen cả.

Năm chục năm sau, trở lại cái thị xã của tuổi mới trưởng thành, mà là trở về lần thứ ba (hai lần trước cách đây đã hơn hai chục năm), cái mảnh đất thân thuộc đã hoá ra xa lạ. Đạp xe cả ngày chả gặp người quen nào, hoặc có gặp nhưng đã là hai ông già ở tuổi bảy mươi làm sao nhớ lại gương mặt của nhau cái thời mới mười tám đôi mươi. Lần về thứ hai vẫn còn ba người quen cũ, một người là Thuận, đại tá về hưu, một người là Tùng, trung đội phó, một người là Mễ, tiểu đội trưởng là những cấp chỉ huy đầu tiên của tôi trong cuộc sống quân ngũ. Lần này về gặp anh Thuận, cũng là ông chủ báo đầu tiên của tôi, anh hơn tôi vài tuổi. Còn hai người kia đều mới mất ở tuổi ngoài bảy mươi cả. Đường phố không quen, mặt người không quen, còn lại một ông bạn thân tối ngày đi họp, đủ các thứ hội hè để ông đến họp, vẫn là cái khát khao của người đã già, đã nghỉ hưu có dịp gặp lại bạn cũ, trò chuyện là chính, nhắc lại chuyện ngày xưa là chính, rồi than thở, đủ thứ than thở, chuyện nhà chuyện nước. Cũng buồn nhỉ? Chuyện người già có vui bao giờ, người đã xong một việc có làm gì cũng không thể vui. Vì tôi là người có gốc địa phương nên tính uỷ có gặp và mời ăn một lần cho phải phép.

Nhưng nhìn những gương mặt quan chức của tỉnh hôm nay mà kinh ngạc. Mặt người nào cũng đầy những múi thịt, sần sùi, nói nhiều, cười to, lời lẽ nhạt nhẽo, dung tục, và không bao giờ nhìn thẳng vào mặt mình để nói, cứ như là đang nói với một ai khác ngồi cạnh mình hoặc ngồi sau mình. Bữa sắp về Hà Nội, bí thư tỉnh uỷ lại mời gặp, không phải là gặp chính thức mà là cùng ngồi ăn sáng với ông vì ông cũng đang bận. Buổi gặp vừa hình thức vừa khó chịu vì chỉ có người lãnh đạo của tỉnh nói, nói như người rao hàng, mắt nhìn đâu đâu, bụng nghĩ đâu đâu. Tôi chỉ còn nhớ một chuyện, có một ông tướng, là danh tướng, người địa phương, có đem một giống hoa lạ từ Hà Nội về, tự tay ông trồng ở vườn hoa của tỉnh uỷ vì phải chọn đúng ngày,

đúng giờ, cả đúng hướng nữa mới đem lại thịnh vượng, hạnh phúc cho dân trong tỉnh. Thật vậy sao ?

Trong mấy ngày xuống xã vừa vui vừa buồn. Ai cũng giàu có hơn trước, nấu cơm bằng nồi cơm điện, tối xem tivi màu, giờ rảnh thì xem phim bộ. Mỗi xóm đều có cửa hàng cho thuê băng video, có gái điếm cho ngủ chịu đến mùa trả bằng thóc, có cờ bạc, có hút thuốc phiện và chích heroin, thành phố có gì ở làng quê đều có, cả hay lẫn dở, dở nhiều hơn hay. Tôi về một xã, xã cho tôi ở nhà một anh bưu tá, lúc rảnh rồi hỏi chuyện gì anh cũng bảo không biết. Ở xã ba ngày, đảng uỷ, uỷ ban không ai tiếp cả. Có một buổi tối có một anh chàng to béo đến chơi với gia đình, cả vợ lẫn chồng nhà chủ ăn nói thua gửi, bộ điệu khúm núm. Anh ta ngồi ưỡn người trên ghế tựa, hai chân xoạc rộng, hai bàn tay đặt lên bụng, nói hỏi trống không, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn tôi nhưng không hỏi gì, chào cũng không, mắt nhìn cứ lừ lừ, mà hần chỉ đáng tuổi con tuổi cháu. Tôi cứ nghĩ tay này hẳn là dân buôn bán ở tỉnh có họ hàng gì với anh chủ nhà, tạt qua chốc lát rồi đi. Nhưng anh bưu tá lại bảo đó là ông chủ tịch xã. Lại một ngạc nhiên nữa !

Mấy ngày sau lại về một xã thuộc phía Bắc tỉnh. Cách đây đã ba chục năm tôi đã đi đi về về xã đó khoảng một năm để viết về một anh chủ tịch xã chưa tới ba mươi tuổi trong cái thời có cao trào lập hợp tác xã nông nghiệp. Ngồi chơi ở phố huyện kề liền xã bất ngờ lại gặp người quen cũ của mấy chục năm trước. Hiện giờ ông ấy đã ngoài sáu chục tuổi, có cửa hiệu chụp ảnh ở ngay phố, to béo, rành rành, chuyện gì cũng biết, lại biết cách thuật lại về mọi cái biết của mình một cách sống động, tươi rói, nghe chuyện mà tưởng như chính mình cũng được chứng kiến. Nhà văn mà gặp được một người như thế là có thể nghĩ ngay một cuốn sách sẽ viết, viết cũng nhanh thôi, vì mọi vật liệu đã sẵn sàng. Bao nhiêu chuyện xui xẻo, buồn bã của chuyến đi bất thần được đền bù quá hậu hĩ nhân một lần gặp lại người quen cũ. Đang mừng khắp khởi liền bị mấy ông xã nhảy vô phá đám, đi một bước có trường công an xã theo một bước, vừa là người hướng dẫn vừa là người bảo vệ. Chỉ được trò chuyện với người đã được xã giới thiệu và ăn ngủ tại nhà ông bí thư xã. Nhưng tôi đâu có chịu thua hoàn toàn. Xuống cái xã bị ghê lạnh thì tôi chơi với dân, viết về một ông nông dân bị giới hành, được bạn bè khen là rất khá. Về cái xã được chiều chuộng quá mức tôi viết được cái bút ký "*Mất toi một cuốn sách*". Sang tuổi 70, mọi hoạt động của con người đều chậm, đều kém, riêng cái chuyện viết lách của tôi vẫn giữ được phong độ gần như xưa, vẫn viết rất nhanh, riêng cái nhìn thì trào lộng nhiều hơn, ngậm ngùi nhiều hơn. Nó là thứ hương vị thơm ngát chắt ra từ hơn bảy mươi năm được làm người.

## 2.

---

Tôi là một đứa trẻ khi bước vào đời có nhiều điều thua thiệt nhưng tôi đã biết níu chặt lấy thời thế mà leo dần lên. Tôi nói thế chẳng phải vì cái thói cơ hội, thời này có mấy ai thích nói mình thành tài là nhờ cách mạng. Nhưng có nhiều người được cách mạng ôm hẳn vào lòng nâng niu, vỗ về mà vẫn không nên người thì sao ? Là vì họ còn thiếu một yếu tố nữa, thiếu cái đó dầu họ có được bước trên thảm đỏ, kẻ nâng người dắt một đời vẫn không ra con người tử tế. Mà tôi thì có, có dư thừa. Ấy là cái tính hài hước bẩm sinh, trước hết là biết giấu mình, theo dõi từng bước đi, từng câu nói của chính mình bằng cái nhìn của người khác vừa nghiêm khắc vừa bốn cợt. Sau mình đến người, tôi cũng hay nhìn ra cái khía cạnh buồn cười ở người khác dầu họ xuất hiện dưới cái vỏ trang trọng đến thế nào. Cái buồn cười là cái trái nghịch trong cùng một người, kẻ vô luân nói chuyện đạo đức, tên ăn cắp dạy dỗ phải bảo vệ của công, người hống hách lại là tên nịnh bợ bậc nhất. Nếu tán rộng ra thì còn vô vàn chuyện buồn cười mà ta bắt gặp ở mọi nơi, trong mọi thời gian của cuộc sống. Anh dốt thường làm ra vẻ thông thái, thẳng thắn rất thích xuất hiện như người anh hùng, một chính khách đầu óc rỗng tuếch luôn tỏ ra uyên bác bằng những lời nói vô nghĩa. Nếu những người đó có được một chút hài hước, có khả năng tự giấu mình trong khi diễn trò thì họ sẽ biết cách tự kiềm chế trong một giới hạn nào đó.

Muốn có cái mình không thể có không chỉ là chuyện buồn cười mà còn là căn bệnh không thể cứu chữa của nhân loại. Các triết gia, giáo chủ cũng không thoát khỏi cái trò cười ấy. Họ muốn cho nhân loại cái họ không thể có, muốn cứu nhân loại bằng những phương tiện nhiều lắm chỉ đem lại mê say tự huỷ hoại hoặc mà thôi. Học thuyết xã hội hay tôn giáo khôn ngoan phải là học thuyết mở, có thể là thế này mà cũng có thể là thế khác, luôn luôn biến hoá, lấy sự biến hoá của thời thế và con người làm mục tiêu tối thượng để tự điều chỉnh. Học thuyết là do con người làm ra, một trí tuệ sáng láng nhất vẫn cứ bị ràng buộc bởi nhiều vòng tự giác và không tự giác của thời thế, của cuộc đời. Bởi vì họ không thể là Thượng Đế để biết hết vô vàn nguyên nhân những tác động qua lại, uốn éo, bất ngờ của nó đưa đẩy mọi sự vật tới những thay đổi rất nhỏ, không mấy ai chú ý, cuối cùng là những biến thiên cực lớn. Chẳng có học thuyết nào dự đoán đúng những gì sẽ xảy ra trong tương lai và cũng chẳng thể dự đoán được cái kết cuộc của nhiều sự việc đang xảy ra trong hiện tại. Mọi lời tiên tri đều có tính mê sảng, đồng cốt. Dành cả một thời thanh xuân để tin vào những lời tiên tri ấy, về già nhìn lại cái tài sản tinh thần thu góp một đời chỉ là một cái kho chứa đủ tạp nham chẳng có một chút giá trị gì.

### 3.

---

Tính hài hước là cái thứ mà người cộng sản ghét nhất vì nó có thể biến mọi chuyện thiêng liêng thành trò cười. Một học thuyết không thể chứng minh sự đúng đắn của nó trong thực tiễn thì trước sau sẽ biến thành tôn giáo. Vì tôn giáo là niềm tin, là thói quen, là tập quán, là vâng phục, là ở thế giới này chỉ có một chân lý, ngò vức nó, đặt quá nhiều câu hỏi về nó chỉ là kẻ phản đồ, phải bị trục xuất khỏi cộng đồng, phải bị cách ly, bị ngồi tù để tránh mọi sự truyền nhiễm có thể. Học thuyết xã hội đã phải đội lốt tôn giáo để tồn tại thì mọi thứ thuộc về nó đều là thiêng liêng. Lãnh tụ thành thần thánh, lời nói bài viết của họ thành kinh bôn, cuộc sống cá nhân và xã hội của họ đầy ắp những chuyện phi thường. Hình ảnh của Lenin và Stalin, của Mao Trạch Đông và Kim Nhật Thành và lời nói của các vị ấy bao trùm lên toàn bộ cuộc sống tinh thần của các quốc gia họ cầm quyền, làm gì, nói gì, nghĩ gì đều không thoát ra khỏi cái bóng che ấy. Bài hát về lãnh tụ trang nghiêm như thánh ca, người hát có dáng điệu sùng bái như tín đồ. Cái thế giới cá nhân của các công dân đã bị đốt cháy, đã thành tro bụi và tan biến trong hương khói của đền đài.

Trong không khí ngùn ngụt lửa cháy cùng với tiếng sóng hoan hô khi gần khi xa không lúc nào dứt, vậy những người làm việc bằng trí tuệ sẽ tìm đâu ra một khoảng trời yên tĩnh và tự do để suy nghĩ về những công trình một đời của riêng mình. Người cộng sản sẽ không bao giờ hiểu được cách làm việc cá nhân, đơn độc, xa rời quần chúng, xa rời các phong trào cách mạng có tính địa phương của các nhà trí thức thắm đẫm “tư tưởng tư sản” ấy. Phải cải tạo họ bằng các chuyến đi thực tế, bằng các lớp học chính trị ngắn hoặc dài ngày, và bằng cả những lần được gặp gỡ thân mật với lãnh tụ để có thêm lòng tin vào những lý do phải tự phủ định, để khẳng định sự nghiệp vĩ đại của quần chúng. Phải bỏ hẳn những tư tưởng triết học và thế giới quan phù hợp với cách nghĩ, cách nhìn, cách đánh giá của riêng mình, đã được chứng minh qua những trải nghiệm của bản thân để nhập vào dòng tư tưởng chính thống, cái triết học chính thống, cách nhìn nhận và đánh giá chính thống, xét cho cùng chả liên quan bao nhiêu tới cái tâm sự đang ấp ủ, tới những điều cần phải viết, và trên hết, máu thịt hơn hết là những phát hiện độc đáo của riêng mình trong lịch sử, trong văn hoá, trong nhân sinh. Mất những cái đó thì còn sống tiếp làm gì, còn viết tiếp làm gì nên một số đã phải đổi nghề, bỏ nghề sáng tạo sang nghề cạo giấy, làm một anh công chức hiền lành, mầu mực, vừa có quyền vừa có lợi. Cái danh cái lợi cũng có sức quyến rũ người ta lắm, qua nhiều năm tháng nó đã trở thành ý nghĩa quan trọng nhất để sống, sống với vợ con, với bạn bè, với xóm làng, với xã hội. Còn một số nhỏ vì không làm nghề gì khác ngoài cái nghề văn chương nên đã đầu quân về các nhà xuất bản,

tuần báo, tạp chí tiếp tục làm nghề nhưng phải viết trong khuôn phép đã quy định, cũng có đôi lúc đã tự buông thả theo những cảm xúc tự nhiên hoặc bất chợt bị mê hoặc bởi những hình tượng nghệ thuật quá đẹp đã trở thành những nạn nhân oan uổng của nhiều vụ án văn tự, nghĩ lại mà tiếc cho nhiều người, mộng mơ nhiều thì tài năng cũng nhiều đều bị thui chột ngay từ những năm còn trẻ.

#### 4.

---

Trong suốt ba chục năm chiến tranh, mỗi người Việt Nam đã quên hẳn những nhu cầu vật chất và tinh thần của riêng mình để được cùng sống như mọi người, cùng cảm nghĩ như mọi người, sống cùng sống chết cùng chết. Học thuyết Mác và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản được tôn vinh đến tuyệt đối. Vì số phận cá nhân gắn liền với tập thể với dân tộc, trùng hợp khít khao với các mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền và những tham vọng của người lãnh đạo. Nhưng cả mấy thế hệ cùng tham gia chiến tranh, sống trong một môi trường xã hội, chính trị của một đất nước đang có chiến tranh cũng là một tai hoạ khôn lường. Trong chiến tranh tập thể gạt phắt cá thể sang một bên, có thể giẫm đạp lên nó cũng chả mất mát gì, vì chiến tranh đòi hỏi sự nhất trí, cần sự ra lệnh đúng lúc của nhiều cái đầu chứ không có thời gian bàn luận, sai đúng có sự tham gia của nhiều cái đầu. Và lại nếu người lãnh đạo tính toán sai lập tức sẽ bị đối phương trừng phạt ngay, không sớm tinh ngộ thì cả sự nghiệp có thể bị đổ vỡ. Đến thời hoà bình thì chỉ còn dân chúng đối mặt với chính quyền, quyền lợi khác nhau, nguyện vọng khác nhau, có trăm ngàn thứ khác nhau trong một cộng đồng : dân tộc, tôn giáo, văn hoá, điều kiện sống... trong một thời gian dài tạm quên đi, tạm gác lại để lo việc lớn, lúc này nhất loạt trở dậy, đòi hỏi và mỗi cá nhân đều thấy cái mình đòi là quan trọng nhất, bức thiết nhất. Độc lập có rồi, tự do có rồi, vậy cái hạnh phúc của mỗi chúng tôi nhà nước định quên sao ? Nhưng người dân phải tìm ra cơ hội nào để nói, đến chỗ nào để nói, dùng phương tiện gì để nói. Nói với tổ chức, với các đoàn thể mình là một hội viên, không ai nghe cả. Nói trên báo chí không báo nào dám đăng. Viết kể sách, thỉnh nguyện gửi lên các cấp có thẩm quyền thì chả bao giờ nhận được trả lời.

Vậy phải làm gì nhỉ ? Làm loạn không dám, biểu tình đúng pháp luật cũng chưa có tiền lệ. Người đứng đầu bộc lộ sự không bằng lòng của mình tại các cuộc họp lập tức bị những kẻ cơ hội trấn áp tức thì, bị cơ quan an ninh ghi vào sổ đen, thăng chức nên lương từ nay không thể, chỉ còn đợi ngày về hưu thôi. Nhưng dân chúng vẫn có cách xả nổi bất bình của họ bằng cách sáng tạo ra nhiều chuyện tiểu lâm chính trị. Trong cả nước không đâu có nhiều chuyện tiểu lâm bằng Hà Nội vì nó là thủ đô hành chính, mọi chuyện cung đình vừa thật vừa giả tràn ngập các quán cà phê mỗi ngày. Không ra được báo viết thì làm báo mồm vậy, lời nói bay đi lầy đầu làm bằng, tưởng như vô hại mà hại vô kể. Vì nó sẽ thành dư luận, không ai bắt giam được dư luận, giết được dư luận, cái dư luận hỗn tạp, vô sở cứ mở rộng mãi ra, bao trùm mọi việc mọi người trở thành mặt bằng mới để đặt ra các tiêu chuẩn sống cho một thời. Cái tiêu chuẩn mới có tên gọi là “ *mặt kệ nó* ”. Nó là người khác, là nhà nước, là bất cứ ai, bất cứ việc gì không có quan hệ trực tiếp tới các lợi ích cá nhân mình. Cái cá thể sau một thời gian dài nhập vào cái tập thể đã tự tách ra khỏi nó để tìm lại mình. Nhưng cách tìm lại ấy thường thuộc về phía tiêu cực của con người, lấy lợi ích bản thân làm mục tiêu nên không tạo ra được sự thăng hoa, sự tự do chân chính, là môi trường cho mọi sáng tạo độc đáo, vừa thấm đẫm tính cá nhân vừa thấm đẫm tính thời đại ở yếu tố tiên phong của nó. Ở đây tôi muốn nói thêm, tự do được nuôi dưỡng tự nhiên trong môi trường dân chủ là tự do của công hiến, còn tự do vừa thoát ách chuyên chế thường có tính phá hoại, trả thù, để bù lại những năm tháng bị tước đoạt. Cứ so sánh về tự do của một xã hội dân chủ nhiều trăm năm như Hoa Kỳ và tự do vừa giành được của nước Nga Xô Viết là đủ rõ. Vì nó không được chuẩn bị, không được giáo dục, mọi bản năng của con người được xổng ra nhất loạt sẽ gây hỗn loạn cho cộng đồng, nhiều hơn là xây dựng. Dân chủ

và tự do phải có thời gian để làm quen, để học cách sử dụng và bảo vệ, phân được ranh giới giữa cá nhân và cộng đồng. Thành pháp luật, thành tập quán mới có thể đơm hoa kết trái được.

## 5.

---

Một đất nước bị xâm lược, rồi bị nô dịch, dân chúng thành nô lệ không được pháp luật che chở, làm người cũng khó nói gì tới ý thức cá nhân trong mỗi con người. Ý thức cá nhân là ý thức về cái riêng biệt của mình, về cái có thể cống hiến của mình cho cộng đồng không giống với một ai do có một cách cảm nhận riêng, một cách suy nghĩ riêng, từ đó... Những cái giá trị cá nhân chỉ được nhìn nhận, được tôn vinh ở những xã hội tương đối tự do, các mối quan hệ giữa người với người tương đối tốt đẹp. Ở xã hội tư bản mà chúng ta vốn có thành kiến là rất xấu xa lại thường hay cho những tiếng kêu cứu, bảo vệ những giá trị truyền thống của cá nhân, vì đồng tiền đang làm mất phẩm giá của con người, phá vỡ nền tảng đạo đức, làm rối loạn các mối quan hệ xã hội. Con người được sống no đủ, trong tiện nghi mà vẫn đối địch với nó, muốn thoát ly khỏi nó vì không được thoả mãn những nhu cầu về tinh thần. Ta hay lấy những chuyện đó để làm chứng một cách há hê cho sự tha hoá của con người sống dưới chế độ tư bản. Vậy các công dân của chế độ xã hội chủ nghĩa thì sao? Chẳng có ai kêu ca gì. Nhà văn là người có trách nhiệm chăm lo cuộc sống tinh thần của đồng loại cũng không kêu.

Có một nhà văn Nga [Vladimir Dudinzev / Владимир Дудинцев - chú thích của Diễm Đan] viết cuốn sách *Người ta không chỉ sống bằng bánh mì* [Не хлебом единым - chú thích của Diễm Đan] bị cả giới văn nghệ Liên Xô phê phán. Ông đã viết sai vì các nước xã hội chủ nghĩa rất coi trọng cuộc sống tinh thần của các công dân. Họ đọc sách rất nhiều, trên xe điện, xe buýt, trong công viên, đứng xếp hàng từng dãy dài mua thực phẩm, mua vé xem vũ kịch, nghe âm nhạc họ đều mở sách đọc rất chăm chú, tưởng đâu như cuộc sống đích thực của họ là ở các trang sách. Chỉ có những giây phút chìm đắm trong sự đọc họ mới có cơ hội ngẫm nghĩ về thân phận của mình, của đồng loại, tìm lại cái bản gốc cá nhân đang lưu lạc ở một góc khuất nào đó của riêng mình. Rồi khỏi trang sách là rơi ngay vào vòng quay của trăm ngàn công việc chẳng có nghĩa lý gì ngoài sự mưu sinh để tồn tại. Những ngày nghỉ, những giờ tạm gọi là rảnh rỗi họ cũng không được ngồi một mình, ngẫm nghĩ một mình, có bao nhiêu buổi lễ kỷ niệm lớn nhỏ, những phong trao cam kết thi đua và vô vàn cuộc họp của ngành của giới đã choán hết phần thời gian còn sót lại... Cuộc sống tập thể đã nhấn chìm cuộc sống cá nhân, cuộc sống trong chiến tranh đã xoá nhoà mọi thói quen của cuộc sống thời bình. Lúc nào cũng có kẻ thù rình rập đâu đó để tìm cơ lật đổ chế độ bằng vũ trang, hay bằng diễn biến hoà bình. Lúc nào cũng được đồng chí trong chi bộ, bàn bè cơ quan giám sát mọi tư tưởng và hành vi để ngăn chặn mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân của mỗi thành viên. Lúc nào cũng phải đề phòng, phải đề cao cảnh giác cách mạng, không tin cậy bất cứ ai, kể cả bạn bè. Chỉ có một điều lạ, là trong hoàn cảnh sống không có một tí tự do nào cho cá nhân mà chúng tôi vẫn sống được, lại còn viết văn làm thơ được!

## 6.

---

Suốt 80 năm sống dưới ách đô hộ của Pháp, chúng ta vẫn đặt được những viên gạch đầu tiên cho nền văn xuôi Việt Nam. Những truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, tuỳ bút của thời ấy được in trên các tuần báo hoặc xuất bản thành sách nay đọc lại vẫn thích thú, vẫn làm ta cảm động. Nhiều truyện được đọc từ tuổi niên thiếu vẫn ám ảnh ta tới tận lúc tuổi già, và một loạt các nhà thơ, nhà phê bình văn học của cái thời gọi là thuộc địa đã trở thành những tên tuổi lớn tồn tại mãi mãi trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc. Làm thân nô lệ mà vẫn trở lên thành những tài năng lớn là sao? Không chỉ trong văn chương mà còn cả trong mỹ thuật, trong kịch nghệ. Không chỉ trong văn nghệ mà trong cả khoa học, giáo dục, trong kinh doanh theo kiểu tư bản và trong nhiều nghề truyền thống. Tất cả đều được bắt đầu từ những năm đầu thế kỷ, được phát sáng,

được bộc lộ mạnh mẽ các tài năng cá nhân và họ đã trở thành người khai sáng, người mở đường, thành tổ nghề, không chỉ có tài lớn mà còn có đức lớn, là những nhân cách kiểu mẫu cho con cháu, cho giống nòi, đều là chuyện có thật cả, không thể bóp méo hoặc bác bỏ. Mà giải thích về nó cũng rất đơn giản. Chế độ tư bản của Pháp và Châu Âu tiến bộ hơn, văn minh hơn chế độ phong kiến tập quyền của Châu Á tới vài thế kỷ, là khoảng cách giữa hai thời đại, nói như cụ Phan Chu Trinh. Thời Pháp thuộc bọn thực dân chỉ cấm, bỏ tù, xử bắn những người dám chống đối nó, trước hết là những người cộng sản. Cuộc sống của dân chúng vẫn lầm than như thời xưa, như thời phong kiến, khổ nhất vẫn là nông dân, nhưng xã hội có thêm nhiều nghề mới do công cuộc khai thác tài nguyên ở thuộc địa, hình thành dần nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, có đô thị và các trung tâm buôn bán, có các đường lớn xuyên quốc gia và liên tỉnh, có cầu cống và đường sắt, có báo hàng ngày, có tuần báo và tạp chí. Tiếng nói của công chúng sau nhiều thế kỷ câm bặt đã được cất lên bày tỏ thân phận và nguyện vọng của mình, dẫu còn yếu ớt nhưng đã gây được tiếng vang trong cả nước. Dẫu xã hội phát triển một cách nhem nhuốc, đau đớn nhưng vẫn hơn cái thời tù mù, tối tăm của thời phong kiến.

Thời thế là vị tư lệnh tối cao, không có học thuyết nào, một thiên tài chính trị nào dám chống lại những mệnh lệnh của nó. Dám chống lại nó học thuyết sẽ tiêu tan, các chính khách thì thân bại danh liệt. Chế độ thực dân tuy tàn bạo nhưng nó là sản phẩm của thời đại này nên nó vẫn có khả năng ươm cấy nhiều nhân tố tích cực, có giá trị bền vững cho những xứ sở nó đô hộ. Còn những vương triều phong kiến dẫu được cai trị bởi các bậc minh quân thánh trí vẫn là những xã hội hủ lậu và thuộc về quá khứ. Tài giỏi như Khang Hy, Càn Long nếu còn trị vì Trung Quốc tới cuối thế kỷ 19 mà không chịu thay đổi thể chế đã quá cũ kỹ thì vẫn cứ thua, có khi còn thảm bại hơn vì lòng kiêu hãnh bệnh tật của họ. Cách tổ chức xã hội của giai cấp tư sản dẫu có xấu xa tới tận đâu cũng vẫn tạo được những môi trường tự do và dân chủ hơn, mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển tài năng của mọi cá nhân và của cả cộng đồng. Lại lấy thêm một ví dụ về nước Nga trong non một thế kỷ qua. Dưới chế độ Xô Viết, người dân Nga được nhà nước chăm lo hoàn toàn từ khi sinh đến khi chết, nhưng họ vẫn không thích, vẫn thấy ngột ngạt vì đó là cuộc sống không phải lo nghĩ của một trại tập trung, con người bị đánh số, bị xếp theo khuôn, theo hàng, chỉ nhìn thấy đám đông chứ không thể nhìn ra từng con người riêng biệt, kể cả trong triết học và văn chương. Còn thời bây giờ là một xã hội mạnh ai nấy lo, người người lấn chen nhau, tranh cướp nhau vì những tham vọng không được kìm nén, kỷ cương cũ bị xoá bỏ, kỷ cương mới chưa kịp hình thành, mọi sự đều phải làm lại từ đầu từ quốc kỳ, quốc ca, quân kỳ... Nhưng xem ra chả có mấy ai than thở về hiện trạng hỗn loạn, họ cảm thấy thoải mái, bằng lòng với cuộc sống đầy bất trắc của hiện tại vì lần đầu tiên họ được lựa chọn cách sống của mình, thắng thua tự mình gánh chịu, cũng là lần đầu họ biết nhận ra cái “bản lai diện mục” của chính họ.

7.

---

Bất cứ nhà nước nào lấy học thuyết xã hội hoặc tôn giáo thay cho hiến pháp thì trước sau sẽ chuyển đổi thành nhà nước chuyên chế. Vì trong hàng triệu công dân sẽ có nhiều nhóm người không cùng lòng tin, không cùng tín ngưỡng với nhà cầm quyền. Họ trở thành những cộng đồng đáng ngờ, sẽ bị phân biệt đối xử, trước hết là mất quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do xuất bản. Đó là nói về tầng lớp trí thức. Còn những người làm các nghề khác, chả dính dáng gì đến sách vở cũng sẽ cảm thấy bị tước đoạt nhiều quyền tự do, như quyền tự do lựa chọn cách sống của riêng mình chẳng hạn. Đã độc quyền về tư tưởng tất nhiên sẽ độc quyền cả về cách sống, vì mỗi học thuyết đều có phần đạo lý của nó, nó cần tiêu chuẩn làm người đã được lý tưởng hoá của nó để làm khuôn mẫu cho tu sĩ và tín đồ. Tôi có một bà cô sống ở Hà Nội suốt thời Pháp tạm chiếm, là dân cũ của Hà Nội, sau này giải phóng được một năm, bà than thở với tôi, nghĩ rằng sống với cách mạng thì dễ mà hoá ra rất khó. Bà bảo chính phủ gì việc lớn không lo toàn lo việc vặt, từ cách ăn mặc, cách yêu đương, cách nuôi dạy con cái là

những việc người dân tự biết cách lo, tự biết cách học, lo không nổi thì đã có dư luận xã hội lo giùm, từ cổ tới nay vẫn thế mà. Lại nói về những tín đồ trung thành của chủ nghĩa Mác, những chiến sỹ theo cách mạng từ thuở mới lập nước là đám văn nghệ sỹ chúng tôi cũng “ sống không dễ ” trong sự viết lách. Viết đúng luật lệ thì chỉ có hai chủ đề : căm thù và hy sinh. Cũng chỉ có ba loại người được tôn vinh : công, nông, binh. Cái thế giới mênh mông, nhiều màu sắc ngày một thu hẹp và chỉ có hai màu : đỏ là quân ta, đen là quân địch. Văn chương cách mạng thoạt đầu cũng lạ so với văn chương thời trước nên được bạn đọc trẻ hoan nghênh. Nhưng cứ phải đọc mãi một vài đề tài quen thuộc, một vài loại người quen thuộc và những tâm trạng rất quen thuộc ngay những bạn đọc trung thành cũng phải chán. Chính chúng tôi cũng tự chán mình. Tài đã kém lại bị bó chặt từ đầu tới chân, xoay tới xoay lui cũng chỉ có một vòng quay, ú ớ một cách nói, càng viết càng nhảm cũng là phải. Một nền văn nghệ phải phục vụ chính trị (mà chính trị thì sớm nắng chiều mưa) là đã mất một nửa tự do rồi, lại phải phục chính trị theo nghĩa các chủ trương, chính sách của từng thời kỳ thì còn gì là tự do nữa.

Ấy là chưa nói mỗi cấp cầm quyền lại có những yêu cầu riêng, những cách đối xử riêng, lúc nhu lúc cương, cái thẳng nghệ sĩ chả còn biết lối nào mà lần. Văn chương đã đến nông nổi ấy mà vẫn có giải thưởng quốc gia, nhưng những tác phẩm được giải thưởng Lenin, Stalin liệu có còn cuốn nào được người Nga hôm nay muốn đọc lại. Tôi cũng được giải thưởng văn chương cao nhất cấp quốc gia, nhưng tôi biết chỉ mười năm nữa, thời thế đổi thay chắc chả còn ai nhớ tới mình nữa. Tôi là nhà văn của một thời, thời hết thì văn phải chết, tuyến tập, toàn tập thành giấy lộn cho con cháu bán cân. Buồn nhỉ ? Nghĩ lại cũng chả có gì phải buồn, con người vốn sống trong những chiều kích hữu hạn lại mơ tưởng những gì do con người làm ra sẽ thuộc về vĩnh viễn, có hoạ rồ ! Tất nhiên vẫn có nhiều công trình của trí tuệ thuộc về cõi bất tử nhưng là của các thiên tài. Với bộ não con sâu cái kiến, ngược nhìn những cái đầu khổng lồ ấy làm gì cho thêm buồn ra. Hãy viết những gì trong cái tầm nhìn tầm nghĩ của con sâu cái kiến vậy. Một cách nghĩ thiếu “ tự hào dân tộc ” nhưng chắc chắn là một cách nghĩ đúng. Đã từng có những quốc gia từng nghĩ từng viết rất tự hào, rất kiêu hãnh rằng dân tộc họ đã sải bước trước nhân loại cả trăm năm, sắp chạm tay vào cánh cửa thiên đàng rồi ! Mà rồi sao nhỉ ? Là như mỗi chúng ta đều đã được chứng kiến trong suốt mấy chục năm nay đây !

8.

Nhà văn Dư Hoa [Yu Hua, 余华 chú thích của ĐB], một cây bút đang nổi của văn đàn Trung Quốc, trong lời cuối sách của tiểu thuyết *Huynh đệ* (Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2006), ông có viết đại ý, trong lịch sử thế giới từ thời Trung Cổ đến thời hiện đại phải trải qua 400 năm. Còn ở Trung Quốc từ thời cách mạng văn hoá, cả đất nước chìm sâu trong bóng đêm trung cổ với thời bấy giờ với bao nhiêu thay đổi đến chóng mặt để đất nước Trung Hoa nhanh chóng bước vào đội ngũ các đại gia của G8. Cái khoảng cách vời vợi giữa hai thời đại ấy đã được rút gọn trong có 40 năm. Rằng hay thì thật là hay nếu chỉ nhìn vào toàn cục, vào cả dân tộc. Nhưng nếu nhìn vào từng cá nhân, những cá nhân không được chuẩn bị từ căn cơ trong lịch sử, trong văn hoá, trong truyền thống và nhất là trong nhân cách làm người thì cái rút gọn trong mỗi cá nhân sẽ dẫn tới đâu ? Theo ý tôi (N. K.) là các cá nhân ấy sẽ rất dễ bị GÃY khi gặp phải sóng to gió lớn. Vì cái lõi của nó chưa đủ cứng, chưa đủ bền, chưa đủ những tố chất về di truyền, về giáo dục (rất cần có thời gian) để ứng phó hữu hiệu với những thay đổi quá nhanh của môi trường sống. Các nhà cách mạng thường chỉ nghĩ tới mục tiêu và những con đường ngắn nhất nhanh nhất để đạt được mục tiêu, bất chấp các công dân của họ bằng lòng hay không bằng lòng. Và họ lại tin một cách ngây thơ, một cách tệ hại rằng cứ ép là được, cứ đẩy tới bằng các phong trào cách mạng của quần chúng là được, trước lạ sau sẽ quen dần. Nhưng các cá nhân cũng là lòng người không thuận thì mọi chủ trương dẫu hay đến mấy sớm muộn cũng bị đào thải, chả để lại một dấu vết tích cực nào. Và càng lạ hơn là những tổ chức kinh tế

được xem là lạc hậu, là phản động của một thời vẫn có muôn vàn cơ hội để tái sinh và xem ra còn tồn tại rất lâu dài.

Trong những năm 90 của thế kỷ 20 nhiều vị lão thành cách mạng Việt Nam lấy làm kinh ngạc và đau đớn trước sự tiêu vong quá nhanh của một siêu cường mà chân móng của nó đã ăn sâu trong mảnh đất Nga non một thế kỷ. Thật ra toà lâu đài kiêu mẫu của tương lai ấy không hề có chân móng. Nó được xây trên cát. Mọi thay đổi lớn đều dựa vào phong trào quần chúng được hình thành, được vận động chỉ bằng có tuyên truyền chứ không từ nguồn lực tự thân. Tất cả đều phải ép buộc, đều phải dàn dựng, và phải có các diễn viên chuyên nghiệp trình diễn theo một kịch bản độc nhất. Có hai nhà văn lớn của Châu Âu đều được mời xem màn diễn về một xã hội lý tưởng do người cộng sản lãnh đạo. Ông Romain Rolland thì khen không hết lời, còn ông André Gide thì chê từ đầu đến cuối. Vì một ông chỉ nhìn có cái mặt tiền, cái tổng thể, đến đâu cũng thấy dân chúng ca hát, nhảy múa và vẫy cờ, vẫy hoa. Còn một ông lại chỉ quan sát cái sân sau của chế độ và thân phận của nhiều cá nhân ông có dịp tiếp xúc. Đám đông thường cho ta cái cảm giác sai vì họ không thể giữ được tính độc lập trong tình cảm và phán xét. Còn cá nhân thì cái thân phận riêng tư của họ bao giờ cũng thuộc về nhân loại hôm nay và mai sau.

Một xã hội mà công dân không được quyền sống thật, nói thật, nhà văn cũng không được quyền bộc bạch tâm sự riêng tư của mình trên trang giấy là một xã hội không có chân móng. Các quốc gia cùng sống với nhau trong một liên bang, gọi nhau là anh em là đồng chí, nhìn ngoài thấy họ sống cũng yên ấm vui vẻ. Vậy mà khi họ chia tay nhau cũng dửng dưng. Và ngay lập tức họ nhận ra nhiều mối lợi trên đất nước mình đã bị người anh em ruột thịt chia sẻ trong một cuộc đổi chác không công bằng. Thế là bắt đầu những cuộc tranh chấp các đường biên giới, đã có lúc phải dùng đến xe tăng, đại bác để nói chuyện. Rồi tranh chấp đường ống dẫn dầu và các mỏ dầu, các căn cứ quân sự và các vùng biển có hạn độ. Khi Mỹ và NATO muốn đặt căn cứ quân sự trên đất nước họ, nhân danh chống khủng bố họ gặt đầu liên đầu biết Mỹ là đối thủ của nước Nga anh em. Yêu Mỹ là tất nhiên vì Mỹ sẽ rút tiền vào những cái két rỗng của họ. Ghét Nga cũng là lẽ đương nhiên vì xưa kia anh bắt nạt tôi, lấn át tôi, xem tôi như chư hầu, như thuộc địa, bây giờ chính là lúc tôi có quyền trả thù. Lúc giằng nhau thì nghĩ nông cạn thế, còn bình tĩnh lại thì giữa các nước cộng hoà trong liên bang Xô Viết (cũ) vẫn có sự ràng buộc tự nhiên và máu thịt trong lịch sử vì họ đã là người một nhà non một thế kỷ, đã cùng nhau sống chết chống hiểm hoạ phát xít để bảo vệ sự tồn tại của Liên bang cũng như của các nước cộng hoà. Lại đã cùng nhau sinh con đẻ cái, đã pha trộn ngôn ngữ, văn hoá và kỷ niệm. Bây giờ mỗi quốc gia vừa được trở lại là chính mình, vừa có phần đóng góp thêm của các nền văn hoá lân cận, bạn bè, giàu có hơn trước, văn minh hơn trước. Rồi họ cũng sẽ sống với nhau như một cộng đồng của khu vực, nhưng lần này là tự nguyện, là do họ tự chọn một hình thức liên minh bình đẳng, dân chủ và hoàn toàn tự do. Bất cứ một thiết chế xã hội nào nhắm tới dân chủ và tự do, xây một xã hội mở, một liên minh mở sẽ có may mắn tồn tại được lâu dài với sự đồng thuận của mọi người và sự hài lòng của mỗi cá nhân.

## 9.

---

Gần đây tôi có được đọc hai cuốn sách hay. Một cuốn là *Bản về tự do* của John Stuart Mill, một triết gia người Anh viết từ năm 1859, cách ta một thế kỷ rưỡi. Một cuốn là *Tư duy tự do* của Phan Huy Đường, một nhà nghiên cứu học thuyết Mác có tên tuổi ở Pháp viết vừa mới đây. Khoảng mười năm nay tôi đọc tiểu thuyết không vào, cả của ta, của Tàu lẫn Tây, cả sách mới dịch, mới xuất bản, cả sách của các đại gia của những thế kỷ trước. Năm còn trẻ đọc thấy hay, bây giờ già rồi nhìn trang sách cứ dửng dưng vì nó không chịu ăn nhập vào những trải nghiệm cá nhân của tôi, không mở ra trong tôi một cách tiếp cận mới với hiện thực, không làm bùng cháy một điều gì đang còn ẩn sâu trong đáy tiềm thức khiến tôi phải choàng thức chợt



nhận ra một vĩa sáng tạo mới vừa thoáng xuất hiện. Hai cuốn sách trên, một cuốn do bạn cho mượn, một cuốn tình cờ mua được ở nhà sách vì cái tên của một tác giả tôi vốn quan tâm. Tôi đọc say mê cả hai cuốn như thời trẻ được đọc một cuốn tiểu thuyết hay, tất nhiên là khó đọc hơn tiểu thuyết nhưng đã thích lại có trải nghiệm bản thân hướng dẫn, không hiểu được đầy đủ thì cũng hiểu được cái đại thể. Nhiều ý của bài viết này là được cảm hứng từ hai tác giả đó.

Năm tôi 60 tuổi, khi viết về một bà cô đã ngoài tám chục mà còn rất minh mẫn trong cách đối nhân xử thế, bà vẫn giữ được tính cách riêng mà không làm mất lòng một ai, từ con cháu trong nhà đến các mối quan hệ ngoài xã hội. Tôi đã viết nếu bà cụ được trời cho chứng sống đến trăm tuổi mà vẫn còn sáng suốt ắt hẳn bà sẽ biết mọi bí mật của then máy tạo hoá. Thật ra là tôi nói về tôi đấy, có hơi bốc đồng nhưng tôi tin là tôi sẽ biết được con người nhiều hơn nếu tôi được sống lâu hơn, không cần trăm tuổi, chỉ cần 90 là đủ, miễn là vẫn giữ được một cái đầu bén nhạy như bây giờ, sẵn sàng tiếp nhận mọi sự khác lạ như bây giờ, kể cả sự phủ định chính mình. Năm ấy tôi đã hiểu ra mọi sự rút gọn ở đời đều trái tự nhiên, đều dẫn đến thất bại. Các cuộc cách mạng xã hội ở nước ta trong suốt ba chục năm đều hỏng cả, đều phải làm lại từ đầu, tất nhiên là theo hướng khác, mà kết quả vẫn vừa chậm vừa dầy dưa. Nguyên do là các nhà lãnh đạo muốn rút gọn những công việc của trăm năm thành chuyện chỉ làm trong mấy năm. Vì họ chưa hiểu đầy đủ con người Việt Nam trong cuộc sống đời thường, cái cuộc sống không có chiến tranh, không có cách mạng xen vô, cái cuộc sống trôi đi lặng lẽ của muôn đời. Nghĩ rằng người Việt Nam của hôm nay đã khác nhiều với người Việt Nam trước năm 1945 là một cách nghĩ rất thiên cận, tự gây cho mình nhiều ảo tưởng trong việc trừ liệu những việc phải làm để kiến tạo một xã hội dân chủ và văn minh. Mọi phong trào thi đua chả có ích lợi gì trong những việc cần nhiều chăm sóc nhẫn nại, bền bỉ, bắt đầu từ các cá nhân chứ không phải từ các đám đông với những khẩu hiệu, cờ quạt, kèn trống, diễn văn và đáp từ, vỗ tay và tặng hoa. Đám đông không thể đứng mãi dưới nắng để nghe lãnh tụ diễn thuyết. Họ luôn mong đợi được giải tán để về nhà. Con người ở nhà vẫn cũ kỹ nhưng là người thật chứ không phải là sự nhập đồng chốc lát khi đứng trong đám đông. Tôi thật lòng yêu mến, ngưỡng mộ Fidel, một nhà yêu nước kiên cường, một nhân vật đã thuộc về lịch sử của Cuba. Ông là một trí thức lớn, bạn tâm giao của Marquez, nghe nói trong túi lúc nào cũng có một cuốn tiểu thuyết đang đọc dở. Bởi vậy tôi mới lấy làm lạ khi ông buộc dân chúng phải đứng hàng nửa ngày dưới nắng để nghe ông cao đàm khoát luận về đủ mọi vấn đề. Lúc cách mạng mới thành công nói dài thế vì người dân còn đang háo hức với cuộc sống mới và các ngôn từ cách mạng cũng rất mới. Như một cặp tình nhân đang yêu nhau, đang cần nhau, nói với nhau đủ thứ chuyện vớ vẩn nhưng chả ai thấy thời gian là dài. Còn đã thành vợ thành chồng thì chỉ cần nói ít thôi, chỉ nói những việc cần làm thôi, chứ cần gì những thuyết lý dông dài. Mao Trạch Đông cũng thế, ông là một nhà chính trị thông kim bác cổ, quanh nơi ông làm việc và cả nơi ông nghỉ ngơi sách đang đọc xếp từng chồng, nhưng xem ra cũng chả hiểu đồng bào ông bao nhiêu.

Người dân ở đâu cũng thế, đều muốn có một cuộc sống bình yên, được tính việc cá nhân và gia đình trong một khoảng thời gian dài, một trăm năm chẳng hạn, không có những thay đổi lớn trong lối sống, trong công ăn việc làm, trong các giá trị, đặt biệt là giá trị của đồng tiền. Chứ cứ phải sống mãi từ năm này qua năm khác trong các phong trào cách mạng, lúc chống tả lúc chống hữu, những hội nghị toàn quốc và địa phương nối nhau không dứt, những hô hào la hét từ trong nhà ra ngoài đường như một lũ hoá rồ, các quan hệ xã hội và các giá trị thay đổi soàn soạch thì còn biết đằng nào mà sống. Vả lại các cuộc cách mạng ấy chả đem lại bất cứ lợi lộc nào, cho bất cứ giai cấp nào. Chỉ có những mất mát thôi, người giàu thì mất cơ nghiệp được kiến tạo từ nhiều đời, người nghèo thì mất những chỗ dựa cạy, có thể mất cả công việc kiếm sống mỗi ngày để được làm chủ một cái rỗng không. Có thực mới vực được đạo, đã đói ăn thì ngay đến cái tự cách làm người cũng không thể có nói gì đến đạo. Thành thử cái chủ trương rất quỵên rũ, rất “văn nghệ”, nhất là với giới trí thức, của chủ nghĩa Mác “cải tạo thế giới, cải tạo

con người” hoá ra chuyện không đâu, nói cho vui, bây giờ người ta cũng hay nhắc đến để chế giễu một học thuyết xã hội chứa đầy những hoang tưởng.

10.

---

Do không hiểu con người cá nhân, hoặc chỉ hiểu theo những phân tích máy móc, nông cạn của chủ nghĩa duy vật cơ giới của thế kỷ 19, nên các nước xã hội chủ nghĩa mới dám đặt ra những mục tiêu huênh hoang nhằm cải tạo con người trong vài thập kỷ nếu môi trường xã hội thay đổi. Nên mới gọi nhà văn là “ kỹ sư tâm hồn ” ! Văn chương do con người làm ra để trao tặng cho con người một cách tự do nhất, ít bị ép buộc nhất. Chỉ có văn chương mới tôn trọng mọi giá trị của cá nhân, tôn trọng mọi lựa chọn của cá nhân kể cả những thành kiến phi lý của họ. Họ có quyền yêu mình hoặc ghét mình , tôn vinh mình hoặc nguyền rủa mình, chả sao cả. Người viết cứ viết người ghét cứ ghét kể cả cái quyền ném sách vào lửa. Cái mục đích “ tải đạo ”, “ giáo dục ” của văn chương không bao giờ lộ liễu, lộ liễu là văn chương tồi. Và lại chính người viết cũng không có ý định ấy, họ viết bằng tâm sự thành thật của mình, những trải nghiệm đau đớn của mình, họ viết cho họ trước rồi cho độc giả sau, có khi họ cũng chả nghĩ đến những người sẽ đọc họ, viết mà chơi thôi, viết để giải sầu rồi tự mình ngậm ngùi với mình, ứa lệ với riêng mình. Chả trách ai cả, chả giận ai cả, cũng chả lên án một ai. Vì không có vật cản nào nảy sinh trong ta khi đọc nên chữ nghĩa của tác phẩm cứ mặc nhiên trôi vào tận những kẽ ngách trong cái tâm sự u uẩn, những khát vọng thầm kín của riêng ta, đọng lại trong ấy, rồi cứ thẩm thấu dần dần vào cái thế giới tinh thần của ta một cách vô thức, giúp ta nhận ra một vùng sáng mới lạ nào đó, gột rửa một vài thành kiến, thay đổi một vài quan niệm, và ta vẫn nghĩ một cách khoan khoái là chính tự ta đã chủ động thay đổi, tuyệt nhiên không theo lời chỉ bảo của một ai cả, của một học thuyết nào cả, hoặc nhập vào một cách bất chợt một phong trào thời thượng nào cả. Bất cứ cái gì xa lạ với bản tính của mình, với thói quen của mình, nói một câu, với những gì làm nên lai lịch của mình, chả sớm thì muộn đều bị đào thải để mình lại được trở về với cái nguyên gốc. Tôi được biết có một cụ linh mục yêu nước và cấp tiến được cách mạng tín nhiệm mời lên khu làm việc cho kháng chiến thời đánh Pháp. Những khi ngồi một mình cụ vẫn rất buồn vì ở trong rừng không có nhà thờ để cụ đi lễ và làm lễ. Cụ nhớ Chúa, nhớ bầy chiên và nhớ cả những lời nói của đáng chẵn chiên với bầy chiên trong công việc của mỗi ngày. Khi cụ sắp mất cụ thiết tha yêu cầu được một linh mục đang coi sóc một xứ đạo nào đó tới rửa tội và xức dầu Thánh cho cụ. Lại một chuyện khác, khi tôi được tiếp xúc với một vị lãnh đạo cấp cao của Đảng khi ông đang còn làm việc, quả thật tôi đã từng nghĩ ông là con người kiểu mẫu của một xã hội tương lai, chả nói gì, nghĩ gì về mình, tất cả cho tổ quốc, cho sự nghiệp, cho nhân dân. Nhưng rồi ông bị mất chức vì không được bầu lại vào uỷ ban trung ương của Đảng, một chuyện rất bất ngờ với nhiều người.

Khi đại hội công bố kết quả bầu cử, nghe nói ông đã òa khóc, rồi khóc thầm lén tới mấy năm, không đi đâu cả, không gặp ai cả vì tự cho mình đã bị sỉ nhục, đã mất hết danh dự. Lại là một con người khác, tầm thường hơn cái lúc còn đeo tám bài ngà rất nhiều. Con người mặc nhiều lớp áo là con người giả, con người đã bị lột truồng mới là con người thật. Con người đã bong một lớp sơn phủ kín chỉ còn trần lại cái lõi của nó mới là thật. Cái vỏ có thể luôn luôn thay đổi nhưng cái lõi muốn thay đổi phải mất có khi gần một đời người. Ấy là chỉ dám nói là có thể thay đổi chứ không dám nói chắc là sẽ thay đổi. Chỉ vì con người ta không chịu thay đổi theo những tiêu chuẩn đã được quy định hoặc theo mức tăng trưởng thu nhập tính theo đầu người. Sự phát triển của con người theo chiều hướng tích cực phụ thuộc rất nhiều vào môi trường sống tự do và dân chủ để tự nó khẳng định chính nó, tự nó đánh thức mọi tiềm năng sáng tạo đang nhen nhóm ở trong nó. Về cái thế giới tinh thần của mỗi cá nhân hãy để cho mỗi cá nhân tự lo liệu lấy, nó không thích người khác can thiệp bằng bất cứ cách nào. Nó sẽ biết cách tự điều chỉnh để thích ứng dần với mối quan hệ mới một cách có lợi nhất.

Trong nửa thế kỷ sống dưới sự lãnh đạo của một Đảng theo học thuyết Mác Lê, tôi luôn luôn được nhắc nhở phải tôn trọng quần chúng, sức mạnh của quần chúng có thể thay đổi dòng chảy của lịch sử và số phận của nhiều cá nhân. Nhưng cũng thật trớ trêu, không có một chế độ cộng hoà nào ở thế kỷ 20 lại dám coi thường quần chúng như tại các nước xã hội chủ nghĩa. Sống trong thể chế này suốt mấy mươi năm không có một cuộc biểu tình nào được tổ chức để phản đối một chính sách nào đó của nhà nước. Như thời làm cải cách ruộng đất hay thời huy động nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp. Giám đốc xí nghiệp nhà nước tham ô, mức sống của công nhân giảm sút cũng không có đình công. Nông dân bị kẻ cường quyền đàn áp, làm nhiều việc trái pháp luật, vừa mới nhen nhóm bày tỏ sự bất bình liền bị giập tắt ngay. Vì người lãnh đạo đã nhận định rất đúng rằng, nhân dân ta rất tốt, rất dễ bảo, bỗng dưng họ dám nói xược, dám đòi hỏi này nọ là do có mấy thằng cán bộ về hưu bất mãn cầm đầu. Cứ nhắm mấy thằng đó mà đe, nếu cần thì bắt là đầu vào đấy ngay. Quả nhiên thế thật. Tức là người cầm quyền chả coi dân chúng vào đâu. Họ chỉ sợ các cá nhân hiểu nhiều biết rộng, rất khó bắt nạt, là hay bày trò xúi giục thôi. Giống hết cái thời còn vua còn Tây, kẻ cai trị rất sợ người cộng sản vì họ là kẻ hay gây rối. Đã là người cầm quyền với nước ta thì xưa là thế nay vẫn là thế, người dân vẫn sống dưới chế độ chuyên chế chưa bao giờ được biết chế độ dân chủ là gì, đâu là dân chủ tư sản. Đã chuyên chế là chuyên chế làm gì có sự phân biệt chuyên chế tư bản với chuyên chế vô sản.

Người cộng sản rất kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nhưng lại chính từ các nước xã hội chủ nghĩa mà cái tệ sùng bái cá nhân đã nảy sinh. Vì lãnh tụ của học thuyết cũng là lãnh tụ của quốc gia. Họ lên cầm quyền không do phiếu bầu mà do tín nhiệm sẵn có của các tín đồ với giáo chủ. Giáo chủ là nhân vật tối linh, thuộc về thiêng liêng nên những gì của thế gian không thể ràng buộc ông ta được. Ông ta cầm quyền không có niên hạn vì ông phải phục vụ nhân dân cho tới lúc chết. Ông không phải tự phê bình và cũng không ai dám phê bình ông vì ông là biểu tượng của quốc gia, của Đảng cầm quyền, đứng trên hiến pháp và mọi luật pháp. Ông là người tự do hoàn toàn so với nguyên thủ các quốc gia dân chủ khác. Các cấp dưới từ trung ương tới địa phương cũng là những người có nhiều tự do nhất ở các ngành, các bộ và các địa phương họ cầm quyền. Là các lãnh chúa trong các lãnh địa của họ. Chả ai dám xâm phạm nếu còn muốn giữ cho mình một chút tự do cõn con. Một xã hội có hàng triệu cá nhân không được đếm xỉa, không được tôn trọng nhưng một nhóm cá nhân lại được tôn vinh hết mức và được được hoàn toàn thoả mãn trong mọi nhu cầu là cái xã hội gì đây, là xã hội kiểu mẫu cho nhân loại tương lai ư ?! Nói miệng mấy chuyện kỳ cục này đã khó nghe, lại còn viết thành văn mà các nhà văn không thấy ngượng sao ? Ngượng thì vẫn ngượng nhưng chả lẽ lại gác bút, gác bút thì nuôi vợ con bằng gì ? Nghĩ tới miếng ăn lại phải quên hết để sự bán mình cho quyền lực được hoàn toàn.

Năm đất nước mới thống nhất vào Sài Gòn được gặp gỡ các nhà văn nhà báo, các nghệ sỹ của chế độ cũ mà thêm. Họ sống thoải mái quá, nói năng hoạt bát, cử chỉ khoáng đạt, như chưa từng biết sợ ai. Còn mình thì đủ thứ sợ, sợ gặp người thân vì chưa rõ họ có liên quan gì với Mỹ nguy ? Nói cũng sợ vì nói thế là đúng hay sai ? Đến về mặt của mình cũng phải canh chừng, vui quá sợ mất cảnh giác, khen quá có thể đã ăn phải bả của nền kinh tế tư bản. Người lúc nào cũng căng cứng, nói năng giống một nên bị bà con trong này chê là quê, nhà văn nhà báo gì mà “ quê một cục ”. Giải thích chuyện này cũng chả khó, họ là sản phẩm của nền kinh tế công nghiệp tư bản, dẫu là thuộc địa cũng vẫn thuộc hệ thống tư bản, vẫn là những người đã được giải phóng khỏi nhiều ràng buộc từ quá khứ trong cách nghĩ, trong cách làm. Còn mình là sản phẩm của nền kinh tế nông nghiệp phong kiến, đâu đã được làm chủ nhân ông nhưng cũng chưa từng được hưởng cái mùi vị tự do và dân chủ là thế nào ! Cái khoảng cách ấy có tính thời đại không thể bỏ qua mà cũng không thể rẽ tắt. Mình cũng đã đi tắt suốt mấy chục năm, rất tiếc

là lịch sử không công nhận cái lỗi đi ấy. Tôi còn sợ rồi sẽ có ngày lịch sử sẽ trừng phạt mình vì cái tội muốn khôn hơn lịch sử, muốn đánh lừa lịch sử !

12.

---

Các đảng cộng sản đều coi phê bình và tự phê bình là cách giải quyết mâu thuẫn nội bộ hữu hiệu nhất. Sự vận động sẽ sinh mâu thuẫn, giải quyết được mâu thuẫn sự vật mới có cơ hội phát triển, tiến lên. Phủ định và phủ định của phủ định, nghe vừa khoa học vừa huyền bí, như câu thần chú : “Vùng ơi, mở cửa ra !”, cứ đọc to lên là cánh cửa vào tương lai sẽ mở toang. Các nước xã hội chủ nghĩa vẫn đọc to câu thần chú ấy trong nửa thế kỷ mà cánh cửa vào tương lai vẫn đóng chặt. Mất thiêng rồi chẳng ? Quả là đã mất thiêng vì người hô không hề tin một chút nào vào cái khả năng kỳ diệu của nó. Nếu tin vào phê bình và tự phê bình thì Stalin đã không chế ra các vụ án chính trị man rợ để tiêu diệt các đối thủ vốn là tay trái tay phải của mình trong những năm đó. Nếu tin vào câu thần chú ấy thì Mao Trạch Đông đã không bày ra tấn tuồng “cách mạng văn hoá” để tiêu diệt mọi kẻ dám can ngăn những chủ trương đầy tính phiêu lưu của ông. Ấy là nói về những người nắm quyền lực cao nhất, còn những người nắm những cơ quan quyền lực thấp hơn cũng chẳng bao giờ họ tin vào cái phương pháp lãng mạn đó cả. Trong các cấp uỷ họ vẫn tự phê bình và phê bình nhau một cách sốt sắng giả dối. Và ai nấy đều tự bằng lòng hơn sau những lễ xưng tội giải tội hết sức vui vẻ này. Và mọi thói xấu, kể cả tội ác nữa, vẫn nghiêm nhiên tồn tại như trước đây, vẫn là những vùng cấm chỉ những kẻ quá chán đời mới dám đơn độc xông vào. Bởi vậy khi ông tổng bí thư của Đảng mới được bầu, trong cơn phấn khích đôi mới sinh hoạt đảng, đã phát động một phong trào tự phê bình và phê bình rộng khắp toàn đảng, các đảng bộ trong cả nước đều nhiệt liệt hưởng ứng, đều nhắc lại với lòng nhiệt thành hiếm có trong các bài diễn văn có đảng tính cao của họ. Đó là một màn diễn khổng lồ, rất tốn kém, chẳng đem lại bất cứ kết quả nào. Vì chỉ là diễn thôi, người cũ kẻ mới đều vào vai rất thành thạo. Rút cuộc kẻ có tội vẫn ngày càng hung hãn, càng tự tin, còn người tố tội càng lúc càng dè dặt, hãi sợ. Kỳ quái nhỉ ?

Các tín đồ của học thuyết Mác đều rất tin môi trường xã hội và hoàn cảnh cá nhân có ý nghĩa quyết định tới sự hình thành tính cách con người. Một địa phương có nhiều phong trào cách mạng tích cực ắt phải sản sinh ra nhiều tập thể tốt, một tập thể tốt sẽ sinh ra nhiều cá nhân tốt. Con người là một thực thể vật chất nên không thể thoát ly những điều kiện vật chất đã cho phép nó tồn tại. Nhưng nó còn là một thực thể sinh học, một thực thể tinh thần, tâm linh, văn hoá bao gồm lịch sử cá nhân và dòng họ ở trong nó. Nó cũng không thể biết hết nó, không thể biết hết những phản ứng bất thần trong chính nó khi vấp phải những đối nghịch trong cuộc sống. Nên cái thế giới tinh thần, tâm lý của con người là rất đa dạng, phức tạp, có muôn vàn lối đi ngoắt ngoéo. Từ thời con người có ngôn ngữ để giao tiếp, có chữ viết để lưu lại, có văn chương để bày tỏ những bí mật của riêng mình, nó vẫn không ngớt than thở là chẳng biết được bao nhiêu về mình và đồng loại. Con người vẫn nguyên vẹn là một bí mật mê mông, sâu thẳm như từ thừa nguyên sơ vậy. Người cộng sản phải kêu ngạo lắm mới dám bày cái trò chỉnh huấn phê bình để lãnh đạo một cách chuẩn xác cái phần khó nắm bắt nhất trong con người. Vì nó biến hoá, nó phù du như mây như gió vậy.

13.

---

Con người có 2 mắt đều hướng ra cái thế giới vật chất bên ngoài, không có con mắt nào hướng vào trong để ngắm nghía, kiểm soát cái thế giới tinh thần của nó nên nó bị mù một nửa, cũng như nó không có cái tai bên trong nên không thể nghe được những tiếng thì thầm rất nhỏ mỗi đêm trong chính mình. Hai cái khuyết tật bẩm sinh ấy đã làm con người thiếu hoàn chỉnh, là nguyên do mọi đổ vỡ của nhiều danh nhân đứng tưng vào những năm cuối đời. Nhưng cũng có một số ít người có khả năng nhìn được sự vận động cả trong lẫn ngoài, nghe được những

tiếng động rất nhỏ cả ngoài lẫn trong. Họ không có cấu tạo vật chất đặc biệt nào mà chỉ bằng cái năng lực tinh thần rất mạnh đã bù đắp được những khiếm khuyết bẩm sinh. Nhiều tập hồi ký của các danh nhân cả chính trị lẫn văn hoá đều thiếu cái phần còn nhày nhụa của họ, cái phần thú vật của con người nơi sản sinh ra những tội ác chưa hình thành, cái què quặt, cái buồn cười đã được kiềm chế đúng lúc, đã được giấu nhẹm, cái phần họ muốn quên đi và rất dễ trở thành lang sói với đồng loại nếu trong đồng chí, đồng nghiệp còn có người biết đến và nhớ tới. Cuộc chiến đấu lớn, có tính bi kịch giữa mình với mình bao giờ cũng hoành tráng, cũng đẹp, rực rỡ những màu sắc đối nghịch vì nó đã bộc lộ đầy đủ nhất cái phẩm chất LÀM NGƯỜI trong mỗi CON NGƯỜI. Không phải bất cứ ai cũng tạo ra được trận chiến thần thánh ấy, vì chiến trường ở ngay trong lòng mình, mình vừa là kẻ thách đấu vừa là kẻ dám nhận đấu, đấu thua cũng là cái thua của thần thánh. Một công việc trang trọng đến thế, hùng tráng đến thế mà lại dám nghĩ là công việc của số đông, của những người chưa hề chuẩn bị một cái nhìn bên trong, một cái nghe bên trong cho riêng mình, cả đời họ sống trong tự mãn, trong u mê, bắt thần mời gọi hãy nhìn lại mình, hãy nhìn lại người để có được những phán xét và điều chỉnh chuẩn xác ! Ông tổng bí thư đã mở một cuộc chiến ảo nên ông cũng chỉ nhận được những kết quả ảo.

Một đảng, một thể chế chính trị lấy phê bình và tự phê bình làm vũ khí sắc bén để giải quyết mọi mâu thuẫn nội bộ, giả thử nó lại không còn dùng được nữa thì các mâu thuẫn sẽ được hoá giải bằng cách nào ? Đảng đối lập không có, dư luận đối lập qua báo chí và các cuộc biểu tình quần chúng cũng không có, vậy làm cách nào để biết và điều chỉnh mọi sự rắc rối, thậm chí cả bạo loạn nữa nếu nó xảy ra ? Vẫn có cách, là phải tạo ra một tình hình chính trị luôn căng thẳng (một cuộc chiến tranh có thể xảy ra, một cuộc bạo loạn có thể xảy ra) để buộc các công dân phải sống trong những quy chế nghiêm ngặt của thời chiến, ở các chế độ toàn trị chỉ có hai cơ quan mà quyền uy bao trùm cả xã hội. Đó là cơ quan tư tưởng, tuyên truyền và cơ quan công an. Một đề chặn, một đề chống. Còn khi đã có chuyện bất thường xảy ra thì chỉ có một biện pháp : đàn áp, bắt giữ, lập toà án xét xử những kẻ cầm đầu. Cách giải quyết vừa nhanh gọn lại mau ổn định, không dây dưa, phiền toái vì có quá nhiều luật lệ, qua nhiều lý lẽ như ở các nước tự bản. Những rối loạn vặt vãnh thật ra là nước là không khí của các nhà cầm quyền độc tài. Họ đâu có sợ loạn. Họ còn bày ra những cuộc chiến cung đình như ở Liên Xô và các nước Đông Âu, hay một cuộc chiến giữa nhân dân với nhau như đã làm ở Trung Quốc. Không có mùi vị của thuốc súng, của máu người và những tiếng la hét cuồng nộ của đám đông thì người cầm quyền biết thờ bằng gì !

14.

---

Tập thể không làm ra văn chương vì nó không có cảm nghĩ riêng, tâm sự riêng, tính cách riêng. Nó là vô danh. Một tâm sự mãn nguyện, những tiếng cười hoan lạc, một kiếp người quá đầy đủ cũng không thể có chỗ đứng trong văn chương. Vì văn chương bao giờ cũng thuộc về những tiếng kêu của con người để đòi lại những gì còn thiếu : thiếu tự do, thiếu công bằng, thiếu hạnh phúc... Đòi người là bề khổ, những khao khát về tinh thần của con người là vô cùng nên mới cần có văn chương và nghệ thuật để bù lại. Còn mọi thứ đều được biết, đều đầy đủ, đều mãn nguyện thì tôn giáo không còn, triết học không còn, và tất nhiên văn chương cũng không thể còn. Nó sẽ chết vì bị ngạt, vì không còn những khoảng trống huyền bí để suy nghĩ, để mơ mộng và để thờ. Những gì mà chủ nghĩa cộng sản hứa sẽ thành hiện thực trong tương lai thì cái hiện thực ấy sẽ giết chết cả loài người. Vì thượng đế đâu cần những con dòi béo quay lúc nhúc dưới chân Ngài. Cũng may đó chỉ là những lời nói dối, tự dối mình và dối người của những con người đã phải sống nhiều trăm năm trong cùng khổ, trong tuyệt vọng. Còn hướng tới thiên đàng ư ? Là thiên đàng trần gian hay thiên đàng thượng giới cũng không một ai có thể sống nổi. Sống không lo nghĩ, không mong muốn, không đấu tranh là kiếp sống con dòi rồi. Chả

lẽ những con dòi cũng có thể cất cao những cái đầu múp míp của chúng để làm ra triết học và thơ ca !

Những điều viết trên đây không do tôi tưởng tượng ra mà do những trải nghiệm bản thân mà có. Những năm còn trẻ cả vợ lẫn chồng đều ăn lương quân đội, lại phải nuôi dưỡng những bốn đứa con, nhà ở ven bãi sông năm nào cũng phải chạy lụt, lại quá chật có 15 mét vuông. Ăn thì mì hai phần gạo một phần, gạo phải nhặt sạn cả buổi mới dám nấu thành cơm. Còn thức ăn ư ? Chả nói nữa ai cũng ăn như thế, ăn dưa ăn mắm suốt mấy chục năm đã hoá quen. Cả nhà chỉ có hai cái giường, một cái bàn, hai cái ghế, tiếp khách ở đấy, mời cơm khách ở đấy, con học bài cũng ở đấy, và ông bố viết văn cũng chỉ có cái bàn ấy. Đêm đêm nằm cạnh hai thằng con trai lớn đạp ngang, quấy dọc, rầm đánh thối um, vừa quạt cho hai thằng con ngủ tôi vừa mơ mộng đến một ngày nào đó, các con đã trưởng thành, tôi có được một phòng riêng để viết và tiếp bạn, mỗi bữa cơm đều có cá hoặc thịt, có cả chút rượu nữa càng hay. Tôi không phải lo nuôi con, không phải lo cả trăm thứ vật vãnh để tồn tại, chỉ có đọc sách, ngâm nghĩ, đi chơi đây đó với bạn bè và viết, ắt hẳn tôi sẽ viết được một hai cuốn sách để đời. Bây giờ tôi đã ngoài bảy chục tuổi, đã có đầy đủ những gì tôi khao khát, có thể nói còn hơn cả khao khát. Tôi đã sống đầy đủ, sang trọng nữa, hơn nhiều nhà văn tôi được biết ở các nước Đông Âu. Và tôi đã nghĩ nếu chủ nghĩa cộng sản thành công ở Việt Nam thì cũng chỉ cho được tôi đến thế. Khốn nỗi, lúc này tôi đâu còn năng lực làm việc bằng trí tuệ nữa mà cũng chả có nhu cầu nào phải đòi hỏi. Cuộc sống được vỗ béo của một kẻ ăn không ngồi rồi đã giết chết mọi tư tưởng ở trong tôi, rồi giết luôn đến đội quân chữ nghĩa, chúng đã hoá ra rỗng tuếch, vô hồn. Nhà văn mà hết chữ thì chỉ là cái xác chết. Xác chết con người với xác chết con dòi có gì là khác mà phải phân biệt !

15.

---

Tôi có một tuổi thơ rất buồn, lại sống với những người có số phận buồn nên mới 14, 15 tuổi đã nhìn đời như một ông già. Tức là một cái nhìn không mấy lạc quan. Cái xã hội tôi đang sống không mấy hoàn hảo, những người tôi gặp cũng không được hoàn hảo. Tôi quen thuộc với những gì không hoàn hảo tới mức gặp những gì quá đẹp, quá chu toàn tôi đều ngờ, đều sợ. Người truyền cho tôi cái nỗi sợ bẩm sinh ấy là mẹ tôi. Bà đã qua một đời chồng rồi mới gặp được bố tôi. Đời chồng trước mọi sự đều tốt đẹp, ông ấy còn trẻ, có địa vị trong xã hội, nhà giàu, lấy nhau được một năm lại sinh con trai. Mà rồi chỉ ở với nhau được ba năm phải bỏ. Đời chồng sau thì dở, dở cả mọi đàng. Bố tôi cũng còn trẻ, làm tham biện ở phủ thống sứ, nhưng ông đã có vợ và hai con nên phải làm lẽ và lấy giầu. Mẹ tôi bảo thế là đúng số, là đã an phận, nhưng lại lo bố tôi sẽ bỏ khi cuộc ăn chơi này gây thêm phiền phức cho cái gia đình chính thức của ông.

Hai anh em tôi là bản sao nguyên mẫu của bà. Những gì nhận được từ tuổi thơ mãi mãi hằn dấu lên cho đến hết cuộc đời chúng tôi. Nhìn bên ngoài tôi có tướng con nhà phong lưu nhưng cái ruột của tôi lại thuộc về con cái của những gia đình nghèo, lại chả có thể thân gì nên rất biết phận, cho thì nhận, không cho cũng không đòi, chỉ cầu không có ai quấy nhiễu là mừng. Em trai kém tôi năm tuổi, lấy vợ muộn, về hưu sớm, lúc trẻ thì thay anh hầu hạ mẹ, về già thì đi chợ nấu cơm, giặt quần áo thay vợ chăm sóc các con. Cả đời chỉ biết cười, cái cười nhẩn nhục, bằng lòng với những gì mình có. Tôi thì khác, một cuộc sống bên ngoài ai cũng biết là khiêm tốn, nhẩn nại, ít làm phiền người khác và chả dám gây sự với một ai. Nhưng cuộc sống bên trong cũng có nhiều tham vọng, làm quan hay làm anh nhà giàu thì không dám vì tôi không có bản lĩnh tiến thân bằng hoạn lộ hay kinh doanh. Tôi chỉ có một ao ước duy nhất là được viết văn cho đến già. Với cái tài tôi tự biết, tôi phải sống rất lâu và viết rất nhiều may ra mới được một hai cuốn sách hay, mà cũng chỉ hay trong cái thời của nó chứ không thể hay ở mọi thời. Tôi tự nhận tôi là người có một con mắt bên trong và một cái tai bên trong từ nhỏ. Để quan sát,

nghe ngóng những người khác họ yêu mình hay ghét mình. Càng lớn tuổi cái khả năng tự xét mình của tôi càng sắc nhọn. Và tôi đã nhận ra cái lợi của phép giấu mình. Trang Tử đã nói : Con chim bay cao thì tránh được tên, được bẫy, con chuột đào hang sâu thì tránh được cái hoạ bị khói hun.

16.

---

Khi tôi nói, tôi sống và viết cũng thoái mái, vui vẻ trong một chế độ chuyên chế về tư tưởng cứ như là người nói dối, lại nói dối một cách trơ tráo, sống sượng. Nhưng đó là lời nói thật, không thật với nhiều người nhưng với tôi là thật. Tôi được thay đổi số phận từ cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chín năm đánh Pháp với nhiều người là rất dài, với tôi lại rất ngắn vì tôi được sống trong niềm vui, trong những cái khác thường và cả trong nhiều hi vọng. Nhiều anh trong cơ quan tuyên huấn của quân khu đều xuất thân từ các gia đình viên chức nhỏ, địa chủ nhỏ, được ăn học đàng hoàng đến hết bậc cao đẳng tiểu học đã có những thói quen, những nền nếp của cuộc sống thị dân từ nhỏ. Họ rất thích quan sát những phản ứng của tôi khi phải đối mặt với mọi thiếu thốn của cuộc sống kháng chiến. Vì nhìn ngoài tôi như một thư sinh con nhà quý tộc chưa từng biết cái thiếu cái khổ là gì. Những việc làm rất tự nhiên của tôi đều được đánh giá phải có nhiều nghị lực, nhiều quyết tâm mới làm được thế. Tôi vẫn sống như xưa kia, ngày xưa thì bị chê bị chửi, bây giờ lại được khen, được tuyên dương, người cứ lằng lằng như nhập đồng, còn biết cái thiếu là gì cái khổ là gì. Nếu so sánh thì trước kia tôi chỉ là con số không, còn bây giờ tôi đã có một cái tên ký dưới các bài báo, đã được nhiều ông anh trong cơ quan nhờ vả, đòi hỏi, bực tức hoặc khen ngợi.

Tôi đã được tách ra khỏi đám đông để tự bằng lòng mình và có cả chút ít “ kế hoạch riêng ” cho mình nữa. Còn các anh hơn tôi dăm bảy tuổi thì đã có nhiều thứ để so sánh những cái “ đã có ” trước kia và cái “ đang có ” bây giờ. Cái “ đang có ” của dân tộc thì nhiều, còn cái “ đang có ” của cá nhân như chả còn được bao nhiêu. Những kiến thức lịch sử và xã hội, triết học và văn chương xem ra phải bỏ đi quá nửa. Các quan hệ giao tiếp xã hội được dạy bảo từ thuở còn thơ nếu dùng lại cứ vênh vác, buồn cười thế nào trong hoàn cảnh kháng chiến. Sống tinh tế, tôn trọng người khác là cách sống của anh tiểu tư sản. Lòng thương người không đúng chỗ cũng được xem như biểu hiện của một tính cách nhu nhược, không đáng tin cậy. Còn những câu đùa thông minh, kín đáo ánh lên như một vệt sáng vui trong cuộc sống đơn điệu, tẻ nhạt của mỗi ngày lại dễ bị đồng đội hiểu lầm là một cách chế diễu của người có học với những anh em ít học. Qua mỗi cuộc chỉnh huấn tâm vóc của mấy anh càng như nhỏ lại, mờ nhạt hơn, mất dần những vẻ riêng, cái phần độc đáo riêng để nhập vào cái dòng chảy chung, vào cách nghĩ cách sống của một tập thể bao bọc quanh mình. Đại để cái riêng của mỗi chúng tôi đã bị cái chung nuốt dần như thế. Tôi thì sao ? Tôi đã có một may mắn lớn vì tôi thuộc về số đông, một quần thể vô danh tồn tại âm thầm trong nhiều thế kỷ dưới chế độ phong kiến. Cách mạng Tháng Tám đã nhất loạt giải phóng họ ra khỏi thân phận nô lệ, tạo cơ hội cho họ phát triển những tài năng riêng của mình, chủ yếu trong lĩnh vực quân sự để kịp thời phục vụ những nhu cầu của kháng chiến. Số đông trong họ chỉ mới biết đọc biết viết từ ngày vào quân đội nhưng học rất nhanh cách xây dựng một quân đội hiện đại với những cơ quan phục vụ cho công việc tham mưu, tác chiến, hậu cần vì họ đã có được một ông thầy lý tưởng là quân đội hiện đại của đối phương với ông tướng lừng danh trong thế chiến 2 của nó. Trong chín năm đánh Pháp quân đội đã trở thành cái nôi đào tạo, nuôi dưỡng nhiều nhân tài quân sự của thời hiện đại, cả những tài năng văn nghệ phục vụ trong quân đội, nó là tổ chức tiên tiến nhất của xã hội Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ 20. Trong chiến tranh người chỉ huy quân sự là hình tượng đẹp nhất, lãng mạn nhất vì họ là con người của hành động, của đảm bảo chiến thắng, luôn ở vị trí thứ nhất, còn con người của học thuyết chỉ ở vị trí đứng sau, trong nhiều trường hợp chỉ là cái anh bàn thêm, nói góp. Còn những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội thì con người lý luận có nhiệm vụ bảo vệ sự trong sáng của học thuyết chính thống ở hàng đầu được tôn trọng và có quyền quyết định sự

sống chết của nhiều người. Chính là trong những năm này mới sinh ra nhiều vụ án chính trị và văn chương, nay nghĩ lại vừa vô nghĩa vừa buồn cười nhưng thời ấy nó đã chôn sống nhiều tài năng thực sự ở mọi lĩnh vực vì họ đã tỏ ra ngờ vực sự đúng đắn của tư tưởng chính thống.

Một nửa nước đã được độc lập nhưng lòng người tan nát vì tài sản một đời chắt chiu của họ đã bị nhà nước tịch thu hoặc trưng thu khiến họ trở thành những người vô sản bất đắc dĩ. Tầng lớp trí thức chắt chiu tài sản gì ngoài cái đầu được tư duy tự do, thì cái đầu cũng bị nhà nước trưng thu luôn, vì từ nay họ chỉ được nghĩ được viết theo sự chỉ dẫn của một học thuyết, của một đường lối nếu họ không muốn giẫm vào vết chân của nhóm “ Nhân Văn Giai Phẩm ”. Một dân tộc đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ mà mặt người dân nám đen, mắt nhìn ngơ ngác, đi đứng long rom như một kẻ bại trận. Quả thật dân tộc Việt Nam đã thắng lớn trong phong trào chiến tranh giải phóng nhưng lại thua đậm trong công cuộc xây dựng một xã hội tự do và dân chủ. Thoát ách nô lệ của thực dân lại tự nguyện tròng vào cổ cái ách của một học thuyết đã mất hết sức sống. Dân mình sao lại phải chịu một số phận nghiệt ngã đến vậy !

Một xã hội tan nát, lòng người chiu nặng những phiền muộn ưu tư, mà là những người đã hết lòng hết sức với kháng chiến bằng cách này hay cách khác. Vậy nhà văn phải viết như thế nào, phải viết cái gì để tạo được một hiện thực tràn đầy hy vọng như các nhà lãnh đạo cách mạng yêu cầu.

17.

---

Những năm 50, 60 của thế kỷ 20, với tôi là những năm tràn đầy niềm vui. Nhìn vào đâu tôi cũng thấy tôi được, dân tộc tôi được. Nhưng cũng những năm ấy với hàng triệu người dân thường lại là những năm đầy lo lắng, hãi sợ và tuyệt vọng. Tôi vui là chuyện có thật, những trang viết của tôi vào những năm ấy là rất thành thật. Nhưng nước mắt của người khác cũng là chuyện có thật, tôi có biết, có được chứng kiến. Tôi nên nghiêng ngòi bút của tôi về phía nào. Về già tôi mới nhận ra nhà văn phải nghe theo tiếng gọi của tình cảm, của trái tim, của cái phần thiện lương trong con người mình. Nó đã bảo sai là sai, không có thứ lý luận nào chống đỡ nổi. Và lại văn chương bao giờ cũng đồng cảm với nỗi đau của con người, những bất hạnh của con người. Chưa bao giờ vì sự mãn nguyện, sự thành công của con người mà cất lên tiếng hát ca ngợi cả. Ở các thể loại nghệ thuật ngôn từ con người phải chống chọi với mọi cảnh ngộ trái ngược chiếm gần hết các trang viết, các màn diễn, còn khi người nghèo đã thành giàu, người hèn được bước vào thế giới phú quý, trai gái phải chịu nhiều năm chia lìa tới lúc tái hợp là cuốn sách, vở diễn phải chấm hết ngay. Nó đã kết thúc cái phần nghệ thuật để bắt đầu sang phần tụng ca là cái thế giới của mãn nguyện của buồn chán, là cái phần phi nghệ thuật. Nhưng người lãnh đạo lại chỉ thích cái phần không phải là nghệ thuật, tặng giải thưởng, trao huân chương cho các tác giả chỉ để tưởng thưởng cái phần nhạt nhẽo vô vị ấy mà thôi. Cái cách cảm nhận hiện thực đầy tính lãng mạn ấy đã làm lệch lạc cách xem xét, cách ứng xử của nhiều thế hệ bạn đọc, nhất là bạn đọc ở tuổi mới trưởng thành, trước những biến hoá muôn mặt của cuộc sống. Họ chỉ có mỗi khả năng làm người phê bình văn học theo đường lối chính trị chính thống, tại sao cuộc sống đẹp như thế mà nhà văn lại miêu tả nó xấu đến thế. Làm sao dám cãi, hãy để cho những trải nghiệm của chính họ qua năm tháng sẽ âm thầm biện hộ giúp mình thôi.

18.

---

Một xã hội không tự hiểu mình, mỗi cá nhân cũng không tự hiểu mình, vàng thau, phải trái, cao quý ti tiện lẫn lộn, các giá trị lẫn lộn bắt đầu từ sự không chuẩn xác của ngôn từ. Câu mở đầu kinh thánh Cựu ước “ *Thoạt Tiên Là Ngôn Ngữ...* ” (*Au commencement était le Verbe*). Ngôn ngữ làm nên văn minh này, vì nó có thể lưu giữ và truyền lại toàn bộ kinh nghiệm của nhiều đời trước cho nhiều đời sau, càng ngày cái khả năng nhận thức càng gần đúng như nó có, khiến sự lựa chọn của con người khách quan hơn, có hiệu quả tích cực trong quá trình chủ động



thích ứng với mọi đổi thay của môi trường sống và môi trường xã hội. Vậy mà ngôn từ lại là cái mặt yếu nhất trong các lãnh vực thuộc thượng tầng kiến trúc ở các nước xã hội chủ nghĩa. Công dân của các nước ấy dùng ngôn từ để che đậy chứ không nhằm giao tiếp, hoặc giao tiếp bằng cách che đậy, “*nói vậy mà không phải vậy*” ! Nó là cái vỏ cứng để bảo vệ mọi sự bất trắc, chống lại thói quen hay xét nét lời ăn tiếng nói của công dân của mọi chính quyền chuyên chế. Cái cách tự bảo vệ ấy lại càng rõ rệt ở cấp lãnh đạo và các viên chức nhà nước làm việc ở các cơ quan quyền lực. Họ nói bằng thứ ngôn ngữ khô cứng đã mất hết sinh khí, một thứ ngôn ngữ chết, ngôn ngữ “*gỗ*”, nói cả buổi mà người nghe vẫn không thể nhận ra một chút thông tin mới nào. Các buổi trả lời phỏng vấn báo chí, diễn văn tại các buổi lễ kỷ niệm, báo cáo của Đảng, của chính phủ, của quốc hội, tất cả đều dùng các từ rất mơ hồ, ít cá tính và ít trách nhiệm nhất. Người cầm quyền cấp cao nhất và cấp thấp nhất đều biết cách nói mơ hồ, càng nói mơ hồ càng được đánh giá là chín chắn. Và nói dối, nói dối hiển nhiên, không cần che đậy. Vẫn biết rằng nói dối như thế sẽ không thay đổi được gì vì không một ai tin nhưng vẫn cứ nói. Nói đủ thứ chuyện, nói về dân chủ và tự do, về tập trung và dân chủ, về nhân dân là người chủ của đất nước còn người cầm quyền chỉ là nô bộc của nhân dân. Rồi nói về cần kiệm liêm chính, về chí công vô tư, về lý tưởng và cả quyết tâm đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Nói dối lem lém, nói dối lì lợm, nói không biết xấu hổ, không biết run sợ vì người nghe không có thói quen hỏi lại, không có thói quen lưu giữ các lời giải thích và lời hứa để kiểm tra.

Hoặc giả hỏi lại và kiểm tra là không được phép, là tối kỵ, dễ gặp tai hoạ nên không hỏi gì cũng là một phép giữ mình. Người nói nói trong cái trống không, người nghe tuy có mặt đầy nhưng cũng chỉ nghe có những tiếng vang của cái trống không. Nói để giao tiếp đã trở thành nói để không giao tiếp gì hết, nói để mà nói, chả lẽ làm người lại không nói. Thật ra nói thế mà vẫn hiểu nhau cả. Người cầm quyền thì biết là nhân dân đang rất bất bình về nhiều chuyện, nhân dân thì biết người cầm quyền đang nói dối, nhìn vào thực tiễn là biết ngay họ đang nói dối. Nhưng hãy mặc họ với những lời lẽ dối trá của họ, còn mình là dân chả nên hỏi lại nói thế là thật hay không thật. Mình cứ làm theo ý mình và mình cũng sẽ nói dối, nói che đậy nếu như có dịp được người cầm quyền hỏi.

Trong hàng trăm cuốn hồi ký của các nhà văn hoá, của những người hoạt động chính trị, của nhiều tướng lĩnh, ta chả biết được bao nhiêu cái thể giới riêng của họ, cái thể giới cá nhân của họ. Cái phần đóng góp của họ càng nhỏ thì cái ý nghĩa quyết định của tập thể càng lớn, cái có tên thì bé tí xíu, vô nghĩa, cái không tên thì bao trùm khắp nhưng cũng không có hình thù rõ rệt, cứ mờ mờ mịt mịt, có đấy mà cũng không có đấy, cái chung ấy chả phải chịu trách nhiệm với một ai, có biết nó là ai mà truy cứu.

19.

---

Trong cái bối cảnh xã hội, chính trị như thế, mỗi người đều ít nhiều đánh mất cái cá nhân của mình cũng là lẽ đương nhiên. Nhà văn là chuyên viên nghiên cứu mọi chuyện của cá nhân, những sắc thái tâm lý cùng với những biến hoá vô tận của nó trong những hoàn cảnh khác nhau, những thời thế khác nhau. Nhưng đọc hồi ký của các nhà văn cũng nhạt nhẽo lắm, họ chỉ phô diễn cái tôi trong các cuộc gặp những bậc đàn anh và bạn bè trong nghề, nói toàn chuyện tào lao, vụn vặt, chuyện sinh hoạt và chả đả động chút nào tới thời thế, tới những bức xúc về thời thế và cái nghề của mình trong thời thế. Tính hiện thực và tính lịch sử của một thời rất mờ nhạt, đơn giản, thành thử cái ý nghĩa truyền đạt những giá trị đích thực của một thời tới các thế hệ đến sau hầu như không có. Đó là điều rất đáng tiếc, vì nếu các chứng nhân không nói gì cả thì lịch sử cũng không thể cất lên tiếng nói chân thực của nó, thời gian qua đi, bóng tối phủ lên, quên lãng phủ lên, cái thời mở nước, giữ nước chỉ còn lưu lại những cột mốc của các chiến công, còn cuộc chiến thảm lạng đã làm tan nát nhiều con người để con người được là chính mình, được là một thực thể thiêng liêng, đền đài lưu giữ muôn thuở cái tài sản tinh thần của một dân tộc, một dòng họ mãi mãi được vun xới, được phát triển tương ứng với sự phát triển

của dân tộc, của thời đại thì chưa được văn thơ nói đến, triết học nói đến, các ngành khoa học nhân văn nói đến. Dầu không nói đến, không được phép nói đến thì cái dòng chảy vĩnh cửu ấy vẫn được nhiều triệu người âm thầm khai thông, bồi đắp để các nhân tài Việt Nam không ngừng xuất hiện lúc ở lãnh vực này, lúc ở lãnh vực khác. Một đất nước không có những cá nhân kiệt xuất, tài ba làm chân dung đại diện trong cộng đồng nhân loại thì đó là một bất hạnh cho dân tộc, tạo ra một khoảng trống tiếp nối trong lịch sử sinh tồn của mỗi cá nhân. Rồi các thế hệ đến sau phải nối lại bằng cách nào vì vẫn phải bắt đầu từ môi trường chính trị, xã hội, từ một xã hội vừa truyền thống vừa văn minh, những mục tiêu nhắm tới vừa là phát triển cái riêng biệt, vừa là sự hòa nhập vào nền văn minh của khu vực và thế giới. Một nền văn minh riêng lẻ, với những mục tiêu hoang tưởng, một môi trường xã hội ngọt ngào vì cái bóng quyền lực phủ lên tất cả, quyết định tất cả thì số phận những cá nhân sẽ ra sao ?

Hãy nhìn vào nước Nga những năm 90 của thế kỷ 20 là sẽ rõ. Họ vừa thoát khỏi cái bóng che của chủ nghĩa chuyên chế để được nhìn cái ánh sáng thật của dân chủ và tự do. Ai chẳng nghĩ họ đã có cơ hội sải những bước chân dài khi đã bung phá mọi sự trói buộc. Nước Nga mãi mãi là một siêu cường vì những thử thách lớn nhất của một dân tộc là chiến tranh và cách mạng nước Nga đều đã trải qua mà vẫn tồn tại vì đất đai mênh mông của mình và những tiềm lực vô hạn ẩn giấu trong đó cả vật chất lẫn tinh thần. Phải vài chục năm nữa nước Nga sẽ là như thế nhưng trước mắt thì không thể. Lý do rất đơn giản, kinh tế có thể phục hồi nhanh nhưng con người phải có thời gian dài hơn nhiều nó mới có thể lấy lại những gì đã mất. Tầm vóc cá nhân của người Nga trong non một thế kỷ dưới chế độ Xô Viết đã bị co hẹp lại rất nhiều dầu họ vẫn được sống, được học tập và lao động trong những điều kiện của một xã hội văn minh. Chỉ đáng tiếc cái văn minh của họ là một nền văn minh tự tạo tách khỏi nền văn minh nhân loại, dựa trên những tiêu chuẩn mà tâm hồn Nga không thể chấp nhận, không thể tiến hoá. Lại thêm trong non một thế kỷ người Nga đã mất dần thói quen suy nghĩ độc lập, quyết định độc lập, mất dần cả tính cách phản kháng và bảo vệ chân lý, con người quen sống trong đám đông, trong tập thể, trong bầu đàn, không có cơ hội và sự khích lệ của xã hội để tạo ra những chân dung riêng với những tư tưởng khác nhau, những triết lý khác nhau những cách sống khác nhau. Mọi cái khác với chính thống đều bị lên án, mọi cái giống nhau đều được tuyên dương. Vì những cái khác nhau rất khó tạo ra sự nhất trí, còn những cái giống nhau sẽ dễ nghe theo, làm theo mọi mệnh lệnh. Người cai trị sẽ rất dễ chịu, rất nhàn nhã nếu quốc gia mình cầm quyền được tổ chức giống như trại lính, ông ta sẽ có dư thời gian để làm thơ hoặc viết tiểu thuyết, vừa có cái bây giờ lại có cả cái sau này. Còn phải lãnh đạo một xã hội dân sự của các công dân tự do thì có hàng trăm công việc đòi hỏi phải được giải quyết mỗi ngày, mà cách thức giải quyết cũng rất phức tạp, nó yêu cầu phải đối thoại, phải được tranh luận bình đẳng, phải thương lượng, phải luôn luôn thay đổi những chủ trương mà dân chúng không bằng lòng. Và mọi việc làm đều phải tuân theo hiến pháp và được xã hội kiểm tra thông qua hệ thống thông tấn báo chí. Chẳng những người lãnh đạo phải bị kiểm tra những công việc thuộc về chức năng của họ mà còn bị theo dõi rất nghiêm ngặt mọi sinh hoạt thuộc về đời tư của họ để ngăn chặn kịp thời những vi phạm thuộc về đạo đức.

Ở những xã hội văn minh thì người cầm quyền bị rất nhiều luật lệ câu thúc, trói buộc, là người mất tự do nhiều nhất, còn dân chúng thì được pháp luật bảo vệ đủ mọi đàng, càng ít bị trói buộc càng tốt, càng có nhiều tự do càng tốt. Chỉ một xã hội được tổ chức như thế thì vị trí cá nhân mới được tôn trọng, người có giá trị là người có cái TÔI mạnh mẽ, đầy sức sống, đầy sáng tạo. Nên mỗi người đều có ý thức vun trồng những nét đặc sắc của riêng mình, cái vẻ đẹp của riêng mình và con của cháu thành những gia đình nổi tiếng, những dòng họ nổi tiếng làm cột chống cho một quốc gia. Một chế độ độc tài khi phải đối mặt với những biến động lớn thường dễ bị nứt rạn, từ nứt rạn đến tiêu vong, thời gian diễn ra rất nhanh vì nó chỉ có trụ đỡ là quyền lực của một phe đảng, không có trụ đỡ về tinh thần của cả dân tộc. Một chế độ chính trị tồn tại tới non một thế kỷ hay một nửa thế kỷ cũng là lâu lắm, đã tạo ra mấy thế hệ ăn chung ở

chung với nó, sinh con đẻ cái với nó mà khi nó chết không ai nhỏ được một giọt nước mắt, có người còn nhẫn tâm đạp lên cái vừa chết đó rồi mới tiếp tục bước đi, dù biết người ta đã xem nó như vật bất thường, là quái thai, là tai họa, thời thế đã bất thần xoá bỏ nó một cách êm dịu, không phải tốn đến máu cũng là một may mắn phi thường. Có thể kết luận, một chế độ chính trị được xem là văn minh hay lạc hậu, là sẽ tồn tại lâu dài hay chỉ có mặt trong khoảng khắc của lịch sử là tùy thuộc vào cương lĩnh chính trị của Đảng cầm quyền có thật sự tôn trọng những quyền của con người hay không, các cá nhân với những khác biệt, những phản ứng, những bất tuân của nó có được đặt ở vị trí trang trọng trong hiến pháp hay không ? Vì tiềm lực tinh thần của mọi cá nhân được vun xới, được phát triển trong tự do là nền tảng vững chắc nhất của mọi thiết chế chính trị. Vì còn nó ta có thể vững tin sẽ vượt qua mọi sóng gió bất thần của thời thế để mãi mãi tiến về phía trước.

*Viết xong tại quận Bốn Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/5/2006*

### Dại khôn Nguyễn Khải Nguyễn Đăng Mạnh



Gặp anh, chỉ có anh nói, chứ tôi có nghĩ ra cái gì đáng nói đâu. Vả lại, anh nói liên miên, tôi có muốn nói cũng chẳng nói vào đâu được. Nhưng anh nói rất hay, rất vui. Đúng là một người thông minh và hay nghĩ nên lắm ý kiến. Anh nói về đời, anh nói về văn. Tôi học được ở anh nhiều qua những lần ngồi nghe anh nói. Một số ý trong những bài viết của tôi là do anh vô tình gợi ra. Ai cũng thế thôi, hễ nghĩ ra được một cái gì tự thấy đặc ý cũng thích nói ra. Một ý nghĩ trong đầu ví như viên ngọc còn thô. Phải phóng ra để cọ xát, mài rũa cho nó sáng lên. Tôi chắc Nguyễn Khải có hẳn chủ trương như vậy nên hễ có dịp là anh tranh thủ nói nhiều.

Tôi cho rằng đây cũng là cách viết của Nguyễn Khải. Anh ngồi nghĩ là chính. Khi nảy ra một ý, một tư tưởng nào đó mà anh cho là được, anh mới đi tìm thực tế để thể hiện nó ra thành hình tượng, thành văn. Như thế không hẳn là văn minh họa. Vì khi anh ngồi nghĩ một mình thì đã nghĩ từ những hiện tượng này khác rất cụ thể rồi. Và khi đi tìm thực tế thì thực tế với những tình huống bất ngờ của nó sẽ điều chỉnh cho những ý nghĩa của anh đúng hơn, trúng hơn. Đối với người viết văn, dù là sáng tác hay phê bình, tư tưởng chủ quan là quyết định, tất nhiên phải là tư tưởng gắn với yêu ghét, khinh trọng thật sự của riêng mình, chứ không phải thứ tư tưởng trừu tượng nảy ra trên bàn giấy, vay mượn trong sách vở. Tôi chắc Nguyễn Khải cũng quan niệm như thế. Vì nghe anh nói chuyện mấy lần, thấy anh hay lấy tiêu chí tư tưởng để đánh giá người này, người khác. Thí dụ anh nói, nhà văn này, từ khoảng 1980 trở về trước chả có tư tưởng gì cả, hay là cuốn hồi ký của nhà thơ họ, đọc lúc đầu có không khí, thích, sau buồn, thấy chẳng có tư tưởng gì, hoặc là ông giáo sư rất uyên bác và danh tiếng kia, thế mà đọc, thất vọng

quá, thấy không có tầm cỡ tư tưởng gì, chẳng có bản khoản gì lớn về chính trị, về triết học...

Tôi chắc Nguyễn Khải đi thực tế rất nhanh và viết cũng rất nhanh. Chiếm thời gian của anh nhiều hơn là ngồi một mình và nghĩ. Mà truyện hay ký của anh hấp dẫn người đọc chủ yếu cũng là nhờ những ý nghĩa ấy. Nhớ lại tình hình ba bốn chục năm về trước, hồi ấy có được ý nghĩa riêng và phát biểu được ý nghĩa riêng không dễ, tuy rằng bây giờ đọc lại, thấy những ý nghĩa ấy cũng chẳng ghê gớm táo tợn gì. Nguyễn Khải giống như một anh cán bộ xã hay huyện gì đó dám tổ chức khoán chui và khoán chui trót lọt trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp còn là một chân lý không ai được bàn cãi. Nhưng “khoán chui” ý nghĩa thì phải rào đón cho kín. Đây là chỗ khôn ngoan của anh, nhưng cũng là chỗ anh phải trả giá, trả giá bằng những đoạn văn rào đón vòng vo dài dòng. Mà văn rào đón thì hay làm sao được.

Người ta thường nói, Nguyễn Khải là người rất tỉnh và khôn, thơ thì có Chế Lan Viên, văn xuôi thì có Nguyễn Khải. Nhận xét đó không sai. Nhưng tôi cho rằng, anh cũng có nhiều lúc say và bốc. Và có lúc cũng đại dốt nữa đấy. Nguyễn Hồng có lần nói, bọn văn xuôi chúng tôi đại lắm, chỉ có đám làm thơ là khôn. Nhận xét này có khi cũng đúng cả với Nguyễn Khải. Nhưng đó chính là chất nghệ sĩ đáng yêu của anh.

Hồi Đỗ Chu mới xuất hiện, anh ca ngợi rất bốc, như một tài năng anh không sao sánh nổi. Tôi đã được nghe anh nói như thế với cán bộ và sinh viên khoa Văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Khi truyện *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp ra đời, anh càng bốc hơn nữa: “Trời đất mượn nó để thể hiện ra, chứ tài nó không viết nổi. Viết xong cái truyện này thì coi như nó rời đời, hết đời. Tinh hoa của nó hút cả vào đấy rồi, nó chỉ còn là một cái giẻ rách. Nó mà viết được một truyện như thế nữa thì có là thiên tài. Câu trước, câu sau khác hẳn, tiền văn không đoán được hậu văn: “*đất nước muôn năm, nhân dân muôn năm! Hoan hô đèn cù!*”, “*Sao lại cho tiền vào miệng bà??*”, “*Đấy có phải là ngậm miệng ăn tiền?*”, “*Trong đời, tôi chôn ba nghìn người*”, “*Thế là sướng*”, “*đòm” phát là xong...*”, *giơ ngón tay nghéo cò...*”. Dữ dội quá, sợ quá, đưa lên phim ảnh thì sợ quá... Một tác phẩm như thế làm mình không dám viết nữa. Thế là hết đời. Tôi xin bỏ nghề đấy!”

Nguyễn Khải nói say sưa, đầy cảm hứng. Con người có bụng liên tài thật sự. Người xưa cũng bốc lắm chứ: “*Đọc được một câu văn hay, chết cũng sướng*”. Các cụ thường nói thế. Đây là cái sướng đầy chất nghệ sĩ của người có máu văn chương. Tôi rất thích những cái bốc như thế của Nguyễn Khải.

Nhưng có những cái bốc tôi cho là đại, là khờ. Nhớ lại cái năm liền sau Đại hội VI của Đảng, Nguyễn Khải được gọi ra Hà Nội để chuẩn bị đại hội nhà văn lần thứ 4. Anh cũng bốc ra trò. Anh từng sôi nổi nói với tôi nhiều chuyện về ý đồ cải cách Hội nhà văn, nào phân công ra sao, nào cách làm ăn thế nào cho khôn khéo để có thể đổi mới một cách an toàn... Bây giờ nghĩ lại, xấu hổ chết đi được. Nhưng rồi anh tỉnh ra ngay. Trí khôn lại trở lại.

Cách đây vài chục năm, có một vị đàn anh trong nghề dạy tôi thế này: Chúng ta là những con chuột, muốn an toàn phải đào nhiều hang. Mất hang này, ta chạy vào hang khác. Nguyễn Khải có cái hang sáng tác. Có biến, anh chui tọt ngay vào. Lý ra đã là người viết thì ai chả phải đào cho mình cái hang sáng tác. Nhưng đào có dễ đâu. Cho nên có người mang danh sáng tác nhưng lại cứ phải đào cho mình những cái hang khác.

Tôi cho rằng cái hang sáng tác của Nguyễn Khải khá tốt đấy. Và anh cũng chỉ nên ở cái hang ấy thôi.

Cái lí lịch đặc biệt của Nguyễn Khải khiến anh hình như có hai con người trong một con người,

có hai vùng thẩm mỹ trong một thế giới nghệ thuật.

Một con người căm ghét bọn trưởng giả, cả cũ lẫn mới. Khi con người này làm chủ thì Nguyễn Khải thường ném vào cái đối tượng gọi chung là trưởng giả kia những lời lẽ thật đau, thật ác, nhiều khi ngoa ngoắt. Hạng người này ở đâu cũng có, kể cả trong giới nhà văn. Nguyễn Khải dành cho đối tượng này những lời khinh bạc đến điều: “ Hạng này không thể viết được cái gì ra hồn đâu. Đi ô tô, ở nhà lầu, đi nước ngoài quanh năm, lại còn sáng tạo nữa! Thế ông vợ hết của thiên hạ à? Trời công bằng lắm, có luật thừa trừ hết”. Có lần tôi nghe anh nói như thế về một nhà thơ.

Sau 1975, giải phóng Sài Gòn, vợ được hạng này chưa kịp chuồn ra nước ngoài, anh liền dựng họ lên thành nhân vật để “ tặng” cho mấy cái tát- “ tưởng ghê gớm lắm, hóa ra vừa ngu vừa hèn!” (*Gặp gỡ cuối năm, kịch Cách mạng*).

Đối lập với hạng trưởng giả kia là những con người suốt đời làm lũi sống trong bóng tối, như con giun con dế, hầu như không bao giờ biết đến hạnh phúc ở đời. Đó thường là những người đàn bà còn mang cái đức nhẫn nại và nhẫn nhục của thời xưa, hoàn toàn hi sinh cho đời, cho chồng con, không bao giờ nghĩ sống cho bản thân mình, như là chị Vách trong *Đời khổ*, chị Khuê trong *Người vợ*, hay chị vợ anh Phúc trong *Chúng tôi và bọn hần...* Nguyễn Khải đã tìm đến những con người ấy để ghi công họ, để biểu dương họ như những tấm gương liệt nữ vĩ đại của thời nay, anh gọi “ là vàng mười, là kim cương, là báu vật, là sự may mắn nhất” của chồng con (*Chúng tôi và bọn hần*) nhưng đời lại hoàn toàn không biết đến. Và chính họ cũng không hề biết đến. Đời không biết là rất dở, nhưng họ không tự biết thì về đẹp lại càng thêm chói lọi.

Con người Nguyễn Khải này chắc hẳn phải mang trong mình dòng máu của lớp cùng dân, từng bị dây xích, lăng nhục. Vì thế lời văn khi thì uất hận, khi thì xót xa, một thứ văn như để giải oan, như để đòi nợ, như để trả thù...

Nhưng bên cạnh đó lại có một Nguyễn Khải khác, rất am hiểu và đồng cảm với giới thượng lưu của Hà Nội xưa. Lớp người này không còn vương sót lại bao nhiêu, nó là một thứ “ Hà Nội vang bóng một thời”. Lớp người này cũng có nhiều cái dở, ích kỷ, lổi thời, nhưng có một cái gì đó sang và đẹp. Họ khôn ngoan thật, nhưng biết tự trọng. Khôn ngoan để thích ứng với thời thế, nhưng không chịu để mất niềm tin riêng, cốt cách riêng. Ấy là một lối sống, một nền văn hóa riêng dường như mang linh hồn nghìn xưa của đất đế đô thanh lịch, là một di sản quý rất cần trân trọng như trân trọng những ngôi nhà cổ, những đường phố cổ của Hà Nội vậy, Nguyễn Khải gọi đó là những “ hạt bụi vàng... chìm sâu vào lớp đất cổ”, cần có một cơn lốc xoáy hút nó bay lên cho sáng đẹp đất kinh kỳ... Tất nhiên Nguyễn Khải muốn góp phần làm nên cơn lốc đó. Đây là một vùng thẩm mỹ mới chỉ có thể xuất hiện dưới ngòi bút Nguyễn Khải khoảng mười lăm năm lại đây thôi. Xui khiến anh khai thác vùng thẩm mỹ này, dĩ nhiên phải là một Nguyễn Khải khác, thuộc một dòng máu khác. Khi con người này làm chủ thì người ta thấy anh thích nói chuyện sang, thích nói giọng sang.

Mấy năm gần đây, Nguyễn Khải hay viết về bản thân mình, một lối hồi ký, tự truyện. Ở những tác phẩm này, Nguyễn Khải lại như cố tình khoe với thiên hạ cái hèn, cái kém, cái nhếch nhác đến tội nghiệp của mình. Có một cái gì giống giống như tự truyện của Tô Hoài. Hóa ra cuộc đời của anh cũng lắm gian truân, cũng đầy tủi nhục. Anh chỉ tự cho là “ một giọt nắng nhạt” thế thôi. Chính những truyện này đã giải thích hai dòng máu nói trên ở Nguyễn Khải. Một lối văn tự trào vừa chua chát, cay đắng, ngậm ngùi, có lúc như nói hờn, nói dối. Nhưng ẩn kín đằng sau lại là một thái độ đầy tự tín. Phải tự tín, thậm chí ngạo đời mới dám khoe cái hèn, cái kém của mình ra chứ! Người không có cái gì khiến người đời phải nể trọng thì chỉ có “ tốt đẹp khoe ra xấu xa đậy lại” thôi chứ! Cụ Tú Xương ngày xưa thường hay khoe ra, thậm chí phóng

đại những cái hư hỏng, tồi tệ, vô tích sự của mình, chính vì cụ không phải kẻ tầm thường đâu, một trái tim, một tâm sự lớn lắm đấy. Chẳng qua là tự thấy bất lực trước thời thế nên mới tự trào và nói phẫn thế thôi. Cho nên ở cái tôi, hồi ký, tự truyện của Nguyễn Khải, tôi ngờ rằng có cả hai dòng máu nói trên hòa trộn, khó phân biệt.

Nguyễn Khải là người có tài, có thực tài. Nhưng tài của anh ở đâu? Nó là thế nào? Tôi vẫn thấy lúng túng.

Truyện gì mà toàn nói chính trị, toàn bàn về thời cuộc, thời sự, toàn luận về đạo lý. Hầu như không có tình yêu cho nó mùi mẫn ướt át một tý. Nhiều truyện cũng chẳng có tình tiết gì ly kỳ. Vậy mà nói chung truyện nào cũng đọc được, thậm chí hấp dẫn nữa. Riêng tôi đọc báo, cứ thấy có tên Nguyễn Khải là thế nào cũng phải đọc.

Chúng qui vẫn là những ý nghĩ của anh, những ý nghĩ anh gọi là bơi ngược dòng, “bơi ngược một tý, rẽ ngang một tí” (*Anh hùng vĩ vận*). Tôi thì gọi là “khoán chui”, “khoán chui tư tưởng”

Nhưng “khoán chui” chỉ có nghĩa lý khi đang ở thời thịnh của hợp tác xã nông nghiệp. Khi khoán đã thành chế độ tự do, khoán cả làng, thì “tài khoán chui” còn cần gì nữa. Thời bao cấp chấm dứt, Nguyễn Khải đâm ra lúng túng. Đúng là “anh hùng vĩ vận” thật.

Nhưng chỉ ít lâu sau, anh lại nghĩ ra cách thoát khỏi vận bĩ. Thôi thì cứ thật thà đóng vai người cũ, thuộc thế hệ già, thử nhìn lại đời mình bằng con mắt của thời cuộc mới xem sao. Nhân vật chính của anh giờ đây là cái tôi trải đời của mình và những nhân vật cũng trải đời như anh. Trải đời mà thấy mình lạc lõng. Trải đời mà như chẳng có kinh nghiệm gì, cứ ngơ ngác trước cuộc đời, vì đây là thời đổi mới, thời mở cửa. Nhưng như thế mà lại hay, mà lại vui. Ngày xưa nghĩ lại thấy cũng buồn “Không phải lo nghĩ mà lại buồn. Ngày ngày đều giống nhau, người người đều giống nhau, một đời người như ngắn đi rất nhiều vì không có những bất ngờ, những may rủi, không có những thăng trầm. Một ngày(...) nghe đủ mọi chuyện, nhưng chẳng có câu chuyện nào tạm gọi là thú vị về một đời người. Những đời người rất nhạt nên không thể gọi là đã có” (*Anh hùng vĩ vận*). Bây giờ thời thế đã khác, con mắt mình, trí óc mình cũng đổi khác, nhìn đâu cũng thấy chuyện mới lạ, người mới lạ: “Vẫn là con người Việt Nam mình mà gặp thêm một người lại tưởng như buộc mình phải hiểu lại chút ít về con người” (*Hai ông già ở Đồng Tháp Mười*). Nguyễn Khải bèn đối chiếu hôm nay với hôm qua, đối chiếu con mắt của lớp trẻ với con mắt của lớp già, của người anh hùng thời nay và người anh hùng thời qua. Và anh thấy nẩy ra biết bao vấn đề để suy nghĩ, bàn luận, triết luận vốn là chỗ sở trường của anh và là cái thú riêng của anh: nào chuyện lựa chọn đường đi của mỗi cá nhân trong xu thế chung của cộng đồng, chuyện cái ngẫu nhiên và cái tất yếu của lịch sử, chuyện rủi, may, khôn, dại, buồn, vui... của những kiếp người. Cả chuyện văn chương cũng thay đổi khác rồi. Ôi, cái thời xưa “Văn chương ở cạnh mình, sống hằng ngày với mình mà vẫn tưởng như vời vợi đâu đó cao xa lắm” (*Nghề văn cũng lắm công phu*). Nguyễn Khải khi thì lấy con mắt của người hôm nay để quan sát người hôm qua, khi thì lấy con mắt của người hôm qua để quan sát người hôm nay. Tha hồ mà phát hiện cái hay, cái dở để mà hoặc ngợi ca, hoặc giễu cợt. Vì hôm nay hay hôm qua đều có chỗ đáng khen và chỗ đáng chê. Mà viết như thế cũng đỡ đơn điệu, vì có điều kiện luôn luôn thay vai, đổi giọng.

Dĩ nhiên ý nghĩa dù có hay đến đâu cũng không thành văn được. Phải cho nó nhập vào nhân vật này nhân vật khác. Một trong những tài năng đặc biệt của Nguyễn Khải là chớp được rất nhanh những kiểu người có “vấn đề” khác nhau để có dịp ném ra những suy nghĩ của mình, khi thì trực tiếp, khi thì đặt vào miệng các vai truyện. Ngay trong cái thời mà khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn phát triển mạnh mẽ trong đời sống văn học, Nguyễn Khải thỉnh thoảng vẫn bõm xồm vỗ vai, xoa đầu nhân vật anh hùng của mình một cái. Cái chất suồng sã ấy, thế

mà có tác dụng rất tốt, nó khiến người đọc thấy anh không lý tưởng hóa nhân vật của mình, tin là những người có thật, và tin những ý nghĩ của anh ném ra kia cũng là xuất phát từ sự thật.

Tuy nhiên trong thời bao cấp, những ý nghĩa gọi là “ngược dòng” của Nguyễn Khải, thực ra nó cũng khó thoát hẳn ra ngoài nguyên tắc tư duy chung của cộng đồng, cho nên những nhân vật mang tư tưởng của anh chưa thật phong phú lắm. Vài cái phần tư tưởng của anh gửi vào nhân vật xem ra nhiều hơn, nặng hơn cái phần tư tưởng của nhân vật làm giàu cho cái vốn người của anh.

Nhưng từ ngày đổi mới, tình hình có khác, nhất là mười năm lại đây, thế giới nhân vật của anh phong phú, đa dạng hơn, nhiều kiểu người, dạng người kia không có, không thể có. Và những nhân vật ấy bồi đắp tư tưởng cho anh nhiều hơn là anh cung cấp tư tưởng cho chúng. Một thế giới nhân vật chứa đựng nhiều khám phá hơn, bất ngờ hơn.

Những nhân vật này đúng là khá đa dạng. Nhưng hay để ý mà xem, đại bộ phận đều là những người già. Hình như nhân vật Nguyễn Khải càng ngày càng già, và anh cũng ngày càng thích đóng vai già, thích nói giọng già. Nhưng nghĩ cho cùng, xưa kia cũng vậy thôi, hình như Nguyễn Khải chưa từng có nhân vật thật sự trẻ bao giờ. Người nào cũng khôn ngoan, cũng trải đời, thạo đời, lối đời, và cũng thích... dạy đời thì trẻ làm sao được, trẻ cũng hóa già, như cái Tấm trong *Đứa con nuôi* đấy thôi... Đúng như Nguyễn Khải tự bạch, cái Tấm cũng là Nguyễn Khải, đều không có tuổi trẻ, trong đời thực cũng như trong đời văn.

Nhiều tác phẩm của Nguyễn Khải, từ trang này đến trang khác, toàn là những lời đối đáp tay đôi, tay ba về chính trị, thời sự, về đạo lý. Thật tình mà nói, dù ý kiến hay ho, trí thức mới lạ thế nào, đọc mãi cũng nản. Lắm lúc cứ như là đọc biên bản những cuộc hội thảo về đề tài chính trị, thời sự vậy. Rất may là Nguyễn Khải có một cái giọng văn riêng có khả năng thổi sự sống vào những dòng chữ khô khan. Một giọng trần thuật mà như là trò chuyện thoải mái với người đọc và với nhân vật của mình. Một cách nói năng hoạt bát, thông minh, hóm hỉnh, hiểu mình, hiểu đời, lắm lúc cứ như muốn đi guốc vào bụng thiên hạ. Một giọng văn mà nhiều khi thật khó phân biệt là nói với người hay nói với mình, tự trào chua chát có, giễu người, giễu đời cũng có. Một cách diễn đạt khôn ngoan, hay dùng lối nước đôi lấp lửng, hiểu là phê phán cũng được, hiểu là khẳng định cũng được. Bởi vì thời nào cũng có tốt có xấu, người nào cũng có thiện có ác, có sang có hèn, và chuyện đời thì có thể này và có cả thể kia... Không nên phán xét hay qui kết đơn giản một chiều...

Giọng văn của Nguyễn Khải muốn nói với ta như thế chẳng?

*Quan Hoa, Xuân Canh Thìn 12- 3- 2000*

## Sư già chùa thắm và ông đại tá về hưu

### 1. Sư già chùa thắm và ông đại tá về hưu

1

Khoảng năm 1980, một vị hòa thượng đang tu tại một chùa lớn ở thành phố Hồ Chí Minh bỗng nhiên trở ra Bắc về trông nom chùa Thắm, là một ngôi chùa vô danh thuộc một xã vô danh gần thị xã Hà Đông. Các cụ trong làng có cho đám con cháu làm việc ở ủy ban biết vị sư này là cháu gọi cụ tổ chùa Thắm là bác ruột, được sư tổ đem về nuôi từ năm mười tuổi, rồi làm tiểu chùa cho tới lúc lên sư bác mới vào Huế tu học ở chùa Bảo Quốc. Nghe nói sư già cũng là

người tài giỏi, đã từng ở trong ban thư ký Hội Tăng già Việt Nam và Viện Tăng Thống, là một nhân vật cũng được nhắc nhở nhiều trong cuộc đấu tranh của giới phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Ấy là chuyện trước đây, mà cũng là nghe nói thế, còn bây giờ nhà sư đã ngoài bảy chục tuổi, người gầy nhỏ, mặc bộ quần áo vải nâu, đi đôi guốc mộc, lúi húi ngày hai buổi giữa các luống rau ở sân trước và vườn sau chùa như một ông lão cả đời chưa từng bước ra khỏi làng. Chùa rất rộng nhưng chỉ có một già một trẻ, một sư cụ và một chú tiểu khoảng chừng mười bốn mười lăm tuổi gọi là chú Minh. Tuần rằm mùng một đã có các bà quy y cửa Phật tới quét dọn Tam Bảo, đồ xôi, đóng oản, hương hoa cùng với chú tiểu. Còn những lễ xin cầu phúc cho người sống, giải nghiệp cho người chết, là những dịp nhà chùa kiếm rất lắm tiền, thì sư già đều nhã nhặn từ chối. Thầy trò chỉ sống bằng tiền hoa lợi nửa sào vườn và vài chục gốc cây ăn quả. Sư cụ vẫn nói, nhà chùa chỉ ăn một ngày một bữa vào đúng Ngọ, vẫn còn dư tiền để hoằng pháp độ sinh. Chùa làng đã vắng, lại không có đức ông thiêng, cũng không có con công đệ tử tới hầu bóng ở điện Mẫu nên càng vắng. Đi ngoài ngõ xóm không biết bên trong là chùa. Không có cổng tam quan, chỉ có một cái cổng gỗ hẹp mở giữa một lớp rào ô rô. Qua cổng ngoài là sân trước chùa lại có một lớp tường thấp bao trong nối liền với mặt tiền của năm gian chánh điện. Sân trong là một khu nhà xây đối nhau, mái thấp, hiên rộng, che ngoài bằng những tấm giại đan thưa, là nơi thờ Mẫu, thờ Tổ, thờ các Hậu, cũng là nơi tiếp khách và ăn ở của vị sư trụ trì cùng đệ tử.

Thời tiết lúc này là đầu đông, sư già đang thụ trai bữa chính Ngọ. Mâm cơm đặt trên cái chõng tre kê sát tấm giại ở một đầu hiên. Mâm gỗ sơn, liễn đựng cơm cũng bằng gỗ sơn có nắp đậy, bát đĩa bằng thứ men xấu kẻ chỉ xanh, một bát canh, vài cọng rau bí luộc, một chén tương, một đĩa vừng. Nhà sư ngồi xếp chân bằng tròn, cái áo cánh bông mờ khuy, đầu đội mũ len nâu, da thịt nhăn nheo khô héo. Trời nắng hanh, thứ nắng của mùa rét, quánh đượm như có mùi thơm và vị ngọt của mật. Trong bóng râm của mái hiên lối cửa ngách lên chánh điện, một con chó có bộ lông xù màu vàng bản nằm kê mõm lên hai chân trước, nửa ngủ nửa thức rình đuôi bầy chim sẽ xuống mổ thóc nếp phơi ở một góc sân. Đã nhiều năm sư già phải tu ở miền đất chỉ có hai mùa mưa và nắng nên mỗi dịp cuối năm lại nôn nao nhớ đến cái rét hanh se, nhớ màn sương mù, nhớ cả những ngày mưa dầm, thực bàn chân trong bùn lạnh gánh rau ra chợ bán. Nhớ cả gắp rau su hào mềm ngọt kho tương, khoanh củ cải bỏ tư luộc lên màu trắng như ngọc, cái mâm gỗ tróc sơn, cái bát ăn cơm men vàng nứt rạn. Nhớ bụi thanh trà ở một mé ao, nhớ cụm hoa mộc ở điện thờ đức ông, cái bể cao một đầu một vơi hứng nước mưa mùa hạ, tiếng gà gáy giữa trưa, tiếng chuông thu không mệnh mang lúc chiều tối. Đã dăm năm nay nhà sư về tu ở chùa cũ mà niềm vui được trở lại đất tổ vẫn chưa phai. Những người quen biết cũ hầu như không còn ai nhưng chùa cũ vẫn còn, vườn xưa vẫn còn, bụi thanh trà, cụm hoa mộc, cây muồng sau chùa vẫn còn. Một thời rất bình yên vẫn chưa mất hết mọi dấu vết. Đã đi tu là biết thân và cảnh, sống và chết, ta và người, tất cả chỉ là hoa trong gương, trăng dưới nước, không có gì là chắc "có" cả. Mà vẫn là có. Những kỷ niệm của một thời mới nhập đạo dầu đã bị năm tháng mài mòn vẫn giữ nguyên hương vị của ngày xưa mỗi lần chợt nhớ tới. Có lần nói chuyện với người quản sự của chùa vốn là con trai một người bạn thuở ấu thơ, sư già bảo: "Một đời tu tôi đã thoát khỏi mọi ràng buộc, mọi chấp trước, xem vạn sự chỉ là một tuồng huyễn hóa để giữa tâm luôn luôn an tịnh. Chỉ duy những năm được hầu tổ ở chùa này là không bao giờ có thể quên nổi. Đêm ngày chỉ lo lúc chuyển nghiệp vẫn không được trở lại chùa cũ. Cái sầu nào ấy là tự tôi chuốc lấy, tự tôi không muốn rời bỏ". Thật ra cũng còn một lý do khác nữa khiến sư già năn nỉ với giáo hội xin được trở về tu ở chùa cũ. Cái lý do ấy nhà sư mới chỉ thổ lộ cho nó có một người được biết. Người ấy đã được cụ đối đãi như bạn tri kỷ.

Người bạn tri kỷ của sư già chùa Thắm là một đại tá về hưu. Ông ở với con gái và đứa cháu ngoại tại ngôi nhà cuối phố huyện từ năm 1982 do con gái ông mua lại của một gia đình rời vào Nam sinh sống. Nhà làm theo kiểu xưa nhưng vườn rộng, có nhiều cây ăn quả, có giếng, có bể xây, nhìn vào xanh ngắt, mát rượi. Năm đầu ông mua gỗ đã xẻ về đóng bàn, đóng tủ, đóng



giường hi hụi từ sáng đến tối. Năm sau hết việc, buồn quá, ông mở cổng bán trà chén, bánh kẹo, thuốc lá từ mờ sớm tới quá trưa thì nghỉ. Vườn mát, người bán hàng lịch lãm vài vui chuyện nên rất đông khách, khách vắng lại có ít, còn hầu hết là khách quen, là anh em cán bộ, công nhân viên mấy cơ quan xí nghiệp quanh huyện. Một ông già đã sáu mươi hai tuổi, đã về hưu lại có sức hấp dẫn với đám thanh niên, là khách uống nước mỗi ngày cũng là chuyện lạ. Ông trở thành cố vấn cho họ nhiều chuyện rất riêng tư, theo ông thì việc dữ hóa lành, làm ngược lại mọi sự còn bẽ bối hơn trước. Ông chỉ khuyên những người đến vấn kế rằng họ cần nhẫn nại một chút, cần nhân nhượng một chút và không được xem một ai là xấu xa hoàn toàn. Người xấu nhất vẫn còn nhất điểm lương tâm, hãy bền bỉ tấn công vào đó, rồi thì anh sẽ được thêm một người bạn. Ông là một người rất cởi mở nhưng vẫn có một chút gì bí mật, không thể hiểu nên đã tạo ra vẻ quyền rũ riêng đối với đám trẻ vốn thích được chiêm ngưỡng mọi sự bí mật. Nhưng có một lần cái thân phận hơi huyền bí của vị đại tá về hưu tình cờ bị tiết lộ, cũng chỉ là hé mở chút ít đủ để người phố huyện có chuyện rì rầm bàn tán thôi. Bữa đó vào khoảng xế trưa, đã gần tới giờ ông chủ quán dọn hàng đóng cửa nghỉ thì một chiếc xe con quân sự đỗ bên kia đường và một nhóm sĩ quan quân đội nhảy ào xuống đi thẳng vào quán nước. Người đi đầu là một đại tá còn trẻ đứng sững nhìn ông già đang rót nước ra chén mời khách, rồi kêu lên, giọng Sài Gòn:

- Anh Hai, bọn em đến thăm anh đây!

Ông Hai ngẩng mặt nhìn lên rồi đứng vụt dậy:

- Ủa, mày ra đây hỏi nào?

Giọng ông khác hẳn ngày thường, nửa Nam nửa Bắc. Rồi ông lật đật kéo bàn kéo ghế mời khách, mắt vẫn nhìn chăm chú từng người một.

- Ồ, tụi bay hẹn nhau tới đây hết một lượt, hả?

Bốn người đã ngồi nhưng người mang quân hàm đại tá vẫn đứng, vẻ mặt cau có:

- Dân Sài Gòn mà lại ra đây ngồi bán quán, hả? Nghĩ sao mà anh làm thế, kỳ cục hết nói.

Ông Hai đưa nhanh ngón tay chấm vội một giọt nước đọng ở khóe mắt, rót nước ra các chén nhỏ, cười gượng gạo:

- Chỗ này không có đá nên không có trà đá, mấy em uống tạm trà nóng vậy.

Họ nói với nhau những gì đó rồi nghe ông Hai nói:

- Một đời mình sống vì đồng đội, bây giờ còn mấy năm cuối phải dành cho con nhỏ với thằng cháu ngoại thôi. Các cậu thông cảm đi.

Một người nào đó nói to:

- Bọn tôi mời anh vô trong ấy về hưu cùng với con anh, cháu anh để anh em cũ có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ. Đó là quyết định của anh em biệt động Thành. Bây giờ anh tính sao?

Ông Hai vẫn nhăn nhó:

- Cám ơn anh em nhiều, nhưng cái Thoa đâu có chịu vô. Nó sợ gặp lại thằng chồng cũ đang

sống với con vợ mới thì nó không chịu nổi. Tình cảm bọn nó bây giờ phức tạp lắm, mấy ông ơi.

Ngày hôm sau bọn họ lại đến những hai xe, khoảng mười người, ăn chơi một ngày ở nhà ông Hai, gần tối mới ra về. Mấy người quen tới uống nước hỏi dò ông già:

- Nghe nói bác sắp vào ở trong Sài Gòn phải không?

Ông già cười mồm mỉm:

- Đến tuổi tôi chả còn muốn đi đâu nữa. Đây là chỗ ở sau cùng.

Một chàng trẻ tuổi nói đùa:

- Nếu con được là con trai của bố nhỉ. Con sẽ công bố đi bộ vào tận Sài Gòn ngay lập tức. Trong ấy là nước Mỹ nội địa đấy bố ạ.

Quả nhiên ông không đi đâu thật, vẫn ngày ngày bán nước trà chén cho đám khách quen thuộc của phố huyện. Nhưng khách hàng nói năng với ông có vẻ kính trọng hơn, dè dặt hơn và hay nhìn trộm ông như một nhân vật khác thường. Vì ông là dân Bắc nhưng lại đánh Mỹ bao nhiêu năm tận trong hang ổ của chúng là Sài Gòn, là người Sài Gòn, chỉ huy anh em biệt động của Sài Gòn, là thứ dữ đã rửa tay gác kiếm.

Sư già chùa Thắm và ông đại tá về hưu quen biết nhau cũng rất tình cờ. Cách đây đã hai năm ông Hai có việc phải đi thăm một người bạn cùng chiến đấu ở trong Nam rồi về nghỉ hưu ở Hải Phòng và ở lại chơi với bạn gần một tháng. Ở nhà thằng cháu ngoại lại lên cơn sốt co giật. Nó vốn hay đau yếu từ lúc mới sinh, tây y gọi là suy dinh dưỡng, đông y gọi là bệnh mạn tỳ phong, ra vào bệnh viện đã nhiều lần mà bệnh vẫn không dứt. Bà hàng xóm ở kế cạnh liền bảo nên đến xin đơn thuốc của sư cụ chùa Thắm chắc chắn là khỏi hẳn. Bà vốn là cán bộ phụ nữ huyện, về hưu lại thành bà vải chùa chuyên làm các việc công đức từ thiện. Tự bà đến chùa kể bệnh xin đơn về kê thuốc, sắc thuốc cho thằng bé. Nó uống có ba thang mọi chứng bệnh từ nhỏ coi như dứt hẳn. Lại uống thêm ba thang bổ nữa thằng bé đã thành một đứa trẻ khác, lên cân từng tuần, chạy nhảy nô đùa đúng với lứa tuổi. Ông Hai về nhìn thấy cháu lầy làm kinh ngạc, cây một cành, cành một quả nên mẹ con nó vui và khỏe là hạnh phúc lớn nhất của đời ông lúc đã già. Và lập tức ông nhảy ra Hà Nội mua trà, mua bánh đậu chay thuộc loại cực ngon rồi đạp xe tới chùa để có lời cảm ơn sư già đã đem lại bao nhiêu phúc đức cho gia đình ông. Nhà sư nhận quà biếu rất tự nhiên rồi tùm tùm cười, hỏi: "Ông đem quà cho trò mà không biếu lễ dâng thầy à?" Ông Hai ngòai ngẩn ra rồi nói lảm bảm: "Bạch cụ còn vị nào nữa ạ?". Nhà sư lại cười: "Tôi là đệ tử của Phật, đệ tử thì có trà có bánh còn hương hoa cúng Phật thì đâu?". Chết tôi rồi! Ông Hai không hề nghĩ một lần nào đã đến chùa thì phải mua nhang cúng Phật. Không thể bảo là quên mà là chưa nghĩ tới. Ông lên cúng Phật bằng nhang của nhà chùa rồi cứ cười mình mãi, nhà sư cũng cười và họ cảm thấy như đã rất thân nhau.

Cách mười ngày sau, ông Hai có việc lên thị xã Hà Đông lúc trở về lại rẽ vào chùa thăm sư cụ. Các vải đang bao tượng và quét dọn điện thờ Mẫu. Sư già cũng đứng ở đó gặp lại ông Hai có vẻ mừng rồi nói ngay: "Chùa này tuy không có tiếng tăm gì trong tỉnh nhưng bộ tượng gỗ sơn Tam Tòa Thánh Mẫu ở đây thì chắc là duy nhất". Sư già cho biết là pho tượng mẫu Liễu Hạnh, mẫu Thượng Ngàn, mẫu Thoải là do dòng họ Nguyễn Đức của tỉnh Hà Đông chạm khắc. Một nghệ nhân trong đám con cháu của họ ấy tên là Nguyễn Đức Thống đã chạm khắc một bộ ba tượng gỗ nổi tiếng khắp vùng Sài Gòn - Gia Định. Đó là tượng Bản sư thuyết pháp, tượng Đại Tạng và tượng Quan Âm nghìn tay nghìn mắt ở chùa Phước Hòa thuộc đường Bàn Cờ của thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hai hỏi:

- Bạch cụ, cụ vào thăm các chùa trong miền Nam vào dịp nào?

Sư già cười:

- Tôi vào tu trong đó từ năm còn trẻ tới lúc đã già mới ra chùa ngoài này, tính ra vừa được bốn mươi lăm năm.

Ông Hai lại hỏi:

- Năm 1963 cụ tu ở chùa nào?

- Chùa Ấn Quang.

Ông Hai giương mắt nhìn trừng trừng sư già rồi kêu nhỏ:

- Bạch cụ, tôi nhớ ra rồi, tôi đã được gặp cụ một lần cùng với cụ Thiên Đạo trong buổi họp báo vào đầu tháng 8 năm 63 tại chùa Ấn Quang.

Đến lượt sư già nhìn chăm chú ông đại tá đã về hưu, ông ta là ai nhỉ mà có mặt ở Sài Gòn đúng cái năm 1963 không thể quên. Ông Hai nói:

- Tôi là cán bộ quân báo của Mặt trận vào hoạt động nội thành Sài Gòn - Gia Định từ năm 1962. Năm 1981 lại trở ra Bắc. Tôi sống ở trong ấy cũng được hai chục năm nhưng mới chỉ là non nửa thời gian so với cụ.

Nét mặt sư già bừng sáng, cụ chấp tay niệm:

- A di đà phật, tôi với ông vậy là cũng có chút nhân duyên, dẫu giả tạm nhưng vẫn vui mừng lắm.

Một nhà sư và một ông đại tá kết bạn với nhau đã được gần hai năm, càng trò chuyện càng thấy tiếc đã gặp nhau quá muộn, dẫu rằng họ rất khác nhau trong niềm tin, trong sự từng trải và cả trong nhiều sở thích riêng. Chắc hẳn họ đã tìm được ở nhau một sự đồng cảm khác thường có thể bỏ qua mọi cách biệt xét cho cùng cũng chỉ là tiểu tiết.

2

Chỉ tới khi ấy sư già mới thuật lại cho ông đại tá nghe về những sự kiện đã làm thay đổi đời tu của mình, tức là cuộc đối đầu của giới phật giáo miền Nam với chính quyền Ngô Đình Diệm cùng những hệ quả sâu xa của nó. Sư già kể:

"Chính quyền Ngô Đình Diệm phạm nhiều sai lầm trong việc cai trị và một sai lầm hết sức ấu trĩ là xóa bỏ tự do tín ngưỡng, độc tôn một tôn giáo, độc tôn một niềm tin. Họ xem Thiên Chúa giáo là một giáo hội, còn Phật giáo chỉ là một hiệp hội. Họ nhầm to! Phật giáo là một église, một giáo hội, có thời còn là quốc giáo của dân tộc mình chứ không phải là một association privée, một hiệp hội tư nhân. Ông đừng ngạc nhiên khi tôi nói được tiếng Pháp. Lúc nhỏ tôi theo hầu tổ thì học Hán Nôm để đọc kinh Phật và sách thuốc, vào trong Nam thì học thêm văn hóa để có bằng tú tài rồi lại học Pháp ngữ và Anh ngữ. Thời thế nó đòi hỏi phải học để khỏi bị đồng đạo và phật tử khinh lờn. Đã đi tu còn để lòng gợn sóng là như thế, nhưng thôi, cái chuyện này ta sẽ nói sau. Vì tôi nói và viết thông thạo hai ngoại ngữ này nên tôi được chứng kiến nhiều

chuyện bí mật của năm 63. Cuộc đấu tranh của giới phật giáo bắt đầu từ ngày lễ Phật đản ở Huế do tỉnh trưởng Thừa Thiên ra lệnh cấm treo cờ phật giáo trong ngày đại lễ. Sáng ngày 8 tháng 5, tại chùa Từ Đàm, thầy Trí Quang kêu gọi phật tử đấu tranh cho quyền bình đẳng tôn giáo. Tối ngày 8 tháng 5 chính quyền Thừa Thiên cho xe tăng tới bao vây đài phát thanh Huế và cho lính ném lựu đạn vào đám thanh niên phật tử làm tám người bị thiệt mạng. Ngày 10 tháng 5 các vị lãnh đạo Phật giáo họp tại chùa Từ Đàm, ra tuyên bố 5 điểm. Giới phật giáo Sài Gòn cũng quyết định tổ chức rước linh cầu siêu những người tử nạn để biểu thị sự bất bình của toàn xã hội đối với hành động khủng bố của người cầm quyền. Đêm trước ngày rước linh, ông Diệm có cử Quách Tông Đức là đồng lý văn phòng phủ tổng thống và Nguyễn Phú Hải là đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn tới gặp cụ viện chủ chùa Ấn Quang. Cụ viện chủ không tiếp mà cử thượng tọa Thiện Đạo và tôi ra thay mặt. Cuộc hội đàm kéo dài từ 5 giờ chiều tới 1 giờ đêm không đi đến một thỏa thuận nào. Chúng tôi vẫn quyết định rước linh từ chùa Ấn Quang là trụ sở trung ương của Giáo hội Tăng già Nam Việt đến chùa Xá Lợi là trụ sở trung ương của Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Trong vòng 49 ngày, cứ 7 ngày lại có một lần rước linh để cầu siêu khắp các chùa lớn trong thành phố. Đi bằng xe đò, xe tăng riêng, xe ni riêng, mỗi xe chở từ sáu mươi đến tám mươi vị. Mỗi lần đi là tám xe, mỗi xe đều có cắm một lá cờ phật giáo. Cũng trong dịp này đức hội chủ là hòa thượng Thích Tịnh Khiết từ Huế gửi thư cho tăng nin toàn quốc yêu cầu tuyện thực 48 giờ. Thư của ngài do các quân nhân phật tử trong quân đội chuyển đi khắp các chùa. Ngay trong những ngày đấu tranh sôi nổi đó thầy Thiện Đạo và tôi đã tính nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyện thực một cách nhằm chán thì phong trào đấu tranh tự nó cũng sẽ bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng. Trong ngày đầu tuyện thực ở chùa Xá Lợi có một vị hòa thượng tu ở chùa Quan Âm bên Gia Định, pháp danh là Thích Quảng Đức, gặp thầy Thiện Đạo và tôi để trao một lá thư cho các vị lãnh đạo ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo. Trong thư cụ Thích Quảng Đức xin phát nguyện tự thiêu, làm ngọn đuốc sống để bảo vệ Phật Pháp. Mười ngày sau, nhằm ngày 9 tháng 6, khi bàn tới những hình thức đấu tranh tiếp theo chúng tôi mới chợt nhớ tới lá thư nọ. Nhưng lời phát nguyện tự thiêu của cụ có thật không, có thay đổi gì không, vì chuyện sống chết cho một niềm tin nói thì dễ, hành động trong tức thời cũng dễ nhưng dễ chậm lại, có thời gian ngẫm nghĩ nhiều về cái chết có khi lại phân tâm. Nên thầy Thiện Đạo và tôi phải sang bên Gia Định gặp cụ. Đến chùa Quan Âm mới hay cụ đi vắng. Thầy Thích Thông Bửu là đệ tử có nó cụ xuống chùa Ấn Quang để tụng kinh Pháp Hoa. Lại trở về Ấn Quang xin gặp cụ. Thầy Thiện Đạo bạch: "Bạch hòa thượng từ miễn, trước kia hòa thượng có gửi thư phát nguyện xin được sử dụng nhục thân làm ngọn đuốc sáng rọi vào thế lực vô minh. Chúng con đại diện cho ủy ban liên phái xin cúi mình được nghe một lần nữa tâm nguyện của hòa thượng đấu tranh cho tiền độ của Phật Pháp". Cụ Quảng Đức đang ngồi kiết già trên giường, nghe thầy Thiện Đạo nói xong nét mặt cụ rạng rỡ đầy vẻ hoan hỉ, cụ chấp tay niệm: "Nam mô a di đà phật, vậy là con được toại nguyện rồi". Rồi cụ nói thêm: "Cho làm đi thôi. Xin thượng tọa cho tôi được gửi lời chào các vị lãnh đạo của ủy ban liên phái và xin cảm ơn chư vị". Nói rồi hòa thượng nhắm mắt lại, nét mặt thanh thản hầu như không còn để ý đến câu chuyện hệ trọng vừa rồi. Từ lúc này là công việc của ban tổ chức, những công việc rất trần tục của những bộ óc minh mẫn, quý quái và thủ đoạn để giữ bí mật, để lường tính mọi việc trong mọi tình huống, để quyết một trận sống mái với kẻ thù. Ngồi nghe đồng đạo bàn tính, tự mình cũng tham gia bàn tính mà ghê sợ thay cho cái phần tâm tôi còn lại của người xuất gia. Chỉ có một điều có thể biện minh: nếu không có chước ma làm sao trừ được ác quỷ, nếu quá trong sáng, quá thơ ngây, quá nhu thuận làm sao lay chuyển được một chính quyền tàn bạo, phi luân. Cái mục tiêu cao quý đã buộc chúng tôi phải dán thân vào troc thế. Đã dán vào rồi liệu có tự kéo được mình ra không, cái điều đó tôi sẽ nói sau. Theo lịch rước linh thì ngày 11 tháng 6 chư tăng ni sẽ tập trung làm lễ cầu siêu tại chùa Phật Bửu Tự ở đường Cao Thắng. Tức là sẽ có một quãng đường có thể đi bộ từ chùa Phật Bửu Tự đến chùa Xá Lợi. Trong khoảng ấy chúng tôi đã tìm ra một địa điểm tự thiêu rất xứng với công cuộc chuẩn bị. Đó là ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt ngay trước tòa đại sứ Cao Mên. Cách đi của hàng vạn tăng ni sẽ có một tổ chức riêng hướng dẫn. Sẽ có khối cầu nguyện, khối đọc to năm

nguyện vọng của giới phật giáo, những khẩu hiệu cần trưng lên và cả lực lượng bảo vệ nếu xảy ra có sự đụng độ với cảnh sát dã chiến. Cũng trong cuộc họp ấy chúng tôi đã thông qua lời hiệu triệu của hòa thượng hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lời tuyên bố của ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, cách trả lời của các vị có trách nhiệm với các hãng thông tấn và báo chí trong và ngoài nước. Sau cuộc họp tôi chạy đi tìm đại đức quản lý nhà in Sen Vàng, yêu cầu đại đức phát tâm mua cho hai mươi lít xăng đổ xe để ngày mai rước các hòa thượng đi cầu siêu. Xe sẽ là chiếc Austin của ông Trần Quang Thuận, một phật tử hiện đi học lớp động viên sĩ quan ở Thủ Đức, gửi xe lại chùa án Quang, có người lái sẵn. Lại gặp người lái xe để dặn việc sáng sớm mai đưa xe rước mấy hòa thượng từ án Quang đến Phật Bửu Tự. Anh lái xe hỏi: "Mai vị nào đi?". Tôi trả lời: "Chưa rõ, vị nào già không đi bộ được mới ngồi xe". Lại dặn thêm: "Lúc lái xe cứ theo chư tăng, bảo dừng là dừng, bảo đi là đi, không vượt quá cũng không lùi sau". Thầy Thiện Đạo trong tối đó cũng điện thoại cho các hãng thông tấn AFP, UP, AP, REUTER, nói với những người phụ trách sáng mai cho phóng viên mang theo máy quay phim tới địa điểm đã chỉ định, sẽ có chuyện rất hay, chuyện không bình thường xảy ra.

Sau lễ cầu siêu ở Phật Bửu Tự, tôi nói trước máy phóng thanh: "Kính thỉnh chư tôn hòa thượng, thượng tọa, đại đức, tăng ni hoan hỉ trở về chùa Xá Lợi để bàn phật sự cần gấp. Xin chư vị đi bộ, sẽ có người hướng dẫn". Tăng đi một hàng riêng, ni đi một hàng riêng, hai hàng song song chiếm một nửa đường, xe rước hòa thượng Thích Quảng Đức đi giữa. Ngồi sát cạnh cụ Quảng Đức là đại đức Chân Ngữ, đại đức Chân Minh thì ngồi cạnh người lái xe. Tới gần ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng thì xe dừng như bị hỏng máy, thầy Chân Ngữ mở bình xăng tưới lên người cụ Đức. Cụ vẫn ngồi yên lặng, mặt không biến sắc, miệng niệm phật, đợi xăng tẩm ướt toàn thân mới bước xuống xe cùng các thầy Chân Ngữ và Chân Minh. Ban tổ chức đã yêu cầu tăng ni ngồi thành một vòng tròn rộng, sắp xếp thành nhiều lớp đợi hòa thượng tiến vào. Cụ bước đi uy nghi, thanh thoát như bước trên tấm thảm trải sen vàng, rồi ngồi vào giữa vòng theo tư thế kiết già. Thầy Chân Ngữ lại xách bình xăng đổ cho hết phần xăng còn lại. Cụ Đức vẫn ngồi im như đã thành thạch tượng, miệng hơi mỉm cười, một bàn tay dựng thẳng trước ngực như một nửa búp sen, tay kia quệt máy. Nhưng cái quệt bị ngộp xăng nên không cháy, thầy Chân Minh vội chạy tới đưa cái quệt khác. Hòa thượng vẫn ngồi thẳng, mắt mở to, nhưng cái nhìn đã thuộc về một thế giới xa xăm nào đó rồi cụ bật quệt lần thứ hai. Ngay lập tức một khối lửa bùng lên, là một núi lửa bốc cao mãi, qua ánh lửa vàng hòa thượng vẫn trụ thiên kiên định, hai tay chấp trước ngực, hình ảnh sau cùng của vị phật sống trong tiếng niệm phật của hàng vạn tăng ni và phật tử. Có bài kệ rằng:

"Thập phương thế giới trung

Thiên thân cúng dường Phật

Thành tựu đệ nhất Pháp

Duy hữu Việt Nam Tăng".

3

Sự già kể tiếp:

"Kim thân bồ tát Quảng Đức được gói trong áo cà sa đặt lên ba lá cờ Phật giáo trải rộng rước về chùa Xá Lợi. Đi theo nắm tro thiêng liêng của bậc chân sư tôi đã nghĩ tới sự sống lại của Phật giáo như một quốc đạo trong toàn cõi Việt Nam bởi những tấm gương của nhiều tu sĩ dám xả thân cho sự trường tồn của dân tộc, của Phật Pháp. Vậy mà hóa ra không phải. Tháng 5 hy vọng bao nhiêu đến tháng 8 lại thất vọng bấy nhiêu. Đêm 20 rạng sáng ngày 21 tháng 8, chính

quyền Diệm mở cuộc tổng bố ráp khắp các chùa chiền trong phạm vi Sài Gòn - Gia Định. Các sư đều bị bắt giữ, kể cả hòa thượng hội chủ, các vị lãnh đạo trong ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo, các giám viện các chùa lớn, ai trốn được thì trốn còn đều bị tổng lên xe cảnh sát. Hòa thượng hội chủ được đưa vào bệnh viện Grall. Một số vị khác vào trại Bạch Đằng là trụ sở cơ quan tình báo. Một số đến trại Lê Văn Duyệt của công an, số đông phải đi Rạch Cát. Tôi xin nói thêm, chuyện bố ráp này tôi và thầy Thiện Đạo đã được Halberstam, một nhà báo Mỹ, cho biết từ lúc tối. Tôi đã bạch lại với các vị lãnh đạo ủy ban liên phái đang có mặt tại chùa Xá Lợi để tìm cách hóa giải. Thượng tọa Quảng Viên vừa từ ngoài Huế vào, là chiến lược gia của phong trào, bảo: "Chẳng phải chạy đâu hết, cứ cho họ đến bắt, bắt hết càng hay, giết cũng được. Họ có giỏi thì cứ làm". Lời nói quả quyết và bình thản ấy khiến chúng tôi vững tâm rất nhiều. Nhưng trong số các sư bị bắt ở Xá Lợi lại không có thượng tọa Quảng Viên. Ông ta đã trốn ở đâu? Mãi về sau mới được biết, ông Viên đã cạo lông mày, quần y vàng như các sư Nam Tông, đứng lẫn trong đám tăng Nam Tông và được đưa về Rạch Cát là nơi tạm giam những kẻ vô danh. Ông ở lại đó vài ngày rồi được tha, liền về Sài Gòn vào tòa đại sứ Mỹ gặp Ingram là cố vấn chính trị xin được tá túc ở trong tòa đại sứ.

"Năm tro của cụ Quảng Đức chưa kịp nguội, trái tim của cụ còn đỏ tươi nhưng lập trường của mấy người lãnh đạo giáo hội sau vụ bắt bớ đã thay đổi hoàn toàn để làm vừa lòng kẻ cầm quyền, để thoát thân, để không bị mất thêm những cái đã có. Ngày 25 tháng 8, hòa thượng hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam kiêm lãnh đạo tối cao ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo ra lời hiệu triệu kêu gọi chư tăng ni, phật tử toàn quốc tin tưởng vào phương pháp hòa giải của giáo hội và sự lãnh đạo bao dung sáng suốt của tổng thống Việt Nam cộng hòa, gạt bỏ nghi nan hiểu lầm do sự kích động vượt ngoài phạm vi đạo đức. Tiếp đến kiến nghị của năm vị thượng tọa Phật giáo Trung phần, xác nhận trong chế độ cộng hòa nhân vị do tổng thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo, Phật giáo được tùy duyên phát triển, được tự do tín ngưỡng và hành đạo. Lại xác nhận năm nguyện vọng của Phật giáo đã được tổng thống thực thi với tinh thần hòa giải tốt bụng. Rồi yêu cầu chính phủ nghiêm khắc đối với những người đã lợi dụng cuộc đấu tranh thuần túy phật giáo vào mục đích chính trị. Cuối cùng là cả năm vị đồng thanh ca ngợi Ngô Tổng thống là vị lãnh đạo anh minh, đầy đủ đức độ, chủ trương tự do tín ngưỡng. Rồi lại đến lời tuyên bố của vị phó chủ tịch ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo. Ông nói trong những ngày đầu của cuộc vận động cho năm nguyện vọng là nằm trong giáo lý nên ông đã tham gia ủy ban liên phái với chức phó chủ tịch thứ ba. Với ý chí ôn hòa tốt bụng của tổng thống và chính phủ, thông cáo chung đã được ký kết, những nguyện vọng chính đáng của Phật giáo đã được hoàn toàn thỏa mãn. Nhưng sau đó cuộc đấu tranh đã ngày càng đi xa phạm vi giáo lý và pháp lý và còn có tính cách quá khách. Vì vậy ông đã dự định rút khỏi ủy ban liên phái nhưng do sự khống chế của một số người trong ủy ban nên không thực hiện được. Ông tuyên bố: Nay tôi xin tuyên bố rút khỏi ủy ban liên phái để trở về với nhiệm vụ tu hành thuần túy theo chánh đạo. Thượng tọa Thích Tâm Châu cũng ra tuyên bố lên án một số người trong ủy ban liên phái đã cùng với những phần tử, những tổ chức phản động trong nước và bọn phiêu lưu quốc tế âm mưu lợi dụng cuộc tranh đấu của phật giáo để lật đổ chính phủ Việt Nam cộng hòa. Và ông đã đồng đạc tuyên bố cùng quốc dân, kể từ ngày 20 tháng 8 ông tự coi đã hết nhiệm vụ của chức chủ tịch ủy ban liên phái bảo vệ phật giáo. Ông lại nói thêm tuy bị giam giữ nhưng ông vẫn bình yên và luôn luôn được chính phủ biệt đãi.

"Nhớ lại thế thôi chứ chẳng có gì làm lạ. Cái thân ngũ uẩn được thế gian nâng niu, chiều chuộng đã lâu làm sao nhất đán dám buông bỏ để hiến trọn vẹn cho Phật Pháp. Chúng ta đều là người của thế gian nên biết rất rõ những trói buộc của thế gian. Không phải ai ai cũng là cụ Thích Quảng Đức cả. Có điều những ông thầy chùa bạc nhược và háo danh ấy sa ngày 1 tháng 11 đều tự vỗ ngực hét to rằng chính họ là kẻ đã đào mồ chôn chế độ cũ, là ân nhân của chế độ mới, đều là những anh hùng cứu nước cứu đạo. Kiêu binh đã khó chịu, kiêu tăng vừa khó chịu vừa buồn cười. Thiên hạ họ cũng cười cả đấy, có điều họ không cười to thôi. Lúc này

công thành thân thoái là đẹp nhất, việc đời cũng đẹp, việc đạo cũng đẹp. Khốn nỗi mấy ông thầy chùa đã từng được nắm giữ cái hương vị ngây ngất của âm mưu và quyền lực nên bỏ không nổi. Huống hồ thắng lợi của đám quân nhân vừa giành được lại quá lớn, không nhảy vô cùng chia sót thì uổng quá. Họ có phần họ, mình phải có phần mình, cái phần của mình là nhân cơ hội này đưa Giáo hội Phật giáo thành một quyền lực có thể chi phối mọi quyền lực. Các nhà sư một đời ăn chay niệm Phật chỉ biết có hoàng pháp độ sanh bỗng chốc thành những kiến trúc sư của một nhà nước Phật giáo, soạn Hiến chương Phật giáo, lập Viện Tăng thống, Viện Hóa đạo, củng cố hệ thống trường Bồ Đề, mở các nhà thương từ thiện, xây viện cô nhi, tổ chức các hội đoàn các cư sĩ, Phật tử, có tham vọng từ đường lối chính trị của nhà cầm quyền đến các hoạt động xã hội của mọi tầng lớp dân chúng đều có bàn tay của giáo hội. Cái viễn cảnh Phật giáo là quốc đạo, người cầm đầu Giáo hội là quốc sư, thiên truông có uy lực như vương truông, chuông điệp của nhà chùa có giá trị hơn mọi giấy thông hành xem ra cũng chẳng xa xôi gì. Thật là phúc đức! Nào ngờ trong phúc vẫn có họa. Cái họa diệt thân lại từ lửa dục quyền lực mà sinh ra. Vì giành giật quyền lực mà khối Phật giáo thống nhất bắt đầu nứt rạn, chia ra Việt Nam quốc tự và Phật giáo Ấn Quang. Rồi trong mỗi khối lại chia làm nhiều bè nhóm để giành các chức vụ then chốt cho phe nhóm mình. Các phe nhóm lúc thì liên minh lúc thì đối đầu tùy theo sự bức bách của những quyền lợi. Trường hợp của thượng tọa Thông Trí là rất tiêu biểu. Tôi biết ông này rất rõ vì tôi với ông là huynh đệ đồng sư môn quen biết nhau đã mấy chục năm mà vẫn lầy lăm kinh ngạc về những thay đổi rất khó hiểu trong những năm này. Năm 63, ông Thông Trí từ Huế vô Sài Gòn tham gia ủy ban liên phái. Lúc ấy ông toàn tâm toàn ý đấu tranh cho năm nguyện vọng của giới Phật giáo không chút nhân nhượng. Sau vụ bố ráp tháng 8 ông bị đưa đi giam giữ tại trại Lê Văn Duyệt. Ở trại về ông bảo, mình tiến lui không khéo dễ lâm vào cảnh trai cò mổ nhau ngư ông thủ lợi. Hỏi thêm ông về tình hình sắp tới, ông trả lời: "Chuyện gì phải xảy ra rồi sẽ xảy ra, chuyện gì phải đến rồi sẽ đến mình biết trước thế nào được". Đã bắt đầu khó hiểu rồi. Sau ngày chế độ Diệm đổ, giáo hội lập Viện Hóa đạo, ông Trí được bầu làm tổng thư ký liên minh với ông Tâm Châu hợp tác với chính quyền Nguyễn Khánh. Ít lâu sau vì quyền lợi bất đồng ông Trí lại ly khai ông Châu cùng ông Quảng Viên, ông Đức Thiện thành lập khối Phật giáo Ấn Quang đưa cụ Thiện Hoa làm Viện trưởng Viện Hóa đạo, ông Trí làm tổng thư ký. Năm 66 sau vụ rước Phật xuống đường bị thất bại, ông Trí chửi ông Viên là thằng bán đạo, lẽ ra phải lấy thân che Phật thì hấn lại lấy Phật che thân. Rồi họ lại làm lành với nhau. Đến năm 73 phe ông Viên tố cáo ông Trí ông Thiện trên báo Sóng Thần về nhiều hành vi vô đạo đức như đã hủ hóa với nhiều nữ Phật tử. Đã nghĩ hai người khó mà nhìn mặt nhau cho đến hết đời nào dè họ vẫn trở lại thân thiết, đi đâu cũng là hai người, ngồi ăn cơm vắng một người thì người kia chống đũa ngồi chờ. Chắc là lại có một kỷ kết mới nào đó. Kẻ đã mê say quyền lực chỉ biết có liên minh chứ không biết tình đồng đạo càng không biết nghĩa thầy trò. Ông Hoa viện trưởng Viện Hóa đạo bị chết đột ngột, ông Viên ông Thiện là hai viện phó nhưng lại đang đánh nhau kịch liệt nên cụ Thanh Tịnh là bậc trưởng thượng được bầu làm viện trưởng. Năm 74 là năm bầu lại viện trưởng, ông Trí muốn được thay cụ Tịnh giữ chức ấy. Nên ông mới lập ra Tổng đoàn thanh niên Tăng Ni Phật tử làm chỗ dựa cho mình trong kỳ đại hội. Nhưng cụ Tịnh vẫn được tái đắc cử và ông Trí có thái độ rõ ràng là bất hợp tác. Sau ngày thống nhất đất nước sự bất đồng giữa hai người gần như công khai trước mắt tăng chúng. Thủ đoạn của ông Trí là, cô lập cụ viện trưởng ở cả hai phía. Với giáo hội thì ông tung tin cụ là tay sai của Việt cộng. Với chính quyền mới thì ông tạo ra những cơ hội khiến họ phải nghĩ rằng cụ là người chống đối ngầm. Ông Trí là người to mập, đi đứng khệnh khạng, da mặt căng mọng, lúc nào cũng cười, trò chuyện rất bổ bã, dung tục cứ như anh hề nên tăng trẻ rất thích, các nữ Phật tử cũng rất quyến luyến. Ông lại có tài ăn nói, tùy người tùy cảnh mà đổi thay. Nói chuyện với các cư sĩ thì ông khoe: "Mấy năm rồi tuy Phật sự đa đoan, nhưng tôi vẫn đọc được nửa tạng kinh, dịch một văn phẩm Phật giáo, lại làm cả thơ nữa". Rồi ông đọc một bài thơ ông mới làm, thơ rất hay, rõ ràng là của một thiền sư đã ngộ đạo: "Sanh tử là mộng - Niết bàn trong ta - Trần gian không vướng - Cực lạc đâu xa". Người như thế mà lại làm được những câu thơ như thế, cũng lạ. Nói chuyện với những người chưa tin vào chính sách tôn giáo của cách mạng thì ông bảo: "Từ năm

tôi đi tu tới giờ chưa gặp được một chính quyền nào ủng hộ phật giáo cả. Nhưng phật giáo vẫn hiện hữu. Ví phỏng có phải đóng cửa giáo hội thì quý vị hãy về mở cửa giáo hội trong lòng quý vị". Nói chuyện với đám tăng ni trẻ thì ông tuyên bố: "Giáo hội ấn Quang còn thì tôi còn hầu hạ tiếp. Giáo hội chết thì tôi cũng quạt mồ luôn". Gặp chuyện rắc rối mà bản thân ông có dính líu ít nhiều, để trả lời những câu chất vấn của phía này phía kia ông vừa cười vừa hất tay lên: "Thôi, good bye đời! Ai làm gì thì làm, ai tranh đua gì thì cứ việc tranh đua. Mình xin good bye!". Có một lần, vào năm 78, 79 gì đó, nhân lúc ông Trí đau phải nằm bệnh viện, tôi có vào thăm. Ông gầy tọp hẳn, da mặt nhăn nhúm, ông ngồi dậy nói với tôi: "Xã hội bây giờ đảo ngược. Kẻ đang ăn trên ngồi trước như mình trước đây nay phải ở dưới ngồi sau. Việc thế gian phải chấp nhận chứ làm sao bây giờ". Kinh A Hàm đã dạy: "Sở dĩ cái này có là vì cái kia có, cái kia không thì cái này cũng không". ở trường hợp này cái kia chính là những ảo ảnh về quyền lực. Quyền lực luôn luôn làm hư hỏng con người, kể cả các thầy tu. Những mưu mẹo thủ đoạn đôi khi quỷ quái khôn lường, tàn độc khôn lường nhưng nếu nhằm tiêu diệt một thế lực vô luân để bảo trì chính nghĩa thì vẫn tạo được ra ngọn lửa huyền vi bốc lên từ nhục thân đức bồ tát Quảng Đức. Còn cũng vẫn những mưu mẹo thủ đoạn ấy lại nhằm tiêu diệt lẫn nhau để giành một chỗ ăn chỗ ngồi trong giáo hội thì sẽ sinh ra lửa dục chấp chờn bao nhiêu bóng quỷ hồn ma. Chính vì lẽ đó mà tôi đã nhiều lần viết thư lên các bậc trưởng thượng của giáo hội khẩn khoản xin được về tu ở chùa cũ để nắm xương khô một ngày kia được vui dưới chân tháp tổ".

4

Bữa cụ Thích Quảng Đức tự thiêu ông Hai đang ở vùng bưng sáu xã cách Sài Gòn khoảng hai chục cây số. Ngày hôm sau ông đã có hình và những tin tức rất chi tiết về cuộc tự thiêu, phản ứng của chính quyền Diệm, của các tầng lớp dân chúng qua báo chí đưa tin và qua báo cáo của nhiều cơ sở nội thành. Ông còn nhớ rất rõ cái cảm giác kiêu hãnh và tự hào khi nhìn tấm hình nhà sư ngồi niệm phật trong quàng lửa đỏ. Ông không chỉ nhìn tấm hình có một lần mà đã ngắm đi ngắm lại rất nhiều lần. Nhiều năm sau này trong lãnh vực hoạt động quân báo của mình ông đã chứng kiến hàng trăm người đón nhận sự hy sinh rất gan góc, rất thản nhiên, không hề nghĩ một chút nào tới danh lợi sau khi mình đã chết. Xung quanh các cơ sở chính trị, quân sự, kinh tế quan trọng của Mỹ và ngụy quyền trong thành phố, ngay từ năm 64, ban quân báo của quân khu Sài Gòn - Gia Định đều đã ếm sẵn những kho vũ khí, nơi tập kết quân và các trạm trinh sát để chuẩn bị các trận đánh lớn nếu tình hình đòi hỏi. Cách đài phát thanh Sài Gòn khoảng hai cây số có một hầm vũ khí làm từ năm 65 do ông Hai-bong-bóng đảm trách. Hầm rộng phải đào tới 5 mét khối đất, lại phải đem đất đi đổ xa cách thành phố cả chục cây số. Mà chỉ được làm có một mình, làm ban đêm. Để giữ bí mật ông cho vợ con ra thăm quê nội ở Qui Nhơn hẳn hai tháng nhân các con được nghỉ học hè. Trước đó ông đã đi học nề mộc. Rồi ông còn phải học lái xe, nhận xe và hàng ở một địa điểm được báo trước rồi lái về nhà mình. Nhận giữ một hầm vũ khí người chủ phải lên một kế hoạch hành động tỉ mỉ từ nhiều tháng trước rồi làm dần dần từng chút một. Trước Tết Mậu Thân chừng nửa năm ông Hai trèo thang lợp lại mái nhà không may thang gãy ông bị thương nặng ở đầu. Trước khi chết ông gọi vợ lại trắng trối về cái hầm vũ khí dưới tầng sâu của lòng nhà, đưa vợ một nửa tờ giấy bạc, dặn người nào đưa nửa kia ghép lại thì giao vũ khí cho người ta. Nằm trên vũ khí là nằm trên bản án tử hình. Cuộc sống che giấu căng thẳng, những giây phút hồi hộp, lo âu không chỉ diễn ra trong một ngày, trong một tuần mà là trong nhiều năm. Trong đơn độc, trong thâm lặng ngọn lửa yêu nước của ông vẫn bền bỉ bốc cháy, bất chấp mưa to gió lớn, không cần một ai cổ vũ, tiếp tay, cũng không cần có ai biết, có thể mãi mãi không có một ai được biết ngoài cái người đã tới giao nhiệm vụ. Đã nhiều năm trôi qua ông Hai đôi lúc nhớ tới ông Hai-bong-bóng ở cuối đường Hồng Thập Tự, cũng chỉ được biết có thể. Còn vợ ông sau khi giao hầm vũ khí cho cách mạng đem con tới nơi khác sinh sống, nay ở đâu, cuộc sống dư đủ hay túng thiếu, liệu bà ấy có khai báo công tích của gia đình với chính quyền cách mạng? Chắc là không, mà nếu có khai chưa để đã ai tin, vì không có giấy chứng nhận, người có thể chứng nhận cũng đã hy sinh trong trận



đánh Tết Mậu Thân rồi. Lại một trường hợp khác cũng khiến ông Hai nghĩ ngợi nhiều. Đó là bà Mai Hương, hơn ông Hai chừng vài tuổi, là một trí thức công giáo cùng với chồng vào Sài Gòn từ năm 1940. Sau Tết Mậu Thân các cơ sở chất chiu từ nhiều năm trong thành phố bị phá vỡ tan hoang cả. Bà liền đưa một tổ điện đài của Mặt trận lên lầu bốn của chính nhà mình. Cũng là đã dám coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Vì chuyện này vợ lẽ thì tòa án quân sự của ngụy quyền có thể xử bắn và tịch biên gia sản người chủ không cần xét xử. Sau năm 75 vợ chồng bà hiến cả tòa nhà đó cho cách mạng, thuê một căn hộ nhỏ ở đường Điện Biên Phủ vốn là nhà của một Pháp kiều. Bà không buôn bán gì nữa, xin làm thủ quỹ của thành hội Phụ nữ thành phố. Một bữa ôm tiền ngồi trên xe xích lô bị cướp đuổi theo bắn bà lòi ruột để cướp tiền. Hồi cải tạo tư sản, vợ chồng bà bị đuổi ra khỏi nhà, tiền hết, chỗ ở không có, bà đến gặp ông Hai bảo: "Anh chị phải đi Pháp đây. Xa đất nước anh chị không muốn nhưng mình đã già rồi sang đó còn dựa cậy vào con cái". Nói thế là nhân nghĩa lắm, là không oán trách một ai cả nhưng mình thì phải nghĩ, càng nghĩ càng đau và ân hận vô cùng. Rồi lại nhớ tới anh Năm Thông, bạn chiến đấu của nhiều thời kỳ. Mấy cơ sở Mỹ ta tấn công, như cư xá Brink của sĩ quan Mỹ, đều nhờ Năm Thông điều tra và chụp ảnh rất tỉ mỉ. Anh là người rất vui và chiều bạn, đã được bạn bè gọi là ông "toujours oui", "jamais non" (Luôn luôn có - không bao giờ không). Bà vợ có nghề phụ khoa kiêm thêm nghề xoa bóp bẻ chân bẻ tay cho các bà lớn, nuôi một bầy con năm đứa để ông chồng được tự do làm cách mạng. Sau Tết Mậu Thân anh Năm bị bắt giam ở trại Thủ Đức rồi bị đám an ninh đánh chết. Những đứa con mỗi đứa chạy một nơi. Còn bà mẹ dốt thằng cháu ngoại chạy về ngã ba Trung Lương sống ẩn dật trong một khu vườn bỏ hoang của người bà con. Khu vườn ấy cũng là nơi cất giấu vũ khí đưa từ Đồng Tháp về trước khi nhập Thành. Một đêm có mấy tên mặc đồ đen lén vào dùng gậy đập chết bà. Bà đã chết từ lâu mà đứa cháu vẫn còn kêu khóc và lay gọi ngoại nó. Mẹ thằng nhỏ nay là bác sĩ quân y, tóc đã chớm bạc, còn thằng nhỏ năm nào đã là một chàng trai tuấn tú, là kỹ sư hóa, đã có người yêu. Nó hỏi ông Hai: "Bác có quen biết ông bà ngoại con à?". Mẹ nó quát: "Mày phải kêu là ông, ông là cấp chỉ huy của ngoại mày". Nó cười: "Vậy coi ông còn trẻ quá hời!". Nhìn nó cười mà ông Hai muốn khóc, khóc vì hạnh phúc, khóc vì nhớ lại những người bạn gần bó của một thời, cái thời ấy đã xa đến thế sao, mà ông vẫn còn sống đến tận hôm nay sao? Lại nhớ tới đứa con gái của Bảy Lốp. Bảy Lốp là cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc rồi trở về Nam năm 60, là đội trưởng đánh vào Bộ Tư lệnh hải quân ngụy hồi Tết Mậu Thân. Tắm hình Bảy Lốp mặc áo ca rô, một bên mắt hơi nheo lại chờ cái chết tức thì, đứng bên anh là Nguyễn Ngọc Loan tay giơ thẳng khẩu súng ngắn áp sát mang tai anh chuẩn bị bóp cò, đã được toàn thế giới biết đến. Ông Hai luôn luôn giữ tấm hình đó trong cặp của mình. Năm 79 khi đứa con gái Bảy Lốp gặp ông Hai, nó cứ nhìn ông tìm tìm cười, còn ông nhìn nó vừa lạ vừa quen, như đã từng gặp ở đâu đó, nhất là nụ cười nhưng không thể nhớ tên. Nó còn rất trẻ, khoảng hai mươi tuổi, không thể là cơ sở của ông thời đánh Mỹ, chắc nó là con một đồng chí nào đó, con một chiến hữu, cháu là con ai thế? Nó nói: "Cháu tên Loan, trùng tên với thằng tướng ngụy đã giết ba cháu". Ông chồm dậy, chạy vòng qua bàn, nắm lấy tay nó: "Con bố Bảy Lốp hả, chào, bọn mày lớn mau quá!". Trong mấy năm sau giải phóng Sài Gòn, chiều nào ông Hai cũng dành một giờ đạp xe dạo quanh những khu phố trước đây ông đã từng sống với bao nhiêu nỗi niềm yêu thương, đau xót. Tức là ông đã già rồi, mọi tình cảm luôn luôn dành cho kỷ niệm, cho quá khứ. Có nhiều ngày sáng nào ông cũng đạp xe tới tiệm phở Thái, gọi ăn một tô phở chín nạm. Đây là chỉ huy sở của một mũi tấn công trong đợt đánh Tết Mậu Thân. Ông Thái có người con rể là trung úy hải quân ngụy. Vợ chồng nó ở chung nhà nên được về nghỉ ăn Tết với gia đình. Mọi năm chiều ba mươi Tết nó thường đưa vợ con về nhà bố mẹ để tới sáng ngày mồng hai mới trở lại nhà ông. Năm nay nó định trưa ngày mồng một Tết mới về bên nội. Đêm ba mươi đã nổ súng mở màn cuộc tổng công kích. Ông bố vợ cầm dao dí vào tận mặt con rể, bảo: "Bắt đầu từ giờ phút này mày phải theo cách mạng, mày cãi lại là tao chém liền". Nó chạy ra nói với người chỉ huy mũi tấn công: "Em là sĩ quan hải quân nhưng em sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ các anh giao". Sau đợt 1, cả bố vợ lẫn chàng rể đều phải đi tù. Bây giờ ông bà đã mất cả rồi, gia đình người con rể cũng không còn ở trong thành phố. Những đứa trẻ lớn lên đã lập gia đình thành các ông chủ của nhiều chi nhánh

phở Thái. Ông Hai tới ăn như một người khách lạ vì chỉ có bố mẹ chúng là biết ông. Ông ăn phở rồi trả tiền, hể hả, sung sướng vì đã có dịp được sống lại trong chốc lát với vong linh những người đã khuất. Nhưng có những địa điểm ông không dám đi qua, không dám nhớ tới nữa vì nó gợi lại những đau đớn rất khó dứt bỏ trong nhiều ngày. Chẳng hạn ông không bao giờ dám đi qua đài phát thanh của thành phố, trước kia là đài phát thanh Sài Gòn, một mục tiêu tấn công trong Tết Mậu Thân. Đài có hai trung đội lính canh gác và tuần phòng, anh em biệt động chỉ có mười hai người, thêm một người lái xe là anh Năm Mộc. Chị Năm Mộc mở một tiệm may nhỏ cách đài có vài chục mét từ mấy năm trước để trinh sát. Anh Năm vừa tống xe vào cổng thì bị bắn chết ngay. Mười hai người nhảy ra khỏi xe nổ súng xông vào nhưng chỉ vào được có tám người còn bốn người bị kẹt ở ngoài. Mười lăm phút sau một tiểu đoàn an ninh quân đội tràn tới. Tám người vẫn bền bỉ chiến đấu từ 2 giờ sáng ngày mùng một cho tới lúc sáng hẳn. Họ đã hy sinh mất năm người trong trận đánh đêm đó. Còn lại ba người với hai chục ký thuốc nổ họ cho nổ đài phát và cùng hy sinh theo. Trong ba người chiến đấu đến phút cuối cùng có Khẩu là thằng con nuôi của ông Hai. Khẩu mồ côi mẹ từ nhỏ, ở với chú, có nghề khắc gỗ cho các báo ở thủ đô. Năm 66 Khẩu tình nguyện vào Nam chiến đấu, ở một đơn vị trinh sát của ban quân báo. Đơn vị trinh sát toàn là học sinh, sinh viên quê ở Củ Chi chỉ lọt vào có Khẩu là người Hà Nội. Quê gốc của Khẩu là làng Hữu Từ thuộc Hà Đông. Quê của ông Hai là làng Tô cách làng Hữu có một con sông Nhuệ. Nên thầy trò dễ thân nhau. Lại nhân ông phải đi nằm bệnh viện vì bị sốt rét ác tính, Khẩu xin đi theo phục vụ suốt nửa tháng tận tụy, lo lắng như có tình máu mủ. Cả hai đã bàn tính nay mai giành được độc lập và thống nhất rồi họ sẽ cùng sống bên nhau mãi mãi ở Sài Gòn. Khẩu sẽ có một cô em gái tên là Thoa kém hẳn bốn tuổi và thằng em trai tên là Thịnh kém hẳn bảy tuổi. Khi có đông người hẳn gọi ông Hai là thủ trưởng như anh em. Khi còn hai người hẳn gọi ông Hai là bố, tiếng gọi âu yếm, nũng nịu. Trước khi lên đường làm nhiệm vụ Khẩu còn hỏi nhỏ ông Hai: "Bố vẫn bị trĩ đấy à?". Ông nhìn nó nước mắt đã muốn ứa ra: "Vẫn còn nhưng đã đỡ nhiều". Hẳn lại nói: "Các chị bên quân y bảo bố phải ăn nhiều rau diếp cá thì mới khỏi ra máu. Bữa nào con về con sẽ đi kiếm cho bố ăn hàng ngày". Vậy là nó đã đi mãi. Như giấc chiêm bao. Bảy năm sau đứa con trai độc nhất của ông Hai hy sinh trong trận đánh Buôn Ma Thuột, mở đầu những trận đánh lớn kết thúc chiến tranh. Cả hai đứa đều hy sinh ở tuổi hai mươi. Hai năm sau nữa vợ ông cũng mất. Bây giờ chỉ còn lại có đứa con gái đầu và một thằng cháu ngoại. Và ông cũng không ở lại thành phố Hồ Chí Minh như đã dự tính mà về nghỉ hưu ở một vùng quê ông đã từ đó ra đi từ non nửa thế kỷ trước. Chuyện đời khó mà tính trước được tất cả. Hỏi ông có bằng lòng với cuộc sống hiện tại không? Ông sẽ trả lời với một chút ngậm ngùi: "Bằng lòng chứ, rất bằng lòng, tôi đâu có muốn sống khác với hôm nay". Nói thế cũng là rất thật, vì ông có những lý do riêng để bằng lòng với hiện tại.

5

Từ ngày lấy vợ tới ngày ông Hai nhận được tin đứa con trai độc nhất đã hy sinh, trong suốt hai mươi lăm năm ấy ông vẫn tự nhủ mình là người may mắn nên đã gặp được một người vợ rất hiền và có hai đứa con rất ngoan. Có gia đình đã mấy chục năm nhưng ông chỉ sống với gia đình nhiều lắm là năm năm, là thời kỳ ông làm việc ở Bộ Tổng tham mưu đưa vợ và hai con từ Thanh Hóa ra thủ đô, ở nhà tập thể của quân đội, sáng đi tối về như mọi viên chức của nhà nước. Lần đầu được sống trọn vẹn với vợ con, mọi việc tạp vật trong cái tập thể bé nhỏ khiến ông vừa bực dọc vừa háo hức. Và phải học cách làm chủ một gia đình, học nhóm bếp lò và nấu cơm nếu vợ đi làm về muộn, học quấy bột cho chín và cho con ăn bột, học tắm rửa và thay quần áo cho các con, rồi học sửa điện, giọi mái nhà, đóng bàn học và kệ để sách, hàn vá nồi, mua và dùng các loại thuốc thông thường, cả trăm việc, việc nào cũng lạ, cũng đòi hỏi phải tỉ mỉ, kiên nhẫn. Tới lúc thành thạo thì ông nhận lệnh vào miền Nam công tác, vẫn là công tác quân báo, nghề ruột từ năm đánh Pháp. Mười hai năm sau, tức là năm 73, ông ra Hà Nội hợp được sống với gia đình hai tháng. Cái Thoa đã hăm một tuổi, vừa tốt nghiệp đại học sư phạm, đang đợi nhận công tác và đã có người yêu. Thằng Thịnh đã mười tám tuổi, thi trượt đại học,

tình nguyện đi bộ đội theo nghiệp bố. Vẫn là gian nhà mười bốn mét vuông như năm mới nhận nhà, không coi nói ra được một tác nào nên hai ông bà già phải thu mình lại, phải nói nhỏ đi để nhường chỗ, nhường lối, nhường tiếng nói cho hai đứa trẻ con đã thành người lớn, đi đứng nguênh ngoàng, nằm ngòai ngả ngón và đầy ắp tiếng nói tiếng cười của chúng nó. Chúng nó dọn giường cho ông ngủ, đun nước cho ông tắm, giặt quần áo ông thay ra, nấu nướng các món ăn ông thích và nói chuyện chính trị, chuyện xã hội thông minh, ngổ ngáo. Ông chỉ cười, nhìn vợ con và cười cứ như không phải của mình, ông đâu có chút công lao nào trong việc kiến tạo một mái nhà ấm áp, hạnh phúc đến thế. Toàn là nhờ bà vợ cả. Bà vợ lúc mới lấy nhau to mập, da thịt mỡ màng, một đời ăn cơm cháy, húp canh cặn, nhai xương gà, nhai bì lợn để nhường tất cả phần ngon lành cho chồng và hai con mà vẫn khỏe, không thấy nằm ban ngày bao giờ, cũng không nghe kêu mệt bao giờ, luôn miệng: "Anh cứ để đó, chúng mày cứ để đó". Để đó rồi bà sẽ làm tất tậ, làm lúc chồng con còn ngủ, lúc chồng con đi làm, đi học, đi xem chiếu bóng, đi chơi. Nhưng bây giờ thì bà đã già lắm rồi, người thấp đi, nhỏ lại, tóc bạc nhiều và bàn tay gầy mỏng đen sạm như chân con gà ác. Bà chỉ ăn hai lưng cơm rồi chống đũa nhìn chồng nhìn con ăn, miệng như mỉm cười. Cái nụ cười nhẩn nhục, chịu đựng và xa cách như đã dự cảm những ngày vui này chỉ là thoáng chốc, là không thể bền. ở đời cái gì đẹp quá, mãn nguyện quá đều không thể bền. Quá là không bền thật. Bữa cơm liên hoan tiễn ông trở lại chiến trường cũng là bữa cơm cuối cùng của mâm cơm bốn người. Mãi mãi sẽ không có thằng con trai, ngồi đầu nồi xới cơm cho bố, còn người bố vừa ăn vừa ngắm nhìn nó lùa từng nửa bát cơm vào miệng và gần như không nhai, nó đã nuốt gọn ghẽ để lùa tiếp miếng sau. Bốn năm sau nữa ông được về nhà một tháng để nuôi vợ ốm. Vợ nằm bệnh viện, mâm cơm ở nhà chỉ còn hai người, ông bố và đứa con gái đầu. Mà cũng chỉ được ngồi ăn vội vã với nhau vào bữa tối, nói năng với nhau cũng ngắn gọn và tránh né. Ông ăn vội còn đi nằm. Con gái cũng ăn vội vì còn bao nhiêu việc phải làm của một ngày dồn lại. Cuộc sống đã vất vả càng thêm ngột ngạt vì thiếu hẳn niềm vui. Chỉ có những lo âu, những ân hận. Đêm trước ngày bà mất, vợ ông cầm tay ông chỉ ao ước có một điều: nay mai bố ở đâu thì hai con phải ở liền đấy. Mỗi lần nghĩ đến chồng làm việc ở Sài Gòn, con trai nằm ở Tây Nguyên, con gái dạy học ở Hà Nội có chết cũng không nhắm được mắt. Sáng hôm sau khi ông mua bát phở lên nâng đầu bà bón ăn như mọi lần nhưng thìa phở vừa cho vào miệng lại trôi ra, hàm đã cứng rồi. Bà nằm thoi thóp tới nửa ngày, vẫn nhận ra chồng và con gái nhưng không thể nói được, đuôi mắt lúc nào cũng ướt đẫm. Chắc là còn tiếc lắm, còn nhớ lắm, còn cố níu vớt chút giây phút cuối gần gũi những người thân trước khi phải xa cách mãi mãi. Trong bữa cơm vừa là tuần cúng bảy ngày cho mẹ vừa để chia tay với bố người con gái nói: "Đầu năm tới chúng con làm lễ cưới, bố cố ra nhé". Ông nói: "Trong ngày vui của các con bố phải có mặt chứ". Nói vậy, đã định vậy mà không được vậy. Đầu năm sau mặt trận biên giới phía Tây Nam đã cuốn hút hết tâm trí, tình cảm của ông từ nhiều tháng trước.

Trước Tết ít ngày, con gái gửi thư vào báo tin chúng nó không làm lễ cưới vì bố không ra được, vả lại đang còn tang mẹ nên chỉ đến ủy ban đăng ký kết hôn rồi mời bạn bè tới ăn nhậu hẳn một ngày. Sau đó cả hai vợ chồng đi Thái Bình để trình diện bố mẹ và anh em bên chồng. Cuối năm ông được báo tin đã có cháu ngoại, cháu trai và giống cậu Thịnh nó y hệt, mẹ nó viết thế. Ông nhét thư vào túi áo, một ngày mở thư ra đọc tới mấy lượt, chóng thế, ông đã là ông ngoại, thằng cháu trai lại rất giống cậu nó. Hai chục năm nữa, nếu ông được sống đến năm đó, lại có một chàng trai hai mươi tuổi ngồi xới cơm cho ông ăn, nó vẫn là máu mủ của ông chứ đâu phải người lạ. Cuối năm 80, ông Hai mới dứt được việc ra thăm con gái, con rể và cháu ngoại. Mâm cơm lại vẫn bốn người, ba người lớn và một thằng cháu nói năng ngọng nghịu thơ ngây. Ông ở lại nhà được một tháng. Mỗi sáng đưa cháu tới nhà trẻ rồi ông đi họp, mỗi chiều về đón cháu hai ông cháu dắt nhau đi chơi khắp mọi nhà trong khu tập thể cho tới giờ ăn cơm. Ra lần này ông bàn với vợ chồng con gái đưa cả nhà vào thành phố Hồ Chí Minh. Thằng chồng có nghề xây dựng là cái nghề mà thành phố đang rất cần. Con gái dạy toán cấp ba đã có trường sẵn sàng nhận vì hiệu trưởng là con trai lớn của một gia đình cơ sở thời đánh Mỹ. Phần người sống đã yên ổn rồi ông sẽ lên Daklak đưa nắm xương con trai về thành phố. Thu xếp xong công việc

cuối đời như thế là xong, là đẹp, là hợp với nguyện vọng của người đã khuất. Vậy mà xem chừng lại chưa xong vì thằng con rể đang có nhiều mối làm ăn ngay ở Hà Nội. Chúng nó còn dự định mua nhà ở trên phố. Thôi, thì cũng mừng cho con cái, thời sau hơn thời trước, chúng nó ở đâu ông sẽ ở đó khi hưu nghỉ. Lúc trẻ cậy vợ về già cậy con như anh em thường nói. Ông ở với con gái một tháng nhưng chỉ ngồi ăn cơm với chàng rể có vài bữa, hầu như nó không ngủ nhà, có lần vắng nhà cả tuần. Ông hỏi thì con gái trả lời dịp này chồng nó bận, phải ăn ngủ ở công trường. Nhưng mặt nó sao buồn thế, cái nhìn lấm lét, nhẩn nhục như con chó bị đánh. Thoạt đầu ông nghĩ rằng có lẽ vợ chồng nó làm ăn phạm pháp, kiếm tiền quá nhanh, quá dễ thì chỉ có ăn cắp thôi, nay hẳn công việc vỡ lở nên thằng chồng phải chạy đôn chạy đáo để thoát thân còn con vợ vốn phụ thuộc, hiền lành chỉ còn biết ngồi nhà trông đợi. ở thêm ít hôm thì hình như không phải thế, thằng con rể vẫn nguyên vẻ mặt mãn nguyện của thằng trọc phú, lại khinh vợ vì phải sống bám vào nó và nói năng với bố vợ như kẻ bằng vai phải lứa, còn tệ hơn thế, như người rất thông minh phải trò chuyện với một kẻ ngây ngô, chậm hiểu. Là sao thế nhỉ? Có hai chi tiết khiến ông hết sức quan tâm. Trong một bữa cơm con vợ gỡ xương khúc cá rán rồi đặt miếng thịt cá lên bát cơm của chồng, lại quệt ngón tay dính mỡ lên cơm. Thằng chồng ngồi nhìn lừ lừ rồi hất hàm bảo vợ: "Xới bát cơm khác đi!" Vợ nó hỏi ngơ ngác: "Sao thế, anh?" Nó nói rì rì: "Miếng ăn cho vào mồm quệt chân quệt tay vào ghê bỏ mẹ!". Lại một lần ngồi vào mâm cơm thì thằng con từ ngoài chạy vào rồi nhảy tót lên lòng bố, bần chân đi đất in hẳn cái gót đen lên mặt vải quần màu xám nhạt. Thằng bố hất con xuống, quát: "Thằng quỷ, lần sau còn làm thế tao bẻ gãy chân". Rồi nó sai vợ lấy khăn ướt lau sạch vết bẩn. Suốt bữa ăn nó càu nhàu với vợ nó về mọi chuyện, lát lát lại nhìn xuống vế đùi, lấy tay xoa xoa lên vết bẩn đã được lau sạch. Còn vài ngày nữa ông lại trở vào Sài Gòn, ông hỏi thật con gái: "Hình như vợ chồng mày có chuyện không vui phải không?". Con gái ông quay mặt đi: "Không có gì cả bố ạ, tính anh ấy vẫn thế". Ông cười nhạt: "Tao biết chứ, nó không yêu mày như mày đã yêu nó." Thế là con bé bung mặt òa khóc. Mãi một lúc sau ông mới hỏi tiếp: "Chuyện thế nào?" Con gái ông không được đẹp nhưng ưa nhìn, chăm chỉ, tiết kiệm, thương chồng con hơn bản thân nó nhiều. Nó giống hệt mẹ nó, nhưng mẹ nó là người của thời trước, cái thời vợ chồng cùng đi làm, con cái ngoan ngoãn, ăn tiêu vừa đủ với đồng lương, không vay mượn ai, không có điều tiếng gì ở cơ quan cũng như ở phố xóm. Là một gia đình lương thiện, có cuộc sống trong sạch. Được như thế đã mãn nguyện. Nhưng bây giờ thì không thể đủ, hoàn toàn không đủ. Bây giờ người vợ phải biết ăn mặc, trang điểm, nấu ăn, tiếp khách, nếu có thể còn tham gia vào mọi sự làm ăn của chồng, tiếp tay cho chồng, làm vinh dự cho chồng. Con gái ông không được thế, nó giống như mẹ nó đã là không hợp thời, lại sống như một nhà giáo mô phạm lại càng không hợp thời. Chồng nó đang say tiền, quyết chí làm giàu bằng mọi cách, nó lại khuyên chồng nó chỉ nên làm một kỹ sư xây dựng trong biên chế nhà nước, ăn lương và lĩnh tiền thưởng. Chồng nó muốn có nhiều bạn làm ăn bắt kể lai lịch họ ra sao. Nó lại khuyên chồng nên xem xét người chánh kẻ tà trước khi kết bạn. Chồng nó muốn mời bạn bè ăn những bữa cơm gia đình ấm áp thân mật nhưng nó không biết làm món nhậu, nấu các món ăn cầu kỳ, không biết bày bàn, không biết cả cách đưa món nào trước món nào sau. Chồng nó muốn vợ phải bật thiệp, phải biết chuyện trò, đùa cợt thông minh, duyên dáng để tình bạn thêm gắn bó nhưng con vợ lại chỉ hỏi người ta chuyện gia đình (cấm k?????) chuyện công tác (rất cấm k?????) chuyện cơ quan (không ích lợi gì) và khi hết cả mọi chuyện lại nói về đứa em đã hy sinh và một ông bố là đại tá quân báo đã từng chỉ huy nhiều trận đánh Mỹ rất lẫy lừng ngay tại giữa Sài Gòn. Nói tới Sài Gòn, lập tức có nhiều người hỏi: ông già hiện có làm lớn không, có quen biết nhiều không, có biệt thự chưa và hỏi liền địa chỉ cùng số điện thoại của ông nếu có dịp sẽ lại chào. Con gái ông đại tá sợ quá vội nói rằng ông già nó rất "bôn", đừng có nói chuyện làm ăn phi pháp trước mặt ông mà bị tổng ra khỏi cửa. Vậy chị nói chuyện đó để làm gì nhỉ, để khoe có một ông bố làm lớn à? Làm lớn mà không giúp gì cho con cháu và bạn bè của con cháu thì vứt đi. Vậy là hết chuyện. Thằng chồng nhìn con vợ bằng con mắt căm thù. Còn cô vợ thơ ngây chỉ biết khóc thầm vì cô vẫn rất yêu chồng. Yêu tới mức cô sẵn sàng tha thứ tất cả dầu cô đã biết từ nửa năm nay người chồng đã ăn ở với một người đàn bà khác lớn tuổi hơn cô, có vốn liếng riêng khá lớn và

là người vẫn cung cấp vật tư cho ông chủ thầu mới phát, lại có cả nhà riêng nữa, cái nhà ấy hiện giờ là tổ ấm của bọn họ. Cô thua kém người đàn bà kia về mọi mặt, chỉ hơn là đã có một đứa con trai với chồng. Nhưng anh ấy đâu có yêu con, đời ai biết đời đó, bố mẹ mà làm gì, con cái mà làm gì, một đời người là rất ngắn, chỉ sống cho riêng mình vẫn còn rất thiếu, thời giờ đâu sống cho người khác, anh ta vẫn nói thế, chẳng ra đùa cợt chẳng ra nghiêm trang nhưng anh ấy đã sống đúng như vậy.

Ông bố bàn với con gái:

- Hai mẹ con mày vào sống với tao trong ấy ít lâu, tao lui lại một tuần cho mày chuẩn bị. Nếu nó biết nghĩ lại thì nó sẽ vào cùng sống với vợ con luôn. Còn nếu nó dứt tình hẳn ta sẽ tính tiếp. Còn có bố mà.

Đứa con gái lại khóc:

- Nếu con đi luôn với bố thì con sẽ mất anh ấy ngay lập tức. Mà con thì chưa muốn mất anh ấy sớm quá. Con vẫn còn thương anh ấy lắm.

Ông bố thở dài, cứ như bị ai đánh một búa vào đầu, mãi mới nói được:

- Nếu đã là thế thì tao chẳng dám khuyên bảo mày thêm điều gì. Nhưng đời mày rồi sẽ khổ con ạ.

Trước khi ra sân bay ông ôm hôn cháu còn đang nằm ngủ, và dặn mẹ nó chỉ một câu:

- Đời con còn dài, đừng làm điều gì dại dột khổ cả đứa trẻ, khổ cả ông già, con phải luôn nghĩ, đầu bề nào con vẫn còn có bố.

6

Sau khi li dị chồng, Thoa vẫn không đem con vào ở với bố trong thành phố Hồ Chí Minh vì người chồng cũ đã cùng cô vợ mới bán nhà ở Hà Nội để vào sống trong đó, miền đất hứa cho tất cả những ai quyết chí làm giàu. Cô không muốn lại gặp mặt họ trong một thành phố, cũng không thể sống chung với họ dưới một vòm trời. Coi như góa chồng, âm dương cách biệt, mãi mãi không thể nhìn lại mặt người đã chết. Vì nếu ở gần, sẽ có lúc không thể kìm giữ lòng mình, cô sẽ tới rình mò trước cửa nhà họ để được nhìn trộm trong chốc lát bóng dáng người đàn ông đã từng là chồng cô, là bố của đứa trẻ, là niềm vui và nỗi buồn suốt một thời con gái. Con gái không vào thì người bố phải ra, lần này ông ra hẳn, ông đã sáu mươi mốt tuổi, xin hưu nghỉ cũng là vừa. Trả lại biệt thự cho nhà nước nghỉ cũng tiếc nhưng không tiếc bằng buồn bằng phải chia tay với bạn bè, và buồn nhất, đau nhất vẫn là phải chia tay với một thành phố đã là tình yêu của ông trong nhiều chục năm. Gặp lại bố đứa con gái chỉ còn biết khóc: "Con rất khổ tâm đã để bố phải ra đây ở với mẹ con con. Một đời phục vụ cách mạng, cuối cùng chẳng được gì". Ông cười xòa: "Bố thì nghĩ khác, đã nhiều chục năm bố phục vụ cách mạng, phục vụ quân đội nay còn mấy năm cuối đời bố dành lại để phục vụ con gái và cháu ngoại của bố. Có gì là không phải đâu".

Con gái nói:

- Nhưng còn cuộc sống riêng của bố?

Ông nói:

- Bố sợ nhất là người khác không còn cần tới bố còn ngoài ra chả có gì làm bố quan tâm.

Con gái gục đầu vào vai người bố:

- Mẹ con con mãi mãi còn cần bố. Bố là chỗ dựa duy nhất và cuối cùng của con.

Ông cười:

- Vậy thì bố sẽ sống và ở với con với cháu tới lúc con cháu phải chán thì thôi.

Con gái cũng cười:

- Thôi thì bố đi đâu?

Ông gất yêu:

- Con này hỏi lạ, thôi tức là tao sẽ chết chứ còn đi đâu nữa. Với tao muốn sống bao lâu cũng được, muốn chết lúc nào cũng được. Hoàn toàn tùy thuộc vào người khác cả.

Rồi ông dặn:

- Tao nói trước, còn tại ngũ tao luôn làm theo mệnh lệnh của cấp trên, không bàn cãi tranh luận gì cả. Nó đã thành thói quen. Bây giờ về ở với mẹ con mày thì mày là chỉ huy, tao sẽ làm theo mệnh lệnh của mày. Khi tính toán mày cứ tính cho được việc của mày thôi, đừng tính tới tao.

Và ông làm đúng như ông đã nói. Con gái ông không muốn ở nhà cũ vì nó gợi lại quá nhiều kỷ niệm về mẹ, về em, và những năm tháng đắm say trong mối tình đầu. Thì tìm nhà mới, không sao. Nó cũng không muốn sống ở Hà Nội. Hà Nội vắng thiếu chồng nó đã hóa ra nhợt nhạt, nghiêng ngả, sống không nổi. Nó muốn tới một nơi thật lạ, với những con người lạ, những bạn bè mới, không gặp bất cứ kỷ niệm nào, một người quen cũ nào. Thì đi! Đi đâu cũng được. Họ đã tìm được một trường cấp ba gần thị xã Hà Đông đang thiếu một cô giáo dạy toán. Hai tháng đầu họ thuê nhà ở trong làng. Sau đó họ mua lại một ngôi nhà gỗ năm gian gần phố huyện, có vườn bao quanh của một hộ đang thu xếp vào Sài Gòn sinh sống. Nhà bán quá rẻ, một cây rươi vàng, nhưng vẫn là một món tiền lớn với ông Hai. Con gái ông bằng lòng mua ngay, vì nó có trong tay những hai cây. Ông hỏi: "Vàng ở đâu thế?". Nó nói: "Của anh ấy đưa để nuôi con". Ông gất: "Sao mày còn cầm tiền của nó?" Con gái trả lời lạnh tanh: "Con không xin nhưng anh ấy đưa con nhận ngay vì con muốn nuôi cháu bằng tiền của bố cháu". Ông cau mày lặng im. Không thể tranh cãi gì với những lý lẽ quái đản của tình yêu. Tội nghiệp con bé!

Sau hơn hai chục năm ông Hai lại được sống trọn vẹn với gia đình nhưng lần này hơi nghịch cảnh, một ông già đã nghỉ hưu, một đứa con gái lỡ dở vì chồng bỏ và một thằng cháu ngoại mới ở tuổi mẫu giáo. Chẳng có gì vui vẻ chờ đợi họ ở phía trước cả. Mỗi năm qua đi ông sẽ già yếu hơn, gây trở ngại cho những người cùng sống nhiều hơn, một nhà ba người mà có những hai đứa trẻ. Đứa con gái mỗi năm cũng sẽ khô héo đi, nó vốn không đẹp lại đã ngoài ba mươi, lại thêm một đứa con, có lấy ai cũng là rồ rá cạp lại, rồi con anh, con tôi, con chúng ta, ba thứ con trong một gia đình, chỉ dàn xếp cho chúng nó sống được thuận hòa cũng đã đủ bạc đầu. Lại thêm ông phải bỏ hết những thói quen cũ, những sở thích cũ để khuôn dần mình vào những đòi hỏi mới của cuộc sống hiện tại. Cuộc sống hiện tại là cuộc sống của người dân thường, của người đã nghỉ hưu, không phải kiếm tiền, không phải chịu trách nhiệm, ngủ không cần giấc, ăn không cần bữa, không hện ai, cũng chẳng có ai hện mình, ốm lúc nào cũng được, chết lúc nào cũng được, là người thừa, người bị khinh lờn, người được thương hại. Nếu ông chỉ sống cho

riêng ông thì không còn gì để hy vọng thêm nữa, được thêm nữa; chết là được. Nhưng ông đã hứa một cách nhẹ nhõm, thản nhiên là từ nay ông sẽ sống cho con gái và cháu ngoại, họ cũng rất cần ông thì lại rất nên sống. Sống cho người khác, vẫn có một người nào đó trên đời này cần sự hy sinh của mình thì cuộc sống còn dài lắm, vẫn còn vui lắm, có ý nghĩa lắm. Chưa nên vội vàng kết thúc. Và lại ông không phải là người đầu tiên cũng chẳng phải là người cuối cùng sống vì lòng hy sinh. Nhưng tuổi già lại phải sống với đứa con gái bất hạnh, hai con người đơn độc dựa dẫm vào nhau cũng có những nỗi gian nan riêng. Phải thông cảm, phải nín nhịn, phải độ lượng trong từng việc làm, từng lời nói của mỗi ngày. Có nhiều ngày nó rất ngoan, rất thương bố, rất biết ơn sự hy sinh của bố. Nhưng cũng có ngày nó hành hạ ông như một tên đầy tớ già, như một người thừa, như một kẻ đã gây ra mọi tai họa cho mẹ con nó. Nó bảo: "Con cái nên người là nhờ vào phúc đức của bố mẹ. Trong lá số của con cung phúc đức lại quá kém". Nó lại bảo: "Bố sống với con cháu cứ như người cực chẳng đã phải cùng sống. Mẹ sống với chúng con cả mấy chục năm, khổ hơn bây giờ nhiều, có bao giờ nghe mẹ thở dài đâu". Ông cười gượng gượng: "Mày thấy tao thở dài bao giờ?" Nó nói: "Nhìn mặt bố còn khổ tâm hơn cả nghe một tiếng thở dài". Nó chê ông ngủ ngáy to quá, ăn cơm và nuốt ồn ào quá, trò chuyện với thanh niên hay lên mặt dạy đời, nói chuyện với người bằng tuổi cứ y như là cấp chỉ huy cũ của người ta, nói gì thì nói cuộc sống lính tráng cũng thiếu tế nhị, thiếu mềm mại, bố nhỉ? Nó bị cảm cúm ông chạy lồng lộn khắp vườn trong ngõ ngoài kiếm đủ thứ lá lấu nấu một nồi nước xông, vừa bưng lên, con gái đã gắt: "Mua thuốc cảm không mua lại đi nấu nước xông, sao mà lắm cảm thế!" Ông dỗ dành: "Xông lá khoan khoái hơn uống thuốc con ạ, rồi ăn một bát cháo hành nóng là coi như khỏi". Nó ho một tiếng ông lại hỏi một tiếng, ăn ít cũng hỏi, ngủ ít cũng hỏi, ngủ mà rên cũng hỏi, nó gầm lên: "Hỏi ít chứ, sao mà hỏi lắm thế!" Ông len lét ngồi một chỗ như người vừa phạm tội. Đêm nằm nghĩ về sự đối xử của con ông vừa giận vừa tủi. Thì ra nó đâu có cần ông. Sau lại nghĩ ở trên đời này nó còn có ai để nương nui, để hờn dỗi, để quát gát ngoài ông ra. Mọi sự không may của một gia đình chính nó phải gánh chịu bằng hết. Người đã chết thì yên phận rồi, ông tuy còn sống nhưng chỉ là sống thêm, sướng hay khổ cũng chả có gì quan hệ. Nhưng nó vẫn phải sống tiếp cái cuộc sống chả lấy gì làm vui trong vài chục năm nữa. Nó còn khổ nhiều, tội nghiệp con gái! Nghĩ thế lại thương con đến đau ruột, lại sẵn sàng tha thứ hết thảy. Sống vô công rồi nghề được nửa năm thì ông mở ngôi hàng nước. Con gái ông phản đối nhưng ông không nhân nhượng, ông quyết chí làm, không vì tiền, mà muốn có những vất vả nho nhỏ, những lo toan nho nhỏ, những niềm vui nho nhỏ làm cân bằng cảnh sống thất buộc, căng thẳng mà ông đang phải chịu đựng. Thêm nữa được tiếp xúc hàng ngày với cuộc sống xã hội, với những con người vô danh ông sẽ sửa chữa được những tật xấu mà con gái đã chê trách. Ông có thể từ bỏ lòng kiêu hãnh để khỏi làm tổn thương những bạn bè mới quen biết. Ông có thể cười nói chậm rãi để biểu lộ sự nhún nhường và cũng hợp với tuổi tác. Nhưng ông phải ăn vội vã, nhai nuốt ồn ào mới khoái khẩu. Cũng như đã ngủ là phải ngáy giắc ngủ mới sâu. Và lại ông đâu làm chủ được mình khi đã ngủ. Làm người thế mà khó, mỗi lứa tuổi đều có cách sống của nó, làm khác đi sẽ gây ngượng ngùng, gây khó chịu, gây buồn phiền cho rất nhiều người. Lúc mới ra hàng ông chỉ bán có nước chè tươi và trà chén, thuốc Lào và kẹo vừng, kẹo bột. Rồi ông bán cả bánh chưng, bánh rán làm quà sáng cho những người ít tiền, về sau ông thổi cả xôi, xôi đậu xanh và xôi lạc ăn với vừng. Đã bán xôi sáng, ông có quyền ngủ sớm để sáng hôm sau dậy thật sớm đồ xôi. Mỗi chiều dọn hàng ông đều mãn nguyện, mỗi sáng mở hàng lại thấy náo nức. Vì mỗi ngày đều có cái mới lạ của nó, cái bất ngờ của nó, những câu hỏi của nó. Dần dà quán nước của ông còn là đầu mối của mọi loại tin tức về kinh tế và xã hội trong vùng. Người ta đến đây để phát tin và nhận tin, để bình luận và tranh cãi, để thông báo cho nhau biết kết quả của những lời mách bảo hoặc cảm ơn ông bán quán đã có những lời khuyên rất thân tình. Ông Hai sống trong cái tâm trạng vui vẻ ấy được một năm thì gặp sự già chừa Thắm.

Hai người quen nhau đã hơn hai năm, ông Hai ra vào chùa đã nhiều lần nhưng sư già chỉ tới thăm ông có một lần. Cụ chống gậy đi bộ, ngồi chơi một nửa ngày gần chiều mới về chùa để khỏi thất hứa với bạn. Cụ ngồi ngay ở quán nước, uống trà với kẹo bột, mắt miệng như cười, lắng nghe mọi câu chuyện của khách hàng với ông chủ quán. Sư già bảo:

- Đạo Phật thường nói lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm môn. Quán nước của ông cũng là một phương tiện cứu độ để ban vui trừ khổ cho đời. Nhiều thiện duyên lắm, nhiều phúc đức lắm.

Có một buổi sáng chủ nhật ông Hai lên chùa thăm sư già, định bụng chỉ ngồi chốc lát nào ngờ trò chuyện lan man tới gần trưa. Sư già nghiêng mặt nhìn qua tấm giái xem bóng nắng rồi bảo:

- Sắp chính Ngọ rồi, mời ông ở lại cùng thụ trai với tôi, chiều dậu nắng hãy về.

Ông Hai cười ngượng ngịu rồi nói rất chân thành:

- Bạch cụ, mỗi lần đến thăm cụ đầu đã định bụng sẽ về sớm mà rồi vẫn không về nổi. Tôi chỉ lo không được ở gần cụ mãi mãi.

Sư già nhìn chăm chú ông đại tá bằng cặp mắt đã hơi đục bạc, miệng vẫn như hơi cười:

- Đã có lần tôi nói với ông, ông không cần tu mà vẫn có thể đạt quả vị bồ tát. Kinh kệ, tăng ni, chùa chiền chẳng qua là ngón tay chỉ cho chúng sinh thấy con đường giác ngộ. Đã thấy đường thì nên quên ngón tay chỉ. Ông là một chiến sĩ tung hoành trong máu lửa gần một đời người mà không mắc sát nghiệp. Ông ở trong bộ máy quyền lực cũng rất lâu mà vẫn vào ra cái nơi sâu hiểm ấy hết sức ung dung. Ông là người của công danh, xứng đáng được hưởng công danh nhưng ông vẫn rũ bỏ được nó như ta bỏ cái áo cũ. Ông nằm trong đáy sâu của mọi hệ lụy triển phục mà vẫn hồn nhiên, trinh trắng như trẻ thơ. Cái tâm xả của tôi không thể bằng được ông, ông Hai ạ. Tôi là người xuất gia, không vướng thế tử, không vướng công danh, không vướng quyền lực, sống trong một môi trường hoàn toàn thuận lợi cho một đời tu, vậy mà đã có những năm tháng để tâm mình khởi lên lúc tham dục, lúc sân hận, lúc si mê, dẫu đã được tận mắt nhìn ngọn lửa siêu thoát của bồ tát Quảng Đức. Tới lúc bức bối quá, tự mình bị vướng víu vào nhiều sầu não lâu quá thì lại tìm một cách thoát tiêu cực là lẩn tránh, là trốn chạy. Về tu ở đây, xét cho cùng là trốn chạy thế gian vì không đủ sức đối đầu với những vất vả, những cám dỗ của thế gian.

Năm 1986, ông Hai đã sáu mươi sáu tuổi, sư già đã bảy mươi tự, họ là bạn của nhau gần được ba năm thì sư già ngã bệnh. Một người làm thuốc giỏi nhưng mắc bệnh hiểm nghèo nên đành chịu bó tay. Cụ lên nằm trên bệnh viện tỉnh gần ba tháng, các bác sĩ khuyên cụ nên cho họ mổ cắt khối u trong phổi nhưng cụ từ chối. Cụ nói với ông Hai khi ông lên thăm: "Cỗ xe ngũ uẩn này đã hư nát quá rồi, chẳng còn cần cho ai nữa, nên vứt đi thôi, còn nuối tiếc làm gì". Rồi cụ xin được trở về chùa. Tháng đầu cụ còn đi lại được nhưng phải chống gậy. Sau đó đi đâu phải có tiểu diu rồi không đi đâu nữa chỉ nửa ngồi nửa nằm trên cái chõng tre có trải nệm để thỉnh thoảng được ghé mắt qua tấm giái nhìn người ra kẻ vào, nghe tiếng chào và hỏi han đôi câu. Rồi cụ bắt đầu sợ lạnh, phải nằm trong phòng, nửa ngủ nửa thức nhưng bao giờ cũng tỉnh táo khi nghe nói có ông Hai đến. Hầu như ngày nào ông Hai cũng đến thăm, đến lúc chiều rồi ở cho đến tối mịt. Về sau khi biết sư già đã yếu nhiều thì ông thường ở lại qua đêm, trò chuyện với các sư là đệ tử của hòa thượng từ các chùa xa về hầu và lo việc hậu sự. Buổi chiều của ngày cuối cùng, sư già rất tỉnh, nuốt được lưng chén nước cháo, nằm nghỉ một lát rồi bảo ông Hai:

- Lúc nhân duyên sắp mãn phẳng phất như không còn là mình nữa mà đã được trở lại cái tuổi



ấu thơ. Trẻ thơ hồn nhiên, trinh trắng như hoa sen. Đẹp thay đóa sen!

Một lúc sau cụ lại hỏi:

- Ông có thường nghĩ đến cái chết không?

Ông Hai cúi đầu, nước mắt đã rưng rưng, nói nhỏ:

- Bạch cụ, tôi cũng chả mấy khi nghĩ đến. Còn có người cần tôi thì tôi ở, không ai cần nữa thì tôi đi. Nghĩ ngợi mà làm gì.

Ông già khẽ thở dài, nói lẩm bẩm:

- A di đà phật, đó mới thật là thiện căn, là tâm không chấp trước.

Sự già đã thiu thiu ngủ, cái đầu nhỏ xíu lờm chờm những chân tóc bạc như đã khô lắm, mỏng lắm, như bên trong là cái rỗng không. Và dưới cái sọ ấy là những hốc tối của mắt, của gò má, cánh mũi. Ông Quang, người quản sự của chùa, rón rén bước vào, cúi đầu nói nhỏ với ông Hai: "Các thầy con thỉnh cụ ra ngoài nghỉ". Ông Hai khẽ gật. Người kia lại nói: "Cụ con đã yếu lắm, không chừng khó qua được đêm nay". Ông Hai lại gật, nước mắt ứa ra. Tiểu Minh bưng ra một rá khoai sọ luộc, một bát muối vừng và một ấm nước chè tươi đặt lên vuông chiếu mộc trải ở thềm hè. Trăng mười sáu đã nhô lên khỏi cái mái ngói đen sẫm của gian thờ Hậu, vàng trắng rất tròn và trong, nền trời xanh lam cũng rất trong. Bóng trăng tãi lên nền sân in bóng mấy ngọn cau khẽ lay động. Mùi hương hoa mộc ngọt và ngái thoang thoang đâu đó lẫn với mùi nhang ngát tưởng chừng là mùi thơm của ánh trăng, của mọi ngách tối, của mọi lối đi trong ngôi chùa có đầy mà như không có đầy trong những sinh hoạt thường ngày của một xã một làng. Ông Hai đã có bạn chiến đấu, bạn đồng học đồng hương, bạn cùng làm một cơ quan, cùng sống trong một khu tập thể. Mấy năm gần đây những người bạn của gần một đời người đã thưa vắng nhiều. Đến bây giờ ông lại sắp mất một người bạn của tuổi già để hiểu thêm một chân trời khác ngoài chân trời đã biết, để nhận ra từ cuộc sống có nhiều hệ lụy của mỗi ngày vẫn có thể phát sáng tới vô cùng. Ông đã uống lưng bát nước chè tươi nóng, lại ăn thêm mấy miếng khoai, vẫn thấy trong miệng nhạt thếch như không còn nước bọt. Ông thảng thốt đứng dậy, lòng dạ bồn chồn nói với ông Quang:

- Anh thưa với các thầy tôi vào ngồi hầu cụ tới nửa đêm sau đó các thầy sẽ lên thay tôi.

Rồi ông khẽ khàng mở cửa buồng nhưng hai đầu gối bỗng dưng mềm nhũn như không thể bước qua nổi ngưỡng cửa. Ông cứ đứng nguyên như thế nhìn vào ngọn đèn cháy leo lét ở đầu giường sự già, tin một cách chắc chắn rằng người bạn tri kỷ của ông đã không còn nằm ở đó nữa. Ông cụ đã lặng lẽ bỏ đi từ lâu rồi, đi đâu đó nào ai biết, có thể vẫn là tiếp tục cuộc tìm kiếm cái "CHÂN NHƯ" như cụ hằng khắc khoải.

## Mùa xuân thăm nhà văn Nguyễn Khải Trần Mạnh Hào

*Nhân kỉ niệm hai năm ngày mất của nhà văn Nguyễn Khải (15/01/2008 – 15/01/2010) Trần Mạnh Hào xin gửi tới quán rượu QUECHOA bài viết này, được viết khi anh Nguyễn Khải còn sống, còn ở trong ngôi nhà nhỏ khu Khánh Hội, chưa xây nhà to như bây giờ. Cách đây trên mười năm, bài đã in trên "Văn Nghệ" với dao kéo biên tập cắt bỏ từng đoạn lố chỗ. Kẻ viết bài*

này rất ngưỡng mộ di cao của Nguyễn Khải : “Đi tìm cái tôi đã mất” với những phản biện chính trị sắc bén và sự hoài nghi chân thành rất thời sự. Nhiều người nói : Nguyễn Khải chết rồi mới dám nói thật. Chúng tôi đã nhận ra những ẩn ý này, những biểu tượng kia, những quằn quại nọ, những hèn nhát, những vờ vịt vừa viết vừa run, vừa hé ra một tí sự thật đã phải pha trò bông phèng đặng giấu diếm bản chất của nó, kiểu con mèo giấu của quý trong vãn ông. Đây là bi kịch của ông và của cả một thế hệ dám hi sinh tính mạng để bảo vệ Tổ Quốc, nhưng không dám hi sinh cơm áo, hi sinh lợi quyền để bảo vệ sự thật, bảo vệ chân lý. Một người trí thức không biết hoài nghi thì chỉ là một con vẹt. Không có sự hoài nghi đi kèm, niềm tin kia chỉ còn là nguy tín. ( Con gái Marx có lần hỏi ông : phẩm chất nào của người đàn ông được cha yêu nhất ? Marx trả lời : sự hoài nghi” !). Cám ơn anh Nguyễn Khải sau khi chết, đã dạy lớp hậu sinh chúng tôi một bài học : muốn tin tưởng, cần phải học cách hoài nghi.

T.M.H.

Có lẽ không hẳn vì mùa xuân, vì gió xuân phong tình thổi nổi bướm ong của sông Sài Gòn lên con hẻm thoáng đặng khu gia binh đã được dân sự hóa này, mà sao tôi cứ đem lòng phục sát đất hai anh lính gác xanh biếc, đứng như trời trồng hai mươi bốn trên hai mươi bốn, nghiêm trang gác cửa ngôi nhà cấp bốn của nhà văn Nguyễn Khải. Vâng, tôi đâm ra táy máy hai anh lính ngự lâm cau này quá, cứ thần ra vì nề hai anh. Hai anh cau được trồng trong một chỗ chính ra để còi đi, lùn xuống, trồng trong chỗ kẹt, chỗ ép, chỗ tù túng sát sàn sạt bức tường, như được dính vào gạch, phải toát mồ hôi mọt cật lực trên nền xi măng; ấy vậy mà hai anh xanh tốt quá, mập mập quá, lại cứ nghiêng nghiêng tám mươi độ theo kiểu tháp nghiêng nước Ý mà cao lớn, mà mượt mườn mượt như gái đang thì.

Bác Nguyễn Khải thấy tôi nghiêng ngó có vẻ gian gian, cứ đứng đực ra trước cửa ngắm hai cây cau thì cười nói đơn đả mời khách, rằng thì là giòì cho cau mà chừa cho giàu ( trầu ) ông ạ. Tôi mới khen đẹp quá, thiên nhiên quẽ ta quá, cau này đực hay cái, ta hay tây mà tốt um cả và giòì đất lên vậy? Bác Khải bảo nói giấu gì ông em, nó chẳng đực cũng chẳng cái, chẳng phải ta mà cũng chẳng phải tây; nó là cau hoàn cảnh, cau chơi, cau mẽ đã kế hoạch hóa gia đình từ kiếp trước. Tôi vô ý buột miệng may quá, nó không có quả, nên giòì không ban cho nó giàu, với lại “được mùa cau đau mùa lúa”. Nhỡ hốt nhiên nó tức khí ra quả ồ ạt, e ảnh hưởng ít nhiều đến những mùa bội thu lúa má vãn chương của chủ nhân chẳng ?

Bác Nguyễn Khải được cái tính hiêm có là xưa nay vốn tỏ ra không biết giận, hay có giận mà giận ngầm, giận ai cũng cạy miệng không chịu nói ra lấy nửa câu, cứ để trong bụng rồi cũng tan đi như cục nước đá, hoặc là cho nó vào chữ nghĩa giấy mực là xong tuốt, nên mặc kệ cái thẳng mẹ ranh hay cợt nhả là tôi có hõn hào bông phèng kiểu gì bác cũng cứ cười. Mà tính bác Nguyễn Khải là thế, giòì sinh ra là để bác cười, khóc cũng cười, ngủ cũng cười, cười được tý nào khỏe ra, trẻ ra tí ấy. Góm, ngồi một tẹo, anh em mới trà thuốc tí ta tí tách bác bác, chú chú, lúc lại ông ông, tôi tôi chưa ngắm câu chuyện, mà hai anh lính cau ngoài cửa cứ quạt phành phạch, sốt cả ruột; giòì mới thương khuất nẻo cho tí gió máy đã cuống cả lên, đã sượng run lên cầm cập, rồi rít đập vàng lá xanh um vào tường như cũng muốn đòi vào nhà hóng hớt chuyện vãn chương. Tôi mới thưa với bác Khải rằng cái giống phát về lá nom thì sượng mất muốn chết, mà kỳ thực rõ khổ, có tí lộc giòì cũng không giấu được, cứ đánh tiếng hão khoe ầm khắp xóm; gió mát thế mà cứ phành phạch như nóng bức lắm, phải quạt nấy quạt để không bằng. Cái giống cau trông vậy mà tham, ưa bắt từ để đời, chết xuống rồi, tàu cau rụng cái ạch xuống đất rồi vẫn cứ cố sống lại cho kỳ được, sống làm cái thân quạt mo, làm dâu trăm họ, rơi vào tay anh Bờm mà bõn cợt phú ông. Bác Khải lại cả cười, ấy vậy nó mới là cau cảnh, người cảnh, vãn cảnh.

Nghe tôi huyền thuyên về sượng ý, bác cợt cười sôi như súng máy, làm bay cả tàn thuốc lá vào trang bản thảo nằm chơi lêu bêu vô bờ bên trên bàn. Bản thảo của bác Khải với lối chữ đi ra đi vào la đà con cà con kê, túc tắc như thím gà mái kiếm mồi, dòng chữ cao to mà ẻo lả, lênh

láng mà thẳng thớm, kiểu chữ thời ba mươi bốn năm xưa lắm. Thấy tôi khoái khẩu bàn chuyện cau, bác Khải nhếch cười nửa đùa nửa thật bảo tôi rằng ranh này nỡm, muốn biểu tượng hai mặt à, mượn cau kiếc nói cạnh khốe nhà văn chúng anh à con khỉ tầu viết phê bình phê bung kia ? Thề có gòi, rằng làm sao một con khỉ tầu dùm đó hậu sinh như em đây lại có thể dám xúc láo chơi trò, tài thánh cũng chẳng học được món võ đàng vân độn thổ biểu tượng hai ba mặt của quan bác ? Ấy là nói chuyện thời bao cấp xưa, hơi có ai rách việc mới háng giọng ho lên, dọa rằng anh biểu tượng hai mặt đấy là co vôi, co rút bút lên với nhau, ngồi run như giẻ cả một lượt, thật chả còn ra làm sao. Chứ đích thị văn chương, theo quan niệm mở cửa tự do hóa, đa phương diện hóa mà cứ là định hướng hóa xã hội chủ nghĩa của đảng ta bây giờ, phải cỡ thế giới biểu tượng muôn mặt ấy chứ, ít ra cũng như tháp Bayon bốn mặt đều thò ra cùng một lúc mới ngoan. Có gòi làm chứng, nếu tôi bịa ra chuyện này để cốt thấy người sang bắt quàng làm họ thì xin gòi cứ bắt tội bé mãi bằng con kiến; rằng tôi đã giăng thấy ( nhìn thấy) bác nhà văn Nguyễn Khải này từ đúng bốn mươi hai năm về trước, khi bác về xã Thúc Kháng quê tôi lấy tài liệu viết cuốn tiểu thuyết nổi tiếng :”Xung đột “.

Thuở ấy, tôi còn là thằng bé cu trâu giống hết củ khoai lang lắm láp biết mặc quần đùi, vừa dắt con nghé đi toilet ngoài nương về chuồng, cũng vừa lúc gòi sắp tối, lúc thằng Tý bạn chơi trò mèo chuột, chơi bịt mắt bắt dê chạy sang dấm dúi rí vào tai rằng đi... không khi gió ? Tưởng nó rủ tôi chơi trốn tìm, nào ngờ đi xem mặt một ông nhà văn mới vụt hiện về xã ta như ông bụt mọc. Nghe có nhà văn, mắt tôi nảy đom đóm sượng. Tý bảo do việc phòng gian bảo mật, nên ngoài chủ tịch bí thư, trưởng công an xã ra, thì chỉ mình nó biết cái ông tai to, mặt lớn, cao như Tây, trắng như nặn bằng bột, bận quần gụ áo gụ, đeo xà cọt đen, ngồi tùm tùm nửa cười nửa nói, ghi ghi chép chép sột cả ruột, mặt cứ tươi hơn hớn, ngồi hút thuốc lá liên tù tì trong Ủy Ban nhân dân xã sáng hôm qua là nhà văn quân đội Nguyễn Khải.

Đúng là vùng quê tôi công giáo toàn tông Bùi Chu Phát Diệm, theo các chú công an cho biết gián điệp cứ là còn như rươi; nên khi thằng Tý rủ đi ngắm trộm ông nhà văn, mặc dù trí tò mò làm tôi rất thích nhưng mà hãi. Cuối cùng, tôi cũng liều mạng đi, quyết ngắm thật kỹ ông nhà văn cho thích mắt. Hai thằng oắt con bí mật bò qua vườn giồng riêng như hai thằng ăn trộm, đoạn nép sát tường như chuột nhất, ngó qua cửa sổ mà xem không chán mắt ông nhà văn đang xì xụp ăn uống nói cười. Cứ tưởng ông nhà văn ma ma Phật Phật thế nào, hóa ra cũng là người như ta cả thôi. Rằng ông có vẻ hiền lành như thầy dòng, tướng đẹp hơn tướng cha Nhật nhà thờ Quý Nhất. Mặt ông cứ tươi như hoa, phải là dân cơm trắng cá tươi, con dòng cháu giống mới đẹp thế, cao hơn thế . Ông lại bình dân, gặp ai cũng phấn khởi, hơi tí là cười, không ai pha trò cũng cứ tùm tùm như con gái sắp về nhà chồng vậy. Ông này hồi bé chắc cũng là tay bợm phải biết? Ngắm no nê ông nhà văn rồi, hai thằng nhóc chột tỉnh ra, ngộ nhờ công an chộp được hai đứa khả nghi này, chắc chết. Hai tên xem trộm nhà văn bỗng ù té chạy, ba chân bốn cẳng bán sống bán chết vọt qua vườn giồng làm người trong nhà kinh hãi đánh keng báo động. Lập tức du kích quát đứng lại, ai ? Còn ai vào đây nữa, chắc là địch chứ chẳng chơi. Khi hai ba anh du kích đuổi theo bọc hậu vườn giồng, chúng tôi đã như hai con ngóe vọt sang bờ ao nhà người khác, giả làm đứa mất dạy đi câu cá trộm, miệng gian dối hô àm lên đuổi theo, đuổi theo... nên may quá thoát hiểm. Mấy hôm sau, nghe ngóng mãi không thấy bác nhà văn đâu... Tôi tự cho mình cái vinh dự được làm quen, dù quen đơn phương kiểu rình xem trộm ấy thì vẫn cứ là quen biết với bác Nguyễn Khải từ thời còn cóc nhái, thời bác nhà văn mới hai mươi bảy tuổi, đẹp giai, tài năng, đứng đắn nhất nhì văn nghệ quân đội. Tôi học lên dần, mượn sách Nguyễn Khải đọc, ngầm coi ông là thần tượng, lại coi như họ hàng, mặc dù thời đó bác chưa nhận đồng hương Nam Định, bác còn quê nội bên Hải Hưng.

Sau ngày miền Nam giải phóng, tôi mới có dịp gặp lại nhà văn Nguyễn Khải, nghĩa là cuộc gặp tay đôi, gặp để rồi sau đó, ông vẫn còn nhớ mặt mình là thằng Hào. Tôi đã đọc hầu hết tác phẩm của ông từ “Xung đột”, “Mùa lạc”, cũng như sau này từng đọc “Cha và con và...”, “Gặp gỡ cuối năm”, “Một thời nắng nhạt”, “ Một thời gió bụi” ...và nhiều cuốn khác. Ông là nhà văn

lớn thời nay, một trong những con chim đầu đàn của nền văn nghệ cách mạng và kháng chiến. Văn ông nhìn chung là thứ văn hoạt, thông minh, ranh mãnh, sắc như nước, lại dây dưa thừng chấu, có mỏ có ngạnh mà cũng có vây có cánh, có gai có góc mà cũng chông nộ chông hoa, có nghịch phá dung dăng dung dẻ mà cũng cứ nền nã, con nhà, văn gia phong, gia giảm, gia công, gia dụng, gia năng, gia giáo... Văn ông vượng về khí, ăn về hơi, giỏi về chữ, mạnh về hoành mà hãm về tung, hút bởi tán mà huyệt hắng khí tụ, mận việc đạo nhưng nặng sự đời, đi đường triết nhân hơn đường văn nhân. Các truyện ngắn, tiểu thuyết của Nguyễn Khải đọc được một hơi vì sức hút sâu xa của bút lực chữ, ma mãnh chữ, đáo đẽ chữ, thao thức chữ, hóm hình chữ, tai quái chữ và ông ẹo chữ. Nguyễn Khải hợp chợ trong tiểu thuyết chỉ có một mình, hàng trăm nhân vật nhưng hầu như chỉ có độc một mình ông tự thân chia ra mấy mươi phần trăm đối tác mà khóc cười rôm rả. Ông lặn xuống bề sâu từng nhân vật mà hóa thân chúng vào mình, thành ra tưởng đông lắm, nghìn nghịt lắm, tập thể lắm mà hóa ra vắng hoe như chùa Bà Đanh, chỉ một cá thể, một mình ông sắm đủ các vai tuồng trên sân khấu chữ nghĩa. Xã hội tiểu thuyết Nguyễn Khải bên ngoài thì hợp tác xã mà bên trong thực chất là khoán hết ruộng cá thể ngay từ trước thời Kim Ngọc, là chỉ có một-ông-chủ-người-duy-nhất-sống, cứ riêng lẻ hùng hục suy nghĩ, hùng hục tâm trạng, hùng hục nỉ non, hùng hục day dứt. Nhân vật của ông mà anh nào ra anh nấy kiểu Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng là hồng, là nhạt liền, là mất chất khái thị ma mãnh phong cách riêng. Nguyễn Khải chỉ có một con đường độc đạo để di chuyển rào rào như con thoi trong các hệ thống hình tượng nhân vật là chính bản thân ông.

Như vậy, hẳn là ông mệt lắm, vừa làm kiến lại vừa làm cá, vừa cùng một lúc gieo cả hạn hán và lũ lụt, vừa đóng vai giảng vừa sắm vai cuội. Nguyễn Khải vượt cạn văn chương một mình trên biển cả bản thảo mò côi chỉ độc với con thuyền – ngòi bút. Mấy chục năm, nhà văn hạng xoàng như tôi cũng trèo cả lên máy vi tính mà vi vu meo mồm. Chỉ riêng Nguyễn Khải không chịu lên máy chữ cọc cạch thổ mộ ngón tay mỗ cò gõ kiến đã đành, lại vẫn cứ còn chơi bút máy thò ra thụt vào như thời Tây, chơi mực tím, mực xanh ri ri như máu ứa. Suối một đời viết lách, một mình ông lượn lờ đi lại, nói năng, giận hờn, buồn vui, ngờ ngác, vờ vịt, chân thành, khiếp sợ, dũng mãnh, cuồng si... mà hơn nữa thế kỷ chữ nghĩa văn chương cứ rào rào như tầm ăn rổi, cứ cuộn cuộn hàng mấy chục đầu sách làm ồn ào lênh láng cả văn đàn, thì quả tình đáng nể thật, tài thật.

Qua văn ông, các nhân vật cuộn cuộn đến và đi, cuộn cuộn sống và chết, cuộn cuộn mận mòi, cuộn cuộn nhạt nhẽo... trong một thế giới tất cả chỉ thờ bằng hai lá phổi của một con người đã nhạt mà lại thích bông phèng. Một con người lúc nào cũng có vẻ như đến đây sống thử một keo xem sao, giả ngô giả ngọng mà sống, rồi kiếp sau mới xuống trần sống thật. Ông ngồi như con cóc suy tư trong gấm giường trần thế, dùng một phát to gan nháy kễnh lên làm cậu ông gười, gọi giống gió mà biến hóa khôn lường người ngợm, làm tít mù đèn cù đủ loại anh hùng, cùng thân, sang hèn, thiện ác, ngô nghê... Ai, vật gì đã lọt vào mắt xanh văn ông đều cứ phải nhăn răng mà sống tận cùng mình cho hết cõi tơ lơ mơ, tù lù mù Nguyễn Khải. Văn ông có khi làm ta phải nghĩ, phải sôi lên, thậm chí phải bực cả và mình chút day dứt vặt, huyệt hắng vặt, lại giỡn chơi trốn tìm vật vãnh con cà con kê mà có khi cũng rơm róm lẽ đời, cũng truân chuyên nổi sống. Ông nhìn vào đời bằng cái nhìn của anh đái cát tìm vàng, bằng mắt kẻ đánh giậm, quyết không bỏ sót chút tằm tép tiu tiu nào của cát bụi.

Sở trường ông là viết về những cái vớ vẩn, nhạt nhẽo, cái bị bỏ rơi, tí mẩn, đông dài như bã mía, vỏ ốc, vỏ lon, vỏ dừa vỏ chuối... những cái nhà văn khác đi qua không ai thèm nhìn chứ chưa nói gì hạ mình xuống lượm. Nguyễn Khải cứ ngồi một chỗ ru rú trong xó nhà mà nhạt được toàn bộ rác rưởi đời sống. Ông có biệt tài lượm ve chai trên ti-vi, trên báo, lượm phế thải nơi những tâm hồn ủ ê néo hánh ù lì thấp thoáng quanh đời ông. Chứ nếu ai bảo ông hãy viết cho tôi cái đề tài lớn lao tày trời này đi, cái vụ quốc gia đại sự này đi là ông xin kiếu, có viết ra cũng giả giả, nhàn nhạt thế nào ấy.

Nguyễn Khải đi qua hai cuộc chiến tranh, đi qua bao buồn phiền lo âu kiếp người, lại phải làm nghề buồn vui dùm, đau khổ, khùng điên, ám ớ, ma mãnh dùm, sang hèn, thiện căn, dùm đó dùm cho hàng trăm nhân vật từng dở sống dở chết trong văn ông, mà lạ thay, sao thoát nhìn cứ tưởng ông sinh ra để dạo chơi, để ngồi mát ăn bát vàng. Ông to con, cao lớn vẻ nặng nề thế mà khi nhón gót đi chuyển lại cứ như chim, lại cứ nhất mực nhẹ như bấc, như ông không hề có một tí trọng lượng nào. Có khi thấy ông đi thông thẹo trên đường, hai tay cứ đuồn đuồn thừa ra, chân vêu vao dẫm dằng như bước trên sân khấu, như thể ông sắp hô lên rằng như ta đây, rồi bất chợt sóng xoài đi một bài quyền long xà vờn mãnh hổ cho thiên hạ lác mắt. Ông sống như chơi, viết lách như chơi và chơi như chơi, thật thà nhân ái cũng như chơi. Nhìn ông cứ tưởng một thầy bốn tu xuất không đâu cho nhập hộ khẩu, đành núp hờ trong bộ quân phục, ăn đời ở kiếp trong bộ quân phục. Suốt một đời ông ngự trên cái xe đạp mua từ năm 1960 hiệu diamant tốt nhất thế giới mà xàng xê, mà vòng vèo mây bay gió thổi hết Phúc Xá qua Hàng Đậu, Hàng Than. Ông bảo chính cách mạng đã nặn ông ra thành người từ một cục đất thó bỏ đi, cục đất thó bị nổi buồn tủi bên đời dẫm bẹp. Ông bảo thời Tây chiếm, người Việt Nam ta dùm đó, nhếch nhác, ầm ượng, rẻ rúng lấm, bị khinh khi lấm, tự coi thường nhau lấm, mặt mày cứ bạch phếch lên như mốc meo, như ám khói hết cả một lượt từ sang tới hèn, chữ chẳng hùng tráng, kiêu kỳ, trọng vọng, vi vu như bây giờ đâu. Chính là cách mạng đã dựng người Việt dậy, đặt nó lên bực cao danh dự và nhân phẩm đấy.

Đất Nam Định, phố Hàng Nâu “Ồ phố Hàng Nâu thật lắm quan” là quê cụ thân sinh ra ông, một nhà nho, một vị quan tri huyện thanh liêm. Tôi biết tuổi thơ ông tuy được ăn học tại Hà Nội tới năm thứ ba trung học mới đi kháng chiến, nhưng lại là một tuổi thơ buồn, mang bi kịch gia đình như mang một y phục hiu quạnh. Có lẽ việc này đã góp phần tạo ra chất đơn độc đến tức tưởi, chất tự vệ vô thức vô can, chất vừa muốn giấu biến đi mọi thứ lại muốn chẻ hoe ra tất cả, nửa muốn xuôi chiều ba phải nửa muốn lộn trái tất cả sự vật lên cho rối tinh rối mù chơi cho há của phong cách đa phong cách văn ông. May mà ông còn một con cáy trong người để bảo hiểm cho văn mình về ngòu nghếch nhân hậu của con người từng bị khổ đau, mang cái khổ đau không biết cất vào đâu bèn cất hết vào văn chương cho tiện. Kể cô độc cả nghĩ, cả sợ, cả tin, cả ngờ, cả gỏi này may mắn quá, mặc dù chỉ ngồi một mình trong nhà như phỗng, ngồi như con ma xó đối diện với bản thảo, bị giới xiềng vào chữ nghĩa như một anh tù văn, lại có cả triệu người xa lạ tri âm tri kỷ từ tận đầu tận đầu thì hồng phúc thật.

Bác Nguyễn Khải lại nhìn tôi rất ư cảnh giác, cười ruồi khi tôi bảo đất Nam Định từ ông Tú Xương đến nay, những văn tài hầu như đều phải có ít nhiều chất tinh quái, nghịch ngợm. Nguyễn Bình, Văn Cao, Nguyễn Hồng, Vũ Hoàng Chương, Vũ Cao, Trần Dần, Nguyễn Thi... nghịch quá đi chứ. Nguyễn Khải là cái ông nghịch ngầm, nghịch mà tưởng ngoan. Cứ nhìn đôi mắt ông thì biết, liếc vào cái gì là cái ấy bị Khải hóa, bị “Mùa lạc” hóa, “Cha và con và...” hóa. Đôi mắt ông có khi hiền lành lầy lầy chất của lột, lại có khi đáo để ranh mãnh như quạ đến trời cũng chẳng tha, nhìn có khi như dây lòi tói, trói hồn vía cuộc đời lòi tuốt vào trang giấy mà pha ra từng mâm cỗ giả cày.

Mùa xuân gió thổi quá làm tôi thêm thương hai anh lính xanh biếc trước cửa nhà bác Khải. Hai anh vẫn dùng tàu cau xùm xụp lá mà đập ràn rạt vào bức tường đời sống, toan mách lẻo với giới đất cái chuyện biết thì thừa thốt, như thể loài cau cũng tính ăn vạ ông cao xanh. Nhìn cái bàn viết văn rộng đến gần năm mét vuông la liệt giấy mực, ngổn ngang cả gánh hàng xén sách vở của ông, tôi biết dù đã chớm bảy mươi, sức viết ông vẫn còn lừng lững. Tuổi này, bút ông vẫn chưa hưu, vẫn phải hành nghề nuôi thân, vẫn tung hoành trên các báo, vẫn cứ gõ lên trang giấy tiếng gõ sột soạt, gõ kiểu ngựa ghè như toan gọi vĩnh cửu ơi, vừng ơi mở cửa. Ông sống được là nhờ cái duyên văn tự, nhờ một lối viết sắc sảo đến ma mị, chữ nghĩa bò như kiến tung lung tung lấm, quân hồi vô phèng lấm mà khi vung bút, hô một tiếng cầu phong đảo vũ là đâu lại vào đấy, là văn ra như rượu rót tràn ly. Chỉ thương hai cây cau đứng gác ngoài cửa kia sao quyết không chịu nhảy vào trang văn ông. Giá có hai anh cau này vào văn làm cột cho

Nguyễn Khải dựa mà mượn gió bẻ măng; đặng lấy tán lá um tùm quạt thành phạch cho các nhân vật của ông bớt đồ mồ hôi hột, cho dòng suy tưởng luận đề nóng bức của ông hưởng được tẹo gió mùa xuân mà chữ nghĩa lại thêm phần mát mẻ ..

\*\*\*

**Phụ đính:**



### Trao đổi về *Đi tìm cái tôi đã mất* của Nguyễn Khải Nguyễn Đăng Mạnh

Trước khi mất, Nguyễn Khải gửi lại cho đời bài viết *Đi tìm cái tôi đã mất*. Bài được đưa lên mạng (có thể đọc trên mạng *Diễn Đàn* : (1), (2), (3)). Vương Trí Nhàn và Huệ Chi có lời bình luận trên Talawas <sup>(1)</sup>. Về hai bài bình luận này, tôi có chỗ nhất trí, có chỗ chưa tán thành.

Mỗi người cầm bút chúng ta hãy nhớ lại chính bản thân mình thời chiến tranh với phong trào hợp tác hóa trong sản xuất và chế độ quan liêu bao cấp mà xem. Đúng là hồi ấy chủ nghĩa tập thể bày đàn lẩn át cá nhân, thủ tiêu tự do cá nhân. Nhưng có phải hồi ấy, tuy vật chất vô cùng cực khổ, ta vẫn cảm thấy thoải mái, vui vẻ đấy chứ ! Các học thuyết về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản, rồi đường lối văn nghệ phục vụ chính trị và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa v.v., ta có bản khoán, nghi ngờ gì đâu !

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước rất mạnh và lâu đời. Cho nên đánh Pháp, đánh Mỹ, giải phóng dân tộc là rất thuận lòng dân (sau này có thể phát hiện con đường khác hay hơn, nhưng là chuyện sau này, mãi sau này). Mà ai là người phát động và lãnh đạo hai cuộc kháng chiến được gọi là “thần thánh” ấy ? Đảng cộng sản và cụ Hồ chứ ai. Vậy thì tin Đảng, tin cụ Hồ là điều dĩ nhiên. Mà tin Đảng, tin cụ Hồ, tức là tin ở chủ nghĩa xã hội, ở tập thể bày đàn, tin ở học thuyết giai cấp của Mác - Lê Nin, tin ở đường lối văn nghệ phục vụ chính trị và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra chiến tranh là hoàn cảnh rất thuận lợi cho sự phát triển tư tưởng bày đàn và thủ tiêu ý thức cá nhân :

*Một người, đâu phải nhân gian*

*Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi !*

(Tố Hữu)

Việc hoài nghi và đi đến phủ nhận những “chân lý” ấy chỉ là chuyện sau này – sau 1975 và nhất là sau Đại hội Đảng Cộng sản thứ VI (1986).

Lòng yêu nước khiến cho nhiều người, tuy cách mạng chẳng đem lại cho một chút quyền lợi gì, cũng hăng hái tham gia kháng chiến, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, lòng đầy tin tưởng (trong số này có không ít người thuộc giai cấp địa chủ, tư sản và tầng lớp trí thức cao cấp). Huống chi Nguyễn Khải là người được cách mạng vớt lên từ cống rãnh, tắm gội cho sạch sẽ, lại cấp cho một cái nghề sang trọng, vừa có danh, vừa có lợi.

Cho nên những tác phẩm Nguyễn Khải viết thời chiến tranh đâu phải là giả dối. Một người nhát, không biết bơi, rất sợ nước, vậy mà tự nguyện vượt biển ra Côn Cỏ để viết *Họ sống và chiến đấu* thì không thể nói là giả dối được.

Huệ Chi nói, có “*những người thông minh quá, tinh quái quá [...] nên đã biết biến “dối” thành “thật”*”. Tôi nghĩ, làm gì có chuyện ấy ! Người ta có thể nói dối ở đâu đâu, chứ không thể nói dối trong văn chương được. Có thể diễn đạt như thế này thì đúng hơn : hồi đó họ đã nói dối một cách thành thực. Nhưng nói cho thật đúng thì lúc đó họ cũng không hoàn toàn nói dối. Nhận thức của họ có thể không phản ánh đúng sự thật, niềm tin của họ có thể mù quáng, nhưng lòng yêu nước của họ là có thật chứ ! Cho nên những tác phẩm của họ đã từng làm chúng ta xúc động thật sự, xúc động một cách thành thật. Nhớ lại mà xem có đúng thế không ? Trong bài viết của mình, Vương Trí Nhàn có dẫn lời Dương Tường rằng trong Nguyễn Khải có hai con người “*Một Nguyễn Khải khôn khéo giả dối và một Nguyễn Khải thành thật trắng trợn. Một Nguyễn Khải hèn nhát và một Nguyễn Khải khinh ghét tay Nguyễn Khải hèn nhát kia. Và sự tranh chấp giữa hai con người ấy không bao giờ ngã ngũ*”. Và Vương Trí Nhàn nói thêm : “*Sự tranh chấp ở đây thực ra chỉ là bề ngoài, trên sàn diễn, trước mặt bàn dân thiên hạ. Chứ ở hậu trường, Nguyễn Khải yêu cả hai con người đó ở mình. Ông sống hoà hợp với cả hai. Tùy trường hợp mà ông đưa con người này hay con người kia ra để làm hàng. Lối nghĩ này đã giúp ông thành công chói lọi trong suốt đường đời*”.

Những nhận xét ấy không hẳn sai. Nhưng theo tôi, hai con người ấy ở Nguyễn Khải chỉ xuất hiện một cách thật sự rõ rệt và hoàn toàn tự giác trong tâm trí anh từ sau năm 1975. Mà cũng xuất hiện dần dần, ngày một sáng rõ hơn trong quá trình suy ngẫm nhờ trải nghiệm bản thân và những sự kiện trong nước, ngoài nước khiến anh thức tỉnh. Năm 1993, trong truyện *Anh hùng bĩ vận* (trong tập truyện ngắn Một thời gió bụi, nxb Lao Động, 1993), Nguyễn Khải viết : hồi ấy “*là một viên chức nhà nước ăn lương để viết văn. Không nghĩ ngợi gì nhiều, trăn trở gì nhiều, không sóng gió, không chìm nổi. Đôi lúc cũng muốn bơi ngược một tí, rẽ ngang một tí, nhưng rồi một quá lại khuôn mình theo dòng chảy, theo dòng mà bơi, bơi cùng với dòng đời, vừa an toàn vừa vui vẻ*”. “*Bơi ngược một tí*” có nghĩa là viết theo kinh nghiệm cá nhân. Viết được như thế trước 1975 là chỗ hấp dẫn và hơn người của Nguyễn Khải – tôi gọi là “*khoán chui*” tư tưởng. Bây giờ đọc lại, thấy những tư tưởng gọi là khoán chui ấy thực ra cũng có ghê gớm gì lắm đâu, có gì thật trái nghịch với kinh nghiệm cộng đồng đâu.

Vâng, tôi cho rằng, sự xung đột giữa hai con người ở Nguyễn Khải như Dương Tường từng nói chỉ thực sự diễn ra trong ý thức tự giác của Nguyễn Khải mãi sau này.

Còn vì sao phải đợi đến khi sắp từ giã cõi đời, Nguyễn Khải mới nói ra sự thật của lòng mình một cách “*thành thật và trắng trợn*”, thì tưởng chẳng có gì khó hiểu. Nguyễn Khải là người nhát, quá nhát. Nhưng chết rồi thì còn sợ gì nữa, còn có quyền lợi gì phải mất nữa ! Mặt khác phải nói rằng, con người ta khi đã ngộ ra được điều gì thì trong lòng bức xúc không chịu được, phải nói ra để giải tỏa. Dostoievsky nói : “*Thật là nặng nề khi phải một mình ôm giữ sự thật*”. Và lại nói ra như thế cũng là một đóng góp cho đời chứ, cũng là trách nhiệm của một người viết văn chứ !

Nguyễn Khải đúng là một con người thông minh, khôn ngoan. Nhưng theo tôi, cũng chỉ là khôn vặt, một thứ “*tiểu trí*” mà thôi. Mà nói chung, dân tộc ta là thế, không có đại trí đâu. Một dân tộc nông dân láu cá thế thôi. Một sự khôn ngoan chỉ vừa đủ để “*biết lui biết tới*” mong được sống yên ổn với đời. Lời Trang Tử, chính Nguyễn Khải dẫn ra trong bài viết của mình, đã diễn tả rất đúng cái khôn của anh “*con chim bay cao để tránh được tên, được bẫy, con chuột đào hang sâu để tránh được hoạ bị khói hun*”. Nguyễn Khải (và những người Việt Nam khôn ngoan nhất cũng thế thôi) đâu phải là một đầu óc “*đại trí*” để có thể vượt được thời thế, thoát được ra khỏi bầu không khí tâm lý của cả cộng đồng dân tộc đang đắm đuối trong một tín ngưỡng. Anh nói đúng : “*Một trí tuệ sáng láng nhất vẫn cứ bị ràng buộc bởi nhiều vòng tự giác và không tự giác của thời thế, của cuộc đời*”. Nhất là Nguyễn Khải, con người mà cái danh cái lợi của cá nhân đều gắn với thời thế, đều nhờ vào thời thế. Cho nên anh thú nhận : “*Những năm 50, 60 của thế kỷ XX, với tôi là những năm tràn đầy niềm tin. Nhìn vào đâu tôi cũng thấy được, dân tộc tôi được [...] tôi vui là chuyện có thật, những trang viết của tôi vào những năm ấy là rất thành thật*”.

Cuộc đời Nguyễn Khải, như anh nói, thật là may mắn. Anh được đủ mọi thứ : danh, lợi, địa vị cao trong làng văn, giải thưởng Hồ Chí Minh... Khi được trao giải thưởng (năm 2000), anh cảm thấy : “ Mừng thì rất mừng nhưng tôi đã nhận ra ngay đây là tấm bia mộ sang trọng cắm lên một đời văn đã tới hồi phải kết thúc ”.

Dương Tường thích câu này, nhưng Vương Trí Nhàn thì cho là đối trá. Vì theo chỗ anh viết, Nguyễn Khải mừng thì nói thế, nhưng thực bụng vẫn nâng niu, ôm ấp, vẫn rất tự hào về những gì mình đã viết. Điều này tôi cho cũng dễ hiểu. “ Văn mình vợ người ” mà. Người viết nào chả quý cái văn của mình, cũng như người mẹ nào chả quý đứa con mình đẻ ra, dù nó xấu xí, kém cỏi thế nào. Nhưng cái văn ấy có giá trị đến đâu, có thể sống lâu dài hay chết yểu lại là chuyện khác. Thông minh, tinh táo như Nguyễn Khải tất nhiên là thừa biết điều đó. Cho nên câu nói trên của Nguyễn Khải không hẳn là đối trá. Có điều trong giọng nói có vị chua chát cay đắng đấy. Đó là lối nói hờn, nói dối. Hờn đối với đời, hờn đối với cái phận của mình. Nghĩ đến sự nghiệp cả một đời có thể sẽ trở thành số không, trở thành hư vô, cay đắng lắm chứ !

Con người ta ai chả muốn sống mãi với đời. Dù đời là bể khổ, nhưng khổ vẫn hơn là chết. Khốn nỗi ai rồi cũng phải chết. Đó là tấn bi kịch lớn nhất của loài người. Vậy thì phải nghĩ ra cách gì để chống lại cái chết chứ ? Người ta tìm đến tôn giáo để được an ủi bằng đức tin : thân xác dù trở thành tro bụi nhưng linh hồn vẫn tồn tại, và nếu chịu khó tu nhân tích đức thì còn có thể được lên thiên đàng nữa kia. Vua chúa thì ướp xác và xây lăng tẩm thật đồ sộ nguy nga. Những nhà lãnh đạo quốc gia thì muốn tên mình được đặt cho phố này, phố nọ (có chuyện tranh nhau phố to phố nhỏ nữa đấy !). Những đảng anh hùng hào kiệt, những bậc thánh hiền thì lo lập công, lập đức, lập ngôn để tên tuổi lưu truyền muôn đời trong sử sách. “ Người chết thật là chết, khi nào họ chết hẳn trong lòng người sống ” (Lỗ Tấn). Có một cách thực hiện sự bất tử một cách bình dân đại chúng nhất, hầu như ai cũng có thể làm được : sinh con, đẻ cái, nhất là sinh con trai. Nó sẽ giữ mãi dòng họ cho mình và cúng giỗ, tưởng nhớ mình mãi mãi.

Còn anh viết văn thì mong sống mãi cùng tác phẩm của mình. Không dám nói ra miệng đâu, vì xấu hổ lắm ! Nhưng âm thầm trong bụng, anh nào chẳng muốn như vậy : chẳng được như cụ Nguyễn Du bất tử với *Truyện Kiều* thì cũng không đến nỗi bị đời quên ngay khi vừa nằm xuống. Nhưng có phải muốn mà được đâu! Mình có phải thiên tài đâu. Là “ đại tài ” cũng chưa chắc. Ôi thật là cay đắng ! “ Tôi là nhà văn của một thời, thời hết thì văn phải chết, tuyển tập, toàn tập thành giấy lộn cho con cháu bán cần. Buồn nhỉ ? Nghĩ lại cũng chả có gì phải buồn, con người vốn sống trong những chiều kích hữu hạn lại mơ tưởng những gì do con người làm ra sẽ thuộc về vĩnh viễn, có họa rồ ! Tất nhiên vẫn có nhiều công trình của trí tuệ thuộc về cõi bất tử nhưng là của các thiên tài. Với bộ não con sâu cái kiến ngược nhìn những cái đầu khổng lồ ấy làm gì cho thêm buồn ra ”. Đúng là giọng nói hờn nói dối đầy vị chua chát, đắng cay của một cây bút chưa biết tuổi thọ của sự nghiệp mình được bao lâu khi thân xác sắp trở thành tro bụi.

Láng Hạ, Hà Nội, 29- 9- 2008

## Nhớ Nguyễn Khải Nguyễn Quang Lập

Đợt trước vào Sài Gòn còn gặp Nguyễn Khải, đợt này vào không còn thấy anh nữa. Tự nhiên thấy tiếc. Không nhớ mà tiếc.

Nguyễn Khải là một trong rất ít nhà văn Việt đương thời hể in ra cái gì mình đọc cái đó, đọc văn anh cảm giác anh viết lách nhẹ như không, kể cả những đề tài khó nhằn như tôn giáo chẳng hạn, biết ngay anh là người văn hóa chu toàn, học một biết mười, người như vậy thật hiếm có.



Văn anh như có ma, không đọc thì thôi, đã cầm sách lên rồi là không rời ra được. Đôi khi đọc xong thấy chẳng có quái gì, tức, chửi ầm lên, nhưng hễ anh có cái mới in thì không tìm đọc không chịu được. Nhà văn Việt được như anh có thể nói đếm không hết mười đầu ngón tay. Nguyễn Khải thuộc típ ần mình giữa đời, vẫn thấy anh đi lại nói cười, phát biểu phát beo, tham luận tham liếc... nhưng ít ai nhớ anh nói gì, có nhớ cũng chẳng thấy có vấn đề gì để lưu tâm. Văn cũng vậy, cái tôi trong anh kín đáo khiêm nhường, anh đóng vai trò hứng chuyện và đưa chuyện, khi thì như kẻ vô công rồi nghề, khi thì như kẻ văn dốt võ dốt, tuyệt không một câu văn nào cho thấy anh đang thổi phồng mình.

Chữ nghĩa cũng vậy, đọc kỹ thì thấy anh rất dụng công nhưng lại làm bộ như mình chỉ viết khơi khơi vậy thôi, toàn chữ nghĩa tầm thường không có gì đáng kể. Đọc thì biết anh tự biết mình quá thông minh, bèn khôn khéo gói ghém chữ nghĩa, không để cho nó lộ sáng, đề phòng hậu họa. Vì vậy đọc anh người ghét cực ghét, người mê cực mê. Hồi bé mình mê anh kinh khủng, lớn lên thấy anh hơi bị khôn, làm văn là dang hiến mà anh thì gói ghém kỹ quá, dần dần không thích anh nữa.

Cuối năm 2007 mình vào Sài Gòn gặp anh được nửa giờ. Cũng chỉ tình cờ thôi, đang đi gặp anh ở vỉa hè, anh kéo vào ngồi quán cà phê nghèo ở hẻm. Anh nhìn mình, vẻ buồn buồn, nói: Lập viết kịch hay, viết phim cũng hay, nhưng viết văn đi em. Mà bỏ văn lâu quá rồi. Đó là lần đầu tiên anh Khải gọi mình bằng em, bằng mày, trước nay toàn gọi ông xưng tôi dù anh hơn mình cả 20 tuổi.

Đó cũng là lần đầu tiên mình tin anh Khải khuyên mình chân thành nhất. Trước nay anh nói câu gì mình cũng khả nghi. Anh sống khéo nổi tiếng, chưa chê văn ai nửa câu. Hoặc khen hoặc không chứ chưa bao giờ chê.

Gặp lần nào anh cũng khen, anh khen rất khéo, không lộ như Trần Đăng Khoa, nhưng mình vốn khả nghi anh từ lâu nên không bao giờ mình tin là anh khen thật. Khi nào cũng nghĩ: ông này có đọc mình đếch đâu, chỉ khen thế thôi. Bởi vì ông nổi tiếng câu: Thằng nào thích khen thì khen cho nó chết.

Vì thế dù anh khen có thật lòng cũng chẳng sung sướng gì. Ở Hà Nội anh thân nhất là Nguyễn Khắc Trường, còn đám con nít tụi mình, anh chơi như sự chiếu cố mà thôi. Đây là mình nghĩ thế, hóa ra không phải.

Hội Đại hội IV nhà văn mình còn hung hăng lắm. Mặc bộ đồ bò đầu gấu lên diễn đàn nói văng mạng, được vỗ tay càng nói hăng. Nói xong về chỗ thì run, không biết mình có nói hớ chỗ nào không. Nghỉ giải lao ra hành lang ngồi gần anh, hỏi: Em nói có được không anh? Anh nhìn mình chăm chăm nói: Ông có cái miệng tươi kinh. Tôi mà đàn bà tôi đã có chửa với ông lâu rồi.

Cả buổi sáng hôm đó mình cứ nghĩ vẩn vơ: Không biết ông này nói thế là có ý gì, tại sao mình nói thế ông lại nói thế. Bốn năm sau gặp lại, hỏi hỏi đó anh nói thế là có ý gì? Anh cười nói tôi nói thật mà ai cũng cho tôi nói lỡm, khổ thế. Khi ông lên diễn đàn tôi có nghe đâu, tôi đang tán phét với Đỗ Chu ở ngoài sảnh.

Mình nghĩ bụng cũng tại anh quá thông minh, biết sợ, luôn cảnh giác, không tin ai thì ai cũng không tin anh thôi. Bụng nghĩ thế thôi chứ bố bảo cũng không dám nói.

Đợt đó anh khen mình, thằng Thiều, thằng Phong làm Văn nghệ trẻ giỏi, nói nhất định sẽ viết bài, mình cũng không tin. Bụng nghĩ ông này nói thế thôi, dư hơi mà đi khen đám con nít ranh tụi mình.

Hóa ra anh viết thật, khen nức nở, khen mình nhiều nhất, còn khen mình đẹp trai nữa, he he. Cách đây gần hai tháng, mình viết đến tám giờ sáng thì vào buồng ngủ lại, chợt có điện của anh Trọng Huân báo anh Khải mất rồi. Mình gọi điện lung tung báo cho mọi người.

Đến một giờ chiều anh Huân lại gọi điện nói “anh Khải chưa chết”. Mình hỏi sao, anh Huân nói nhà tang lễ đòi cái thẻ 40 năm tuổi Đảng mới đủ thủ tục trong đó, nhưng anh Khải để nó đâu rồi, tìm không ra.

Trước khi vào Sài Gòn mình có đọc bài Cái tôi của anh, viết hay quá, hay đến nỗi cả da gà. Đây là bài đầu tiên và cũng là bài cuối cùng Nguyễn Khải nói thật. Sắp chết mới chịu nói thật, anh Khải ôi là anh Khải ôi!

## Nguyễn Khải suy ngẫm về cuộc đời và văn chương Phong Lê

*"Văn chương không thể can thiệp tích cực vào những nỗi đau của thiên hạ. Văn chương chỉ có thể bồi đắp vào cái bản lĩnh sẵn có của bạn đọc để họ tỉnh táo hơn, can đảm hơn khi phải lựa chọn một lối thoát", tác giả của "Anh hùng bĩ vận" bộc bạch.*

- Nếu nhìn lại giễu cợt một chút, ông thấy trong mình có mấy ông Nguyễn Khải: một ông "tu sĩ" nửa vờ, một nhà triết lý, một ông "đồng cốt" hay một nhà khoa học chuyên đeo kính lúp soi vào thói hư tật xấu, sự đáng thương lẫn đáng yêu của người đời?

- Cuộc sống nghề nghiệp của tôi không phức tạp đến thế đâu, nó đơn giản hơn nhiều. Đại thể lúc còn trẻ thì nghĩ rằng mình có thể thay đổi được nhiều thứ, vì mọi sự ở đời đều có thể hiểu, đều có thể can thiệp để thay đổi theo ý muốn của mình. Lời văn hoá ra kiêu ngạo, giáo huấn. Về già mới nhận ra cái thế giới bao quanh phong phú hơn cái biết của mình rất nhiều, nó là vô cùng, còn cái biết của mình rất hữu hạn, tự mình cũng còn chưa hiểu hết mình kia mà. Lời văn trở nên khiêm nhường, rộng mở, chấp nhận và mất dần tính khẳng định độc đoán. Sự thay đổi ở tôi trong bấy nhiêu năm thật ra là như thế.

- Người ta thường nhớ đến Nguyễn Khải như một nhà văn có cá tính hơn là nhà văn của những nhân vật văn học. Ông nghĩ thế nào?

- Tôi không bao giờ tin có một nhân vật văn học hoàn toàn khách quan như chính nó ở ngoài đời. Chí Phèo là người nông dân của Nam Cao, chị Dậu là người nông dân của Ngô Tất Tố. Có người Nga của Dostoievsky, người Nga của Tolstoi và người Nga của Tchekhov. Vẻ đẹp của nhân vật hoàn toàn phụ thuộc vào cái thế giới tự tưởng tượng của mỗi tác giả. Thiếu cái vùng sáng hư ảo ấy thì bạn đọc sẽ phải đối mặt với cái nhạt nhẽo, cái tầm thường của nhiều gương mặt thường ngày khiến ta đã nhiều lúc phải trốn chạy vào văn chương.

- Từng chịu ảnh hưởng của Milan Kundera và Marcel Proust, hai nhà văn đương đại lớn của thế giới, nhưng trong những tác phẩm gần đây, ông đã tự giải thoát mình khỏi họ. Tại sao thế?

- Chẳng có nhà văn trong nước, ngoài nước nào buộc được tôi phải từ bỏ một cái gì vốn là của chính tôi (dẫu nó chả có giá trị mấy) để trở thành một bản nháp tồi của họ. Họ là họ, tôi là tôi. Trong 53 năm làm nghề, do sự phát triển tự thân, tôi đã thay đổi ba lần những quan niệm về tiểu thuyết, những đề tài và nhân vật cần phải quan tâm, nghệ thuật kết cấu và ngôn từ. Lần thứ nhất vào năm 1957 để có được cuốn tiểu thuyết Xung đột, lần thứ hai vào năm 1978 thì viết được Cha và con và..., Gặp gỡ cuối năm, mở đầu cho năm cuốn tiểu thuyết tiếp theo, có thể còn đọc được trong khoảng mười năm nữa. Và lần cuối là năm 1990 với một chuỗi truyện ngắn, khoảng sáu, bảy chục truyện, viết trong 10 năm, và tuổi thọ của nó xem chừng cũng còn dài.

- Thế bước ngoặt nào khiến ông tìm về đề tài những con người tẻ nhạt, nhỏ mọn, tầm thường trong cuộc sống hàng ngày?

- Đó là vào năm tôi đã 60 tuổi. Là khi tôi ngộ ra cái dòng chảy tự nhiên của một đời người từ xưa cho tới nay, thời chiến thì đi lính; thời bình thì đi cày, đi buôn với những lo toan, buồn vui của mỗi ngày. Những danh nhân, anh hùng của mọi thời đều từ cái đám đông nhờ nhờ ấy bước vào vùng sáng của lịch sử một khi thời thế thay đổi. Tôi đã dành một nửa đời viết chỉ để quan tâm tới những số phận khác thường, những tính cách khác thường, thì thời gian còn lại tôi sẽ chỉ dành cho những con người vô danh, những con người của đám đông với những số phận rất tầm thường. Mở đầu của thời kỳ này là truyện ngắn Người của hàng ngày, Anh hùng bí vận, sau đó là một loạt truyện ngắn về cái đời thường ở Hà Nội Hà Nội trong mắt tôi. Cái mạch văn này kéo dài 10 năm với 60, 70 truyện ngắn, quyển rữ thêm nhiều bạn đọc mới. Bạn trong nghề nhận xét: về già Nguyễn Khải viết có duyên hơn hồi trẻ.

- Vì sao trong tác phẩm Nguyễn Khải thiếu hơi hướng tình yêu, vấn đề dục tính?

- Bởi vậy văn tôi không có sức quyến rũ đến mê say như trong văn Nguyễn Huy Thiệp, Lê Lưu, Nguyễn Khắc Trường, Bảo Ninh... Văn chương mà thiếu cái hương vị nồng nàn của da thịt thì nhạt bằng nước ốc. Biết vậy mà đành chịu vì không làm hàng giả được. Có tình yêu giả ngoài đời nhưng không có tình yêu giả trong văn chương.

- Quan niệm của ông về văn chương?

- Chức năng đầu tiên của văn chương là phải quyến rũ được bạn đọc ngay từ lần gặp gỡ đầu. Một vẻ đẹp quen thuộc thì dễ được mọi người công nhận ngay lập tức. Còn một vẻ đẹp hơi lạ, hơi khác thường thì chỉ có một số người biết thưởng thức mà thôi. Trong cuộc tranh cãi về nghệ thuật, theo tôi, chả có ai thắng ai thua cả. Nếu những tiêu chuẩn mới về cái đẹp được khẳng định, trở thành mẫu mực mới thì mọi bên đều thắng.

- "Nghề viết đòi hỏi những tín đồ sống theo nguyên tắc khác: Thà bị xúc phạm đến 9 lần để khỏi có 1 lần xúc phạm đến nhân cách người khác"... Có phải vì quan điểm sống và sáng tác này mà ông mang tiếng là người "im lặng", người "hèn"?

- Sự nghiệp chính của một nhà văn tất nhiên là những tác phẩm nghệ thuật của anh ta, là cái phần tinh hoa của một đời viết; phần còn lại chỉ nên coi là xơ bã, hoặc lên án nó, hoặc tha thứ nó là tùy ở cái lượng rộng hẹp của bạn đọc hôm nay và mai sau. Tôi tự nghĩ những gì tôi đã viết với danh nghĩa là một tác phẩm nghệ thuật, đều có cốt cách riêng cả, chỉ có hay với dở chứ không có gì phải đáng xấu hổ.

Quả thật trong cuộc sống riêng tôi là một người thích làm lành chứ không thích sinh sự, với cơ quan, chi bộ cũng thế mà với bạn bè cũng thế, chỉ cốt dành ra một khoảng thời gian yên tĩnh để ngồi viết. Tôi đã được chứng kiến nhiều cuộc tranh cãi rất ồn ào, chia phe lập nhóm, hằm hè với nhau trong nhiều năm, rút lại chỉ là những chuyện hết sức tầm phào, hết sức vô bổ nhưng đã phải tiêu phí vào đó bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu thời gian quý báu của một đời người! Về già hình như tôi nhiều bạn hơn lúc còn trẻ. Vì đã biết giữ được cái chừng mực của sự từng trải, biết khiêm nhường và biết cả tha thứ. Sống thành thật với mình và với mọi người vừa có lợi cho nghề viết, lại vừa là cách sống có lý. Thì các cụ đã nói "khôn ngoan chẳng lọ thật thà" mà! Tất nhiên là cái thật thà của người biết chứ không phải cái thật thà của người ngu.

- Một câu hỏi riêng tư: Tại sao ông chọn đất Sài Gòn để sống những năm cuối đời?

- Tôi rất biết ơn TP HCM đã buộc tôi phải thay đổi một quan niệm sống, một cách sống, tức là phải biết sống tự lực bằng nghề của mình chứ không nên một đời ỷ lại nhà nước và hội nhà văn. Cũng ở thành phố này, lần đầu tiên tôi cảm nhận được đã nghèo thì vợ con, bạn bè, họ

hàng đều có quyền xem thường mình, giấu cọt mình. Cho nên tôi đã quyết chí thay đổi hoàn cảnh bằng chính cái nghề viết, suốt 20 năm từ năm 50 tuổi đến 70 tuổi. Văn chương của tôi cũng từ đó mà dần dần thay đổi.

## Một cách nghĩ khác về Nguyễn Khải Vương Trí Nhàn

Tôi biết rằng nhiều người có cách nghĩ tương tự như Dương Tường khi đọc *Đi tìm cái Tôi đã mất - Tùy bút chính trị* của Nguyễn Khải (xem bài phỏng vấn trên talawas số ra 11-6-08). Và tôi tin chắc ở dưới suối vàng, tác giả *Xung đột* cũng muốn người đọc và đồng nghiệp nghĩ về mình như vậy.

Nhưng với tôi, tác phẩm này gợi ra những suy nghĩ khác, xin sơ bộ trình bày như sau.

### 1.

Gọi là *Đi tìm cái Tôi đã mất* cho sang. Ở đây tác giả không định đi tìm cái gì cả. Ông chỉ có nhu cầu trình bày một số ý tưởng. Những ý tưởng này đã sẵn có từ khi viết *Thượng đế thì cười*. Nhưng lúc đó tính rằng viết ra không tiện. Mà để không dùng làm gì thì cứ tiếc mãi. Nên nảy ra một hình thức tận dụng gọi là bổ sung hay phụ lục như vừa thấy.

Có thể ông cũng biết rằng đời mình có những thứ bị đánh mất. Nhưng như chúng ta đều biết, việc đi tìm những cái đó bao hàm một nguy hiểm: Nó sẽ dẫn tới xu thế phủ nhận những gì ông đã có. Một người khôn ngoan và thực dụng như Nguyễn Khải chẳng đời nào bỏ công cho việc đó làm gì.

Rút lại, định hướng chủ yếu của tác giả trong cả hai trường hợp chỉ là kể lại sự khôn ngoan tài ba “biết lui biết tới” của mình trong đường đời, bao gồm suốt quá trình lập nghiệp.

Thế tại sao Nguyễn Khải lại viết *Đi tìm cái Tôi đã mất*? Theo tôi, trường hợp này cũng giống như Chế Lan Viên viết *Di cảo thơ*, và Tố Hữu tâm sự với Nhật Hoa Khanh. Thực chất cái việc các ông “cố ý làm nhòe khuôn mặt của mình” như thế này là cốt để xếp hàng cả hai cửa. Cửa cũ, các ông chẳng bao giờ từ. Còn nếu tình hình hình khác đi, có sự đánh giá khác đi, các ông đã có sẵn cục gạch của mình ở bên cửa mới (bạn đọc có sống ở Hà Nội thời bao cấp hẳn nhớ tâm trạng mỗi lần đi xếp hàng và không sao quên được những cục gạch mà có lần nào đó mình đã sử dụng).

### 2.

Dương Tường rất thích cái câu Nguyễn Khải nói về giải thưởng, ấy là khi nhà văn “*nhận ra ngay đây là cái bia mộ sang trọng cắm lên một đời văn đã tới hồi phải kết thúc.*”

Nhưng như mấy anh em làm báo kể với tôi, những năm cuối đời, thấy ai khi nhắc tới mình mà quên nói thứ bậc giải mình đã được nhận là Nguyễn Khải đã không bằng lòng.

Tôi tin điều đó vì còn nhớ một đầu việc hồi 1986-88. Đó là khi Nguyễn Khải có làm vài điều khiến anh em đồng nghiệp, nhất là lớp trẻ, thấy không phải. Trong tinh thần đổi mới, họ đối xử với ông thế nào đó khiến ông cảm thấy cũng chỉ cá mè một lứa như anh em chứ chẳng thuộc loại đấng bậc như mọi khi. Thế là ông kêu ầm lên, rằng người ta không được nói hỗn với tôi như vậy, rằng chẳng gì tôi cũng là cỡ Thường vụ Hội (một thứ quan chức chủ chốt, cái lõi của Ban chấp hành thuở còn thịnh trị; người có chân trong Thường vụ đứng còn cao hơn người chỉ là thành viên Ban chấp hành một bậc).

Lại như khi Nguyễn Khải nói về toàn bộ sự nghiệp ông. “*Cái tài sản tinh thần tôi góp một đời*” ấy “*về già nhìn lại*”, ông nhận ra “*chỉ là một cái kho chứa đủ tạp nham chẳng có một chút giá trị gì.*”

Mấy chục năm trước ở tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, tôi cũng thường được nghe Nguyễn Khải nói bằng cái giọng tương tự và cũng đã tin thật, tin hết mình. Nhưng càng ngày, tôi càng thấy đó chỉ là một nửa cái bánh mì. Và nửa kia của cái bánh chính là những lời đường mật người ta thường rót vào tai khi đối diện với chính mình “Ồ, mình chẳng kém ai!” “Liệu có ai sánh ngang mình? Không và không!”

Câu nói đánh dấu phút tự bằng lòng của L. Tolstoi “*Lão già ghê thật!*” có thể dùng làm đề từ cho cuốn *Thượng đế thì cười*.

Bên cạnh lời tự thú nhũn nhặn mà Dương Tường tin và dẫn ra, lúc nào cũng còn một Nguyễn Khải tự mê mình như vậy. Cả hai hợp lại mới làm nên thái độ của Nguyễn Khải với sự nghiệp của bản thân.

### 3.

Đúng như Dương Tường nói, trong Nguyễn Khải có hai con người. “*Một Nguyễn Khải khôn khéo giả dối và một Nguyễn Khải thành thật trắng trợn. Một Nguyễn Khải hèn nhát và một Nguyễn Khải khinh ghét tay Nguyễn Khải hèn nhát kia. Và sự tranh chấp giữa hai con người ấy không bao giờ ngừng.*”

Tôi chỉ muốn bổ sung: Sự tranh chấp ở đây thực ra chỉ là bề ngoài, trên sàn diễn, trước mặt bàn dân thiên hạ. Chứ ở hậu trường Nguyễn Khải yêu cả hai con người đó ở mình. Ông sống hòa hợp với cả hai. Tùy trường hợp mà ông đưa con người này hay con người kia ra để làm hàng. Lối nghĩ này đã giúp ông thành công chói lọi trong suốt đường đời, và cho đến giai đoạn chung cục của đời sống, ông vẫn giữ, không tự khác mình đi đến một mi-li -met!

### 4.

Nếu được phép thành thực, tôi muốn nói rằng những nhận xét về xã hội và đời sống mà Nguyễn Khải viết trong *tùy bút chính trị* này không mấy đặc sắc, không phải là cỡ Nguyễn Khải mới nghĩ được, người ta vẫn nói giăng giăng với nhau ngoài quán nước. Điều kiện để một nhà văn khi trình bày những ý nghĩ loại này không trở thành chung chung mà có sức thuyết phục là tác giả phải sống với nó một cách sâu sắc. Tức là nó phải được viết nên như vừa được tác giả tìm ra, chỉ có nó duy nhất đúng, nhà văn đã lấy cả đời mình ra bảo đảm cho nó, tất cả những gì ngược với nó phải bị xem như đáng xấu hổ, đáng bằm vằm hủy bỏ. Đến chỗ này phải nói Nguyễn Khải – cũng như số đông chúng ta – đã dừng lại, dù không cố ý, thì sự thực đã dừng.

Thời Xôviết, ở Nga có nhà văn J. Trifonov (1925-1981). Năm mới 26 tuổi (1951), ông được Giải thưởng Stalin với cuốn *Những sinh viên*. Sau này ông viết những truyện vừa hoặc tiểu thuyết như *Đổi trao*, *Giã từ*, *Ông già*, *Ngôi nhà khu bờ sông*... với cảm hứng hoàn toàn “phi chính thống”, nên được bạn đọc trong ngoài nước đặt nhiều kỳ vọng và nhiều nhà xuất bản lớn ở Anh, Pháp, Đức cho dịch. Có người bảo rằng họ thích ông cả hai, tức cả thời *Những sinh viên* lẫn thời sau. Trifonov bảo như thế là vô liêm sỉ. Và trong các tuyển tập có sự đồng ý của ông, cuốn tiểu thuyết đầu tay không bao giờ được phép xuất hiện.

Ở Việt Nam gần như không thể tìm thấy một nhà văn nào có cách cư xử tương tự. Cùng lắm, khi làm các tuyển tập, người ta có thể bỏ một số bài thơ trang truyện quá “chối”, quá “lộ diện”. Chứ còn toàn bộ tư tưởng thời trẻ thì người ta xin cứ được giữ, không ai là không muốn giữ.

## 5.

Khi viết về tiểu thuyết *Thượng đế thì cười*, tôi đã nói rằng hồi ký không phải là những cuốn sách ở đó người viết ca công tụng đức mình. Mà yêu cầu chính đặt ra với các cuốn hồi ký theo nghĩa hiện đại là nhà văn phải lấy toàn bộ con người mình ra làm đối tượng khảo sát, sẵn sàng “lật tẩy”, “xét lại” chính mình, “lật lại cả vụ án” là chính cuộc đời mình. Chỉ có làm như thế người ta mới thực sự làm cuộc phiêu lưu mới và viết được những trang cần cho nhân quần thế sự.

Đến nay tôi vẫn có ý nghĩ đó. Tùy bút *Đi tìm cái Tôi đã mất* cũng như tiểu thuyết *Thượng đế thì cười* đều có dáng dấp hồi ký nhưng vẫn không phải thực là hồi ký theo nghĩa tôi đề nghị. Hầu như người viết hồi ký nào cũng hứa hẹn rằng ông ta sẽ viết rất thật. Nhưng tôi cho rằng cần có một sự phân biệt rạch ròi giữa kỳ vọng và hiệu quả mà tác phẩm mang lại. Trong nghệ thuật thành thực không hề là chuyện dễ mà là việc khó, không phải chuyện tối thiểu mà là việc tối đa. Không phải người ta cứ muốn rồi là thành thực ngay được đâu, phải có tài năng và bản lĩnh thế nào mới thực sự đạt tới cái hiệu quả tuyệt vời kia.

## 6.

Một lần nữa trở lại với cái tên *Đi tìm cái Tôi đã mất*. Chắc không chỉ riêng tôi mà nhiều người cảm thấy nó là tiếng vọng từ *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust. Hồi trẻ, giá thấy ai làm thế, hẳn Nguyễn Khải sẽ gọi tên chỉ mặt ra mà giễu cợt, hoặc nếu không cũng tự mình cười thầm. Nay thì Nguyễn Khải cũng hồn nhiên mà làm cái việc nương tựa vào ánh vinh quang xa lạ kia. Thế mới biết sức mạnh của thời gian. “*Ôi khủng khiếp thời gian ăn cuộc sống.*” Đâu có một lần Xuân Diệu đã dẫn ra một câu thơ Pháp như vậy và ông bảo là của C. Beaudelaire. Còn mới hôm nọ thôi, đọc báo *Văn Nghệ trẻ* 18-5-08, thấy có bài viết riêng về tác giả *Người Trung Quốc xấu xí* nhân việc nhà văn này qua đời. Đây là một câu của Bá Dương được người ta nhắc tới: “Lòng tham lam gặm nhấm nhân tính.”

## 7.

Bài viết này chủ yếu là viết về Nguyễn Khải, nhưng nó được gợi ý từ những câu trả lời của Dương Tường. Ở cuối bài, Dương Tường kể là dạo này ông thường đi lại chơi bời cùng lớp trẻ. Và khi được hỏi *Văn chương hôm nay, điều gì đang làm cho ông quan tâm nhất?*, ông bảo đó là *Sự khao khát vạch những con đường mới của lớp trẻ, rũ bỏ mặc cảm và phá vỡ những khuôn khổ kim hãm sáng tạo.* Đọc giữa hai hàng chữ, tôi hiểu có một điều Dương Tường chưa tiện nói ra, đó là với lớp trẻ, ông đang đóng vai một thứ sếp sòng, một người cổ võ nồng nhiệt, người hướng đạo. Hẳn nhiều cây bút trong lớp đi trước cũng cảm thấy thơm lây vì có một Dương Tường như vậy.

Nhưng từ trường hợp của Nguyễn Khải nói ở đây, có thể thấy còn một cách làm nữa mà tôi muốn ngày càng có thêm người thử bắt tay làm. Đó là chúng ta hãy mang mình ra phân tích. Hãy thật sự tỉnh táo trong việc nhìn lại mình. Hãy đối chiếu mình với yêu cầu của cộng đồng và tự vạch ra cho chung quanh thấy hết những làm lỡ và cả những cơ hội hèn hạ kiểng chác ngu muội man trá của thế hệ mình... Có nghĩa là làm chính những việc Nguyễn Khải làm, chỉ có điều với nhiệt tình khác hẳn, hoặc có thể nói với tinh thần quyết liệt hơn, sòng phẳng hơn và cũng vô tư hơn. Khi ấy những ê chề đau đớn mà chúng ta trải nghiệm không biết chừng sẽ đóng vai một bài học cho lớp trẻ. Họ sẽ tránh được những vết xe đổ.

Hà Nội 15-6-08

© 2008 talawas

Trở lại cái thời lãng mạn về tiểu thuyết

## “Thượng đế thì cười” của Nguyễn Khải Vương Trí Nhàn

Ở tuổi bảy mươi, một người cha trong một gia đình xưa nay vốn êm ấm, tự nhiên có bà vợ ngày ngày day dứt chì chiết ông, nghi ngờ rằng ông không thương yêu gì bà, không hiểu hết công lao hàn gắn của vợ con, lại có lúc còn lơ mơ nhìn theo những bóng dáng qua lại ngoài đường.

Cái đau ở chỗ ông già nói ở đây vốn là một người đứng đắn, mẫu mực trong việc chăm sóc cửa nhà. Ông cảm thấy mình “không xứng” với cái bi kịch mà mình đã rơi tồm vào đó. Con người suy nghĩ nơi ông - nhân vật vốn là một nhà văn - nhân cơ hội này nhớ lại những bước đường về vang của một cuộc đời liên tục phấn đấu và đã có nhiều thành đạt. Từ thuở còn trẻ, ông đã từng lập bao kỳ tích trong nghề, và do đó được cả thiên hạ bái phục. Ngoài tài năng bẩm sinh, ông còn có một cách sống khôn ngoan. Nói chung ông biết bỏ cái nhỏ lo cái lớn. Ông không màng danh lợi. Giữa lúc mọi người đua chen, ông chỉ lo viết. Tuy trong bụng thừa hiểu mình tài lớn thế nào, song luôn luôn ông tỏ ra khiêm tốn bằng cách nhắc đi nhắc lại rằng mình viết được là do hoàn cảnh quá thuận lợi. Ông sẵn sàng lắng nghe và chấp nhận sự phê phán, để rồi tiếp tục viết như đã viết. Ông lại biết lấy lòng cả những người kém tài hơn mình. Tóm lại có hàng trăm câu chuyện đủ sức chứng minh ông thường xuyên đi guốc vào bụng thiên hạ và có cách sống hợp thời. Như thế mà sự rắc rối lại đổ lên đầu ông là nghĩa thế nào, thật cuộc đời này phi lý quá, ông chỉ còn có cách phì cười, bái phục đấng tạo hóa đa đoan đã chọn đúng ông để hành hạ!

Những dấu ấn thời đại

Dù được gọi là tiểu thuyết hay là gì gì nữa, thực chất của TĐTC vẫn là cuốn sách trong đó một con người mang quá khứ của mình ra để kể với bạn đọc. Câu chuyện ở đây liên quan tới sự hình thành và bám trụ của một người cầm bút: nguyên có đưa con người này đến nghề văn; những tín hiệu nghề nghiệp mà hắn - đại từ mà Nguyễn Khải đã dùng - tuân theo; những mối quan hệ (quan hệ với cấp trên, với dư luận, với đồng nghiệp) hắn phải đối mặt. Và tất cả hiện ra với cái vẻ riêng chỉ thời bây giờ mới có. Ngược với những kẻ vừa làm vừa xấu hổ, nhân vật ở TĐTC công khai nói rằng sáng tác văn chương là một phần của công tác tuyên huấn, đến với nghề văn là để phục vụ, người thành công là người mang cả tâm huyết vào công việc. Theo tác giả, sự tự đồng nhất với những ý niệm lớn lao là “khuyh hướng cách mạng bẩm sinh của các nghệ sĩ”. Bao giờ họ cũng là những chiến binh tình nguyện của cuộc đấu tranh cho quyền tự do dân chủ của con người. Ở chỗ này phải nhận ngòi bút tác giả có một sự minh bạch, rành rẽ hiếm thấy. Với Nguyễn Khải, chúng ta có một kiểu định nghĩa về người viết văn thời nay, và đọc TĐTC mới hiểu làm nhà văn là khó đến mức nào, mỗi người tồn tại được đến ngày hôm nay thật đã đáng để khâm phục.

Cần thiết cho ai?

Khi nhớ lại những cuốn tiểu thuyết viết về lớp người cầm bút trong văn học Việt Nam trước 1945, người ta có thể kể ra mấy cuốn tiểu thuyết như *Trên đường sự nghiệp* của Nguyễn Công Hoan, *Mực mài nước mắt* của Lan Khai, *Bức đồng* của Đỗ Đức Thu... Từ sau 1945, tác phẩm viết về chính người viết hơi hiếm, thay vào đó lại có những hồi ký: *Bốn mươi năm nói láo* (Vũ Bằng), *Đời viết văn của tôi* (Nguyễn Công Hoan), *Cát bụi chân ai* (Tô Hoài)... Trong hoàn cảnh ấy, TĐTC của Nguyễn Khải là một đóng góp mới, có liên quan tới lớp nhà văn chỉ bắt đầu viết từ sau 1945. Như trên vừa nói, giá trị dễ nhận ra nhất của cuốn sách là ở cái phần tài liệu. Nó có khả năng giúp cho thầy trò trong các nhà trường hiểu rõ nhiều tác phẩm của Nguyễn Khải lâu nay vẫn được mang ra giảng dạy. Có điều, văn đàn không phải là một thứ bực giảng ở trường phổ thông, và so với một ít lời tâm sự thông thường thì những nhu cầu mà người ta muốn biết về một nhà văn trong một tác phẩm gọi là tổng kết đời mình - nếu trước mắt ta là một nhà văn thực thụ, nhà văn theo nghĩa cao đẹp nhất của hai chữ này - cao hơn, phức tạp hơn nhiều. Trong cái việc đưa bạn đọc cùng suy nghĩ lại về những bước đi của quá khứ, mỗi người

viết tự truyện có dịp bộc lộ toàn bộ cái bản lĩnh trong suốt cuộc đời người ấy đã thu góp được. Nếu không có được sự thăng hoa, thì ở đây họ cũng phải có những cố gắng vượt bậc. Những tài liệu nghiên cứu về lịch sử thể loại cho chúng ta biết rằng thể tài này đã có từ văn học cổ đại phương Tây, và ngay trong thời trung cổ nó vẫn tiếp tục tồn tại, nhiều thầy tu về cuối đời đã tìm ra cách để ghi chép bước đường phần đầu của cá nhân họ trên con đường đến với chúa. Bước sang thời hiện đại, hồi ký tự truyện lại càng phát triển. Từ chỗ tìm cách tự đồng nhất với các loại thần thánh và xem đó là con đường duy nhất khiến mình trở thành chính mình, nhân vật của các hồi ký giờ đây phải đứng vững ở vị trí của một con người, tức đối mặt với chính giá trị bản thân sẵn có. Nhu cầu tự nhận thức được đưa lên hàng đầu, mà trong việc này, tư duy phê phán sẽ đóng vai trò một công cụ hiệu nghiệm. Song cái sự tự phê phán cũng mang lại cho nhân vật của các cuốn tự truyện thời nay nhiều sự phiền hà. Họ thường xuyên rơi vào tình trạng bất hòa với mình. Họ biết rằng ở mình có cả những cái rất cao cả lẫn những cái trần tục. Họ hoang mang, họ lúng túng. Thậm chí chính mình là ai họ cũng không biết. Câu hỏi nọ tiếp theo câu hỏi kia. Sự không thỏa mãn là một nét đặc trưng làm nên vẻ đẹp của những con người sáng suốt. Một người nổi tiếng là khôn, là giỏi thích nghi, thậm chí là quay quắt như I. Ehrenburg, nhiều lần trong tập hồi ký *Con người năm tháng cuộc đời*, bảo rằng mình là một người bề ngoài u ám nhưng thực ra lại nông nổi nhẹ dạ. Và trong khi kể lại nhiều sự kiện bản thân từng chứng kiến, ông nói thẳng rằng chính ra ông cũng không biết thực chất con người ấy, sự việc ấy là như thế nào. Một nhân vật lúc trẻ cũng đầy tự hào như L. Aragon về già cay đắng khái quát: “Cuộc đời tôi giống như một trò chơi đáng sợ mà tôi hoàn toàn thua cuộc. Tôi đã bẻ gãy, đã làm hỏng cuộc đời của mình tới cái mức giờ đây hết bề cứu vãn”. Bản thân Elsa Triolet vợ Aragon cũng thú nhận: “Tôi thích đeo đồ nữ trang, chồng tôi cũng là một thứ đồ nữ trang, - tôi là một con mẹ trần tục, một *madame* tầm thường, vớ vẩn”. Những lời thú nhận như thế không hạ giá nhân vật mà chỉ làm cho người đọc thêm thông cảm với họ và tìm đọc họ. Khi người viết đặt ra mục đích viết tự truyện để khai phá lại, nhận thức lại đường đời của mình thì cũng là lúc một cuộc phiêu lưu thực sự mở ra với cả người đọc.

Đọc TĐTC mà đối chiếu với những yêu cầu này thì thấy tác giả đi theo một hướng khác hẳn: Nhân vật chính thấy có nhu cầu tuyên bố về mình, vĩnh viễn hóa mình, nhưng lại e làm thế sẽ mang tiếng là kiêu căng, nên ngả sang vòng vo kể lể tâm sự. Chiếm vai trò trung tâm trong câu chuyện là các ca, các trường hợp có liên quan đến sự kiên cường của nhân vật và sự liên tục của hắn trong việc theo đuổi niềm tin. Đằng sau những chiến công cụ thể là ý thức rõ ràng của nhân vật về ưu thế của bản thân, cái ưu thế khiến nhân vật không thấy có gì phải vươn lên mà chỉ cố cúi thấp xuống cho vừa với hoàn cảnh. Câu chuyện không được tác giả bố trí thành lớp lang rõ rệt theo một quá trình phát triển cụ thể, mà các chương chỉ nối đuôi nhau để dần dà đi sâu vào những khía cạnh khác nhau trong quan niệm sống và phép xử thế của nhân vật. Tức là về mặt bố cục, truyện có tính chất trích mảnh. Thời gian kéo dài theo một cái mạch đều đều, không có những điểm dừng, những bước ngoặt rõ rệt. Không rõ tác giả có cố ý nghĩ thế không, song qua cách trình bày như hiện nay, cứ thấy toát ra một điều: ông muốn nói cuộc đời mình không có chuyển biến đáng kể, không có cao trào, lại càng không có những bước nhằm bước hụt nên không có gì phải hối tiếc. Nhìn lại nó, trong lòng ông không thấy dấy lên những câu hỏi và dù khách quan đến đâu, ông cũng không thể tìm ra điều gì gọi là đáng trách. Sự ân hận không có trong kho từ ngữ của ông. Công thành danh toại, ông thấy không cần phải che giấu mà còn muốn nói to lên rằng bản thân rất hài lòng rất mãn nguyện với quá khứ. Bề nào mà xét cũng thật khó lòng nói nhân vật tự truyện ở đây có cách nghĩ hiện đại, và từ chỗ đứng của đời sống hiện đại mà tâm sự trò chuyện với bạn đọc.

Đánh giá chất lượng tác phẩm như một tiểu thuyết

Đến đây xin tạm rẽ ngang, để đặt ra một câu hỏi: thế nếu xét TĐTC trên phương diện tiểu thuyết thì tình hình sẽ ra sao? *Xung đột* tập I, lần in thứ nhất 1959, có một đoạn tự bạch, xin trích mấy ý: “Tôi về thôn X. một thôn công giáo toàn tòng ở miền hạ huyện Nghĩa Hưng Nam Định vào cuối năm 1956. (...) Lúc đầu tôi chỉ có ý định viết một tập ghi chép. Nhưng trong khi ghi chép các nhân vật và thể hiện lên với nhiều vẻ phức tạp của nó, thì tôi gặp một khó khăn



lớn là bản thân tôi cũng *không lường được* (V.T.N nhấn mạnh) rồi đây những vấn đề đó sẽ giải quyết như thế nào, số phận các nhân vật đó sẽ giải quyết ra sao. Mà mọi sự bịa đặt đều chỉ có thể dẫn đến sai lầm, tôi mới tiếp tục viết thêm những tập sau nữa, hy vọng rằng trong quá trình nghiên cứu tôi sẽ tìm hiểu được những vấn đề đã đặt ra một cách toàn diện hơn". Theo tôi, đoạn văn này đã nói rất trúng cái tinh thần căn bản của tiểu thuyết mà một số nhà lý luận như M. Bakhtin, hoặc nhà văn như M. Kundera nhấn mạnh: người viết tiểu thuyết không thể áp đặt cho nhân vật những sơ đồ có sẵn. Mà phải tôn trọng nó, thấy nó là một cái gì nhờn nhờn trước mặt song không dễ gì nắm bắt được, ngược lại phải lo đối thoại với nó, rồi tìm hiểu khám phá nó. Cuối đoạn tự bạch nói trên, bằng cái giọng đầy e ngại, nhà văn tiếp tục tâm sự: "Tuy vậy nay xem lại cả bốn tập viết rải rác trong hơn một năm thì thấy có nhiều vấn đề còn lơ lửng, con đường đi tới của một số nhân vật chính còn chưa rõ ràng ...". Theo tôi, cái chỗ mà tác giả lo lắng đó lại chính là chỗ mạnh, là nhân tố làm nên chất tiểu thuyết của *Xung đột*. Còn trong TĐTC, suốt mấy trăm trang sách, cái kẻ được gọi là hần không hiện ra như một cái gì cần tìm hiểu. Tác giả quá thuộc hần, nói đến đâu ông lầu lầu đến đấy. Rồi sự thương yêu không hề giấu giếm, sự kính phục dường như không tìm ra lời để diễn tả nổi, cả sự bênh vực đâu vào đấy - một thứ bệnh chằm chằm như lối các bà mẹ bênh con, - bao nhiêu tình cảm người viết tiểu thuyết tự nhủ phải tránh cho xa khi muốn khắc họa một nhân vật, trớ trêu thay, lại được tác giả khai thác một cách hồn nhiên, mà về hiệu quả nghệ thuật, hại nhiều hơn lợi. Và thế là cái lý do khiến cho người ta khó gọi nhân vật chính của TĐTC là một nhân vật hồi ký hiện đại như trên đã trình bày đồng thời cũng là lý do chính khiến cho hần không trở thành nhân vật của tiểu thuyết theo những cách hiểu sâu sắc nhất về thể tài này.

Khi mình không phải là người khác

Trở lại với TĐTC như một cuốn hồi ký - tự truyện. Có một sự việc thoát nhìn tưởng nhỏ song lại không nên bỏ qua, là câu chuyện bà vợ. Đây là cái có đóng vai trò khởi động cho cả cuốn sách và chừng nào đó ảnh hưởng tới cả giọng điệu chính trong TĐTC. Thế nhưng thử nghĩ lại một chút: Cái việc người ta khi về già, gặp phải những sự trái tính trái nết, sự vụng về trong cách đối xử của người thân, chẳng phải là chuyện hiếm hoi. May lắm, chỉ nên hiểu nó như chút muối mặn làm tăng thêm ám ảnh về cái vô lý của đời thường mà những ai còn cảm giác thực tế trước cuộc sống đều luôn luôn cảm thấy và lĩnh đủ. Chắc chắn nó không ghê gớm đến mức khiến cho con người ta phải "kêu thét lên vì vô lý" như nhân vật trong truyện day đi day lại. Thế thì tại sao nhà văn dùng đến bao nhiêu câu chữ như vậy tô đậm cái bi kịch gia đình? Hay là ông vốn quen đặt ông quá cao, xem mình có quyền đứng ngoài mọi sự ràng buộc thông thường mà mọi chúng sinh trong đời phải chịu, và điều này đã ăn sâu vào tâm trí ông khiến ông không bao giờ nghĩ rằng làm thế lại gây phản cảm? Từ đây nghĩ rộng ra, tôi có cảm tưởng mối quan hệ giữa cá nhân và những người chung quanh - một mối quan hệ mà mọi người hàng ngày phải đối mặt, người viết hồi ký tự truyện càng phải đối mặt -, mối quan hệ ấy ở Nguyễn Khải lâu nay chưa được giải quyết cho ổn thỏa và việc đó ảnh hưởng ngay tới sự nhất trí của tác phẩm ông mới viết. Chúng ta biết rằng trong suốt cuộc đời của mình, nhà văn này vốn thành thạo cả "bút pháp sử thi", nhìn cái gì cũng thấy thiêng liêng cao cả, và cả "bút pháp tiểu thuyết", tiếp cận đời sống ở cái vẻ suồng sã của nó, việc ông sử dụng cách nào là tùy yêu cầu cụ thể và quả thật ông đã nhào lộn khéo léo đến mức hai loại tác phẩm dùng hai bút pháp ngược nhau đến vậy cùng sống hòa bình bên nhau để làm nên một sự nghiệp. Đến TĐTC, thì như trên đã nói, mặc dù cũng có một ít đùa bỡn vui vẻ, song về căn bản bút pháp chủ yếu được sử dụng là "bút pháp sử thi", nó nhiều phần phù hợp với cảm hứng chung của tác giả khi muốn nhìn lại đời mình theo cái cách ở trên chúng tôi đã miêu tả. Thế nhưng có lẽ vì một sự méo mó nghề nghiệp nào đó nên cây bút tiểu thuyết ở nhà văn vẫn ngo ngoạy không yên, và điều đó khiến cho có lúc tác phẩm lạc hẳn sang một cái giọng khác hẳn giọng điệu vốn có. Lại chết một nỗi, mặc dầu đã tự kiểm chế, song nhà văn vẫn không giấu được một thói quen đã thành cố tật: với những việc thiết thân của mình hoặc hợp với tạng mình thì ông nhìn nhận một cách một cách nghiêm chỉnh, và dùng những lời khéo léo nhất để tán dương; còn những gì không được việc cho mình, hoặc đơn giản là việc của thiên hạ thì ông xem như trò đùa, thoáng nhìn đã thấy

ngay bao điều đáng mỉa mai giấu cọt. Thành thử người ta có trách rằng ở đây Nguyễn Khải chưa đủ tỉnh táo và chưa đủ cả cái *cận nhân tình*, tức cái bao dung cần thiết, kể cũng không phải chuyện lạ!

Sự dừng lại nửa chừng

Từ nhiều năm nay Nguyễn Khải đã cho in một số tập sách trong đó ông thử trở lại chuyện cũ để tìm cách chiêm nghiệm bản thân. Quan niệm tổng quát về quá khứ đã có lần được ông trình bày trong cuốn *Chuyện nghề* (1999): “Lắm ngày ngồi đọc lại hay nghĩ lại về những tác phẩm của mình đã viết trong mấy chục năm qua, nhiều trang viết vẫn còn làm tôi hãnh diện và có nhiều trang viết đã làm tôi xấu hổ và rất buồn. Những trang viết chủ quan, kiêu ngạo chỉ khẳng định có một niềm tin, một lẽ sống, rồi dạy dỗ, rồi lên án, rồi chế giễu tất cả những gì khác biệt với mình, đọc lại thật đáng sợ. Thế giới như nhỏ lại, nhạt đi, căng thẳng (...) Tôi rất muốn viết lại một số trang vì tôi đã từng trải hơn, hiểu đời hiểu người hơn...”

Vừa mới trả lời bạn đọc như vậy, đến TĐTC, nhà văn lại từ bỏ ngay cái điều định làm, hoặc nói cách khác là ông không có nhu cầu đó nữa. Trong mạch hồi ức bề bộn của nhân vật, rất nhiều chi tiết đã được kể lại, nhằm gây hiệu quả có thực, song cái sự thực sâu xa nhất về “đương sự” thì bởi lẽ tác giả không muốn nói, nên với người đọc, vẫn còn nguyên vẹn là một bí mật. Nhận xét về cách viết của TĐTC, một nhà văn đàn anh của tôi vui miệng bảo: “Ban đầu ông Khải cũng muốn đùa bỡn với mình, nhưng được một lúc thì quên hẳn, lại cứ lối viết xưa nay mà kéo”. Và như thế, âm hưởng chính toát lên sau các trang sách vẫn là nhiệt tình tự biểu dương tự khẳng định. Giải thích điều này không khó khăn gì, nếu nhìn chung ra cả xã hội. Sau mấy chục năm sống mãi miết, nay là lúc nhu cầu trở lại chuyện xưa thức dậy ở nhiều người. Song cũng phải nhận đây là việc khó, không phải người ta cứ có một quá khứ là đã hiểu được nó một cách chính xác, dù đây là quá khứ của chính mình. Vì cái công việc tưởng là dễ ợt kia đòi hỏi một sự sáng suốt phi thường, làm việc với nó dễ căng dễ mệt, ai người đã già, già không phải về mặt thể chất mà cái chính là về mặt tinh thần, chắc chắn không thể chịu nổi. Con người hiện đại, để đạt tới sự tự nhận thức thực sự, phải tự lột trần, tự bỏ phục trang xã hội của mình - nhiều người ngại ngần. Con người hiện đại không chỉ nhấn mạnh chỗ khác so với chung quanh, mà còn tìm kiếm và thử tìm cách xác định hồn cốt bên trong của mình - nhiều người dừng lại. Đọc sách, trước mắt người đọc chỉ có hình ảnh của những tác giả hồi ký - tự truyện như họ muốn, chứ không phải như họ có thật trong đời. Nguyễn Khải cũng không ra khỏi cái sự thường tình đó. Quá trình *trở lại cái thời lãng mạn* ở ông bắt đầu từ vài năm nay, tới TĐTC thì được hoàn chỉnh. Và cách giải thích tốt nhất ở đây có lẽ là mượn lại câu nói của nhà văn đồng thời là nhà đạo đức học người Pháp F. La Rochefoucault (1613-1680): Chúng ta quá quen trá hình trước mắt kẻ khác nên rất cuộc trá hình ngay với chính mình.

### **Lời kêu gọi *Hãy đi xa hơn nữa***

*Sống ở đời, Đời khổ, Chuyện tình của mỗi người, Một thời gió bụi, Anh hùng bĩ vận...*, tên gọi của một số tác phẩm Nguyễn Khải viết hơn một thập kỷ nay đã làm chứng cho một ao ước chính đáng nơi ông là muốn đi tới những khái quát nhân sinh, nó là điếm tới xa hơn sâu hơn so với các tác phẩm cũ. Trong những tác phẩm thuộc loại viết về sau này (đây chỉ kể những truyện khá nhất), cuộc đời hiện ra không phải như cái gì tác giả đã thuộc như lòng bàn tay, mà còn bao điều chính ông chưa biết và không rõ nên cất nghĩa ra sao. Ông không ngại đi vào những nghịch cảnh, trở trêu. Ông biết thông cảm với nỗi sợ, niềm đau. Ông sẵn sàng dừng lại những chữ như số kiếp, thân phận... Những nỗ lực này của nhà văn có để lại dấu vết trong TĐTC. Thử nhớ lại hình ảnh bà cụ già ngồi ăn bún với muối hoặc người đàn ông đánh một chiếc xe trâu chở cái tiểu sành có bộ xương vợ với đứa con nhỏ đi suốt từ Điện Biên về vùng xuôi. Hôm qua, Nguyễn Khải đã biết những con người ấy, những tình tiết ấy, nhưng không bao giờ nghĩ tới việc mang chúng vào trang sách. Về già, ông nhắc tới chúng với niềm hãnh diện: đó là một phần cuộc đời của ông và chính nhờ thế ông tìm ra cách sống rồi nương theo đó là cách viết.

Không phải ngẫu nhiên một bài phỏng vấn Nguyễn Khải gần đây có cái tên gọi khái quát: *Cười cho một kiếp nhân sinh*. Theo tôi hiểu, chính nhà văn cũng có lúc muốn xuất hiện trước bạn đọc

trong một tư thế như vậy, với bộ y phục như vậy. Thế nhưng nhìn chung TĐTC (mà hẳn tác giả rất lấy làm đắc ý) vẫn thành công chính ở việc biểu dương một sự nghiệp hơn là chạm vào một vấn đề bao quát của cuộc đời. Nó mang lại cho tác giả một chút an tâm cần thiết, chứ không chắc đã giúp cho các tầng lớp bạn đọc lẫn các đồng nghiệp soi vào đó để hiểu thêm những ngày đang sống, với đủ ngọt bùi chua chát chúng ta vẫn cảm nhận. TĐTC nói với người ta về một ít con người trong một thời cụ thể, chứ chưa đủ sức vươn tới những khái quát về kiếp nhân sinh nói chung, do đó chưa thuộc vào loại tác phẩm tự nó sẽ còn được đọc lại, như hôm nay chúng ta đọc lại *Số đỏ*, *Chí Phèo*, hoặc gần đây *Cát bụi chân ai*. Đáng lẽ có thể đạt tới khả năng lôi cuốn của những cuốn sách mang tính cách *tôi thú nhận là tôi đã sống* (chữ của P. Neruda), hoặc *tôi lật con bài của tôi* (chữ của L.Aragon), song TĐTC đã dừng lại trên cái mạch cũ của một đời văn sớm định hình ở tác giả.

Có những giới hạn mà cả những đầu óc thông minh nhất trong thời của mình vẫn không thể vượt qua - cuối cùng chỉ còn có cách nghĩ vậy. Nhưng đặt vào hoàn cảnh hôm nay, TĐTC của Nguyễn Khải lại có cơ trở thành một lời kêu gọi: cách tốt nhất để các đồng nghiệp, nhất là các bạn trẻ, thể hiện lòng yêu mến kính trọng đối với nhà văn là đi tiếp trên con đường ông đã thấy là phải, nhưng không đủ sức dẫn tới.

## Nguyễn Khải nhà văn Ngô Văn Tạo

Nguyễn Khải sinh năm 1930, mười sáu tuổi gia nhập quân đội nhân dân, làm y tá rồi làm báo cho báo Quân Đội Chiến khu, được kết nạp vào đảng cộng sản năm mười tám tuổi, tiếp tục làm báo và viết văn cho báo quân đội, làm đến cấp đại tá, sau chiến thắng Điện Biên Phủ theo đội quân tiên phong, với tư cách nhà báo chứng kiến sự tiếp quản thủ đô Hà Nội, được tuyển vào ban biên tập của tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, từng làm phó tổng thư ký hội Nhà Văn, đại biểu Quốc Hội của Củ Chi (Nam bộ). Đã được nhiều giải thưởng văn nghệ, đặc biệt năm 2000 được giải thưởng Hồ Chí Minh!

Mấy lời giới thiệu trên đủ chứng tỏ Nguyễn Khải thật là *nhà báo, nhà văn chính thống, con đẻ của Cách mạng, của Xã Hội Chủ Nghĩa, của Đảng*. Lời văn của Nguyễn Khải thuần thực trôi chảy, tiêu biểu của nhà văn xuất thân từ lò đúc Viết Văn của Đảng, của Quân Đội.

Tôi nhớ vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ trước, tôi đã mua và cố đọc một số không nhỏ những tiểu thuyết của Nguyễn Khải, nhưng phải thú thật là tôi chỉ đọc được một số trang sách, mà không có can đảm đọc hết một quyển nào trừ quyển "*Bữa Tiệc Cuối Năm*" (xuất bản năm 1986). Chính với quyển truyện này mà tôi có kỷ niệm tìm được tiếp kiến đầu năm 2003 nhà văn Nguyễn Khải tại nhà riêng của nhà văn ở Khánh Hội (đường Nguyễn Tất Thành, Sài Gòn). Một ngôi nhà khang trang, chắc chắn là khác hẳn với căn hộ 16 thước vuông, khu tập thể bãi Phúc Xá – Hà Nội bên bờ sông Hồng mà trong tự truyện *Thượng Đế Thi Cười* (2003) nhà văn nhắc nhở đã sống hơn hai mươi năm với vợ và ba con lớn nhỏ, ngôi nhà khang trang nhưng là một ngôi nhà lạnh nhạt của một cán bộ thành đạt công chức! Tôi tìm gặp nhà văn cốt để chỉ hỏi một câu, rằng gia đình sang trọng của thời *nước Cộng Hòa Việt Nam* trong truyện *Bữa Tiệc Cuối Năm* có phải là gia đình của cựu Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1970 ở Bonn (Đức Quốc). Nhà văn xác nhận là đúng vậy; nhưng nhà văn và tôi vì một lẽ riêng tư mỗi người không hỏi đáp thêm gì. Nay tôi đọc tự truyện *Thượng Đế Thi Cười* (tháng 9 năm 2009!), tôi thầm tiếc đã không hỏi han thêm để thật tìm hiểu về nhà văn.

Theo tự truyện, Nguyễn Khải là con rơi, con bà vợ lẽ -vợ lẽ theo ý nghĩa của thời phong kiến, là chỉ được để ở riêng một nơi và không có một gia phận gì- của một ông tham tá phủ Công Sứ chính quyền đế quốc Pháp ở Hà Nội. Năm 1945, chính quyền Pháp Quốc tan rã, bà vợ lẽ và

cả hai anh em Nguyễn Khải bị ông tham mất việc bỏ rơi. Bà mẹ buôn bán hàng rong để nuôi con; Nguyễn Khải đã biết tòng quân đội Nhân Dân để tự nuôi mình. Dù sao nhà văn vẫn là con trai của gia đình *vọng tộc*, có gốc gác gia phả đến tận thời Nguyễn Gia Thiều (1741-1798) của một chi tộc khác ( Nguyễn Khải đã viết một hai trang sách tự truyện truy cứu di truyền về gia tộc mình), một gia tộc xa gần vẫn còn danh phận ( bà cụ Đại Sứ Việt nam Cộng hòa ở Đức Quốc trong truyện *Bữa Tiệc Cuối Năm* là trong gia tộc). Nên không ngạc nhiên gì, Nguyễn Khải ngay khi 16 tuổi – trong thời loạn lạc cốt yếu chỉ tự học – đã có tiềm năng, không phải là dân nghèo chân đất quốc ngữ không thông, thành phần của quân đội nhân dân. Năm 17 tuổi Nguyễn Khải đã làm báo, viết ký sự giúp cho bộ đội vừa đọc vừa học chữ. Cứ thế mà đi dần, tiến lên đến chức phó tổng thư ký Hội Nhà Văn, với giải thưởng Hồ Chí Minh cho toàn sự nghiệp văn chương lúc nhà văn 70 tuổi.

Nguyễn Khải thật cũng phải có biệt tài bẩm sinh. Có thể nói Nguyễn Khải là dư ảnh thời đột phá của Văn Học Việt nam, thời tiền chiến ngay trước cách mạng: Chế Lan Viên viết *Điều Tàn* năm 16 tuổi, Huy Cận đã có thơ đăng báo năm 17 tuổi, Vũ Trọng Phụng đã nổi danh năm 18 tuổi... Nhưng vấn đề -mà chính Nguyễn Khải nhìn lại và xác nhận trong *Thượng Đế Thi Cười*- là như một quân dân, một đảng viên, nghệ thuật của nhà văn không thể hồn nhiên tự do nảy nở. Quân đội bao cấp cho ông bữa cơm hàng ngày, quý hóa bao nhiêu khi người ta sợ đói và hàng năm hàng tháng biết thế nào là thèm khát một cái gì giản dị như nắm xôi gấc, miếng thịt mỡ, một bát phở đầy gia vị.... Là đảng viên, tư tưởng của nhà văn phải luôn luôn được chỉnh huấn, mỗi tuần một buổi học tập và tự kiểm điểm, biết phê phán đối tượng xa gần tùy theo chỉ thị mật truyền của *cấp lãnh đạo*, hay tệ hơn nữa hòa theo đám đông (trong chi bộ đảng) với khái niệm *chính thật là tiêu cực hư vô*: “*ý chí của toàn thể quần chúng nhân dân*”...

Hơn nữa, ngay năm 18 tuổi, được tuyển vào học chính trị và học viết văn trong cái lò văn *duy vật hiện thực Marxít của quân đội*. Từ cái lò đúc đó, văn của Nguyễn Khải chỉ có thể là thuần thực trôi chảy, *lạc quan cách mạng*. Tôi nghĩ Nguyễn Khải phải viết hàng trăm trang giấy với ngòi bút bi, hàng chữ thẳng tắp, không nguệch ngoạc, không xóa nhòa sửa chữa. Lời văn từng câu mạch lạc, từ ngữ ăn khớp; Nguyễn Khải không có cái *dừng dưng bóng bẩy* Tô Hoài của *báo Cứu Quốc*, nhưng lại có cái chất tả chân tả thực của nhà báo nhà văn xã hội chủ nghĩa đi khảo sát và tìm tài liệu tận nơi tận chốn của những sự kiện tân văn. Đó chính là sở trường viết văn của Nguyễn Khải. Chỉ trong một quyển truyện bao quát không nói tả ai hay đến một nhân vật bằng xương và bằng thịt nào :*Bữa Tiệc Cuối Năm*, mà tôi đọc thấy ra rất rõ bà Đại Sứ mà tôi đã tình cờ quen biết. Tất cả những truyện ngắn, những tiểu thuyết của Nguyễn Khải chắc phải như thế đó, những nhân vật hiển hiện trong những bức chân dung chính xác như trong một quyển album ảnh chụp. Người ta xem có thể chột dưng lại rất lâu trên một bức ảnh vì ôi! nhận ra đây một người quen biết và tự thầm hỏi con người đó chẳng biết bây giờ ra sao. Ra sao trong trạng thái vật chất thực tế của đời người thì những trang sách văn của Nguyễn Khải tương đối nói ra, nhưng thật con người đó nghĩ gì, ước ao những gì, nhớ nhung ai, ta chỉ có thể ngậm ngùi hoang mang lưu luyến. Chính cái khía cạnh hiện thực giản đơn đó làm tôi không đọc hết được nhiều quyển tiểu thuyết của Nguyễn Khải, mà thật mở quyển album, người ta chỉ lướt qua những bức ảnh chụp chân dung của những người mà mình không liên quan và không quen biết.

Tuy nhiên, tôi nhớ có một nhà văn nói tôi: “ Nguyễn Khải là Balzac của văn học Việt Nam!”. Ví Nguyễn Khải với Balzac, tiểu thuyết gia lớn của văn học Pháp, có thể nói tương đối là đúng. Trong hàng trăm (?) tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết của Nguyễn Khải, chắc chắn là hiển hiện bao nhiêu nhân vật, thiết thực ngoài đời. Những con người “*bình thường!*” trong một xã hội bao cấp, nghèo nàn, kỷ cương xiết chặt; họ chỉ thèm được đủ no cho mỗi bữa; làm xã trưởng, bí thư đảng ủy của một ấp, thì quan liêu chi li cận kề với người dân, lấm lét với “*lãnh đạo cấp trên*”; quản trị một nông xã, thì không tránh được kín đáo giữ phần hơn cho vợ cho con....

Từng làm đại biểu quốc hội, phó tổng thư ký hội Nhà Văn, nhưng Nguyễn Khải tự nói “*chỗ của hắn là quán trọ, bến phà, bến xe, sân phơi hợp tác xã, lán ở của công nhân nông trường, khu nhà tập thể của gia đình quân nhân, ở bờ ở bụi, nghe đủ chuyện vui chuyện buồn, chuyện hay chuyện dở của thiên hạ...*” Mà thật, theo tự truyện, Nguyễn Khải có chân “trong ban thường vụ của hội Nhà Văn” – một lãnh đạo có chức phận – mà như trên tôi đã nói, vẫn vui vẻ an phận với căn hộ 16 thước vuông ở khu tập thể quân nhân bãi Phúc Xá, bên bờ sông Hồng, mùa nước lớn phải tìm nhà bà con để tạm trú. Một sự bình thản bàng quan nhân bản trước những lệch lạc vật chất cũng như tâm trí trong đời sống xã hội.

Diễn hình là ba tiểu chuyện sau đây, mà Nguyễn Khải nhắc nhở trong tự truyện, ẩn ý dĩ nhiên đây chỉ là ba chuyện trong hàng trăm chuyện đời dưới cái nhãn quan bao quát của nhà văn, tràn lan nhắc lại trong tự truyện. Chuyện thứ nhất là hình ảnh bà già, có hai con trai làm việc cho nhà nước, con rể làm phu xích lô; bà ở một thân một mình, ngay ngày nhật hoa đại phơi khô ra đầu đường đứng bán, bữa cơm của bà là một nắm bún trắng ăn với muối và một bát nước chín, ngồi ké quán nước chè xanh vỉa hè. Chuyện thứ hai là trung đội trưởng thủy quân, thuyền chờ vũ khí tiếp lực cho biệt kích quân ở phía Nam bờ Hiền Lương, mười năm biệt tích; vợ ở nhà đảng thu xếp cho có đáng chồng mới. Trung đội trưởng bỗng trở về làng; người chồng mới chỉ lẳng lặng tức khắc lùi bước, khăn gói ra khỏi nhà. Chuyện thứ ba là chuyện của quân nhân chiến trận Điện Biên Phủ; chiến thắng, anh được cấp trên cho phép lấy một dân vận làm vợ, ăn ở năm sáu năm vợ mất. Trong những năm gia đình chung sống, làm rẫy ở thượng du có được một đứa con gái và chắt chiu nuôi một con trâu nghé. Vợ chết, anh trở về làng, quê anh ở miền xuôi cách mấy trăm cây; anh đẩy xe trâu, trên có con gái năm tuổi và tiểu sành đựng bộ xương vợ; lộ trình bữa no bữa đói nhờ những buổi dừng chân, với con trâu làm công cho nông dân bên đường. Những bức chân dung rất đời, ám ảnh lưu trữ trong tâm độc giả, nếu trên những đường nhăn, trong ánh mắt...lõe sự ngậm ngùi an phận hay sự phản kháng âm thầm nhân bản trước những oan trái của một đời, hay trước sự mù quáng bất công của xã hội con người....

Nhà văn Tô Hoài viết dừng dừng như nhà báo, viết hàng chục trang giấy trong một ngày. Nhà văn Nguyễn Khải, chỉ trong tám năm 1980-1988, viết những 5 quyển tiểu thuyết mỗi quyển dày hơn 200 trang, không kể những truyện ngắn, những tùy bút đăng hàng tuần, hàng tháng trên báo chí trong Nam và ngoài Bắc; Nguyễn Khải không dừng dừng viết báo, nhưng nhà văn không ngần ngại bỏ sau những hoang mang thách thức, những day dứt ám ảnh nhà văn chân chính trước những oan trái, trước những bất công trong đời thường cá nhân hay trong xã hội. Bỏ lại sau, để cho dòng văn của hắn không ngừng trệ, trôi chảy trơn tru như một dòng sông nhỏ kia, hai bên bờ là bụi tre, những cây sung mướt mà xanh tươi có chim đậu giữa trưa hè im lìm nắng cháy. Tôi ẩn dụ đây – như chính Nguyễn Khải cuối đời chua chát tự nhận là hắn trong *Thượng Đế Thì Cười* – rằng trong tiểu thuyết của Nguyễn Khải không thể có những nhân vật như *Chí Phèo* của Nam Cao, *Xuân Tóc Đỏ* của Vũ Trọng Phụng. Tài nghệ viết văn trôi chảy của Nguyễn Khải có thua gì ai! Nhưng trong bức tranh nhân sinh của Nam Cao, *Chí Phèo* là sự phản kháng chống đối thân phận mình, chống đối cái xã hội nhỏ bé làng quê thôn xã, chìm đắm trong nghèo nàn, cố hủ bám giữ tự bao che ích kỷ của mỗi người để tồn tại; trong thế giới đó, một kẻ cùng đinh như *Chí Phèo* không bao giờ được cho một cơ hội để tiến thân, *mạt kiếp tìm ra đầu lối thoát phận cùng đinh*, dù chỉ một bát cháo hành của *Thị Nở* cũng đủ bừng sáng trắng thanh tràn trề thương yêu trong đầu óc nhân sinh tối tăm tận cùng, với những nóc rọu cận bã để chửi đồng, chửi người hay chửi Phật. *Xuân Tóc Đỏ* là sự điều cốt tó cáo một xã hội không thầy không tớ, giao thời đang mất căn bản với một sự *đổi mới* ông ẹo me tây, tân thời tiền bạc. Tuy nhiên, bộ ba trong chuyện trung đội trưởng thủy quân đâu phải là người máy mà không có khắc khoải gặp gỡ chia ly, những dằn vặt nghi vấn tình người; rồi người cựu chiến binh Điện Biên Phủ đâu phải là người gỗ mà không tự hỏi ở cuối chân trời kia, quê nhà có gì chờ đợi hay chỉ là sự vô tình của một xã hội bao cấp, không tình không nghĩa chỉ

biết hứa hẹn một địa đàng không tưởng. Lời văn của Nguyễn Khải lướt qua những mẩu chuyện, dù chỉ vui tùy bút viết nhắc qua đáng ra vẫn phải có nhưng mà lại không có cái rung động tiềm ẩn tất nhiên nếu Nguyễn Khải là Nam Cao hay Vũ Trọng Phụng.

Quá 70 tuổi, tự thấy *gần đất xa trời*, thẳng thắn nhìn nhận khiếm khuyết mà tôi nói trên trong sự nghiệp văn chương của mình. Thăm tự kiểm điểm và tự tìm hiểu trong *Thượng Đế Thì Cười*. *Thượng Đế Thì Cười* vừa là hồi ký vừa là tự truyện; tác giả không kể lại tuần tự những sự kiện của đời mình, mà cốt yếu là nhìn lại chính mình, mang nặng trên vai sự nghiệp văn chương đồ sộ được đảng và nhà nước tuyên dương. **\*\***(Nhưng Nguyễn Khải không phải là nhà văn hạng hai hay hạng ba, bốc đồng có được tác phẩm thời thượng nổi danh, đeo lên ngực những bằng khen xa gần, nay chỉ còn biết đóng trò thiên giả kiêu ngạo, bạo ngôn chê hầu hết những nhà thơ trong hội nhà Văn là tầm thường giả dối, khi chính mình làm về ba xu, và tệ hơn nữa lại còn tự đại tôn vinh một “*bố già*” bao cấp ăn chơi, “*bố già*” thi sĩ làm về lục bát như thiên tài, không biết rằng như thế là lộ ra cái nông cạn bẩm sinh luồn lọt của chính mình.)**\*\*** Đại tá quân đội, nhà văn nhà báo của báo quân đội, đại biểu quốc hội, từng là phó tổng thư ký hội Nhà Văn, giải thưởng Hồ Chí Minh, Nguyễn Khải chân thành khiêm tốn tự nhận chỉ là nghệ nhân trong làng văn chương. Chân chỉ sáng khoái, cặm cụi viết những đoạn văn tả cảnh và tả người; không bàn cãi sâu xa sự đời, nhìn người nhưng không vướng vít bởi những câu hỏi siêu hình, bản ngã, vọng tưởng tôn giáo hay tự do cá nhân. “*Lắm ngày, ngồi đọc lại hay nghĩ lại về những tác phẩm của mình đã viết trong mấy chục năm, nhiều trang viết vẫn làm tôi hãnh diện và có nhiều trang viết đã làm tôi xấu hổ và rất buồn. Những trang viết chủ quan, kiêu ngạo chỉ khẳng định một niềm tin, một lẽ sống ... Thế giới như nhỏ lại nhạt đi.*” (trích từ *Chuyện Nghề* 1999).

Cả thời thơ ấu làm một đứa con bị cha mình miệt thị và sau cùng ruồng bỏ, tới tuổi vị thành niên đúng vào thời loạn, chính mình chứng kiến nạn đói, xác chết rải rác đầy ngõ phố, mẹ con nghèo nàn bữa no bữa đói, Nguyễn Khải gia nhập quân đội nhân dân năm 1946 “*không phải vì một lý tưởng cao siêu nào mà vì đây là một lối thoát*”. Được quân đội tiếp nhận, được cách mạng chỉ thị cho viết văn viết báo, còn được đảng rèn luyện thành một nghệ nhân viết văn có tay nghề. Và như vậy, bản chất lại là con người chân phương trung trực, Nguyễn Khải là đảng viên không nghĩ đặt câu hỏi để có thể đi sai đường lối của *cấp trên lãnh đạo*, làm cán bộ nhà báo nhà văn một tâm một lòng công tác cho tròn chức vụ, viết văn trong cái hệ *hiện thực duy vật xã hội chủ nghĩa và lạc quan cách mạng*.

Trong những buổi họp chi bộ đảng của hội nhà văn, Nguyễn Khải không bận tâm, vô tư như người máy sẵn sàng giơ tay biểu quyết khai trừ những ai mà lãnh đạo đã chỉ định là *phản bội cách mạng, lãng mạn tiểu tư sản, cá nhân chủ nghĩa*... Nhà văn vô tư viết hùa những xã luận chìm xuống bùn đen những kẻ đó. Tất cả có gì đâu nếu không chỉ là những giọt dầu nhỏ nhoi rớt thêm vào cái vạc dầu mà đảng đã dựng sẵn cho tội phạm. Vì sự vô tư đó, Nguyễn Khải không có cái khắc khoải như cái khắc khoải âm thầm dằn vặt của Tô Hoài với cái chết mờ ám của Nam Cao. Nguyễn Khải thản nhiên nhắc lại trong dịp sửa sai, rằng đã có lỗi và xin lỗi Vũ Bảo, văn sĩ bị khai trừ tan tành kiếp sống vì tác phẩm *Sắp cưới* đã bị chỉ điểm là lệch lạc phản đảng, phản nhà nước, phản nhân dân. Một hàng chữ “*Thôi im đi! Đồ giả dối*”, mà Nguyễn Khải đã phải viết để khai trừ Vũ Bảo thật cũng chỉ là một lời hô hòa, trong cái chuyện nhì nhằng khắt khe tàn bạo đen tối đó!

Những nhân vật tiểu thuyết của Nguyễn Khải là những nhân vật đời thường, nếu có lệch lạc phạm pháp, thì cốt yếu là hoang mang đã làm sai chỉ thị của đảng, thu nhận không đến nơi đến chốn giáo huấn của lãnh đạo, không sống trọn *đạo đức cách mạng*. Còn những nhân vật có chiều dày nhân bản, có dực vọng có tình yêu éo le, cơ sở của con người tràn đầy ước vọng, nặng những nghi vấn siêu hình (như chính Chí Phèo như có thể có trong tiềm thức), Nguyễn Khải né tránh, khiêm tốn nghĩ lầy đề tài trên những nhân vật đó là nằm ngoài khả năng và vốn

văn học của mình. Nhưng có lẽ hơn nữa là sợ nếu đưng đến sẽ trình diễn tâm thức của chính mình để rồi bị chụp mũ là *lãng mạn, cá nhân chủ nghĩa*. Hiện thực, duy vật biện chứng xã hội chủ nghĩa không cho phép lệch lạc đưng đến những chuyện nằm ngoài nếp sống cộng đồng; nếp sống cộng đồng dưới mọi hình thức, con người sống là sống và thể hiện dù sai hay trái vẫn phải trong mẫu hình đại chúng!

*Thượng đế thì cười* là tác phẩm văn chương liên miên kể lể. Hấn (tác giả) nhắc lại chuyện đời thơ ấu của mình, rồi cả đến khi gia nhập quân đội ở tuổi vị thành niên. Chuyện công tác viết văn viết báo là chính, nhưng cũng không quên chuyện gia đình. Bà vợ về già, phân liệt và rung liệt (bệnh alzheimer và parkinsons), có những suy nghĩ bất thường, “*ông chồng già ngày ngày vẫn ngồi đó, mà vẫn vu khống chồng ngoại tình*”; câu chuyện nhắc đi nhắc lại -theo tôi- ám chỉ tâm tư của chính hấn, cả một đời hấn bị đè nén áp chế bởi không tưởng, một niềm tin, một lẽ sống, công tác như cán bộ truân chiên của một đảng thần thánh và công tác nhân danh tương lai, địa đàng cộng sản của ngày mai.

Cái không tưởng đã đè nén hấn suốt cả một kiếp người, nay hấn can đảm xác nhận với chính mình; nên tác phẩm tự truyện của Nguyễn Khải dù không thoát khỏi sự dài dòng luẩn quẩn - bản chất nghề nghiệp của những nhà văn đi ra từ lò đúc quân đội- có một chút chua chát thất vọng, làm tôi nghĩ tới *Sống Mòn* của Nam Cao, dù chân trời trong tự truyện của Nguyễn Khải thì ngại ngùng eo hẹp, chân trời của *Sống Mòn* là mệnh mông phản kháng của sự bản cùng. Có thể Nguyễn Khải thăm tự bào chữa cùng thăm tự an ủi rằng nếu không có sự đè nén ức chế đó, nhà văn đã đi đến tận cùng sứ mạng của nhà văn, viết về phận người trong cái nhân sinh quan không cùng huyền ảo của sự đời có tình yêu, có dục vọng... Nguyễn Khải tự nhận “*hấn là Thằng Hèn*”. Lê Đạt thì đáp ngay lại : “*Nếu thật là Hèn, thì là một thằng hèn đáng trọng*”. Tôi thì nghĩ đến ông giáo hèn, mà tôi nhắc tới trong tiểu luận : “*Trí Thức và Nhân Dân*”(\*\*) ; một ông giáo trong thời bao cấp chỉ dám mang bức tranh sơn dầu nhỏ “*Phố Phái*” của Bùi Xuân Phái giấu diếm ra ngắm ban đêm, vì sợ bị điếm chỉ chụp mũ là *tiểu tư sản*, thiếu tinh thần cách mạng.

Nguyễn Khải là một cán bộ hết lòng làm tròn chức vụ. Nhắm mắt trước những vấn đề đen tối oan trái của thời cuộc, cải cách ruộng đất, vụ án Nhân Văn Giải Phẫu, chuyện khai trừ những nhà văn nhà thơ, như Trần Dần, Tuân Nguyễn, Vũ Bảo... tuy là những người cùng lứa cùng thuyền với hấn. Tiếp quản thủ đô Hà Nội năm 1955, *giải phóng miền Nam* trong chiến thắng mùa xuân năm 1975, Nguyễn Khải là nhà báo trực tiếp theo quân đội từng bước, từng trận. Nhưng theo tôi được biết Nguyễn Khải không có tác phẩm văn chương nào để tả “*cảnh người dân reo mừng mở rộng vòng tay đón tiếp đoàn quân cách mạng*”. Trái lại, Nguyễn Khải trong tự truyện, chân thật nhận xét ngay cả những người thân, ngay cả cha mình ( đã chón chạy vào Nam năm 1955) đều nhìn hấn, đại tá nhà báo quân nhân, trong những ngày giải phóng Sài Gòn, như một kẻ lạ, như một kẻ cướp. Nguyễn Khải lại viết cảnh cùng quân nhân *tháng 3 năm 1975*, khi vừa giải phóng cố đô Huế, quay quần nghe Trịnh Công Sơn hát những bài du ca ( những bài du ca hiện nay vẫn không được lưu truyền??) của tình thương, của hòa bình ( chương 27, *Thượng Đế Thì Cười* ) Đây là một chuyện không thật, vì Trịnh Công Sơn khi đó đã chón chạy vào Sài Gòn. Một sự vô tình nhầm lẫn, viết ra gần ba mươi năm sau, chứng tỏ trong thâm tâm nhà văn ước ao bao nhiêu (trái với chỉ thị của Đảng) có một xã hội nhân ái, tương thân không chém giết, không thù hận....

*Thượng Đế Thì Cười* hé mở cho chúng ta thấy *bi kịch* của nhà văn. Giá trị là vì *bi kịch* của hấn cũng là *thảm kịch của dân tộc chúng ta!* Một xã hội dựng trên cơ sở của không tưởng: *có một đảng trị thần thánh, có một tương lai:* địa đàng xã hội cộng sản! Những quy định chỉ có thể là tức thời “*bản chất hữu hạn, tiềm ẩn mâu thuẫn*” (theo nghĩa “*Biện chứng pháp Hegel*” (\*\*)). Mà một khi có mâu thuẫn, thì mọi sự đều có thể: *sai cũng đúng mà không sai*

*cũng đúng.* Dưới nhân sinh quan của Nguyễn Khải, chính là điều dẫn đến những dối trá (nói một đằng mà thật nghĩ một nẻo). Nguyễn Khải sau cùng dần lòng tố cáo sự hình thành của “*một thứ ngôn ngữ chết, ngôn ngữ gỗ... Trả lời phỏng vấn... diễn văn, báo cáo của Đảng, của chính phủ, của quốc hội, tất cả đều dùng các từ rất mơ hồ, ít cá tính và ít trách nhiệm nhất... Và nói dối, nói dối hiển nhiên, không cần che đậy... Nói đủ thứ chuyện, nói về dân chủ và tự do, về tập trung và dân chủ, về nhân dân là chủ của đất nước, còn người cầm quyền chỉ là nô bộc của nhân dân. Rồi nói về cần kiệm liêm chính, về chí công vô tư, về lý tưởng và cá quyết tâm đưa đất nước đến chủ nghĩa cộng sản. Nói dối lem lem, nói dối li lợm, nói không biết xấu hổ, không biết run sợ... Người (cầm quyền) nói nói trong cái trống không, người (nhân dân) nghe tuy có mặt đầy cũng chỉ nghe có tiếng vang của cái trống không... Người cầm quyền thì biết nhân dân bất bình... Nhân dân thì biết người cầm quyền đang nói dối... và mình (nhân dân) cũng sẽ nói dối...”* (trích từ chương 18 của *Đi Tìm Cái Tôi Đã Mất*)(\*).

*Thượng Đế Thì Cười* là tự truyện của nhà văn, cùng với *Đi Tìm Cái Tôi Đã Mất*, tùy bút Nguyễn Khải viết thêm để soi sáng tự truyện của mình, có một giá trị nhân chứng, với bi kịch của chính mình (ngay trong chuyện nhỏ nhoi gia đình) một phần nào phản ánh không tưởng đầy mâu thuẫn áp chế trên xã hội Việt nam thời đại này, đặc biệt trong đời sống văn nghệ xã hội chủ nghĩa.

Diễn hình là Vương Trí Nhàn, tư tưởng gia, phê bình văn học có giải thưởng của hội nhà Văn, phó tổng thư ký hội nhà Văn, lên án Nguyễn Khải(\*\*\*) Theo Vương Trí Nhàn, chúng ta không cần phải bàn luận Nguyễn Khải đã muốn nói gì, vì hắn chỉ là con người giả dối, có hai mặt (sic); với hai văn bản trên, hắn lộ diện là một nhà văn thời cơ \*( nghĩ tới tương lai suy tàn của văn nghệ xã hội chủ nghĩa, đã vội xếp hàng chen chân vào lớp những văn nghệ sĩ *mệnh danh tranh đấu cho nhân bản*)\*. Vương Trí Nhàn tự nhận mình là học giả tân tiến hiện đại, nhưng không muốn cảm nhận cái bi kịch ẩn dụ của một đảng viên suốt đời truân chuyên vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa và vì đảng, nhưng tiềm ẩn ôm mang từ lâu tâm tư siêu hình phản kháng cá nhân đòi quyền sống thật với bản thể hiện sinh con người. Theo tôi, Vương Trí Nhàn chối bỏ đối diện mọi nghi vấn và chỉ muốn được kết luận ngắn gọn bằng một lời cổ hủ: “*Hắn là thằng Hèn, cần bàn tay đã nuôi dưỡng mình!*”

Tháng 9. 2009

## Nguyễn Khải và nỗi hào hứng viết để chinh phục bạn đọc Vương Trí Nhàn

Về già Nguyễn Khải có gầy đi đôi chút chứ trong trí nhớ của tôi những năm chiến tranh, đó là một người vóc vạc cao lớn, chuyên cưỡi chiếc xe đạp *Diamant* loại vành 680 mà chỉ những ai trên thước bảy mới chuộng. Cách ăn mặc của ông không thể nói là sang trọng, chắc chắn đây không phải là một người ưa làm đom, nhưng ngay trong bộ quân phục thời chiến giản dị ông vẫn biết gọi cho người chung quanh cảm tưởng rằng mình là một người đảng hoàng không làm cái gì lúi xùi qua quýt. Có lần, đi họp ở bên Tiệp (nay thường hay gọi là nước Séc), Nguyễn Khải trở về kể với tôi là không may phải chuyển đi đúng mùa lạnh, bao nhiêu tiền sinh hoạt phí được nhận dồn cả vào chiếc áo khoác loại hàng cao cấp bên nước bạn cũng loại thật giàu mới dám mua. Tôi không thích bọn Tây nó nhìn mình xo rụi trong chiếc áo vét tài chính cà khỗ, nên mặc dù thừa biết rằng về Hà Nội chả có dịp nào để xỏ tay nữa cũng cứ phải sắm bằng được, Nguyễn Khải giải thích thêm như vậy.

Cái sự thích rành mạch rõ ràng và nếu như đảng hoàng được thì càng tốt nói trên không chỉ là phong cách ăn mặc mà cũng là phong cách sống, phong cách viết của Nguyễn Khải nữa. Ở đây tôi xin phép không nói kỹ về thứ văn ông vẫn viết, mà chỉ muốn lưu ý một điều: nếu



như ai đó mạnh ở những ý tưởng thấp thoáng run rẩy thì ở Nguyễn Khải các ý tưởng chỉ được phép xuất hiện trên mặt giấy khi nó đã thật chín và không để cho bạn đọc hiểu sai được cái ngụ ý mà tác giả gửi gắm. Cho đến chữ viết của ông cũng rõ ràng và dù hơi thô nhưng lại có nét đẹp riêng ngay trong cái vẻ thô đó.

Hồi ấy trong cơ quan tôi có họa sĩ T. không được may mắn lắm về đường tình ái, nói nôm na là tán cô nào cũng hỏng, cuối cùng nhiều phen tình yêu nơi anh trở thành tình yêu một phía nghĩa là chỉ anh tự hiểu với anh, ngoài ra anh có kể cho ai thì bạn bè biết thôi, chứ không sao gây được bất kỳ chút xúc động nào nơi đối tượng. Biết thóp được sự tình đó, Nguyễn Khải thú lắm, thường hình dung ra những màn kịch:

“A, bây giờ ngồi một mình chắc là cu cậu đang nói to lên rằng nàng ơi, kẻ hèn mọn này sẵn sàng làm tôi mọi cho nàng, sẵn sàng quỳ dưới chân nàng!”.

“Thôi chết hôm nay trông ngao ngán lắm, chắc là không gặp được quay trở về tức tối, thề rằng từ nay không bao giờ thêm gặp gỡ người đẹp nữa”.

“Khốn nạn, cả khi yêu cũng như khi căm giận, nó có hay biết gì đâu mà chỉ mình biết với mình, hài hước là ở chỗ đó!”.

Khi diễn lại tấn kịch này, không phải Nguyễn Khải có bụng ghét bỏ gì họa sĩ T. Chẳng qua ông muốn qua đây rút ra một bài học nghề nghiệp: với người viết văn, cái đáng sợ nhất là nghèo ý tưởng; nhưng có một điều cũng đáng không kém là anh không truyền đạt được ý tưởng của mình tới người đọc, mà nguyên nhân là vì anh suy nghĩ không kỹ, không hoàn toàn hiểu rõ ý mình hoặc đôi khi chỉ đơn giản vì anh tự ti nhất sợ. Lúc ấy thật ta có khác chi anh chàng vô duyên nọ!

Trong cái việc một nhà văn xuất hiện trước các bạn đồng nghiệp, đối với Nguyễn Khải, sự đàng hoàng càng được xem trọng.

Cũng như một số bạn bè khác khi còn trong độ tuổi gọi là nhà văn trẻ, tôi không tránh khỏi cái thói xấu thường tình là đi họp chỉ ngồi góc vắng, có ai hỏi gì thì lí nha lí nhí nói chẳng thành lời, đến lúc ra ngoài lại tiếc rề. Một vài lần Nguyễn Khải cũng tham gia khiến những cuộc họp ấy, thế là trở về, gặp ông trong cơ quan, tôi được nghe ông mát mẻ:

- Gớm trông các ông các bà điệu bộ mà sót cả ruột. Hồi bằng tuổi các ông các bà bây giờ ấy à, đi họp là tôi ngồi ngay hàng đầu, có ý kiến gì thì nói chẻ hoe ra hết. Nếu như được dự một buổi họp quan trọng mà thấy cần phát biểu là tôi còn viết ra nữa cho nó được mạch lạc. Tôn trọng mọi người bằng cách đào sâu suy nghĩ vấn đề định nói chứ không phải lồi rụt rề khiêm tốn hão mà các ông vẫn quen bộc lộ.

Sự đàng hoàng rành mạch còn liên quan đến cả sự tồn tại của Nguyễn Khải trong lòng đồng nghiệp.

Trên cái sân rộng trước nhà hoặc trong những căn phòng sàn gỗ bóng loáng của ngôi nhà 4 Lý Nam Đế, những năm chiến tranh anh em ở tạp chí *Văn nghệ Quân đội* thường có lối quây quần tán phét, tạm gọi là “giao ban”. Đời sống văn chương nhiều điều đã bộc lộ hết cả trên mặt báo nhưng lại có những điều mà mọi người chỉ có thể nói miệng với nhau. Anh này vừa đi thực tế về, anh kia có ông hàng xóm vừa ở chiến trường ra họp, kể tình hình trong ấy ra sao – có muôn vàn câu chuyện mà chúng tôi cần nói cho nhau nghe, bởi đối với những người viết văn, mỗi lần nói coi như một lần được nháp thử những ý nghĩ của mình, nữa đây lại được nói trước một cử tọa chọn lọc như anh em đồng nghiệp, mỗi buổi gặp gỡ quả là cả một sân khấu để người này có dịp thi thố tài nghệ, người kia tha hồ quan sát. Sau một buổi trò chuyện, nói như bây giờ là đầy ắp thông tin, và được lăn ra mà cười, một anh nào đó hình như là Nguyễn Minh Châu đã nói đùa:

- Ngày nào cũng gặp nhau mà vẫn cứ mê nhau như thường!

Trong những buổi trò chuyện đầy hào hứng và mỗi người có dịp thể hiện một tính cách ấy, thú thực từ sự tò mò của một dân ngoại đạo mới nhập nghề, có một người mà tôi hằng mong mỏi được nghe, người đó là Nguyễn Khải. Đến với đám đông, Nguyễn Khải như cá gặp nước. Hàng loạt tài năng của ông lúc này có dịp bộc lộ: khả năng đánh hơi nghe ngóng nắm bắt được cái gọi là tinh thần chung của cả đám; tài hoà nhập với mọi người, nói to lên hộ mọi người cái

điều họ mới chỉ cảm thấy mà chưa kịp nói thành lời; khả năng mang lại ý nghĩa cho những chuyện tưởng như không đâu vào đâu và ngược lại làm cho những điều cao xa trở nên dễ hiểu.

Có thể bảo những cuộc tùm tùm chuyện trò này với Nguyễn Khải chính là một thứ cảnh diễn, ở đó ông luôn luôn biết tìm cho mình những vai diễn thích hợp.

Đại khái là một kịch bản như sau:

Đầu tiên ông chỉ nhũn nhặn đóng vai một người nghe chuyện thông minh, đoán biết được ý đồ của người khác và thỉnh thoảng thêm vào một vài lời bình luận giống như một thứ tiếng để trong chèo để giúp đương sự thêm hào hứng nói.

Nhưng rồi đến một lúc nào đó, ông nhảy vào cuộc thâm tóm câu chuyện, giải thích mọi sự theo cách nhìn riêng.

Và rồi chung quanh chợt nhận ra rằng người đang trò chuyện với mình hình như có một chút ma mị đủ sức lôi mọi người đi theo.

Chẳng những là diễn viên chính mà ông còn đảm nhận luôn vai đạo diễn nữa.

Nhiều nhà nghiên cứu từng gặp nhau ở nhận xét: Nguyễn Khải là loại nhà văn mà qua các trang viết, yếu tố chủ quan bộc lộ hết sức mạnh mẽ; trong các vai truyện mà ông dựng nên người ta thấy ông hiện ra quá rõ. Ông lẩn át nhân vật và hồn nhiên dùng họ làm cái loa của mình.

Thành thử để hình dung ra con người Nguyễn Khải trong những cuộc trò chuyện, người ta có thể dựa ngay vào những đoạn văn nằm rải rác trong những tác phẩm khác nhau mà ông đã viết.

*Về tài ăn nói:* “Hễ anh ta xuất hiện ở chỗ nào là chỗ đó nhộn nhịp hẳn lên vì những câu đùa hết sức thông minh và tài kể chuyện quynh rũ khó ai sánh kịp” - nhân vật Hoè trong *Hãy đi xa hơn nữa*.

*Về sự đa dạng của giọng điệu và ngôn từ:* “Trong ban quản trị chỉ có Tuy Kiên là biết cách nói chuyện với dân thợ làm nghề tự do. Ông ta vừa có vẻ chân thật lại vừa thờ ơ tí chút, hết sức tin cẩn rộng rãi nhưng vẫn chặt chẽ đòi hỏi; ngay những câu nói mà Tuy Kiên dùng với họ cũng rất đặc sắc: có cả sự lễ phép lẫn cái lối đòi, ngọt ngào lẫn sừng sỏ, bóng gió xa xôi lẫn trắng trợn, thô kệch. Đủ vẻ!” – nhân vật Tuy Kiên trong *Tâm nhìn xa*.

*Về cái giọng riêng nó là dấu hiệu thấy rõ nhất của một con người:* “Cách ăn nói của Mơ bao giờ cũng táo tợn thẳng thắn nếu cần phải nói hết lời cũng cứ nói”. “Ăn nói rất sỗ rất thô mà nghe được ấy là cái tài riêng, cái duyên lạ của chị từ ngày còn bé” – các nhân vật Mơ trong *Chủ tịch huyện*, và Hoàng trong *Gặp gỡ cuối năm*.

Có một kỷ niệm nhỏ trong mỗi giao thiệp của tôi với Nguyễn Khải có liên quan đến ham muốn được trình bày được thuyết phục của nhà văn này. Sau nhiều phen trò chuyện thân mật, cũng có lúc chúng tôi cãi nhau. Mà khi đã cãi nhau thì ai chả muốn được! Nguyễn Khải trị tôi bằng cánh bằng cách nói tuột vào mặt:

- Mà thì chỉ được cái ngồi đây nghe tao nói rồi hóng hớt chứ biết gì.

Tôi phải tìm cách tự vệ:

- Anh đừng lên mặt ban ơn cho tôi như vậy. Nếu nói với tôi anh không thấy thú vị hơn nói với người khác và nói chung là hoàn toàn vô lợi lộc, thì một người ích kỷ như anh sẽ không bao giờ chịu nói.

(Ở chỗ này tôi nhớ tới lời tự thú của nhân vật Nam trong *Hãy đi xa hơn nữa*: “Thỉnh thoảng vớ được một người chịu nghe mình thực sự thì tôi có thể nói suốt đêm được”).

Khái quát lên một chút, có thể bảo con người trong Nguyễn Khải là *con người nói năng* và đây là nhân tố làm nên tính chất hiện đại của họ.

Thậm chí có lúc cái sự nói ít hay nói nhiều của nhân vật cũng là một dấu hiệu chứng tỏ thời thế thay đổi: “Xưa kia bố nói rất ít, mỗi chúng ta đều nói rất ít. Bây giờ tất cả mọi người đều nói quá nhiều. Con sợ phải giáp mặt mọi người, những mặt người dễ sợ những câu nói dễ sợ” (lời nhân vật Phụng trong vở kịch *Cách mạng*).

Trong đời sống văn chương hàng ngày, số người biết uốn ba tấc lưỡi *nói như rồng leo* số đó không phải là ít. Nói và viết là hai phương diện khác nhau của cùng một quá trình: quá trình con người lên tiếng trước đời sống, và bằng cách đó mỗi người tự khẳng định.

Tuy nhiên cái việc ham nói, đặc biệt là thích nói trước đám đông của Nguyễn Khải, đối với việc sáng tác của ông, hình như còn có chút ý nghĩa gì hơn thế.

Ở mỗi chúng ta, sự phân cách giữa mình và người chỉ là tương đối: Mỗi cuộc đối thoại thật ra là một dịp để ta tự thuyết phục. Khi viết cho mình cũng là ta đang viết cho người. V. Hugo từng nói đại ý: khờ khạo thay nếu anh tưởng rằng tôi viết cho tôi mà không phải viết cho anh.

Có điều nếu tìm vào cái hích ban đầu, cái phía nặng đồng cân hơn giữa hai yếu tố chủ quan và khách quan thì phải công nhận ở phần đông nhà văn, nhu cầu tự biểu hiện là nhân tố chủ yếu. Viết để tự lý giải cho mình những thắc mắc, tự giải thoát khỏi những dằn vặt. Từ mình rồi mới đi đến với người.

Trong khi đó, với Nguyễn Khải mọi chuyện có khác một chút: Thế hệ các ông lớn lên trong hoàn cảnh cả xã hội cuốn vào một cuộc rung chuyển lớn lao mà chỉ có thể tóm tắt bằng hai chữ *Cách mạng*. Dù quan trọng đến đâu thì những số phận cá nhân cũng không có quyền được xem như vấn đề hàng đầu của đời sống. Thay vào đó, cái đích của mọi sự suy nghĩ là sự vận động của cả xã hội, là cách tác động để đẩy tới sự vận động đó. Con người mà xã hội cần nhất lúc này là những con người có lòng tin mạnh mẽ:

“Với anh mọi sự ở đời chả có gì là bí mật khó hiểu, nếu được phân tích một cách khoa học thì có thể thay đổi được cả thế giới”.

Và biết cách lên tiếng trước mọi người, biết quynh rũ và thuyết phục rồi lôi cuốn họ cùng hành động – ít ra thì cũng được như một nhân vật của *Đường trong mây*:

“Mọi ý kiến của anh đều rõ ràng và sáng sủa và dứt khoát. Ngay những cách nói bông lơn của Suý cũng hết sức ý nhị và thông minh; sự cáu giận của anh vừa độ lượng vừa đúng lúc, cả cái ương bướng của anh để bảo vệ một ý kiến nào đó cũng dễ được mọi người đồng tình một cách vui vẻ”.

Khi những nhân vật cán bộ này cầm lấy bút sáng tác thì mọi chuyện sớm được định hướng một cách rõ ràng: viết văn là một cách chinh phục mọi người, buộc họ phải thấy mình đúng, thấy mình có lý và tin theo những điều mình muốn họ cũng tin như mình.

Những quan niệm nói trên cố nhiên không phải chỉ riêng thấy ở Nguyễn Khải. Do yêu cầu của hoàn cảnh, nhiều người cầm bút nửa cuối thế kỷ XX này cũng đã tập sống như vậy và trước lạ sau quen, dần dần cũng biến những ý tưởng ấy thành những tín điều tự nguyện. Có điều chỉ với Nguyễn Khải nó mới trở nên mềm mại uyển chuyển, bởi nó như được rút ra từ chính cuộc sống của ông, nó là cái bản tính tự nhiên mà ông vốn có.

Vào những năm còn trẻ ông không thích ai gọi mình là nhà văn, chẳng những thế còn muốn như là lẫn đi giữa mọi người, và khiến cho chung quanh có cảm tưởng rằng “họ có thể sống chung với tôi hàng năm mà không tìm thấy một cái gì quá khác biệt giữa tôi với họ” (*Con đường dẫn tôi tới nghề văn*).

Có một loại nghệ sĩ mà ông rất ghét ấy là những kẻ bản năng, tự phát, luôn luôn khoe rằng mình ngu ngơ ngây dại chẳng qua ngứa cổ hát chơi. Với ông, trong điều kiện của xã hội hiện đại, khi mà những cuộc đấu tranh tư tưởng trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết, thì loại nghệ sĩ như vậy không có chỗ đứng.

Ngay cả khi cái phần gọi là riêng tư lặt vặt ấy được một nhà văn như Nam Cao viết ra hồi trước *Cách mạng* và được nhiều người coi là cả một phát hiện nghệ thuật thì đối với Nguyễn Khải nó cũng không vì thế mà được ông quan tâm. Một mặt rất kính trọng cái sự hết lòng vì nghề nghiệp trong Nam Cao, mặt khác, trong một ít lần nói chuyện riêng với tôi, Nguyễn Khải vẫn tỏ ý không thích *Sống mòn*, và các truyện có cùng một giọng điệu, bởi theo ông, các tác phẩm ấy đi vào những mặt quá tủn mủn trong con người (!)

Lao động viết văn ở Nguyễn Khải như vậy là một chuỗi công việc cực nhọc. Có một câu nói trong Kinh Thánh ông thường thích nhắc lại đại ý nói mi là muối mà mi không mặn thì làm sao muối được những thứ khác: đối với ông đã bắt tay cầm bút mà viết không hay thì còn ra cái thể thống gì nữa? Đọc những tác phẩm có tư tưởng khác mình ông chỉ đau đớn vì chưa biết làm sao để viết hay như họ. Một điều ao ước thường trực trong lòng ông: Làm sao để trở nên một ngòi bút lợi hại?

Đọc sách để mở rộng thêm hiểu biết về nghề, đó là công việc ông ít khi nói to lên nhưng lại âm thầm theo đuổi.

Trước khi bắt tay viết, đúng hơn đồng thời với việc viết, ông để khá nhiều tâm huyết vào những cuộc trò chuyện với các đồng nghiệp và cả những người bình thường. Để làm gì? Để hiểu thêm về họ và nhất là có cơ sở để tác động tới họ. Điều kiện quan trọng nhất để thành công trong nghề nghiệp là bắt trúng được cái tinh thần của cuộc sống chung quanh. Bởi theo ông khi đã nắm được cái tinh thần ấy rồi thì dù viết về cái gì, về đề tài nào ông cũng tha hồ lui tới bay lượn, thậm chí như ông nói, đôi khi cả cái việc giởn mặt đọc giả một chút cũng có cái thú vị kỳ lạ.

Hãy tưởng tượng không khí của thành phố Sài Gòn thời gian sau 30-4-1975. Trước khi bắt tay viết những *Gặp gỡ cuối năm, Cách mạng...* Nguyễn Khải đã sống những ngày thật sự náo nức: nào được đối mặt với những người thân trong gia đình, nào được sống giữa một thực tế vừa xa lạ vừa gần gũi, nào thử đo tính cơ may chống chọi của những người từ rừng về trước sự căm dỗ của thành phố, nào đưa ra cách lý giải khác nhau đối với quá khứ và những cuộc tính toán cho tương lai. Trong hệ thống buôn bán cũ ở Sài Gòn bao giờ các cửa hàng lớn cũng có một người đi lấy giá chợ để điều chỉnh giá cả bán ra hàng ngày cho hợp với mặt bằng chung. Nơi người ta gặp gỡ để biết giá chung đó là chợ Hàm Nghi. Và một trong những người bạn lâu năm của Nguyễn Khải, một người hiểu Nguyễn Khải đến tận chân tơ kẽ tóc là Xuân Sách, đã có lần nói đùa về sự thèm khát muốn nắm bắt cái tinh thần của đời sống chung quanh thường trực ở Nguyễn Khải:

- Chắc là dân hàng ngày đi lấy giá ở chợ Hàm Nghi cũng chỉ háo hức đến như vậy.

Trước đó vào những năm 57-60, mảnh đất Điện Biên mới ra khỏi chiến tranh còn hoang vắng sờ dỉ sinh động hẳn lên trong một bức tranh nhiều màu sắc (*Mùa lạc*), hay vùng Công giáo Nghĩa Hưng Nam Định có thể hiện ra với những cuộc tranh chấp quyết liệt (*Xung đột*) thì cũng là vì Nguyễn Khải không dừng lại ở cái khung cảnh riêng từng vùng mà biết đặt nó trên một toàn cảnh rộng lớn. Sau cái lần ngồi lì để làm cuốn *Chiến sĩ*, Nguyễn Khải hé ra với tôi một chút gọi là những đặc điểm riêng trong cách viết mà cũng là quan niệm viết của ông:

- Nói chung trong mối quan hệ giữa nhà văn và bạn đọc, cái đáng lo nhất chỉ là xem xem mình có hiểu bạn đọc, cách nghĩ của mình có ăn khớp với cách nghĩ của họ hay không. Nếu có sự ăn khớp ấy tức ta còn viết được.

Ông không biết chứ những lần đi công tác tôi nghe kể thì ít mà nói thì rất nhiều. Làm sao mà mình lại có thể bắt một người chiến sĩ tự trình bày một cách sáng rõ những ý nghĩ của họ lúc này lúc nọ? Phải lấy mình mà suy ra chứ. Nói nhiều là một cách để tôi dò xem điều mình nói ra có được mọi người chấp nhận hay không. Nếu như mặc dầu anh mới gặp họ lần đầu mà đã có thể đùa bỡn được, bông phèng được như thế tức là hai bên có sự thông cảm với nhau rồi. Bấy giờ chỉ có việc giở sổ ra mà ghi chi tiết, cái này thì khó gì, ghi một lúc là xong, và về cứ thế mà viết thôi. Lý do làm cho tôi viết nhanh được cũng là ở đây.

Có thể nói với Nguyễn Khải cái nhu cầu có được cảm giác chính xác về thực tế là yêu cầu số một của sáng tác, nó làm cho ông có thể tự tin ở ý nghĩa của công việc, do đó làm cho con người ông trở nên mau mắn sinh động hẳn lên.

Sau khi đã có cái hích ban đầu này thì bộ máy sáng tạo ở ông bắt đầu hoạt động với tốc độ mà nhiều người ở ngoài nhìn thấy chóng mặt:

*“Anh khao khát được đương đầu với những bí mật, được tìm tới những khám phá và khi đã thông thạo rồi lại được đứng trước những bí mật mới. Từ bao nhiêu chuyện chiến đấu Cao*

*được nghe, anh liền nhào nặn lại, tô vẽ lại để có bố cục chặt chẽ hơn, tình huống hiểm nghèo hơn, thắng lợi rực rỡ hơn”.*

Đoạn văn trên chỉ có liên quan đến một nhân vật phụ trong tiểu thuyết *Đường trong mây*, nhưng lại có vẻ giống như một đoạn tự mô tả của Nguyễn Khải trong công việc. Khi biết rằng mình có thể đóng góp, cống hiến, vừa làm tròn nghĩa vụ công dân vừa có danh hơn người, nổi trội hơn người, được kính trọng hơn người, thì cũng là lúc ông tìm thấy niềm say mê để dồn tụ mọi sức lực cho sự sáng tạo.

Thậm chí cả đến những thói quen của Nguyễn Khải cũng được thay đổi, được từ bỏ hay được hình thành, cho phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.

Những ai có phen tạm gọi là thân mật với Nguyễn Khải hẳn đều biết một quy tắc ứng xử của nhà văn này: bạn bè là để trò chuyện, trao đổi suy nghĩ nhận xét. Và nếu được nói thẳng thắn mà không sợ mang tiếng là thực dụng, thì đấy là chỗ giúp ta có thêm thông tin để hiểu thêm về cuộc đời, cũng như để khi chưa viết được thì ta đến tán chuyện; với những người lịch lãm những cuộc chuyện trò này không bao giờ vô bổ hoàn toàn mà trong khi đối thoại, đầu óc ta tự nhiên sắc bén, rất nhiều ý tưởng chợt loé lên một cách ngẫu nhiên, và quay trở về ta chợt thấy mình giàu có hẳn lên. Chứ cái lối tìm ở bạn bè một người đồng cảm, để rồi nếu như trong đời riêng có gì day dứt đau khổ thì an ủi động viên nhau, cái kiểu cư xử đó cũ lắm rồi, thời buổi này còn có mấy ai tự nhận là theo được (!). (Hẳn mọi người đều biết là tôi không mang chuyện gia đình tôi ra than thở với các anh, khi có gì đau đớn thì tôi chịu lấy một mình chứ không hề hé răng kêu rên để tìm ở các anh một lời an ủi. Vậy thì xin các anh cũng đừng chờ đợi ở tôi những sự cảm thông chia sẻ và nếu như có vì thế mà mang tiếng là nhẩn tâm ích kỷ thì tôi cũng xin chịu. Còn bao nhiêu việc lớn lao hơn chờ đợi, tôi tự thấy là tôi không bao giờ xao nhãng, chẳng nhẽ như thế chưa đủ hay sao?)

Ngoài sáng tác, có thể nói thẳng rằng ông không muốn chịu trách nhiệm về bất cứ vấn đề gì và càng không muốn chịu trách nhiệm về ai cả. Tự lượng sức mình chăng? Không muốn mất thì giờ vào những công việc mình không thành thạo? Hay là ích kỷ ngại khó và trong chừng mực nào đó kiêu ngạo đặt mình cao hơn mọi người? Từng ấy động cơ có cả và nó là điều nhiều phen Nguyễn Khải đã công khai thừa nhận. Song cũng chớ nên quên rằng trong đời sống hàng ngày, đấy lại là một người có cái vẻ xởi lởi lạ lùng, vui vẻ trò chuyện với bất cứ ai ngẫu nhiên gặp, hậm chí nói như nhà thơ Xuân Quỳnh lúc còn sống, đi với ai cũng như là thân mật từ lâu và sẵn sàng sẻ chia sẻ nhà giúp đỡ họ. Vậy chẳng phải là mâu thuẫn sao?

Thưa không: nói chuyện với ai xong, về nhà là Nguyễn Khải quên ngay, hoặc như có nhớ tới những chuyện đó thì ông cũng chỉ coi nó như tài liệu sáng tác, thế thôi. Người khác trông vào khó chịu, ông biết, nhưng tự trong thâm tâm ông thấy thoải mái và có vẻ hài lòng vì đã tìm ra cách sống thích hợp.

Cái lối vui đâu đâu đấy, ở bầu thì tròn ở ống thì dài này được Nguyễn Khải vận dụng một cách thành thực trong đời sống hàng ngày bởi nó liên quan tới một triết lý sống của ông và cũng là cái trực tính cách của nhiều nhân vật mà ông đã bỏ công miêu tả: sự thích ứng. Thành thử cũng là điều dễ hiểu khi nó được mang vào cả trong sự viết lách. Cùng sống với nhau trong nghề, những người cầm bút có thói quen là để ý đến nhau, nghe ngóng bước đi và cách làm việc của nhau và thường thích thú được nghe người này đánh giá về người khác. Với những nhà văn nhà thơ nổi tiếng, những đòi hỏi ấy càng gắt gao hơn: người ta muốn anh tham gia suy nghĩ và đánh giá trước mọi tình hình, cùng chịu trách nhiệm về mọi sự kiện đang diễn ra chung quanh và nếu như anh có được cả cái phẩm chất tiên tri thì lại càng tuyệt vời. Nhưng làm sao mà buộc Nguyễn Khải cũng giống mọi người cho được? Trung thành với thói quen vốn có, Nguyễn Khải thường chỉ nói điều gì mà ông đoán là người ta chờ đợi ở mình: với một cây bút đang được dư luận khen ngợi thì ông cũng thêm vào vài lời khen, rồi nay mai ông cũng sẵn sàng chê nếu biết rằng chung quanh không còn kỳ vọng ở con người mà hôm qua họ phát hiện.

Cũng đã lắm phen, Nguyễn Khải lĩnh đủ về sự tùy tiện gặp đâu hay đấy: người ta coi ông tiền hậu bất nhất. Nhưng điều đó với ông chả có ý nghĩa gì cả. Cái chính là ông không có bụng định làm hại ai thế là được rồi. Còn như xong việc là thôi, chứ hơi đâu mà luẩn quẩn mãi với những chuyện lật vật hàng ngày.

Nói chung, ân hận xót xa tiếc nuối là những ý niệm không có ở Nguyễn Khải, ít nhất là khi ông đang còn trẻ. Ngược lại có thể nói ông sống đơn giản nhẹ nhõm. Nếu cần nêu một tinh thần chủ yếu có sức ám ảnh với ông, thì đó là sự sùng bái hiệu quả, bởi có một điều không bao giờ ông nghi ngờ, ấy là nếu ông viết tốt với nghĩa cụ thể là ông được nhiều người đọc, và một khi đã cầm đến sách của ông người ta không thể dừng dừng, thì bao nhiêu thói xấu hàng ngày của ông, bao nhiêu cái sự gọi là ích kỷ vô trách nhiệm, hoặc chả coi ai ra gì... ở ông đều được tha bổng.

Ông thường khuyên tôi, *không được tham bát mà bỏ cả mâm* là với nghĩa ấy.

Ngoài cái chuyện bản tính không thể thay đổi, có một lý do nữa khiến cho Nguyễn Khải – theo sự nhìn nhận của cánh cùng cơ quan như bọn tôi – dám sống ích kỷ như trên còn là ở một quan niệm khổ hạnh nó chi phối sinh hoạt hàng ngày và cũng được ông thực thi một cách thuần thực.

Như nhiều người đã biết, trong những năm từ 1980 trở về trước, Nguyễn Khải và gia đình chỉ sống trong một căn phòng hẹp tổng cộng 14 mét vuông ngoài bãi Phúc Xá. Là người đã có ít lần lui tới nhà ông ngay từ hồi ấy, ở đây tôi phải nói thêm: ngay so với đời sống của dân Hà Nội những năm chiến tranh thì căn phòng đó cũng quá đạm bạc. Đồ đạc sơ sài. Về ánh sáng mà nói, cả phòng chỉ có một ngọn đèn 75 oát, rồi con cái thì học bài mà ông bố ngồi cạnh đọc sách chứ không có được những ngọn đèn bàn xinh xắn như các nhà khác.

Kể ra cũng có một đôi lần nhà văn liệt thiệp thế nào cũng xong này bị ngôi nhà ngoài bãi làm khổ. Ấy là những năm nước sông Hồng lên to, bãi Phúc Xá bị ngập. Cố nhiên loại người chỉ biết có văn chương và chỉ khôn ngoan trong viết lách như Nguyễn Khải không dám tính chuyện gác tre lên sát mái để cố thủ với nước. Có lần ông còn đành bỏ phí cả một chiếc *radio* sang trọng trong tủ không kịp chạy (hồi đang chiến tranh, *radio* là một thứ của hiếm ở Hà Nội, còn quý hơn cả TV thời nay). Nhưng qua cơn nước rồi là Nguyễn Khải lại đưa gia đình về bãi sống thoải mái.

Trong đời sống hàng ngày, có thể nói đây là một người hay la cà, lúc rỗi sẵn sàng ngồi ở một quán nước vỉa hè bắt chuyện với một người qua đường và ngay cả trong những ngày viết bận nhất, vẫn dành thì giờ lên phố ghé lại một toà soạn báo nào đó tán gẫu mấy câu để lấy không khí. Thế nhưng kéo được Nguyễn Khải vào một đám lai rai suốt ngày thì xưa nay chưa ai làm nổi. Đi ra với đời là để có lúc trở về với trang giấy, và chỉ có viết là công việc duy nhất có ý nghĩa – đây là điều mà theo ông, người viết nào cũng nên tuân thủ. Khoảng 1966-1967, thấy Đỗ Chu đang viết lên tay với tập *Phù sa*, và đang chuẩn bị viết *Ráng đỏ*, Nguyễn Khải thường bảo: “Lúc ngồi bút đang đà thế này, có khi cả chuyện tình yêu cũng nên gạt sang một bên mà lo viết cái đã”.

Luôn luôn Nguyễn Khải quan niệm mình sinh ra chỉ để viết, toàn bộ cuộc sống phải dồn theo cái định hướng đã chọn.

Nghe ra có vẻ lạ tai nhưng quả thật chính vì có một mục đích rõ ràng mà cuộc sống với ông trở nên nhẹ nhõm. Ông thường đến với mọi người với vẻ thoải mái như không có chuyện gì phải lo nghĩ hết.

“Lúc nào cũng nhăn nhó như con đĩ đánh bông” – đã có người nửa đùa nửa thật ví von như vậy.

- Ô, việc gì mà tôi không vui nào! Tôi thích viết, viết ra có người đọc. Lương với nhuận bút cộng lại cũng đủ sống, sức khỏe tạm ổn, thế thì còn ước ao gì hơn.

Ngừng lại một lúc và hạ giọng xuống một chút, Nguyễn Khải từ tốn bổ sung thêm:

- Đã có mấy người ra nhà tôi ở bãi Phúc Xá, về sau thú thực rằng không ngờ một nhà văn lại ngồi viết ở cái căn phòng tồi tàn đến vậy, nhưng nghĩ đã sợ. Họ có biết đâu lắm lúc mình lại linh cảm rằng nếu sống cho sướng hơn sẽ không viết được.

- Có thật là ở anh không còn cần gì nữa không?

- Thú thực là cũng còn thêm nhiều thứ chứ. Nhưng tính tôi hay sốt ruột, làm việc gì mất nhiều công sức đều thấy ngại. Chờ đợi mong mỏi van vỉ, chạy đôn chạy đáo hết cửa này đến cửa khác, thấy việc mọi người làm đều có lý, nhưng đến lúc chính mình phải làm thì ngại và đành chuồn ngay đầu nước.

Cũng phải nói ngay ở đây rằng sự dễ dàng trong cách sống của Nguyễn Khải không phải là sự cầu thả. Trang sách được ông chăm sóc kỹ lưỡng. Mà trong gia đình ông cũng là một người chủ có trách nhiệm. Có lần tình cờ được đọc ít bản thảo Nguyễn Khải viết những năm 59-60, tôi ngạc nhiên nhận ra ở nhiều mép trang những con số chỉ nhiệt độ, thì ra lúc ấy, có một đứa con trong nhà bị sốt và ông cứ vừa viết vừa nghĩ đến con.

- Tại sao anh quá tỉ mỉ như vậy?

- Chẳng qua tính tôi vốn nhát, lúc nào cũng ghê sợ có chuyện gì đó phiền phức đang rình rập. Để cho liên tưởng đi xa một chút, có thể mạnh dạn nhận xét rằng cách sống khổ hạnh của Nguyễn Khải nói ở đây có nhuốm một chút màu sắc tôn giáo. Cá nhân mỗi chúng ta hôm nay là một cái hổ trùng, trăm nghìn ảnh hưởng dồn về nên bảo rằng một **con người hiện đại** như Nguyễn Khải có chất tôn giáo thoát nghe có vẻ kỳ quặc, song sự thực là vậy: Thờ phụng cuộc sống, tuyệt đối hoá cuộc sống đó; xem đây là dịp duy nhất mình được thi thố tài năng nên khổ sở thể nào cũng chịu, vất vả thế nào cũng cam; cho rằng không chỉ cái vui trần thế ăn ngon mặc đẹp là đáng tự hào, mà quan trọng hơn là những niềm vui tinh thần như được lên tiếng trước mọi người, được nói để mọi người lắng nghe... Những cách nghĩ đó là gì nếu không phải là một thoáng tôn giáo nó lẫn quất trong tâm trí Nguyễn Khải và bởi nó giúp ông giải phóng sức lực và làm cho ông đi thẳng tới cái đích đã vạch, nên ông đã tự nguyện để nó thâm vào cuộc sống của mình từ lúc nào không biết.

Cũng không nên quên rằng Nguyễn Khải là người sớm thâm nhập và viết về những người công giáo như trong *Xung đột*, và về sau, ông còn là tác giả của *Cha và con và...*, *Thời gian của người*, *Điều tra về một cái chết*.

Trong các tác phẩm nói trên, nhân vật của ông dù là làm gì và tin ở tôn giáo nào, thì cũng đều có chỗ giống ông là xem trọng đời sống tinh thần và say mê đắm đuối theo đuổi cái mục đích mà họ đã tự nguyện gấn bó.

Có lẽ không phải là quá suy diễn nếu bảo rằng Nguyễn Khải đã lấy bản thân ra để viết.

Tuy nhiên chỉ trong nửa sau cuộc đời viết văn của nhà văn này thì việc khai thác bản thân mới được làm một cách có ý thức.

Có một thực tế là các yếu tố tự truyện không thấy thật rõ trong tác phẩm của Nguyễn Khải từ 1975 về trước. Mãi sau khi đất nước thống nhất, ông mới ít nhiều hé mở cho thấy gia cảnh nhà ông ra sao và nhất từ 1986 mới có những trang truyện ở đó ông trực tiếp nói về mình hoặc tự nhìn nhận về cái hay cái dở của con người mình.

Mọi chuyện đã diễn ra như thế nào?

Hỏi trẻ ông không viết về bản thân vì cái tinh thần khắc kỷ mà thời đại yêu cầu và chính ông thích thú.

Nhưng hầu như tất cả những người viết văn đều biết rằng không ai thoát được bản thân và muốn hay không muốn, cái chủ quan của người viết đều tìm cách có mặt trong các trang sách, và một người lịch lãm trong nghề như Nguyễn Khải không thể không biết điều đó.

Rồi cái nguyên cơ cụ thể đã tới: Khi lựa chọn tài liệu để viết, người nghệ sĩ trong Nguyễn Khải những năm sau 1975 thăm mách bảo với ông rằng lúc này không gì có hiệu quả hơn chính những chuyện trong gia đình ông và họ hàng gần gũi với ông.

Thế là để được viết, để mong có dịp tung hoành ngòi bút ở một khu vực mới mẻ, để gây được những hiệu quả có thể nói là bất ngờ với mọi người, Nguyễn Khải *xăm xăm băng lối vườn khuya một mình* - dám làm cả những việc trước đây ông nghĩ rằng mình không bao giờ làm. Nguyễn Khải là cả một mớ mâu thuẫn. Là giấu mình đi thật kín và khai thác mình đến cùng. Là chỉ muốn yên thân và sẵn sàng lao vào những cuộc phiêu lưu hào hứng. Là sống chan hoà với mọi người và cực kỳ cô đơn. Là mơ tưởng những điều cao xa và cũng tha thiết với những điều trần tục như bất cứ ai. Là nhạy cảm và cũng là lý lợm bất chấp dư luận. Là ích kỷ và là khổ hạnh... Tất cả đều có thể có ở Nguyễn Khải miễn là hoàn cảnh đòi hỏi, cụ thể hơn miễn đó là để cần cho sự sáng tác, cho cái sự ông được mọi người biết tên biết mặt.

Vào khoảng mấy năm 1976-77, có một bộ sách mà anh em viết văn ở tạp chí *Văn nghệ quân đội* truyền tay nhau đọc: Bộ chưởng *Lục mạch thần kiếm* của Kim Dung. Trong sách có nhân vật mang tên Mộ Dung Phục. Đó là kẻ cả đời theo đuổi đến cùng một mục đích, gần như quên mình vì mục đích và nếu như phải dùng bất cứ phương tiện nào đạt đến mục đích đã đặt ra thì cũng sẵn sàng.

Không nhớ có phải Nguyễn Khải đã tự nhận hay là có ai đó phát hiện ra, chỉ biết rằng tự nhiên nhiều người cảm thấy là giữa Nguyễn Khải và Mộ Dung Phục có nhiều phần giống nhau: chỗ nồng nhiệt hơn người của nhà văn này, chỗ làm nên sức mạnh, sự quyến rũ và cả những bi kịch của ngòi bút ông cũng chính là ở cái ám ảnh muốn được lên tiếng, khao khát được viết. *Ở chỗ không ai viết được mình cũng có thể viết và lại viết hay viết giỏi hơn người* - mọi người cầm bút đều có thể có lúc nghĩ vậy, nhưng đến Nguyễn Khải thì phải nói ông đã sống với tư tưởng đó thật mãnh liệt, nó là lẽ sống của ông, là nỗi đau thiêng liêng và cũng là niềm vui trần thế nơi ông.

Cái câu ngày nào ông dùng để phác hoạ bản chất nhân vật Tuy Kiên "Một con người tuy tinh khôn nhưng cũng rất đỗi thơ ngây, tính toán chi li nhưng trong quan hệ bạn bè lại hồ hởi rộng rãi và ông ta có thể dám làm tất cả mọi việc miễn sao hoàn thành được chức trách của mình" - không gì khác cũng mang tính cách tự thuật.

Nhiều lần Nguyễn Khải nói với tôi thoáng qua một chút tự hào:

- Ông xem trước sau tôi vẫn là tôi chẳng có gì thay đổi cả.

Nhưng cũng không biết bao lần, nhất là sau khi cho in một cuốn sách mới và được nhiều người xôn xao bàn tán, ông nhìn tôi với vẻ ngấm ngấm thách thức:

- Đã thấy chưa, không gì có thể ràng buộc được tôi. Cần ngả mặt hàng gì tôi cũng làm được.

Cần múa trên một khoảng hẹp bằng độ bàn tay như thế này tôi cũng múa được.

Thông thường ở nhiều người ý niệm tự do được hiểu với nghĩa ta muốn làm gì thì làm. Còn Nguyễn Khải, ông cảm thấy rất rõ hoàn cảnh là cụ thể. Với ông, tự do bao giờ cũng có giới hạn và tài năng của mỗi ngòi bút là ở chỗ vẫn tìm được đầy đủ hào hứng sống và viết trong những giới hạn được phép. Đôi khi có cảm tưởng riêng cái việc gây cho mọi người ngạc nhiên, họ tưởng mình là thế này mà mình hoá ra thế khác, tưởng mình bó tay bất lực song mình vẫn tung tẩy thoải mái như thường... riêng cái việc đó đã khiến Nguyễn Khải náo nức kỳ lạ.

*Tôi thích cái hôm nay, cái hôm nay ngổn ngang bề bộn, bóng tối và ánh sáng, màu đỏ với màu đen đầy rẫy những biến động những bất ngờ - đấy mới thật là mảnh đất phì nhiêu cho các cây bút thả sức khai vỡ.*

*Hãy ném mình vào những hoàn cảnh rắc rối nhất mình vẫn tìm được lối thoát rất hiệu nghiệm. Thành ra còn làm việc thì còn mới, hết làm việc ngày trước ngày sau đã cũ mèm...*

Những khái quát kiểu đó rất tiêu biểu cho Nguyễn Khải: ở ông có cái lối sùng bái hành động thường thấy ở con người hiện đại, lại có lối phù thịnh một cách rất tự nhiên và nếu suy cho cùng ông chính là người đã tuân theo những quan niệm hiện sinh với nghĩa sơ giản nhất của hai chữ hiện sinh, theo đó tính độc đáo tuyệt đối của tồn tại con người được đặt lên hàng đầu. Đã đành là nhìn cho kỹ thì mỗi chúng ta đều mang những đặc điểm của hoàn cảnh xã hội hôm nay. Tuy nhiên bao giờ cũng vậy, cũng có những người mà ở họ tính hội tụ cao hơn, khả năng đại diện rõ rệt hơn.



Tôi ước ao rằng qua mấy nét phác hoạ ở đây, bạn đọc có thể chia sẻ với tôi cái ấn tượng cuối cùng ở tôi về con người Nguyễn Khải: nhà văn này mang khá rõ những đặc điểm của con người Việt Nam từ sau 1945. Niềm vui hồn nhiên trước cái hạnh phúc bé nhỏ vừa giành được; khao khát làm nên những kỳ tích lớn lao; thiên hướng gạt bỏ đi những gì phức tạp trong suy nghĩ để còn tập trung cho các công việc chung cấp bách hơn... Rồi cả cái lối hay lý sự hay khái quát, sự thường xuyên quan tâm tới nhau và khi cần thì nói tuột vào mặt nhau, dí điện nhau lột mặt nhau, cốt để thúc đẩy nhau trong công việc, nỗi niềm rưng rưng cảm động cùng những ao ước khôn nguôi về một ngày mai tốt đẹp hơn – có bao nhiêu đặc điểm trong cách sống cách nghĩ của con người đã được các nhà văn tiếp nhận và trình bày không chỉ bằng tác phẩm mà còn bằng chính con người của họ và chính vì thế sự suy nghĩ về mỗi số phận văn học hàm chứa rất nhiều thú vị.

Thời gian làm cho mọi người thay đổi và Nguyễn Khải cũng không ra khỏi quy luật chung. Từ thuở Hội nhà văn VN thành lập 1957 đến nay, hơn bốn chục năm đã trôi qua, và mới đây (2001), có dịp đọc lại một bài phát biểu trong Hội nghị thành lập Hội, tôi không khỏi ngạc nhiên vì cách ăn nói của thời ấy:

- Còn về phần chúng ta thì chúng ta nên bớt nói, bớt tuyên bố (...). Vì nếu chỉ bằng cái mồm thì không ai tin được ai cả. Hiện giờ có một số đồng chí rất chú ý tìm tòi, sáng tạo trong phạm vi nghệ thuật. Riêng tôi rất mừng vì những đồng chí đó không những có chí mà còn có tài nữa (...). Còn một số rất ít các đồng chí khác cũng đã nói nhiều lắm rồi, phê phán nhiều rồi thì tôi cũng xin các đồng chí đó nên viết đi (...). Nhưng nếu một năm nay, cả năm tới, hay cả năm sau nữa mà ta cũng chưa viết được cái gì nổi (...) thì ta chớ có trách, quần chúng họ sẽ không nể nang gì mà hạ một câu: "Các ông chỉ tài tán róc".

Trước đó, ở một đoạn trên, còn có cái câu chua ngoa mà rất thực:

- Nghĩa là làm được nhà văn cũng dễ hóc lắm, chứ không phải muốn là được đâu. Nếu quá dễ dàng thì chúng ta cũng thất nghiệp từ lâu rồi.

Điều đáng ngạc nhiên hơn là những lời lẽ đó lại là của Nguyễn Khải, người gần đây sẵn sàng nói đi nói lại rằng mình thật ra bất tài chỉ nhờ gặp thời mà trở thành nhà văn.

Cố nhiên vấn đề không phải là phân tích xem khi nào Nguyễn Khải nói sai khi nào nói đúng.

Dẫn lại lời xưa và so sánh với lời nay, tôi chỉ muốn nói nhà văn này đã có một cuộc tồn tại dài dài trong văn chương, ông đã dập dềnh thay đổi theo thời cuộc và sự thay đổi của ông chẳng qua phản ánh sự thay đổi trong tâm thế các nhà văn cũng như sự thay đổi trong khí hậu tinh thần của xã hội nói chung. Có phần của mỗi chúng ta trong những trang sách mà ông đã viết.